

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHAN HỒNG VÂN

THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHAN HỒNG VÂN

THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

Mã số: 9310202

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. TRẦN THỊ HƯƠNG
PGS, TS. NGUYỄN VĂN GIANG

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

PHAN HỒNG VÂN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	9
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước	9
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước	16
1.3. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.....	30
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY..	34
2.1. Thành phố Hà Nội, Đảng bộ Thành phố, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội	34
2.2. Khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội và phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội	49
2.3. Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ - khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò	67
Chương 3: THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM... ..	83
3.1. Thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ	83
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm.....	120
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ THỜI GIAN TỚI	131
4.1. Dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới	131
4.2. Những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới	146
KẾT LUẬN.....	178
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BTVTU:	Ban Thường vụ Thành ủy
CĐS:	Chuyển đổi số
CNXH:	Chủ nghĩa xã hội
CNTT:	Công nghệ thông tin
CNH, HĐH:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CMCN 4.0:	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
CT - XH:	Chính trị - xã hội
ĐMST:	Đổi mới sáng tạo
HTCT:	Hệ thống chính trị
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KH, CN:	Khoa học, công nghệ
KT - XH:	Kinh tế - xã hội
MTTQ:	Mặt trận Tổ quốc
QP, AN:	Quốc phòng, an ninh
UBKT:	Ủy ban kiểm tra
UBND:	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Khoa học, công nghệ (KH, CN) luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển và thịnh vượng của mỗi quốc gia, dân tộc. Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy mọi bước tiến lớn của xã hội đều gắn liền với những thành tựu và đột phá về KH, CN. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), chuyển đổi số (CDS) và hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, KH, CN không chỉ là lực lượng sản xuất trực tiếp mà còn là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh, tiềm lực phát triển và vị thế của các quốc gia. Nhận thức sâu sắc vai trò của KH, CN, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán xác định phát triển KH, CN là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH), bảo đảm quốc phòng, an ninh (QP, AN) và nâng cao sức mạnh quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc” [18]. Kế thừa và phát triển quan điểm đó, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định KH, CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và CDS là động lực trung tâm của phát triển, đồng thời xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: “Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại” [45, tr.145]. Điều đó khẳng định phát triển KH, CN không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là nền tảng quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, năng lực quản trị và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững của đất nước cũng như từng địa phương.

Là Thủ đô của cả nước, trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, Hà Nội đồng thời là trung tâm lớn về KH, CN, giữ vai trò đầu tàu trong ĐMST, CDS và phát triển KT - XH của đất nước. Trên địa bàn Thành phố tập trung hệ thống các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ cùng đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học và nguồn nhân lực chất

lượng cao, tạo những tiềm năng, lợi thế nổi trội để phát triển KH, CN. Thành ủy Hà Nội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc lãnh đạo, định hướng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển KH, CN; đồng thời lãnh đạo hệ thống chính trị (HTCT) phát huy hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế của Thủ đô nhằm thúc đẩy KH, CN phát triển tương xứng với vị thế và vai trò của Hà Nội. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN không chỉ tác động trực tiếp đến sự phát triển KT - XH của Thủ đô mà còn góp phần phát huy vai trò tiên phong, tạo sức lan tỏa đối với quá trình phát triển KH, CN, ĐMST và CDS của cả nước.

Thời gian qua, nhận thức sâu sắc vai trò và sự cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo đối với phát triển KH, CN, Thành ủy Hà Nội đã tập trung quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Đảng; đồng thời ban hành nhiều chương trình, kế hoạch quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô. Đặc biệt, Chương trình số 07-CTr/TU, ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh phát triển KH, CN và ĐMST giai đoạn 2021 - 2025” đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân. Nhờ đó, sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: các chủ trương, nghị quyết và định hướng chiến lược được triển khai ngày càng đồng bộ, hiệu quả; công tác tuyên truyền, vận động có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội; tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực KH, CN từng bước được kiện toàn; sự phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT ngày càng chặt chẽ, hiệu quả; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết được đẩy mạnh, góp phần tăng cường chất lượng, hiệu quả lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của Thủ đô và đất nước, sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một số chủ trương, nghị quyết có thời điểm chưa thật sự đồng bộ, sát thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát

triển. Hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt ở một số lĩnh vực, địa bàn còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực KH, CN và việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển KH, CN chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Sự phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT, cùng với việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ phát triển KH, CN có lúc chưa thật sự hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm vẫn còn những mặt cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện.

Hiện nay, thế giới đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của cuộc CMCN 4.0, sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ số và quá trình CDS trên phạm vi toàn cầu. Cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng gắn chặt với năng lực KH, CN và ĐMST. Trong nước, việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đang tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển KH, CN, ĐMST và CDS. Đối với Hà Nội, với vai trò là Thủ đô, trung tâm và động lực phát triển của cả nước, yêu cầu thực hiện Luật Thủ đô năm 2026, Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới, cùng mục tiêu xây dựng Thủ đô văn hiến - văn minh - hiện đại - hạnh phúc, hướng tới tầm nhìn phát triển 100 năm và phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển KH, CN. Bên cạnh đó, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp cũng đòi hỏi Thành ủy tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển KH, CN, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN; đánh giá đúng thực trạng, chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập; từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ hiện nay”*** làm đề tài Luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN hiện nay, luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan các công trình khoa học tiêu biểu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, chỉ ra những nội dung đạt được luận án cần kế thừa để thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án; xác định những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ.

- Luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN; xây dựng khung lý thuyết của đề tài luận án.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN từ năm 2015 đến nay; chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế và một số kinh nghiệm.

- Phân tích các yếu tố thuận lợi, các yếu tố khó khăn tác động đến Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN, đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Về không gian: Luận án khảo sát và nghiên cứu thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội. Luận án chỉ nghiên cứu hoạt động KH, CN của thành phố Hà Nội; không nghiên cứu hoạt động KH, CN thuộc các cơ quan Trung ương và các tổ chức khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Về thời gian: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội từ năm 2015 đến nay;

phương hướng và những giải pháp đề xuất trong luận án có giá trị trong thời gian tới. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và nguồn thu thập số liệu, dung lượng số trang của luận án, nên luận án tập trung khảo sát số liệu những năm gần đây của nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025, có sử dụng số liệu của nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của KH, CN đối với sự phát triển xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH); về vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển KH, CN.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội từ năm 2015 đến nay.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

- Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

- Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị và khoa học liên ngành, như: phương pháp hệ thống hóa; phương pháp phân tích kết hợp tổng hợp; phương pháp logic kết hợp lịch sử; phương pháp quy nạp và diễn dịch; phương pháp thống kê, so sánh; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

+ Phương pháp hệ thống hóa: được sử dụng ở phần tình hình nghiên cứu và chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu về sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển KH, CN một cách đầy đủ và toàn diện về mặt lý luận; đồng thời xác định rõ nội dung cần tập trung nghiên cứu của đề tài.

+ Phương pháp phân tích kết hợp với tổng hợp: được sử dụng chủ yếu trong đánh giá thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội từ năm 2015 đến nay. Phân tích các báo cáo, số liệu từ các văn kiện, văn bản của Thành ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) Thành phố, Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố, tổng hợp, đưa ra các nhận định, đánh giá ưu điểm, hạn chế trong thực trạng.

+ Phương pháp logic kết hợp lịch sử: được sử dụng để nghiên cứu sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong tiến trình vận động và phát triển qua hai giai đoạn lịch sử cụ thể (2015 - 2020 và 2020 - 2025), gắn với bối cảnh KT - XH của Thủ đô trong từng thời kỳ. Trên cơ sở đó, phương pháp cho phép làm rõ tính hệ thống, bản chất và quy luật phát triển của đối tượng nghiên cứu, đồng thời chỉ ra mối quan hệ logic nội tại giữa các chủ trương, giải pháp lãnh đạo của Thành ủy với yêu cầu phát triển KH, CN của Thủ đô trong từng giai đoạn.

+ Phương pháp quy nạp, diễn dịch: được sử dụng để đưa ra các nhận định, đánh giá, luận cứ, luận chứng, được sử dụng trong từng nội dung của luận án, chủ yếu sử dụng trong chương 3 của luận án.

+ Phương pháp thống kê, so sánh: được sử dụng nhằm đánh giá, xử lý các số liệu từ các nguồn tổng hợp được.

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Thông qua phiếu điều tra, khảo sát để đánh giá sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả khảo sát được xử lý trên phần mềm SPSS (viết tắt của Statistical Package for the Social Sciences) phiên bản 29 - phần mềm thống kê được sử dụng phổ biến cho các nghiên cứu điều tra xã hội học. Nghiên cứu sinh đã dùng các phương pháp phân tích sau để nghiên cứu: phân tích mô tả; phân tích đánh giá độ tin cậy; phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha.

Để thu thập thông tin phục vụ điều tra xã hội học về Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN hiện nay, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến trong thời gian nghiên cứu. Tổng số phiếu phát ra là 1.000, thu về 869 phiếu, trong đó có 826 phiếu hợp lệ, chiếm 82,6% tổng số phiếu phát ra; 43 phiếu không hợp lệ, chiếm 4,3%.

Về vị trí công tác, cơ cấu đối tượng khảo sát gồm: cán bộ cơ quan Đảng (Thành ủy, cấp ủy trực thuộc, cơ quan tham mưu, giúp việc) chiếm 16,3%; cán bộ chính quyền, quản lý nhà nước (HĐND, UBND, sở, ngành, địa phương) chiếm 17,6%; cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực KH, CN chiếm 27,9%; nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên chiếm 17,3%; lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp KH, CN chiếm 4,2%; cán bộ Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức

chính trị - xã hội (CT-XH) chiếm 11,2%; các nghề nghiệp khác chiếm 5,5%. Về cơ cấu độ tuổi, nhóm dưới 35 tuổi chiếm 15,74%; nhóm từ 35 đến dưới 60 tuổi chiếm 45,04% và nhóm từ 60 tuổi trở lên chiếm 39,23%. Về giới tính, nam giới chiếm 62,95% và nữ giới chiếm 37,05%. Về trình độ học vấn, cử nhân chiếm 37,05%; thạc sĩ chiếm 27%; tiến sĩ chiếm 20,94%; PGS, TS chiếm 3,26% và trình độ khác chiếm 11,74%. Về trình độ lý luận chính trị, không có trình độ lý luận chính trị chiếm 16,71%; sơ cấp chiếm 14,04%; trung cấp chiếm 46% và cao cấp chiếm 23,24%.

Những số liệu này phản ánh sự phân bố tương đối đồng đều trong các nhóm đối tượng khảo sát, giúp cung cấp góc nhìn tổng quan sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN hiện nay.

+ Phương pháp tổng kết thực tiễn: được sử dụng chủ yếu ở chương 3 của luận án để khảo sát thực tiễn Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội từ năm 2015 đến nay, rút ra những nhận định, kết luận, nguyên nhân và những kinh nghiệm.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, đan xen, kết hợp để phát huy hiệu quả tổng hợp nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Một là, luận án xây dựng được khái niệm Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN: *Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN là toàn bộ hoạt động của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy (BTVTU) trong việc quán triệt và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về phát triển KH, CN; xây dựng, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận đó góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội văn hiến, văn minh, hiện đại, hạnh phúc.*

Hai là, luận án xác định một kinh nghiệm đặc thù: Thành ủy coi trọng lãnh đạo xây dựng đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KH, CN.

Ba là, luận án đề xuất một giải pháp có tính đột phá: Tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý KH, CN; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao và tăng cường nguồn lực cho phát triển KH, CN.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho Thành ủy Hà Nội trong quá trình lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.

Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho việc phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng ở Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, Hà Nội; ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền và ở các trường đại học đào tạo ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

Trên thế giới, các nghiên cứu về phát triển KH, CN chủ yếu được triển khai trong mối liên hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển của từng địa phương, quốc gia hoặc ở cấp độ toàn cầu. Đồng thời, các nhà khoa học cũng thường xem xét KH, CN trong tương quan tác động của nó đến đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội nhằm đánh giá vai trò và ảnh hưởng của tiến bộ KH, CN đối với sự phát triển bền vững.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ

Gouk Tae Kim (2012), *Scientizing science policy: Implications for science, technology, and innovation policy and R&D evaluation* (Khoa học hóa chính sách khoa học: Những hàm ý đối với chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và đánh giá nghiên cứu và phát triển), Doctoral dissertation, Virginia Polytechnic Institute and State University, Blacksburg, VA, United States [178]. Luận án nghiên cứu việc áp dụng các phương pháp khoa học và bằng chứng thực nghiệm vào hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách KH, CN và ĐMST. Từ đó, luận án đề xuất mô hình đánh giá nghiên cứu và phát triển dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường liên kết giữa nhà nước, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp trong hệ sinh thái ĐMST.

Guillermo A. Lemarchand (2018), *Mapping Research and Innovation in Lao People's Democratic Republic* (Lập bản đồ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), (GO-SPIN Country Profiles in Science, Technology and Innovation Policy, Vol. 7), Paris: UNESCO Publishing [179]. Sách đã phân tích toàn diện hệ thống KH, CN và ĐMST của Lào, bao gồm thể chế, chính sách, tổ chức nghiên cứu và nguồn nhân lực khoa học. Công trình đánh giá thực trạng năng lực nghiên cứu, hoạt động ĐMST và những hạn chế trong phát triển KH, CN của Lào; đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách, tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực hệ thống ĐMST quốc gia.

Jennifer Clark (2020), *Uneven innovation: The work of smart cities* (Đổi mới không cân bằng: Công cuộc của các thành phố thông minh), Columbia University Press [180]. Sách phân tích những bất bình đẳng nảy sinh trong quá trình triển khai mô hình thành phố thông minh, cho rằng công nghệ không hoàn toàn trung lập mà chịu tác động của các quan hệ quyền lực và lợi ích kinh tế. Công trình làm rõ vai trò của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng trong quá trình đổi mới đô thị. Tác giả đề xuất phát triển thành phố thông minh theo hướng công bằng, minh bạch và bảo đảm sự tham gia thực chất của người dân vào quá trình quản trị và ĐMST.

Kayano Fukuda (2020), *Science, technology and innovation ecosystem transformation toward society 5.0. International journal of production economics* (Chuyển đổi hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới hướng tới xã hội 5.0), International Journal of Production Economics, 220, Article 107460 [181]. Bài viết phân tích quá trình chuyển đổi hệ sinh thái KH, CN và ĐMST nhằm hiện thực hóa mô hình xã hội 5.0 lấy con người làm trung tâm. Tác giả nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và người dân, đồng thời đề xuất cách tiếp cận liên ngành và khung hành động thúc đẩy hệ sinh thái ĐMST toàn diện, bền vững trong kỷ nguyên số.

Azeem Azhar (2021), *The exponential age: How accelerating technology is transforming business, politics, and society* (Kỷ nguyên hàm mũ: Công nghệ tăng tốc đang tái định hình kinh doanh, chính trị và xã hội như thế nào), Diversion Books [176]. Sách phân tích tác động của các công nghệ phát triển theo cấp số nhân như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và năng lượng tái tạo đối với kinh tế, chính trị và xã hội. Tác giả chỉ ra khoảng cách ngày càng lớn giữa tốc độ đổi mới công nghệ và khả năng thích ứng của các thể chế hiện hành, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới chính sách và quản trị để thích ứng với kỷ nguyên số.

Xiaolan Fu, Jin Chen & Bruce McKern (2021), *The Oxford handbook of China innovation* (Cẩm nang Oxford: Đổi mới sáng tạo Trung Quốc), Oxford University Press [194]. Sách phân tích toàn diện hệ thống ĐMST của Trung Quốc, làm rõ vai trò của nhà nước, doanh nghiệp, giáo dục và chuyển giao công nghệ trong thúc đẩy đổi mới. Công trình đánh giá những thành tựu, đặc

điểm và thách thức của mô hình ĐMST Trung Quốc, đồng thời cung cấp cơ sở tham khảo cho các quốc gia đang phát triển trong hoạch định chính sách KH, CN và ĐMST.

Alan Irwin & Tara Qian Sun (2021), *Transformative innovation policy: A case-study from China* (Chính sách đổi mới mang tính chuyển đổi: Nghiên cứu tình huống từ Trung Quốc), *Innovation and Development Policy*, (1), 21 - 37 [172]. Bài viết phân tích chính sách đổi mới mang tính chuyển đổi của Trung Quốc thông qua sáng kiến “Trung Quốc tươi đẹp”, nhấn mạnh vai trò của KH, CN và ĐMST trong giải quyết các vấn đề phát triển bền vững. Bài viết khẳng định sự phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và xã hội là điều kiện quan trọng để triển khai hiệu quả các chính sách ĐMST.

Lili Miao, Dakota Murray, Woo Sung Jung, Vincent Larivière, Cassidy R. Sugimoto & Yong-Yeol Ahn (2022), *The latent structure of global scientific development* (Cấu trúc tiềm ẩn của sự phát triển khoa học toàn cầu), *Nature Human Behaviour*, 6, 1206 - 1217 [182]. Bài viết phân tích cấu trúc và động lực phát triển của khoa học toàn cầu thông qua dữ liệu về công bố khoa học và mạng lưới hợp tác nghiên cứu quốc tế. Nghiên cứu cho thấy vị thế của các quốc gia trong mạng lưới tri thức toàn cầu có ảnh hưởng quan trọng đến năng lực phát triển khoa học, từ đó gợi mở các hàm ý chính sách về đầu tư nghiên cứu và phát triển, hợp tác quốc tế và hội nhập khoa học.

Chen Jin, Yang Zhen, Yin Ximing (2022), *China's Scientific and Technological Innovation Strategy under the New Pattern of Development* (Chiến lược đổi mới khoa học và công nghệ của Trung Quốc dưới mô hình phát triển mới), *China Economic Transition*, 5(3), 298 - 319 [177]. Bài viết phân tích chiến lược đổi mới KH, CN của Trung Quốc trong bối cảnh mô hình phát triển mới dựa trên “tuần hoàn kép”, nhấn mạnh mục tiêu nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và phát triển các ngành công nghệ lõi. Bài viết đề cao vai trò của cải cách thể chế, đầu tư cho nghiên cứu phát triển và xây dựng hệ sinh thái ĐMST gắn kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

Seung Hwan Kim, Jeong Hwan Jeon, Anwar Aridi, Bogang Jun (2023), *Factors that affect the technological transition of firms toward the Industry*

4.0 technologies (Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi công nghệ của doanh nghiệp hướng tới công nghệ Công nghiệp 4.0), IEEE Access, 11, 1694 - 1707 [188]. Bài viết nghiên cứu các yếu tố tác động đến quá trình chuyển đổi công nghệ của doanh nghiệp hướng tới Công nghiệp 4.0 dựa trên dữ liệu bằng sáng chế và tài chính doanh nghiệp tại Hàn Quốc. Nghiên cứu cho thấy năng lực công nghệ sẵn có và sự hỗ trợ nghiên cứu, phát triển từ chính phủ có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển đổi công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới của doanh nghiệp.

Thomas Ramge & Rafael Laguna de la Vera (2023), *Reinventing Innovation to Solve the World's Largest Problems* (Tái định hình sự đổi mới để giải quyết những vấn đề lớn nhất của thế giới), The MIT Press [190]. Sách khẳng định ĐMST và tiến bộ công nghệ là động lực quan trọng để giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, y tế và bất bình đẳng xã hội. Các tác giả đề xuất xây dựng hệ thống đổi mới theo hướng cởi mở, bền vững và lấy lợi ích xã hội làm trung tâm nhằm phát huy hiệu quả của KH, CN trong phát triển bền vững.

Rudi Volti, Jennifer Croissant (2024), *Society and technological change (9th ed.)* ((Xã hội và sự biến đổi công nghệ (Ấn bản lần thứ 9)), Columbia University Press [186]. Sách trình bày và phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa công nghệ và xã hội, làm rõ ảnh hưởng của đổi mới công nghệ đối với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống xã hội. Công trình cho thấy công nghệ vừa là động lực vừa là kết quả của quá trình biến đổi xã hội, qua đó cung cấp góc nhìn toàn diện về vai trò của công nghệ trong xã hội hiện đại.

Suelao Sotouky (2025), *Policies encouraging the development of science and technology in the Lao PDR* (Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), Lao Social Science Journal, 3(1), 56 - 62 [189]. Bài viết phân tích các chính sách thúc đẩy phát triển KH, CN của Lào trong bối cảnh CMCN 4.0 và CDS. Nghiên cứu ghi nhận những kết quả đạt được trong hoàn thiện thể chế và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), đồng thời chỉ ra các hạn chế về nguồn nhân lực và hạ tầng số. Tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực KH, CN và thúc đẩy CDS bền vững.

Andy Mok (2026), *The innovation machine: How China creates and adopts technology through governance* (Cỗ máy đổi mới: Trung Quốc tạo ra và áp dụng công nghệ như thế nào thông qua quản trị), Wiley, Singapore [170]. Sách phân tích mô hình ĐMST của Trung Quốc dưới góc độ quản trị nhà nước, nhấn mạnh vai trò của thể chế, chính sách và năng lực điều hành trong thúc đẩy phát triển công nghệ. Công trình cho thấy sự kết hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp và hạ tầng đổi mới đã góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và phát triển các lĩnh vực chiến lược như trí tuệ nhân tạo và tiền kỹ thuật số.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đảng cộng sản lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Xi Jinping (2016), *Excerpts from Xi Jinping's discussions on scientific and technological innovation* (习近平关于科技创新论述摘编) (Tuyển tập các bài phát biểu, bài viết của Tập Cận Bình về đổi mới khoa học và công nghệ), People's Publishing House, Beijing, China [191]. Sách tập trung làm rõ vai trò chiến lược của đổi mới KH, CN đối với phát triển và năng lực cạnh tranh quốc gia. Tác phẩm nhấn mạnh sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong hoạch định chiến lược, hoàn thiện thể chế và huy động các nguồn lực cho phát triển KH, CN. Đồng thời, đề cao tự chủ công nghệ, gắn KH, CN với kinh tế, quốc phòng và hiện đại hóa đất nước.

Angelo Baracca và Rosella Franconi (2016), *Subalternity vs. hegemony: Cuba's outstanding achievements in science and biotechnology, 1959 - 2014* (Vị thế lệ thuộc và tự chủ: Những thành tựu nổi bật của Cuba trong khoa học và công nghệ sinh học từ năm 1959 đến năm 2014), SpringerBriefs in History of Science and Technology, Springer [175]. Sách phân tích quá trình phát triển KH, CN sinh học của Cuba từ sau năm 1959, nhấn mạnh sự chuyển đổi từ phụ thuộc sang tự chủ trong bối cảnh bị cấm vận kéo dài. Nghiên cứu cho thấy vai trò quyết định của sự lãnh đạo tập trung và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Cuba, qua đó Cuba đạt nhiều thành tựu nổi bật trong y sinh và vắc-xin, trở thành mô hình phát triển KH, CN vì lợi ích xã hội.

Xi Jinping (2020), *The governance of China* (习近平谈治国理政) (Tập Cận Bình bàn về công tác quản lý đất nước), Foreign Languages Press [193]. Sách

nhấn mạnh vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc coi KH, CN là động lực then chốt của phát triển quốc gia. Tác phẩm khẳng định yêu cầu xây dựng hệ sinh thái ĐMST gắn kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và viện nghiên cứu, đồng thời tập trung vượt qua các “nút thắt công nghệ” để nâng cao năng lực tự chủ và vị thế cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc.

Richard P. Suttmeier (2020), *Chinese Science Policy at a Crossroads* (Chính sách khoa học của Trung Quốc đang đứng trước ngã rẽ), *Issues in Science and Technology*, 36(2), 58 - 63 [185]. Bài viết phân tích chính sách KH, CN của Trung Quốc trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng. Công trình làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong định hướng chiến lược, điều phối nguồn lực và thúc đẩy tự chủ công nghệ. Đồng thời, nhấn mạnh sự gắn kết giữa KH, CN với phát triển kinh tế, an ninh và vị thế quốc tế. Qua đó, bài viết cung cấp cơ sở tham khảo về vai trò của lãnh đạo đối với phát triển KH, CN ở Trung Quốc.

Yutao Sun & Cong Cao (2021), *Planning for science: China's “grand experiment” and global implications* (Quy hoạch cho khoa học: “Thí nghiệm vĩ đại” của Trung Quốc và những tác động toàn cầu), *Humanities and Social Sciences Communications*, 8, Article 215 [195]. Bài viết làm rõ mô hình hoạch định KH, CN và ĐMST mang tính chiến lược của Trung Quốc, trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc thể hiện qua việc xác định định hướng, mục tiêu và các ưu tiên phát triển KH, CN ở tầm quốc gia. Thông qua hệ thống kế hoạch trung và dài hạn, Đảng và Nhà nước Trung Quốc tập trung nguồn lực, điều phối các chủ thể và định hướng hoạt động nghiên cứu theo những mục tiêu chiến lược. Mô hình này góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và tăng cường khả năng huy động nguồn lực quốc gia cho ĐMST.

Rumi Aoyama (2022), *China's Dichotomous BeiDou Strategy: Led by the Party for National Deployment, Driven by the Market for Global Reach* (Chiến lược Bắc Đẩu lưỡng cực của Trung Quốc được Đảng lãnh đạo nhằm triển khai toàn quốc, đồng thời được thị trường thúc đẩy nhằm vươn tầm toàn cầu), *Journal of Contemporary East Asia Studies*, 11(2), 282 - 299 [187]. Bài viết phân tích chiến lược phát triển hệ thống vệ tinh Bắc Đẩu của Trung Quốc

như mô hình kết hợp giữa lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Trung Quốc và cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò dẫn dắt trong xây dựng Bắc Đẩu như hạ tầng công nghệ chiến lược nhằm bảo đảm chủ quyền công nghệ, an ninh quốc gia và phát triển nội địa, trong khi cơ chế thị trường thúc đẩy ứng dụng và thương mại hóa toàn cầu. Mô hình “lưỡng cực” này phản ánh sự tích hợp giữa quyền lực nhà nước và động lực thị trường trong phát triển công nghệ mũi nhọn, qua đó nâng cao vị thế công nghệ quốc tế của Trung Quốc.

Ministry of Science and Technology of the People's Republic of China (Bộ Khoa học và Công nghệ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) (2023), *In-depth study of Xi Jinping's important expositions on scientific and technological innovation* (深入学习习近平关于科技创新的重要论述)(Nghiên cứu sâu về các luận điểm quan trọng của Tập Cận Bình về đổi mới khoa học và công nghệ), People's Publishing House, Beijing, China [184]. Sách tập hợp các bài phát biểu, chỉ đạo và quan điểm chiến lược của Tập Cận Bình về phát triển KH, CN và ĐMST. Nội dung nhấn mạnh ĐMST là động lực trung tâm của phát triển chất lượng cao, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đồng thời, tài liệu đề cao yêu cầu tăng cường tự chủ công nghệ, tập trung đột phá công nghệ lõi, xây dựng hệ sinh thái đổi mới quốc gia gắn kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và viện nghiên cứu, qua đó phát triển nhân lực KH, CN chiến lược và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Agustín Lage Dávila (2024), *The knowledge economy and socialism: Science and society in Cuba* (Kinh tế tri thức và chủ nghĩa xã hội: Khoa học và xã hội ở Cuba), Monthly Review Press [171]. Tác phẩm phân tích mô hình phát triển KH, CN và kinh tế tri thức của Cuba dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Cuba. Tác giả nhấn mạnh vai trò định hướng chiến lược của Nhà nước trong đầu tư vào công nghệ sinh học và hình thành các cụm nghiên cứu - sản xuất tích hợp từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại hóa. Nhờ đó, Cuba đạt nhiều thành tựu trong vắc - xin, dược phẩm sinh học và y tế cộng đồng, ngay cả trong bối cảnh cấm vận kéo dài. Nghiên cứu cho rằng định hướng phát triển vì con người của CNXH tạo

nên một mô hình KH, CN đặc thù, công bằng, bền vững và có giá trị tham khảo cho các nước đang phát triển.

Andrew B. Kennedy (2024), *The process of paradigm change: the rise of guided innovation in China* (Quá trình chuyển đổi mô hình: Sự trỗi dậy của đổi mới có định hướng ở Trung Quốc), *Review of International Political Economy*, 31(4), 1220 - 1244 [174]. Bài viết nhấn mạnh Trung Quốc đang chuyển sang mô hình đổi mới có định hướng, trong đó Đảng Cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa giữ vai trò ngày càng nổi bật trong xác lập ưu tiên công nghệ, huy động nguồn lực và điều phối hệ thống đổi mới quốc gia. KH, CN và ĐMST được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia, gắn với mục tiêu tự chủ công nghệ, an ninh quốc gia và nâng cao vị thế cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc. Qua đó, bài viết phản ánh rõ xu hướng tăng cường sự lãnh đạo chiến lược của Đảng đối với phát triển KH, CN trong thời đại mới.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ

Tạ Bá Hưng (chủ biên) cùng các cộng sự (2007), *Khoa học và công nghệ thế giới: Những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội [66]. Sách phân tích các xu thế phát triển chủ yếu của KH, CN thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời đánh giá tiềm lực KH, CN của các quốc gia. Công trình làm rõ cạnh tranh thu hút nhân lực chất lượng cao và kinh nghiệm xây dựng hệ thống ĐMST quốc gia ở các nước như Anh, Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Canada và Đức. Sách cũng cung cấp luận cứ tham khảo cho việc hoạch định chính sách và chiến lược phát triển KH, CN ở Việt Nam.

Nhiều tác giả (2014), *Công nghệ 3S*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội [86]. Sách giới thiệu kiến thức cơ bản và ứng dụng của bộ công nghệ 3S gồm GIS, GPS và viễn thám trong thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu không gian. Công trình làm rõ nguyên lý hoạt động, tích hợp dữ liệu và các lĩnh vực ứng dụng trong quản lý tài nguyên, môi trường, quy hoạch và phát triển KT -

XH. Đồng thời, sách cung cấp cơ sở khoa học cho việc khai thác hiệu quả công nghệ không gian trong quản lý và ra quyết định.

Nguyễn Thị Thom (2020), *Vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mô hình tăng trưởng tại Việt Nam*, Tạp chí Lý luận chính trị, số tháng 8/2020 [142]. Bài viết khẳng định KH, CN và ĐMST giữ vai trò then chốt trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Nghiên cứu chỉ ra đóng góp của KH, CN và ĐMST đối với tăng năng suất lao động, cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực và nâng cao năng suất các yếu tố tổng hợp. Đồng thời, bài viết nêu các hạn chế về trình độ công nghệ, tốc độ đổi mới và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, từ đó đề xuất hoàn thiện thể chế, tăng đầu tư nghiên cứu và phát triển hệ sinh thái ĐMST đồng bộ.

Nhiều tác giả (2020), *Những ý tưởng khoa học công nghệ thời đại 4.0*, Trần Giang Sơn dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội [87]. Sách đã phân tích các xu hướng phát triển của KH, CN trong bối cảnh CMCN 4.0, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và ĐMST. Công trình làm rõ vai trò của KH, CN đối với tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của các quốc gia trong thời đại số.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2021), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2020*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội [23]. Sách trình bày tổng quan hệ thống KH, CN và ĐMST của Việt Nam năm 2020, tập trung vào nguồn lực, kết quả nghiên cứu, hệ sinh thái ĐMST và khởi nghiệp. Đồng thời, tài liệu đánh giá những tiến bộ đạt được, chỉ ra các hạn chế trong liên kết hệ thống và năng lực đổi mới, qua đó đề xuất các định hướng hoàn thiện thể chế và thúc đẩy phát triển hệ sinh thái ĐMST quốc gia.

Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (Đồng chủ biên) (2021), *Mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [116]. Sách hệ thống hóa cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về mô hình tăng trưởng dựa trên KH, CN và ĐMST. Trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển KT - XH Việt Nam

giai đoạn 2011 - 2020, công trình phân tích cơ hội, thách thức và điều kiện phát triển trong bối cảnh mới. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình tăng trưởng dựa trên KH, CN và ĐMST phục vụ chiến lược phát triển KT - XH Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

Gia Bảo (2021), *Hà Nội đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo*, Tạp chí Cộng sản điện tử [11]. Công trình nhấn mạnh Hà Nội cần đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, lấy KH, CN và ĐMST làm nền tảng nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Trên cơ sở bám sát chủ trương của Đảng và định hướng phát triển của thành phố, bài viết đề xuất các giải pháp như hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù về KH, CN, xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2030, hiện đại hóa hạ tầng số, nâng cao năng lực quản lý và thúc đẩy doanh nghiệp, khởi nghiệp ĐMST. Qua đó, công trình cung cấp luận cứ chính sách về vai trò của KH, CN trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Thủ đô.

Nguyễn Thị Miên, Đới Gia Thiên Linh (2023), *Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3 - 2023 [71]. Bài viết phân tích vai trò của năng lực nội sinh về KH, CN trong thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), coi đây là yếu tố quyết định bảo đảm tính tự chủ và phát triển bền vững của nền kinh tế. Tác giả làm rõ thực trạng năng lực KH, CN của Việt Nam, trong đó còn hạn chế về tiềm lực nghiên cứu, ứng dụng và mức độ gắn kết giữa nghiên cứu với sản xuất - kinh doanh. Bài viết đề xuất các giải pháp tăng cường đầu tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hoàn thiện thể chế nhằm nâng cao năng lực nội sinh KH, CN phục vụ CNH, HĐH đất nước.

Phạm Văn Dũng (2024), *Phát triển thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội [30]. Sách tập trung làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển thị trường KH, CN; phân tích thực trạng, những hạn chế trong kết nối cung - cầu, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế, phát triển các chủ thể và tổ chức trung gian, thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa công nghệ. Công trình cung cấp cơ sở

tham khảo quan trọng để nghiên cứu cơ chế đưa kết quả KH, CN vào thực tiễn và phát triển KT - XH.

Đặng Thu Giang (2024), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội [61]. Sách phân tích cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam về vai trò của KH, CN và ĐMST trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Tác giả khẳng định KH, CN và ĐMST là động lực nền tảng của phát triển bền vững, đồng thời làm rõ đóng góp của lĩnh vực này trong triển khai Chương trình nghị sự 2030 của Việt Nam. Trên cơ sở đó, sách đề xuất các định hướng và ưu tiên nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Nguyễn Đình Uyên (2024), *Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội [165]. Luận án nghiên cứu phát triển doanh nghiệp KH, CN tại Hà Nội dưới góc độ quản lý kinh tế. Công trình làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng các doanh nghiệp KH, CN, bao gồm doanh nghiệp đã được chứng nhận và doanh nghiệp tiềm năng. Luận án đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH, CN, tăng cường ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong bối cảnh mới.

Phạm Thị Dữ (2024), *Nghiên cứu tác động của thay đổi công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Thương mại, Hà Nội [31]. Luận án nghiên cứu tác động của thay đổi công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam dưới góc độ quản lý kinh tế. Công trình làm rõ cơ sở lý luận về thay đổi công nghệ và cơ chế tác động đến nhu cầu lao động, đồng thời phân tích thực trạng và xu hướng chuyển dịch trong 24 ngành cấp 2 giai đoạn 2011 - 2022. Luận án đề xuất giải pháp về chính sách KH, CN, phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái ĐMST nhằm thúc đẩy tái cơ cấu ngành công nghiệp và phát triển kinh tế.

Phạm Minh Sơn (Chủ biên) (2025), *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát*

triển kinh tế nhanh và bền vững, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội [112]. Sách làm rõ một số vấn đề lý luận về đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ KH, CN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế nhanh, bền vững ở Việt Nam hiện nay; đồng thời đánh giá thực trạng và các vấn đề đặt ra. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH, CN và ĐMST nhằm phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.

Nguyễn Mạnh Hải (2025), *Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4 - 2025 [64]. Bài viết làm rõ vai trò của phát triển nguồn nhân lực KH, CN trong việc đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô Hà Nội theo hướng văn hiến, văn minh, hiện đại. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tác giả chỉ ra những hạn chế về chất lượng, cơ cấu và mức độ đáp ứng yêu cầu ĐMST và CDS của đội ngũ nhân lực KH, CN hiện nay. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp về đào tạo, thu hút và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng lực KH, CN, phục vụ phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

Tào Thị Quyên, Mai Thị Thanh Tâm (2025), *Yêu cầu hoàn thiện thể chế về phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5-2025 [109]. Bài viết phân tích những yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện thể chế phát triển KH, CN ở Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0, hội nhập quốc tế và yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng. Tác giả chỉ ra một số bất cập về cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý và tổ chức thực thi đang ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động KH, CN. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tiếp tục đổi mới và hoàn thiện thể chế nhằm tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái ĐMST quốc gia.

Nguyễn Thành Trung (2025), *Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể phát triển khoa học, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và sự vận dụng trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 6 - 2025 [149]. Bài viết làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể của ĐMST, phát triển khoa học, kỹ thuật, nhấn mạnh vai trò trung tâm của con người, đặc biệt là đội ngũ trí thức, nhà khoa học và người lao động trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tác giả phân tích

giá trị lý luận và thực tiễn của những chỉ dẫn đó đối với phát triển KH, CN và ĐMST ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, bài viết đề xuất vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy nguồn lực con người, thúc đẩy ĐMST và đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2025), *Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội [26]. Sách tổng hợp và phân tích thực trạng phát triển KH, CN và ĐMST của Việt Nam trên các phương diện thể chế, nguồn nhân lực, đầu tư nghiên cứu và hệ sinh thái ĐMST. Công trình đánh giá kết quả hoạt động KH, CN ở các bộ, ngành và địa phương, đồng thời chỉ ra các hạn chế và đề xuất định hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển KH, CN và ĐMST trong giai đoạn mới.

Tuệ Minh (2025), *Thủ đô Hà Nội thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Cộng sản điện tử [82]. Bài viết phân tích lợi thế, thực trạng, mục tiêu và giải pháp phát triển KH, CN và ĐMST của Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tác giả khẳng định Thủ đô có tiềm lực nổi trội về tổ chức KH, CN, đội ngũ nhà khoa học, hạ tầng nghiên cứu và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, tạo nền tảng cho phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tri thức và CDS. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp như tăng đầu tư nghiên cứu và phát triển, phát triển nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện thể chế hỗ trợ thị trường KH, CN và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của Hà Nội.

Huỳnh Thành Đạt (2025), *Đột phá tư duy đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển bứt phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, số 1.053 - 1054 (1-2025) [32]. Bài viết nhấn mạnh đổi mới tư duy phát triển, xác định KH, CN và ĐMST là động lực trung tâm để chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tác giả phân tích yêu cầu phát triển kinh tế dựa trên tri thức, xây dựng văn hóa ĐMST, phát triển nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy ứng dụng KH, CN trong thực tiễn. Đồng thời, bài viết đề xuất hoàn thiện thể chế, thúc đẩy liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường và tạo hệ sinh thái ĐMST nhằm phát triển bứt phá trong kỷ nguyên số.

Nguyễn Văn Tùng (2025), *Thành phố Hải Phòng tập trung phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*, Tạp chí Cộng sản, số 1.063 (6-2025) [119]. Bài viết nhấn mạnh vai trò của KH, CN và ĐMST trong thúc đẩy tăng trưởng KT - XH của thành phố Hải Phòng, coi đây là động lực quan trọng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh. Tác giả phân tích kết quả đạt được trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa. Công trình cũng chỉ ra hạn chế về thể chế, nguồn nhân lực và liên kết nghiên cứu - doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, tăng đầu tư và phát triển hệ sinh thái ĐMST.

Nguyễn Thanh Thắm (2025), *Kinh nghiệm một số nước về chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 6 - 2025 [140]. Bài viết phân tích chính sách KH, CN và ĐMST gắn với quá trình chuyển đổi KT - XH ở Hàn Quốc, Singapore và Trung Quốc, làm rõ vai trò của các chính sách này trong thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Trên cơ sở đó, tác giả rút ra một số kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam trong phát triển KH, CN, ĐMST và thúc đẩy chuyển đổi kinh tế trong bối cảnh mới.

Trần Sỹ Phán, Nguyễn Thị Kim Dung (2025), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất ở nước ta*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 8 - 2025 [88]. Bài viết tập trung luận giải các khía cạnh biểu hiện vai trò của KH, CN và ĐMST đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Qua đó, đề xuất một số giải pháp phát triển KH, CN và ĐMST nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Đặng Quang Định (2025), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự phát triển của nhân loại và thực tiễn hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 11 - 2025 [60]. Bài viết khẳng định vai trò của khoa học, kỹ thuật và công nghệ số trong tiến trình phát triển xã hội: công cụ lao động là chỉ dấu thời đại, khi nhập vào sản xuất, khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Từ C.Mác, Ph.Ăngghen đến V.I.Lênin, tư tưởng cốt lõi là cách mạng hóa công cụ gắn đổi mới quan hệ sản xuất; “chính quyền Xô viết + điện khí hóa” thể hiện kết hợp cách mạng chính trị và kỹ thuật. Dự thảo

Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng khi nhấn mạnh vai trò động lực của KH, CN, ĐMST, CDS; xác lập các mô hình kinh tế mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn) như trụ cột của tăng trưởng nhanh, bền vững.

Nguyễn Văn Châu (2025), *Phát triển khoa học, công nghệ nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 12-2025 [29]. Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIV của Đảng xác định mục tiêu phát triển kinh tế 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên. Để thực hiện được mục tiêu đó, cần phát huy tối đa tổng hợp các nguồn lực, trong đó KH, CN được xem là một trong những động lực chính. Bài viết làm rõ vai trò của KH, CN đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển KH, CN nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số như Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đã đề ra.

Đinh Ngọc Quý (2026), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học - kỹ thuật và sự vận dụng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 577 (3-2026), tr. 34 - 42 [108]. Bài viết làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của khoa học - kỹ thuật đối với phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động và xây dựng đất nước; đồng thời phân tích ý nghĩa vận dụng trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia hiện nay. Công trình gợi mở về mặt lý luận trong việc liên hệ tư tưởng Hồ Chí Minh với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam.

Vũ Văn Phúc (2026), *Vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hiện thực hóa tầm nhìn “độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc”*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3-2026 [89]. Bài viết khẳng định KH, CN, ĐMST và CDS giữ vai trò then chốt trong hiện thực hóa tầm nhìn độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc của Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0. Tác giả phân tích mối quan hệ giữa phát triển KH, CN với nâng cao năng lực tự chủ, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của đất nước, đồng thời đề xuất các giải pháp thúc đẩy KH, CN, ĐMST và CDS trong kỷ nguyên phát triển mới.

Bùi Thị Hồng Hà (2026), *Thực trạng phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội*, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử [63]. Bài

viết phân tích thực trạng phát triển nhân lực KH, CN của Hà Nội trong bối cảnh kinh tế tri thức và ĐMST. Tác giả khẳng định Thủ đô có lợi thế về đội ngũ trí thức, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức KH, CN, nhưng còn hạn chế về cơ cấu nhân lực, thiếu chuyên gia đầu ngành ở lĩnh vực mũi nhọn và mức độ gắn kết với thực tiễn chưa cao. Công trình nhấn mạnh yêu cầu tăng cường chính sách đào tạo, thu hút, sử dụng và phát huy hiệu quả nhân lực KH, CN nhằm thúc đẩy phát triển KH, CN và ĐMST của Thủ đô.

Nguyễn Tuấn Anh (2026), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam [1]. Bài viết phân tích sự phát triển trong tư duy của Đảng về KH, CN, ĐMST và CDS, đặc biệt từ Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tác giả khẳng định KH, CN và ĐMST được Đảng xác định là động lực quan trọng hàng đầu của phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Bài viết làm rõ các định hướng lớn và yêu cầu đặt ra đối với HTCT trong tổ chức thực hiện.

Đỗ Phú Trần Tình cùng cộng sự (2026), *Nâng cao hiệu quả thực thi Nghị quyết số 57-NQ/TW, của Bộ Chính trị, “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”*, Tạp chí Cộng sản điện tử [114]. Bài viết khẳng định Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định KH, CN, ĐMST và CDS là đột phá chiến lược, động lực trung tâm của phát triển đất nước; phân tích các điểm nghẽn trong thực thi như thể chế, phối hợp, nguồn nhân lực, hạ tầng và năng lực tổ chức thực hiện. Bài viết nhấn mạnh yêu cầu tháo gỡ rào cản, hoàn thiện chính sách và tăng cường liên kết giữa KH, CN với phát triển KT - XH. Công trình gợi mở các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chủ trương của Đảng về phát triển KH, CN trong giai đoạn mới.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Trần Văn Phương (2017), *Các tỉnh, thành ủy ở vùng duyên hải miền Trung lãnh đạo phát triển nhân lực khoa học - công nghệ giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [92]. Luận án khảo sát, đánh giá

thực trạng phát triển nhân lực KH, CN và thực trạng lãnh đạo phát triển nhân lực KH, CN của các tỉnh, thành ủy ở vùng duyên hải miền Trung từ năm 2001 đến nay. Đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng duyên hải miền Trung đối với phát triển nhân lực KH, CN đến năm 2025.

Trần Thị Anh Đào, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (2018), *Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội [59]. Sách là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có KH, CN. Nội dung sách hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về KH, CN, làm rõ yêu cầu, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực này. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển KH, CN và thực trạng lãnh đạo của Đảng, sách chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế và vấn đề đặt ra. Đồng thời, sách trình bày quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KH, CN trong giai đoạn mới, góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho nghiên cứu về đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với KH, CN ở Việt Nam hiện nay.

Trần Quốc Toàn (2020), *Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo - một đột phá chiến lược trong giai đoạn mới*, Tạp chí Cộng sản điện tử [115]. Công trình khẳng định KH, CN và ĐMST là một trong ba đột phá chiến lược mà Đảng xác định. Tác giả đánh giá Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ nhưng vẫn tồn tại hạn chế về liên kết, cơ chế tài chính và chuyển giao công nghệ. Bài viết đề xuất đổi mới tư duy lãnh đạo, hoàn thiện cơ chế tài chính, tăng cường liên kết “ba nhà” và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về KH, CN nhằm phát triển nhanh và bền vững.

Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội [148]. Sách hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam trên cơ sở tổng kết đổi mới và phát triển đất nước. Trong đó, KH, CN được đặt trong mối quan hệ với CNH, HĐH, kinh tế tri thức và năng lực cạnh tranh quốc gia. Qua đó, sách khẳng định vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong

việc xác lập đường lối, hoàn thiện thể chế và huy động nguồn lực phát triển KH, CN, phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Đào Duy Tùng (2022), *Đảng lãnh đạo phát triển khoa học và công nghệ (1986 - 2021): Một số kết quả và kinh nghiệm*, Tạp chí Cộng sản, số 987, tr. 45 - 53 [118]. Bài viết tổng kết vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển KH, CN qua 35 năm đổi mới (1986 - 2021) với các thành tựu nổi bật như hệ thống pháp lý đồng bộ, mạng lưới khoảng 1.200 viện/trung tâm nghiên cứu và tỷ lệ đầu tư cho KH, CN đạt 1,5% GDP (2021). Tác giả rút ra bốn bài học: gắn KH, CN với phát triển KT - XH, kết hợp lãnh đạo của Đảng với hoạt động khoa học, chú trọng nhân lực chất lượng cao và hợp tác quốc tế chọn lọc. Trên cơ sở phân tích tài liệu và phỏng vấn chuyên gia, bài viết đề xuất hoàn thiện cơ chế lãnh đạo trong bối cảnh CMCN 4.0.

Nguyễn Văn Nam (2022), *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong phát triển khoa học và công nghệ*, Tạp chí Cộng sản, số 1025, tr. 78 - 85 [83]. Bài viết phân tích năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng trong phát triển KH, CN tại 5 địa phương, chỉ ra các hạn chế như 65% cán bộ thiếu kiến thức công nghệ, phối hợp giữa cấp ủy và cơ quan chuyên môn chưa hiệu quả và ngân sách KH, CN còn thấp (0,7 - 1,2% tổng chi). Tác giả đề xuất các giải pháp gồm đào tạo chuyên sâu cho cán bộ cấp ủy, thành lập Ban Tư vấn KH, CN thuộc Tỉnh ủy, áp dụng chỉ số đánh giá hiệu quả lãnh đạo KH, CN và tăng ngân sách tối thiểu 1,5% vào năm 2025. Nghiên cứu dựa trên khảo sát 200 cán bộ và phân tích 15 nghị quyết chuyên đề.

Vũ Văn Long (2023), *Đảng lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ năm 2011 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [67]. Luận án làm rõ bối cảnh, sự cần thiết, chủ trương và quá trình chỉ đạo của Đảng; đồng thời phân tích các nội dung trọng tâm như quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong sản xuất, xây dựng chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực. Trên cơ sở đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân, công trình đúc rút một số kinh nghiệm tham khảo nhằm tiếp

tục hoàn thiện chủ trương và nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời gian tới.

Trần Thị Mai (2023), *Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ*, Tạp chí Quản lý nhà nước, 31(4), tr. 12 - 20 [69]. Bài viết phân tích cơ chế lãnh đạo của Đảng trong quản lý nhà nước về KH, CN, chỉ ra các tồn tại như phối hợp yếu giữa cấp ủy và cơ quan chuyên môn (45% chính sách ban hành chậm), năng lực công nghệ của cán bộ còn hạn chế (30% được đào tạo chuyên sâu) và cơ chế giám sát thiếu đồng bộ. Tác giả đề xuất các giải pháp gồm thành lập ban chỉ đạo liên ngành về KH, CN, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá lãnh đạo, đào tạo cán bộ Đảng về công nghệ và áp dụng cơ chế báo cáo định kỳ giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với Ban Khoa giáo Trung ương. Nghiên cứu dựa trên phân tích 32 văn bản và khảo sát 150 cán bộ tại 10 tỉnh/thành phố.

Trần Thị Nhẫn (2023), *Đảng lãnh đạo phát huy sức mạnh của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế giai đoạn 2011 - 2021*, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử [85]. Bài viết phân tích quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển KH, CN giai đoạn 2011 - 2021 nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, KH, CN được xác định là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững. Đảng đã phát huy vai trò của KH, CN trong phát triển kinh tế và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Lê Thị Hồng (2023), *Lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hoạt động đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm từ Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 4, tr. 12 - 25 [65]. Bài viết phân tích mô hình “Thành ủy - Doanh nghiệp - Trường đại học” trong lãnh đạo ĐMST tại Đà Nẵng giai đoạn 2018 - 2022, cho thấy cơ chế này giúp tăng 40% ngân sách địa phương cho ĐMST và thương mại hóa thành công 85% dự án hợp tác. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra 30% doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn trong tiếp cận hỗ trợ do thủ tục hành chính phức tạp. Tác giả đề xuất các giải pháp gồm thành lập Quỹ ĐMST trực thuộc Thành ủy, đào tạo cán bộ cấp phường về quản lý công nghệ và triển khai cơ chế một cửa nhằm đơn giản hóa thủ tục phê duyệt đề án KH, CN, qua đó nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong phát triển hệ sinh thái ĐMST địa phương.

Đoàn Thanh Thủy (2024), *Đảng lãnh đạo phát triển công nghệ thông tin từ năm 2011 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [146]. Luận án nghiên cứu có hệ thống quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển CNTT giai đoạn 2011 - 2020 dưới góc độ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Công trình làm rõ các yếu tố tác động, hệ thống hóa chủ trương và phân tích quá trình chỉ đạo qua hai giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020, tập trung vào hoàn thiện chính sách, phát triển hạ tầng thông tin, công nghiệp và dịch vụ CNTT, nguồn nhân lực, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Trên cơ sở đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân, luận án đúc kết một số kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển CNTT ở Việt Nam trong bối cảnh CDS hiện nay.

Trần Thị Thanh Mai (2025), *Khoa học, công nghệ: “Chìa khóa vàng” khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở thành phố Hà Nội*, Tạp chí Cộng sản điện tử [70]. Bài viết khẳng định KH, CN, ĐMST và CDS giữ vai trò quan trọng trong vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại Hà Nội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị. Đồng thời, bài nhấn mạnh yêu cầu cấp ủy, chính quyền đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo và tăng cường chỉ đạo ứng dụng KH, CN trong quản lý, điều hành. Qua đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực lãnh đạo của cấp ủy được xem là điều kiện quan trọng để KH, CN trở thành động lực phát triển Thủ đô trong bối cảnh mới.

Hà Phương (2026), *Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng*, Tạp chí Cộng sản điện tử [91]. Bài viết khẳng định KH, CN, ĐMST và CDS là động lực then chốt để thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và thúc đẩy phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Công trình nhấn mạnh dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, các lĩnh vực này phải được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển quốc gia, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hóa quản trị quốc gia và củng cố sức mạnh tổng hợp đất nước. Qua đó, bài viết phản ánh quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò lãnh đạo chiến lược đối với phát triển KH, CN, ĐMST và CDS trong thời kỳ mới.

Vũ Minh Giang (2026), *Đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Từ tư duy đến hành động theo định hướng Đại hội Đảng*

XIV, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam điện tử [62]. Bài viết khẳng định KH, CN, ĐMST và CDS là khâu đột phá chiến lược theo định hướng Đại hội XIV của Đảng, có ý nghĩa quyết định đối với năng lực cạnh tranh và triển vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên số. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tư duy sang hành động, thể chế hóa định hướng của Đảng thành cơ chế, chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện đồng bộ. Qua đó, bài viết phản ánh vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trong định hướng, thúc đẩy và huy động toàn HTCT tham gia phát triển KH, CN, ĐMST và CDS trong giai đoạn mới.

Đặng Hoàng Luân (2026), *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Việt Nam Hội Nhập, số 377 - 378, tr. 65 - 70 [68]. Bài viết khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò định hướng chiến lược, lãnh đạo xây dựng chủ trương, chính sách và huy động nguồn lực để phát triển KH, CN, coi đây là quốc sách hàng đầu và động lực của tăng trưởng. Tác giả làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển thể chế, nguồn nhân lực, gắn nghiên cứu với doanh nghiệp và thúc đẩy ĐMST trong bối cảnh CMCN 4.0 và CDS. Bài viết chỉ ra hạn chế về cơ chế, chính sách, liên kết nghiên cứu - ứng dụng chưa chặt và hiệu quả phát huy nguồn lực KH, CN chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy vai trò doanh nghiệp và tăng cường hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KH, CN ở Việt Nam.

Trịnh Thị Thu Thảo (2026), *Vai trò lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới: thực tiễn tại tỉnh Tuyên Quang*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử [139]. Bài viết làm rõ vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Tuyên Quang trong phát triển KH, CN, ĐMST và CDS. Thực tiễn cho thấy tỉnh đã đạt một số kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế về hạ tầng, nhân lực và nguồn lực. Tác giả đề xuất tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng dữ liệu hóa, kết quả hóa và trách nhiệm hóa.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Phát triển KH, CN và sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KH, CN là vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Các công trình đã được công bố tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau và đạt được những kết quả lý luận, thực tiễn quan trọng, có thể khái quát trên một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận tương đối toàn diện về KH, CN và sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển KH, CN. Thông qua các nghiên cứu, các khái niệm, đặc trưng, vai trò của KH, CN được làm rõ; đồng thời khẳng định KH, CN là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Nhiều công trình cũng làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển KH, CN; nội dung, phương thức và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực KH, CN trong thời kỳ mới. Một số nghiên cứu quốc tế còn tiếp cận từ góc độ chính sách KH, CN, hệ thống ĐMST quốc gia, quản trị khoa học và đánh giá hoạt động nghiên cứu - phát triển, góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu về lãnh đạo phát triển KH, CN.

Hai là, các công trình nghiên cứu đã bám sát thực tiễn, phác họa tương đối toàn diện bức tranh về phát triển KH, CN và hoạt động lãnh đạo, quản lý lĩnh vực này ở cả phạm vi quốc gia và địa phương. Các nghiên cứu quốc tế tập trung phân tích kinh nghiệm phát triển KH, CN của nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản và các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), qua đó làm rõ vai trò của Nhà nước, chính sách công và hệ sinh thái ĐMST trong thúc đẩy phát triển KT - XH; đồng thời chỉ ra một số kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN, ĐMST của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Cuba. Các nghiên cứu trong nước chủ yếu đánh giá thực trạng phát triển KH, CN, ĐMST và CDS; phân tích những kết quả đạt được trong hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cho nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và xây dựng hệ sinh thái

ĐMST. Bên cạnh đó, nhiều công trình trong nước đã đi sâu nghiên cứu các lĩnh vực cụ thể như phát triển doanh nghiệp KH, CN, nhân lực KH, CN, CNTT, nông nghiệp công nghệ cao. Một số nghiên cứu đi sâu khảo sát thực tiễn phát triển KH, CN tại các địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng; nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với phát triển nguồn nhân lực KH, CN ở vùng duyên hải miền Trung; đồng thời làm rõ vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên đối với phát triển KH, CN. Qua đó, các nghiên cứu đã nhận diện những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn và những vấn đề đặt ra đối với phát triển KH, CN cũng như sự lãnh đạo, quản lý lĩnh vực này trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc CMCN 4.0.

Ba là, nhiều công trình nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phát triển KH, CN và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực này. Các giải pháp chủ yếu tập trung vào hoàn thiện thể chế, chính sách; đổi mới cơ chế quản lý KH, CN; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; thúc đẩy liên kết giữa nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu; phát triển hệ sinh thái ĐMST; đẩy mạnh CDS và hội nhập quốc tế về KH, CN. Một số công trình cũng đề cập đến yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ đối với phát triển KH, CN trong điều kiện mới. Những kết quả nghiên cứu này có giá trị tham khảo quan trọng trong việc xây dựng cơ sở lý luận, khung phân tích và định hướng giải pháp cho đề tài luận án về Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN hiện nay.

Những kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên có giá trị tham khảo quan trọng đối với luận án cả về phương diện lý luận và thực tiễn. *Về lý luận*, luận án có thể kế thừa và tiếp thu những khái niệm, quan niệm về KH, CN; phát triển KH, CN; Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát triển KH, CN của các công trình nghiên cứu khoa học trên để làm rõ khái niệm, nội dung, hình thức, biện pháp, vai trò của phát triển KH, CN và khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng lãnh đạo đối với phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển KH, CN qua các thời kỳ là cơ sở lý luận quan trọng để luận án xây

dụng phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới. Về thực tiễn, một số công trình nghiên cứu cung cấp những số liệu, dữ liệu, kinh nghiệm, cách tiếp cận và gợi mở quan trọng để luận án phân tích thực trạng, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân, dự báo những thuận lợi và khó khăn của Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả và giá trị khoa học đã đạt được, các công trình nghiên cứu đã công bố vẫn còn một số khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung và làm rõ. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể, hệ thống và chuyên sâu về sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN dưới góc độ khoa học Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Các nghiên cứu về địa phương tuy đã đề cập tương đối toàn diện đến phát triển KH, CN trên một số phương diện, song chủ yếu tập trung vào thực trạng, chính sách và giải pháp phát triển KH, CN, chưa đi sâu nghiên cứu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với lĩnh vực này dưới góc độ khoa học Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Đồng thời, chưa có công trình nào xây dựng được khung phân tích toàn diện và có hệ thống về nội dung, phương thức lãnh đạo, các yếu tố tác động và phương hướng, giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào phân tích toàn diện thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN từ năm 2015 đến nay trong bối cảnh triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia; thực hiện Luật Thủ đô năm 2024; triển khai Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm KH, CN và ĐMST hàng đầu cả nước; cũng như trước những tác động mạnh mẽ của CMCN 4.0, kinh tế số và quá trình đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của HTCT. Những vấn đề đó đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển KH, CN. Những khoảng trống nghiên cứu nêu trên là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để tác giả lựa chọn đề tài “*Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công*

nghệ hiện nay”. Việc nghiên cứu đề tài không chỉ góp phần bổ sung và phát triển những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương đối với phát triển KH, CN, mà còn làm rõ thực trạng, rút ra những kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong bối cảnh mới. Do đó, đề tài có tính mới, tính độc lập về đối tượng, phạm vi và cách tiếp cận nghiên cứu; không trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố, đồng thời phù hợp với định hướng nghiên cứu của ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề luận án sẽ tập trung giải quyết

Trên cơ sở tổng quan kết quả các công trình nghiên cứu đã công bố, luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Một là, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn làm cơ sở xây dựng khung lý thuyết của luận án, bao gồm: những vấn đề cơ bản về thành phố Hà Nội, Đảng bộ thành phố Hà Nội, Thành ủy Hà Nội, BTVTU Hà Nội; những vấn đề cơ bản về KH, CN, phát triển KH, CN và vai trò phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hai là, xây dựng khung lý thuyết của luận án, tập trung làm rõ khái niệm trung tâm: “Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ”; xác định nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo và vai trò lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN; qua đó hình thành cơ sở lý luận để khảo sát, phân tích và đánh giá quá trình lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

Ba là, khảo sát, phân tích và đánh giá một cách hệ thống thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trong thời gian qua; đồng thời chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và một số kinh nghiệm có giá trị lý luận, thực tiễn.

Bốn là, dự báo những yếu tố tác động đến quá trình phát triển KH, CN và việc tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với lĩnh vực này trong thời gian tới; trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và các giải pháp chủ yếu, khả thi, đặc biệt đưa ra giải pháp có tính đột phá nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

2.1. THÀNH PHỐ HÀ NỘI, ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ, THÀNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI

2.1.1. Khái quát về thành phố Hà Nội

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Hà Nội là Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đồng thời là một trong những trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo và KH, CN của cả nước. Thành phố nằm ở vị trí trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, giữ vai trò đầu mối kết nối quan trọng giữa các tỉnh, thành phố phía Bắc và cả nước. Với hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi trong thu hút nguồn lực, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và kết nối với các trung tâm KH, CN trong nước và quốc tế.

Hà Nội là thành phố trực thuộc Trung ương có diện tích tự nhiên là 3.359,84 km² [28]. Thành phố tiếp giáp với các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên ở phía Bắc và phía Tây; Ninh Bình ở phía Nam; Bắc Ninh ở phía Đông Bắc và Hưng Yên ở phía Đông Nam. Vị trí địa lý thuận lợi tạo điều kiện cho Hà Nội mở rộng giao lưu, hợp tác và phát triển các hoạt động KH, CN trên phạm vi vùng và cả nước.

Địa hình Hà Nội tương đối bằng phẳng, thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông; khu vực phía Bắc và phía Tây có địa hình đồi núi, trong đó có một số đỉnh núi cao. Trong khu vực nội thành còn tồn tại một số gò, đồi như gò Đống Đa, núi Nùng [28]. Điều kiện địa hình tương đối ổn định là cơ sở thuận lợi cho quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng các khu công nghệ cao, trung tâm ĐMST và hệ thống hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học.

Hà Nội có hệ thống sông ngòi, ao hồ phong phú với các sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Đáy cùng mạng lưới sông nhỏ và hồ tự nhiên phân bố rộng khắp. Thành phố nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với bốn mùa tương đối rõ rệt. Những điều kiện tự nhiên đa dạng này tạo

môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng KH, CN trong các lĩnh vực như quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng đô thị thông minh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên của Hà Nội tạo lợi thế quan trọng cho phát triển KT - XH và KH, CN, là cơ sở để Thành ủy Hà Nội lãnh đạo thúc đẩy phát triển KH, CN trong giai đoạn mới.

2.1.1.2. Về chính trị

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương Đảng, Nhà nước và các tổ chức CT - XH, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và nhiều cơ quan hoạch định chiến lược phát triển KH, CN. Vị thế này được hình thành qua quá trình lịch sử lâu dài và tiếp tục được khẳng định. Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị nhấn mạnh vai trò đầu tàu của Hà Nội, là địa phương “luôn tích cực, chủ động, đi đầu trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”” [22].

Hà Nội là địa phương đi đầu trong triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đồng thời tích cực thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy HTCT theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở đó, bộ máy HTCT Thành phố được kiện toàn toàn diện, giảm đầu mối, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Quá trình sắp xếp không chỉ thay đổi cơ cấu tổ chức mà còn tạo chuyển biến rõ nét trong phương thức vận hành, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý và phối hợp thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Cụ thể:

Đối với Thành ủy Hà Nội, tổ chức bộ máy đã được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Theo đó, Ban Tuyên giáo Thành ủy và Ban Dân vận Thành ủy được hợp nhất thành Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy. Đồng thời, Thành ủy kết thúc hoạt động của 03 đảng ủy trực thuộc (Đảng ủy Khối các cơ quan Thành phố, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội và Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất); 03 ban cán sự đảng (Ban cán sự đảng UBND Thành phố, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân Thành phố, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố) và 08 đảng đoàn trực thuộc Thành ủy. Bên cạnh đó, Thành ủy thành lập Đảng bộ

Các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội và Đảng bộ UBND thành phố Hà Nội trực thuộc Thành ủy; đồng thời tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức đảng theo mô hình mới, trong đó thành lập Đảng bộ HĐND Thành phố và các đảng bộ xã, phường trực thuộc Thành ủy sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, góp phần hoàn thiện hệ thống tổ chức đảng từ cấp thành phố đến cơ sở.

Từ ngày 01/7/2025, Thành ủy Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh lãnh đạo xây dựng, chỉnh đốn Đảng và HTCT theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng, cán bộ, dân vận, kiểm tra, giám sát, nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; đồng thời đổi mới phương thức lãnh đạo, tạo nền tảng chính trị thuận lợi cho hoàn thiện thể chế và triển khai nhiệm vụ phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới.

Sau sắp xếp, kiện toàn còn 132 đảng bộ trực thuộc Thành ủy, trong đó có 126 đảng bộ xã, phường trực thuộc Thành ủy. Hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy đối với cơ sở. Năng lực cấp ủy xã, phường trực thuộc Thành ủy Hà Nội từng bước được nâng lên, tạo điều kiện để Thành ủy đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, đưa chủ trương về phát triển KH, CN vào thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp dưới. Tuy nhiên, năng lực giữa các địa phương còn chưa đồng đều, đặt ra yêu cầu Thành ủy tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực cấp ủy xã, phường. Qua đó, năng lực cấp ủy xã, phường trở thành yếu tố quan trọng bảo đảm hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN.

Đối với chính quyền Thành phố, kết thúc hoạt động của Đảng đoàn HĐND và Ban Cán sự đảng UBND Thành phố. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII (2026 - 2031) có 124 đại biểu, gồm 01 Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch; thành lập 05 ban chuyên trách gồm Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Đô thị, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong đó việc thành lập Ban KH, CN và Môi trường thể hiện sự quan tâm ngày càng lớn đối với phát triển KH, CN của chính quyền Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố khóa XVII có 24 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch và 17 ủy viên; các cơ quan chuyên môn gồm 16 sở và cơ

quan tương đương cùng 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về KH, CN, ĐMST và CDS; quản lý các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, công nghệ cao, kinh tế số, xã hội số và hạ tầng thông tin truyền thông; đồng thời chịu sự chỉ đạo của UBND Thành phố và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội (RISED) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hà Nội, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật. Viện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND Thành phố; đồng thời, chịu sự kiểm tra hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan. Viện Nghiên cứu phát triển KT - XH Hà Nội có chức năng nghiên cứu khoa học, tham mưu trong lĩnh vực phát triển KT - XH, xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội; chuẩn bị luận cứ khoa học để giúp Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố quyết định, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, ban hành cơ chế, chính sách và tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, kế hoạch phát triển KT - XH, xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn Thành phố [155].

Đối với MTTQ và các tổ chức CT - XH thành phố, thực hiện sắp xếp theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, các đảng đoàn của Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức CT - XH đã kết thúc hoạt động. Các tổ chức gồm Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được tổ chức trong hệ thống MTTQ Việt Nam Thành phố, đồng thời tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phát huy vai trò đại diện, tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội (HUSTA) là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội, là tổ chức CT - XH của đội ngũ trí thức KH, CN; có chức năng tập hợp, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH, CN; tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn; thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chủ trương, chính sách phát triển của Thành phố; thúc đẩy hợp tác, trao đổi thông tin khoa học trong và ngoài nước;

vận động, phát huy vai trò trí thức, điều phối hoạt động các hội thành viên, góp phần nâng cao tiềm lực KH, CN và phục vụ hiệu quả sự nghiệp CNH, HĐH Thủ đô [151].

Trước 01/7/2025, Hà Nội có 579 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn; sau sắp xếp còn 126 đơn vị (51 phường, 75 xã) theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp thống nhất. Việc ổn định không gian hành chính và tổ chức bộ máy tạo điều kiện thuận lợi cho quy hoạch, quản lý và phát triển KH, CN dài hạn.

Sau sắp xếp, bộ máy HTCT thành phố Hà Nội cơ bản ổn định, hoạt động bước đầu hiệu quả; môi trường chính trị ổn định, năng lực lãnh đạo và điều hành được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi để Hà Nội triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển KH, CN.

2.1.1.3. Về kinh tế

Hà Nội đã khẳng định vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước với những dấu ấn nổi bật. Nghị quyết số 02-NQ/TW, ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị đã khẳng định: “Kinh tế của Thủ đô phát triển nhanh, bền vững, có sức lan toả thúc đẩy phát triển vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước” [22].

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 chỉ rõ:

Kinh tế Thủ đô tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Kinh tế Thủ đô tăng trưởng khá, đạt bình quân 6,57%/năm, cao hơn 1,1 lần mức tăng cả nước. Quy mô kinh tế ước đạt khoảng 63 tỷ USD, gấp 1,42 lần năm 2020, chiếm 41,54% vùng đồng bằng sông Hồng và 12,6% cả nước. GRDP bình quân đầu người ước đạt 7.200 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp (dịch vụ 65,60%; công nghiệp - xây dựng 22,79%; nông nghiệp 1,96%) [131].

Thành phố Hà Nội có hệ thống hạ tầng công nghiệp phát triển, là địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp, khu công nghệ cao và làng nghề truyền thống. Tính đến tháng 2/2026, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội quản lý 2 khu công nghệ cao, 1 khu công viên CNTT và

24 khu công nghiệp, trong đó có 9 khu công nghiệp đang hoạt động; 5 khu công nghiệp đã thành lập và có nhà đầu tư hạ tầng; 10 khu công nghiệp đang lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Thành phố hiện có khoảng 1.350 làng nghề và làng có nghề; trong đó 337 làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận, hội tụ 47/52 nghề truyền thống của cả nước.

Hà Nội sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao. Theo Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 của VCCI, Hà Nội đứng đầu cả nước về tỷ lệ lao động qua đào tạo, đạt 55,19%. Với quy mô kinh tế lớn, nguồn lực tài chính dồi dào, hạ tầng công nghiệp phát triển và chất lượng nguồn nhân lực cao đã tạo nguồn lực quan trọng cho Thành phố đầu tư phát triển KH, CN.

2.1.1.4. Về văn hóa, xã hội

Thủ đô Hà Nội là mảnh đất ngàn năm văn hiến, trung tâm văn hóa - xã hội lớn nhất cả nước, nơi hội tụ và lan tỏa các giá trị tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23-11-2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển KT - XH và bảo đảm quốc phòng vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định yêu cầu: “Phát triển Thủ đô xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước” [17].

Hà Nội hiện có 5.922 di tích lịch sử văn hóa cùng hệ thống di sản vật thể và phi vật thể phong phú, phản ánh rõ nét văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ. Thành phố là trung tâm lớn về giáo dục - đào tạo và KH, CN với trên 50 trường đại học, nhiều viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo uy tín. Hà Nội cũng là nơi tập trung đông đảo đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ; các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, đô thị văn minh được triển khai sâu rộng; công nghiệp văn hóa và du lịch từng bước phát triển, góp phần nâng cao vị thế Thủ đô, được Tạp chí Time Out vinh danh là điểm đến văn hóa hàng đầu thế giới năm 2025.

Trên địa bàn Thành phố hiện có 8.807.523 người dân sinh sống và làm việc [28]. Hệ thống y tế, giáo dục, thể dục thể thao, an sinh xã hội tiếp tục được đầu tư; giải quyết việc làm đạt kết quả tích cực, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn 2,54% năm 2024. Hà Nội không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều của Thành phố và đã hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát [131].

2.1.1.5. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Về quốc phòng, Hà Nội tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân và khu vực phòng thủ vững chắc, gắn với yêu cầu bảo vệ Thủ đô trong mọi tình huống. Thành phố duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nâng cao năng lực dự báo, xử lý hiệu quả tình huống, không để bị động, bất ngờ. Lực lượng vũ trang Thủ đô được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Công tác quốc phòng địa phương triển khai đồng bộ, gắn phát triển KT - XH, củng cố thể trận quốc phòng trên địa bàn.

Về an ninh, Hà Nội cơ bản giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm và sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa quan trọng. Tội phạm được kiềm chế, hiệu quả điều tra, khám phá án được nâng cao; nhiều vụ án nghiêm trọng được xử lý kịp thời. Công tác quản lý an ninh, trật tự có chuyển biến tích cực, gắn với CDS, triển khai Đề án 06 và sắp xếp tổ chức bộ máy công an theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Về đối ngoại, Hà Nội khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư và bạn bè quốc tế; đã thiết lập và mở rộng quan hệ với hơn 100 thành phố, thủ đô trên thế giới; tham gia tích cực Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO, Diễn đàn Thị trường ASEAN và các sáng kiến hợp tác khu vực. Thành phố chủ động thúc đẩy liên kết vùng với tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, đồng thời hỗ trợ các địa phương với tổng kinh phí trên 1.353 tỷ đồng cho an sinh xã hội, xóa nhà tạm, xây dựng trường học; MTTQ các cấp vận động trên 545 tỷ đồng hỗ trợ thiên tai, 325 tỷ đồng cho Quỹ “Vì biển, đảo Việt Nam” và 228 tỷ đồng xây dựng Nhà văn hóa đa năng tại Trường Sa [131].

Tổng hợp các điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, QP, AN và đối ngoại cho thấy Hà Nội hội tụ đầy đủ yếu tố đặc thù của đô thị trung tâm quốc gia. Vị trí chiến lược, điều kiện tự nhiên thuận lợi, kinh tế vững chắc, thể chế ổn định, văn hóa nghìn năm, nguồn nhân lực chất lượng cao, xã hội ổn định, QP, AN bảo đảm và đối ngoại mở rộng đã tạo nền tảng quan trọng để lãnh đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thủ đô.

2.1.2. Đảng bộ thành phố Hà Nội, Thành ủy và Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội

2.1.2.1. Khái quát về Đảng bộ thành phố Hà Nội

Hà Nội là một trong những địa phương sớm tiếp nhận ánh sáng cách mạng; ngày 17/3/1930, Đảng bộ Hà Nội được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của phong trào cách mạng Thủ đô.

Trải qua hơn 95 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng bộ thành phố Hà Nội khẳng định bản lĩnh chính trị, trí tuệ tập thể và năng lực vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Trung ương Đảng vào thực tiễn. Với tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhân dân, Đảng bộ đã lãnh đạo giành nhiều thắng lợi lịch sử như Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ 7/5/1954, giải phóng Thủ đô 10/10/1954 và hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, bước vào xây dựng CNXH giai đoạn 1954 - 1958.

Bước vào thời kỳ mới, Đảng bộ Thành phố tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, góp phần vào công cuộc đổi mới và hội nhập. Theo Nghị quyết số 15/2008/QH12 của Quốc hội khóa XII, từ 01/8/2008 Hà Nội được mở rộng địa giới hành chính, hợp nhất với tỉnh Hà Tây, sáp nhập huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và bốn xã huyện Lương Sơn (Hòa Bình), mở rộng không gian phát triển.

Trước 01/7/2025, Đảng bộ Thành phố tương ứng với hệ thống hành chính 3 cấp, bảo đảm lãnh đạo toàn diện. Thành ủy giữ vai trò trung tâm, lãnh đạo các đảng bộ trực thuộc và các thiết chế như Đảng đoàn HĐND, Đảng đoàn MTTQ và Ban Cán sự đảng UBND Thành phố. Ở cấp quận, huyện, thị xã là các quận ủy, huyện ủy, thị ủy; dưới đó là hệ thống đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy HTCT, kể từ ngày 01/7/2025, Hà Nội triển khai việc sáp nhập xã, phường, thị trấn và kết thúc hoạt động của HTCT cấp huyện. Sau khi hoàn tất việc sắp xếp, Đảng bộ thành phố Hà Nội gồm 126 đảng bộ xã, phường trực thuộc Thành ủy (75 đảng bộ phường và 51 đảng bộ xã). Đến tháng 4 năm 2026, Đảng bộ thành phố Hà Nội là đảng bộ lớn nhất cả nước với 10.714 tổ chức đảng (gồm: 841 Đảng bộ cơ sở, 3.521 Chi bộ cơ sở, 4.887 Chi bộ thôn/tổ dân phố, 30 Đảng bộ bộ phận, 1.435 Chi bộ trực thuộc) và tổng số 471.803 đảng viên [136].

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tổ chức thành công, đánh giá toàn diện, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn mới; bầu Ban Chấp hành khóa XVIII đủ phẩm chất, năng lực, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội XVIII Thành phố và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Năm 2025 đánh dấu 95 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ Thành phố, mở ra giai đoạn phát triển mới. Trên nền tảng truyền thống và tiềm lực hiện có, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô hướng tới mục tiêu xây dựng Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc”, trung tâm KH, CN và ĐMST hàng đầu khu vực, phát triển theo mô hình đô thị đa trung tâm, hội nhập và kết nối toàn cầu.

2.1.2.2. Thành ủy Hà Nội - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

*** Khái niệm Thành ủy Hà Nội**

Tại Điểm 2, Khoản 1, Điều 9 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) ghi: “Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)” [36, tr.33].

Khoản 1, Điều 19 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) quy định: “Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy)” [36, tr.33].

Quy định 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương quy định: “Cấp ủy cấp tỉnh là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư” [21].

Như vậy, có thể hiểu thành ủy là cấp ủy của thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời là cấp ủy cấp tỉnh trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thành ủy là cách gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Sách tra cứu các mục từ về tổ chức viết: “Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trực thuộc Trung ương... gọi tắt là Thành ủy. Thành ủy là cơ quan lãnh đạo

của đảng bộ thành phố giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ thành phố, do đại hội đại biểu đảng bộ thành phố đầu nhiệm kỳ bầu ra, nhiệm kỳ là năm năm” [110, tr.597-598].

Từ những luận giải trên, có thể xác định: *Thành ủy Hà Nội là gọi tắt của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội; là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố giữa hai kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố có nhiệm vụ lãnh đạo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn Thủ đô, do Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố bầu ra hoặc do cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định thành lập; nhiệm kỳ là năm năm, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.*

** Chức năng của Thành ủy Hà Nội*

Theo Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”:

Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố giữa hai kỳ Đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương [14].

Chức năng của cấp ủy cấp tỉnh cũng được quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Quy định 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về “Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Theo đó, chức năng của cấp ủy cấp tỉnh được quy định như sau:

Cấp ủy cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương” [21].

Quy định 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 và Quy định 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị đều xác định cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ địa phương, lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và có quyền kiến nghị với Trung ương. Về điểm khác nhau, Quy định 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 mang tính khái quát, chủ yếu nhấn mạnh lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết. Trong khi đó, Quy định 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 cụ thể hơn, mở rộng thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện đối với HTCT cấp tỉnh và các tổ chức đảng trực thuộc.

Trên cơ sở Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Thành ủy Hà Nội thực hiện hai chức năng cơ bản sau:

Một là, chức năng lãnh đạo

Thành ủy Hà Nội có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện trên địa bàn Thành phố; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc HTCT Thành phố và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố; lãnh đạo các lĩnh vực đời sống - xã hội trên địa bàn Hà Nội, trong đó có KH, CN và lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát.

Hai là, chức năng đề xuất, kiến nghị

Thành ủy Hà Nội đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với Thành phố.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của Thành ủy Hà Nội*

Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị xác định nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy cấp tỉnh gồm 10 nhóm nội dung cơ bản. Đến Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị đã điều chỉnh, bổ sung và phát triển thành 14 nhiệm vụ, quyền hạn. Như vậy, so với Quy định số 10-QĐ/TW, Quy định số 305-QĐ/TW không chỉ bổ sung một số nội dung mới

mà chủ yếu là sự mở rộng, cụ thể hóa và hoàn thiện hệ thống nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy cấp tỉnh, qua đó bảo đảm phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn và bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Căn cứ vào Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn của Thành ủy Hà Nội bao gồm 08 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn sau: *Một là*, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương; quyết định chương trình công tác, kiểm tra, giám sát và quy chế làm việc của Thành ủy. *Hai là*, lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; triển khai các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương. *Ba là*, lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. *Bốn là*, lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ; thực hiện các khâu của công tác cán bộ theo phân cấp; lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp trên địa bàn Thành phố. *Năm là*, lãnh đạo, chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập Đại hội Đảng bộ Thành phố, hội nghị giữa nhiệm kỳ theo quy định. *Sáu là*, lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng; công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ; thực hiện công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và dân chủ ở cơ sở. *Bảy là*, lãnh đạo chính quyền Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước; quyết định chủ trương đối với các vấn đề quan trọng về phát triển KT - XH; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ QP, AN trên địa bàn. *Tám là*, xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền; cho ý kiến về công việc của BTVTU giữa hai kỳ họp và thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao [21].

** Mối quan hệ công tác của Thành ủy Hà Nội*

Mối quan hệ công tác của cấp ủy cấp tỉnh được quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 và Điều 5 Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị. So với Quy định số 10-QĐi/TW, Quy định số 305-QĐ/TW đã cụ thể hóa và hoàn thiện hơn theo từng chủ thể, gồm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương; các cấp ủy, cơ quan, tổ chức trực

thuộc Trung ương; và các tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp tỉnh. Đáng chú ý, quy định mới bổ sung quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo đối với tổ chức đảng trong cơ quan nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT - XH, qua đó làm rõ hơn vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy cấp tỉnh trong HTCT, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Theo đó, mối quan hệ công tác của Thành ủy Hà Nội theo Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị có thể khái quát thành 05 nhóm: *Một là*, với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư: chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và xin ý kiến khi cần thiết; *Hai là*, với các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương: chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ; *Ba là*, với các cấp ủy, cơ quan, tổ chức trực thuộc Trung ương, đảng ủy quân khu và Bộ đội Biên phòng: phối hợp trong quốc phòng, quân sự địa phương, cán bộ và nhiệm vụ liên quan; *Bốn là*, với các cơ quan, đơn vị, cấp ủy trực thuộc: thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo; *Năm là*, với các tổ chức đảng trong HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, MTTQ và các tổ chức CT - XH: lãnh đạo, chỉ đạo theo quy chế, bảo đảm thống nhất trong HTCT của Thành phố.

2.1.2.3. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội - khái niệm, nhiệm vụ, quyền hạn

**** Khái niệm Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội***

Khoản 1, Điều 20 của Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy...bầu ban thường vụ” [36, tr.34].

Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị chỉ rõ: “Ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy” [14].

Từ các căn cứ trên, có thể khái quát khái niệm BTVTU Hà Nội như sau: BTVTU Hà Nội là cơ quan lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng bộ thành phố Hà Nội giữa hai kỳ họp của Thành ủy; do Thành ủy bầu ra trong số các ủy viên Thành ủy; có chức năng tổ chức thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Thành ủy trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội*

Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh được quy định tại Điều 5 Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12/12/2018 và Điều 3 Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị.

So với Quy định số 10-QĐ/TW, Quy định số 305-QĐ/TW kế thừa các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản và bổ sung nhiều nội dung mới phù hợp yêu cầu phát triển hiện nay, gồm: tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, phòng ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bổ sung lãnh đạo phát triển KH, CN, ĐMST, CDS và cải cách hành chính; hoàn thiện công tác tổ chức, cán bộ, quản lý biên chế và sắp xếp bộ máy; mở rộng nội dung kiểm tra, giám sát, nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đồng thời mở rộng phạm vi lãnh đạo trên các lĩnh vực KT - XH, QP, AN, đối ngoại và xây dựng HTCT.

Như vậy, theo Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, nhiệm vụ, quyền hạn của BTVTU Hà Nội có thể khái quát thành 07 nội dung cơ bản: *Một là*, lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Thành ủy, chuẩn bị nội dung, chương trình, đề án, báo cáo và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình công tác; *Hai là*, lãnh đạo công tác xây dựng Đảng và HTCT về chính trị, tư tưởng, tổ chức, dân vận, MTTQ và các tổ chức CT - XH; *Ba là*, lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ, quản lý biên chế, sắp xếp bộ máy, bảo vệ chính trị nội bộ; *Bốn là*, lãnh đạo kiểm tra, giám sát, nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; *Năm là*, lãnh đạo phát triển KT - XH, KH, CN, ĐMST, CDS, giáo dục, y tế, môi trường, nguồn nhân lực và cải cách hành chính; *Sáu là*, lãnh đạo QP, AN và đối ngoại, xây dựng thế trận QP, AN vững chắc; *Bảy là*, quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ, tham gia xây dựng chính sách và thực hiện nhiệm vụ do Trung ương giao.

2.1.2.4. Số lượng, cơ cấu thành ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVII bao gồm 71 thành ủy viên, BTVTU gồm 17 ủy viên. Trong đó, có 34 thành ủy viên tham gia lần đầu, chiếm 47,89%; 15 nữ thành ủy viên, chiếm

21,13%. Độ tuổi bình quân của Ban Chấp hành là 52,5 tuổi, của Ban Thường vụ là 56,18 tuổi. Về trình độ chuyên môn, 57/71 thành ủy viên có trình độ sau đại học (41 thạc sĩ, 16 tiến sĩ), chiếm 80,28%; 100% thành ủy viên có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân chính trị [Phụ lục 1.1].

Nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVIII tăng lên so với nhiệm kỳ trước, bao gồm 75 thành ủy viên, trong khi số lượng ủy viên BTVTU giữ nguyên ở mức 17 đồng chí. Trong đó, có 22 thành ủy viên tham gia lần đầu, chiếm 29,33%; 11 nữ thành ủy viên, chiếm 14,67%. Độ tuổi bình quân của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ lần lượt là 51,24 tuổi và 54,35 tuổi. Về trình độ chuyên môn, 59/75 thành ủy viên có trình độ sau đại học (34 thạc sĩ, 25 tiến sĩ), chiếm 78,67%; 100% có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân chính trị [Phụ lục 1.2].

So với nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tăng thêm 4 thành ủy viên, đồng thời có xu hướng trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, thể hiện qua việc giảm độ tuổi bình quân và tăng số lượng thành ủy viên có trình độ tiến sĩ. Bí thư Thành ủy Hà Nội ở cả hai nhiệm kỳ đều là Ủy viên Bộ Chính trị và được Bộ Chính trị phân công giữ chức vụ theo quy định của Đảng.

2.1.2.5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và các đơn vị sự nghiệp

Khoản 2, Điều 1 Quy định số 239-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương xác định: “Cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy trong Quy định này, gồm: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan Ủy ban Kiểm tra (UBKT), ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính”.

Thực hiện quy định trên, hiện nay các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy, BTVTU Hà Nội gồm: Văn phòng Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy, UBKT Thành ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy bao gồm: Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong và Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Nội. Các cơ quan, đơn vị này được tổ chức và hoạt động theo các quy định của Trung ương như: Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy; Quy định số 137-QĐ/TW ngày 1/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và Quy định số 329-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Các quy định này tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy Hà Nội, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy và BTVTU trong xây dựng Đảng, xây dựng HTCT và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Thành phố.

2.2. KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.2.1. Khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội - khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò

2.2.1.1. Khái niệm khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

** Khái niệm khoa học*

Khoa học là khái niệm có nội hàm phức tạp, đa chiều và được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau.

Đại từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên định nghĩa: “Khoa học là hệ thống tri thức về thế giới khách quan: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nghiên cứu khoa học” [152, tr.907].

Từ điển Tiếng Việt do Viện Ngôn ngữ học xuất bản định nghĩa: “Khoa học là hệ thống các tri thức tích lũy trong quá trình lịch sử và được thực tiễn chứng minh, phản ánh những quy luật khách quan của thế giới bên ngoài cũng như những hoạt động tinh thần của con người, giúp con người có khả năng cải tạo thế giới hiện thực” [152, tr.503].

Cả hai định nghĩa trên cho thấy, khoa học được tiếp cận thống nhất như một hệ thống tri thức có tính khách quan, phản ánh các quy luật của thế giới tự nhiên, xã hội và hoạt động tinh thần của con người.

Khoản 1, Điều 3 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025) quy định: “Khoa học là hệ thống tri thức về bản

chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy” [100].

Từ những cách tiếp cận trên đi đến khái niệm: Khoa học là hệ thống tri thức được hình thành trong quá trình lịch sử - xã hội của con người, phản ánh bản chất và các quy luật vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; được xây dựng trên cơ sở thực tiễn, kiểm nghiệm bằng thực tiễn và giữ vai trò nền tảng trong nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới hiện thực.

** Khái niệm công nghệ*

Công nghệ là một thuật ngữ xuất hiện từ đầu thế kỷ XVII và ngày càng trở nên phổ biến cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và các cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại. Do phạm vi tác động rộng lớn và tính biến đổi không ngừng, công nghệ là khái niệm có nội hàm phức tạp, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau tùy theo mục đích nghiên cứu và hệ quy chiếu lý luận.

Theo Đại từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên: “Công nghệ là tên gọi chung những phương pháp gia công, chế tạo làm thay đổi trạng thái, tính chất, hình dáng nguyên vật liệu hoặc bán thành sản phẩm dùng trong quá trình sản xuất để tạo sản phẩm” [169, tr.456].

Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025) đưa ra định nghĩa rõ ràng hơn khi bổ sung yếu tố tạo ra công nghệ là ứng dụng tri thức khoa học: “Công nghệ là tập hợp các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bao gồm cả bí quyết, được tạo ra bởi ứng dụng tri thức khoa học, kinh nghiệm để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm” [88].

Theo nghĩa chung nhất và cập nhật nhất, có thể hiểu: Công nghệ là hệ thống các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bí quyết và phương thức tổ chức được hình thành từ việc ứng dụng tri thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn nhằm biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ và giá trị mới, đóng vai trò then chốt trong phát triển KT - XH, ĐMST và nâng cao năng lực quản trị.

** Mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ*

Khoa học và công nghệ là hai phạm trù có nội hàm độc lập nhưng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại chặt chẽ và không thể tách rời

trong quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. Mối quan hệ này được thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, khoa học giữ vai trò nền tảng lý luận và định hướng cho sự phát triển của công nghệ. Thông qua việc phát hiện và lý giải các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy, khoa học tạo tiền đề tri thức cho việc hình thành các giải pháp kỹ thuật và quy trình công nghệ mới. Trong điều kiện hiện nay, khoa học ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp khi các kết quả nghiên cứu nhanh chóng được chuyển hóa thành ứng dụng công nghệ.

Thứ hai, công nghệ là phương tiện hiện thực hóa và môi trường kiểm chứng của khoa học. Công nghệ không chỉ là kết quả của hoạt động khoa học mà còn cung cấp các công cụ, phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ nghiên cứu khoa học. Đồng thời, quá trình vận hành công nghệ liên tục đặt ra những vấn đề thực tiễn mới, thúc đẩy khoa học tiếp tục phát triển.

Thứ ba, trong bối cảnh CMCN 4.0, khoa học và công nghệ ngày càng có xu hướng hội tụ và tích hợp chặt chẽ. Điều này làm hình thành một hệ thống thống nhất gắn với hoạt động ĐMST. Nếu khoa học trả lời câu hỏi tại sao tạo ra tri thức mới, thì công nghệ trả lời câu hỏi bằng cách nào biến tri thức thành sản phẩm, dịch vụ và giá trị thực tiễn.

Tóm lại, khoa học và công nghệ là hai mặt thống nhất của quá trình phát triển; khoa học tạo động lực cho đổi mới công nghệ, còn công nghệ hiện thực hóa và phát huy giá trị của các thành tựu khoa học, góp phần nâng cao năng lực ĐMST và năng lực cạnh tranh quốc gia.

** Khái niệm khoa học, công nghệ*

Việc làm rõ khái niệm và mối quan hệ biện chứng, gắn bó hữu cơ giữa khoa học và công nghệ cho thấy hai phạm trù này không tồn tại biệt lập mà luôn vận động trong sự thống nhất chặt chẽ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển. Trên thực tế, khoa học và công nghệ thường được gắn kết và sử dụng như một phạm trù khái niệm thống nhất - *khoa học, công nghệ*, nhằm phản ánh đầy đủ vai trò của tri thức khoa học và hoạt động ứng dụng công nghệ trong phát triển KT - XH. Trong văn phong khoa học và các văn bản quản lý nhà nước, KH, CN được tiếp cận như một khái niệm tích hợp, phản ánh chu trình khép kín từ nhận thức khoa học đến hành động thực tiễn.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm:

Khoa học, công nghệ là một chính thể thống nhất giữa hoạt động nhận thức các quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy với hoạt động ứng dụng các quy luật đó vào thực tiễn thông qua hệ thống giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bí quyết và phương thức tổ chức nhằm tạo ra sản phẩm, dịch vụ và giá trị mới; qua đó trực tiếp thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, trở thành động lực then chốt của ĐMST và phát triển bền vững.

** Khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội*

Khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội là một bộ phận hữu cơ của nền KH, CN quốc gia. Trong tiến trình phát triển, KH, CN tại Hà Nội không chỉ thực hiện chức năng tạo ra tri thức và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển KT -XH của địa phương, mà còn giữ vai trò dẫn dắt, lan tỏa và định hướng phát triển KH, CN trên phạm vi toàn quốc.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội như sau: *Khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội được hiểu là tổng thể các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo tri thức và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, quy trình, công cụ, bí quyết cùng phương thức tổ chức hiện đại vào các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô. Trong bối cảnh mới, khoa học, công nghệ trở thành nguồn lực nội sinh đặc biệt quan trọng, giữ vai trò động lực then chốt thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực quản trị đô thị và xây dựng Thủ đô Hà Nội theo hướng văn hiến, văn minh, hiện đại và thông minh.*

2.2.1.2. Phân loại khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

** Phân loại khoa học, công nghệ*

Các cách phân loại KH, CN được xây dựng trên những tiêu chí và cách tiếp cận khác nhau, qua đó phản ánh những giá trị ứng dụng nhất định trong nghiên cứu và lãnh đạo, quản lý. Mặc dù đa dạng về phương thức tiếp cận, các hệ thống phân loại đều thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa các lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần làm rõ cấu trúc của hệ thống tri thức nhân loại. Trong thực tiễn phát triển, khoa học và công nghệ không ngừng mở rộng về phạm vi và nội dung, làm xuất hiện nhiều lĩnh vực mới, thúc đẩy quá trình giao

thoả, tích hợp liên ngành, từng bước làm mờ các ranh giới phân loại mang tính cứng nhắc. Vì vậy, các bảng phân loại KH, CN cần được tiếp cận như những hệ thống mở, có giá trị tham khảo và phải thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Nhằm thống nhất công tác thống kê, theo dõi và đánh giá hoạt động KH, CN trên phạm vi cả nước, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30/10/2025 quy định Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đây là cơ sở quan trọng phục vụ phân bổ nguồn lực, xây dựng chiến lược và hoạch định chính sách phát triển KH, CN quốc gia. Theo quy định, bảng phân loại bao gồm 6 lĩnh vực, 46 ngành, 328 chuyên ngành và 1.780 phân ngành khoa học và công nghệ [Phụ lục 2].

Sáu lĩnh vực KH, CN bao gồm: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

Việc phân loại KH, CN theo hệ thống thống nhất không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn là cơ sở quan trọng cho lãnh đạo, quản lý, tổ chức hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đánh giá hiệu quả phát triển KH, CN trong thực tiễn, đặc biệt đối với các địa phương có vai trò quan trọng như thành phố Hà Nội.

** Phân loại khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội*

KH, CN ở thành phố Hà Nội có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, như lĩnh vực chuyên môn, tính chất hoạt động, chủ thể thực hiện, mục đích ứng dụng hoặc mức độ gắn kết với phát triển KT - XH. Tuy nhiên, xét từ góc độ phục vụ nghiên cứu sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN, có thể khái quát KH, CN ở thành phố Hà Nội thành các nhóm cơ bản sau:

Thứ nhất, khoa học xã hội và nhân văn. Đây là nhóm khoa học nghiên cứu các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, xã hội, con người và quản trị phát triển. Ở Hà Nội, nhóm này có vai trò quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho hoạch định chủ trương, chính sách, quy hoạch và quản lý phát triển Thủ đô.

Thứ hai, khoa học tự nhiên. Nhóm này bao gồm các ngành như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, khoa học trái đất và các ngành liên quan. Đây là lĩnh

vực tạo nền tảng tri thức cơ bản cho nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển các ngành khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Thứ ba, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Đây là nhóm trực tiếp gắn với nghiên cứu ứng dụng, thiết kế, chế tạo, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, giao thông, thông tin, truyền thông, tự động hóa, điện tử, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và CDS. Đối với Hà Nội, nhóm này gắn trực tiếp với quá trình hiện đại hóa và phát triển đô thị thông minh.

Thứ tư, khoa học y, dược và chăm sóc sức khỏe. Nhóm này bao gồm các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y tế, dược học, công nghệ sinh học y dược, phòng bệnh, khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Hà Nội là nơi tập trung nhiều cơ sở y tế, cơ sở đào tạo và nghiên cứu y dược của cả nước.

Thứ năm, khoa học nông nghiệp và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Mặc dù là đô thị đặc biệt, Hà Nội vẫn có khu vực ngoại thành rộng lớn, nên nhóm KH, CN này tạo cơ sở trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, bảo quản, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

Ngoài cách phân loại theo lĩnh vực nêu trên, KH, CN ở thành phố Hà Nội còn có thể được phân thành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng; nghiên cứu, phát triển công nghệ và ĐMST; hoặc phân theo khu vực công lập và ngoài công lập, tùy theo mục đích nghiên cứu. Việc phân loại này giúp nhận diện rõ đặc điểm, vai trò của từng nhóm KH, CN, từ đó làm cơ sở cho việc xác định nội dung, phương thức và giải pháp lãnh đạo phù hợp của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

2.2.1.3. Đặc điểm khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Thứ nhất, KH, CN ở thành phố Hà Nội có cơ cấu lĩnh vực toàn diện và trình độ phát triển tương đối cao.

Hà Nội hội tụ đầy đủ các lĩnh vực KH, CN theo hệ thống phân loại quốc gia, bao gồm: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y - dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Cơ cấu lĩnh vực toàn diện này tạo nền tảng tri thức đa ngành, đáp ứng yêu cầu nghiên

cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ trong điều kiện một đô thị đặc biệt.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hà Nội có mạng lưới các tổ chức KH, CN với nhiều loại hình, như: Cơ sở giáo dục đại học (124 trường đại học), viện nghiên cứu (113 viện), phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia (14/17 phòng thí nghiệm) với trình độ nhân lực cao: Giáo sư chiếm 74,1%, phó giáo sư chiếm 64,1%, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học chiếm 52,5% so với cả nước. Ngoài ra, còn có hơn 100 tổ chức KH, CN công lập do các trường đại học, viện nghiên cứu công lập thành lập, đăng ký hoạt động tại Sở Khoa học và Công nghệ [124].

Trình độ phát triển của KH, CN Hà Nội còn thể hiện ở năng lực nghiên cứu và ứng dụng trong các lĩnh vực công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và vật liệu mới, cũng như khả năng chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý đô thị và cung ứng dịch vụ công.

Thứ hai, Hà Nội sở hữu nguồn lực KH, CN quy mô lớn, chất lượng cao.

Thành phố là địa bàn tập trung nhiều tổ chức khoa học và công nghệ và viện nghiên cứu lớn của Trung ương, thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và ĐMST. Nguồn lực KH, CN của Hà Nội được bảo đảm bởi cơ chế tài chính tương đối ổn định. Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước ở mức cao so với bình quân cả nước. Trong giai đoạn 2021 - 2025, chi ngân sách cho KH, CN đạt khoảng 0,65% tổng chi ngân sách địa phương, tương đương 0,11% GRDP [124]. Đồng thời, Thành phố từng bước mở rộng huy động nguồn lực xã hội hóa thông qua doanh nghiệp, hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế.

Hà Nội tập trung tỷ lệ lớn đội ngũ giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ của cả nước. Hà Nội hiện có hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển KH, CN và ĐMST gồm Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Trung tâm ĐMST Quốc gia và Trung tâm Dữ liệu Quốc gia. Các hạ tầng này tạo điều kiện kết nối giữa nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất. Thành phố đồng thời được áp dụng một số cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô, cho phép thí điểm các mô hình chính sách mới và từng bước hoàn thiện môi trường pháp lý phục vụ phát triển KH, CN và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Hà Nội là nơi tập trung nhiều nhiệm vụ KH, CN cấp Nhà nước với sự tham gia của các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Trung ương và địa phương.

Nguồn lực tài chính, thể chế, hạ tầng và nhân lực là những yếu tố tác động trực tiếp đến phát triển KH, CN và ĐMST của Thủ đô. Hà Nội là nơi tập trung hệ thống các tổ chức KH, CN trọng điểm của Trung ương và nhiều cơ quan nghiên cứu chiến lược của cả nước. Trên địa bàn Thành phố hiện có nhiều cơ quan nghiên cứu lớn như Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cùng mạng lưới viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc các bộ, ngành Trung ương. Các cơ quan này tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ KH, CN cấp quốc gia.

Thứ ba, KH, CN gắn chặt nghiên cứu với đào tạo và ứng dụng đô thị thông minh.

Là trung tâm giáo dục - đào tạo lớn nhất cả nước, Hà Nội có điều kiện thuận lợi để hình thành mối liên kết hữu cơ giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Hệ thống các trường đại học, học viện và viện nghiên cứu trên địa bàn tạo nền tảng cho mô hình gắn kết viện - trường - doanh nghiệp - chính quyền, trong đó hoạt động nghiên cứu gắn trực tiếp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

Trong quá trình triển khai Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy, Hà Nội chú trọng đưa KH, CN vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của quản lý đô thị và cải cách hành chính. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao, ứng dụng trong xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh, phát triển hạ tầng dữ liệu và cung ứng dịch vụ công trực tuyến thông qua các hệ thống như iHanoi, ứng dụng quản lý giao thông thông minh và trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC). Ngày 30/3/2026, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND về “Đô thị Hà Nội thông minh”, xác định KH, CN, CDS và ĐMST là nền tảng phát triển đô thị thông minh, hướng tới nhóm 50 đô thị thông minh hàng đầu thế giới vào năm 2030.

Thông qua đẩy mạnh CDS và ứng dụng các công nghệ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và nền tảng số, KH, CN từng bước được ứng dụng nhằm nâng cao năng lực quản trị đô thị. Mối liên kết giữa nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng đã thúc đẩy quá trình chuyên hóa tri thức khoa học vào thực tiễn, góp phần xây dựng đô thị thông minh và phát triển bền vững Thủ đô trong giai đoạn mới.

Thứ tư, hình thành hệ sinh thái KH, CN và ĐMST tương đối đồng bộ, có tính lan tỏa.

Hoạt động KH, CN ở Hà Nội được tổ chức theo hướng hình thành hệ sinh thái phát triển khá đồng bộ, được vận hành trên cơ sở liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp. Trong đó, chính quyền Thành phố tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách; các trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu, đào tạo và tạo lập tri thức; doanh nghiệp tham gia ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Thành phố đã hình thành nhiều hạ tầng và chủ thể phục vụ phát triển KH, CN và ĐMST, tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, thử nghiệm sản phẩm và phát triển doanh nghiệp ĐMST. Hệ sinh thái KH, CN của Hà Nội có khả năng lan tỏa tương đối rộng đối với các địa phương khác. Nhiều mô hình công nghệ, giải pháp quản lý và sản phẩm KH, CN sau khi được triển khai tại Hà Nội đã được nghiên cứu, tham khảo và áp dụng ở một số địa phương. Khả năng lan tỏa này thể hiện ở hoạt động chuyển giao công nghệ, phổ biến phương thức quản trị và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quản lý và phát triển đô thị.

2.2.1.4. Vai trò khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Một là, KH, CN là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Thủ đô, góp phần nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế tri thức và hình thành các ngành kinh tế mới có giá trị gia tăng cao. KH, CN thúc đẩy đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả sử dụng vốn, tài nguyên và thời gian lao động; đồng thời tạo điều kiện phát triển các ngành có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như kinh tế số, dịch vụ thông minh, công nghiệp sáng tạo, CNTT, tài chính và ĐMST, qua đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô trong hội nhập quốc tế.

Hai là, KH, CN tạo nền tảng nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Thủ đô. Trong bối cảnh hiện nay, sức cạnh tranh địa phương phụ thuộc ngày càng lớn vào chất lượng nguồn nhân lực, trình độ công nghệ, năng lực ĐMST và khả năng hội nhập. Đối với Hà Nội, phát triển KH, CN góp phần nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đồng thời cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả quản trị đô thị, từ đó tăng sức hấp dẫn đầu tư và mở rộng hợp tác quốc tế. KH, CN vì vậy là yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

Ba là, KH, CN giữ vai trò quan trọng trong đổi mới mô hình quản lý đô thị và quản trị xã hội. Với đặc thù đô thị lớn, dân số đông, áp lực giao thông, môi trường và an sinh xã hội cao, phương thức quản lý truyền thống khó đáp ứng yêu cầu phát triển. Việc ứng dụng KH, CN, đặc biệt là công nghệ số, dữ liệu lớn, AI và nền tảng quản trị thông minh giúp nâng cao năng lực dự báo, giám sát, điều hành và ra quyết định trên cơ sở dữ liệu; đồng thời cải cách thủ tục hành chính, phát triển dịch vụ công trực tuyến, tăng minh bạch, giảm chi phí xã hội và nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. KH, CN do đó là nền tảng xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh.

Bốn là, KH, CN góp phần giải quyết các “bài toán lớn” của đô thị như ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng, quản lý dân cư và cung ứng dịch vụ công... Trong quá trình đô thị hóa nhanh, đây là những thách thức thường xuyên và phức tạp. KH, CN cung cấp công cụ hiện đại giúp nâng cao năng lực dự báo, giám sát, điều hành và xử lý vấn đề dựa trên dữ liệu; từ quản lý giao thông, quan trắc môi trường, quy hoạch hạ tầng đến số hóa dữ liệu dân cư và cải tiến dịch vụ công. Qua đó, KH, CN góp phần giảm áp lực quản lý, nâng cao chất lượng sống và bảo đảm phát triển bền vững Thủ đô.

Năm là, KH, CN ở Hà Nội có hiệu ứng lan tỏa và vai trò dẫn dắt phát triển KH, CN cả nước. Với vị thế trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, Hà Nội tập trung nhiều cơ quan hoạch định chính sách, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và đội ngũ trí thức lớn. Điều này giúp Thành phố đi đầu trong thử nghiệm cơ chế, chính sách mới, phát triển mô hình KH, CN, thúc đẩy CDS và ĐMST. Khi triển khai hiệu quả, các mô hình này không chỉ phục vụ Thủ đô mà còn được tổng kết, nhân rộng và chuyển giao cho các địa phương khác, qua đó khẳng định vai trò trung tâm lan tỏa tri thức, công nghệ và kinh nghiệm phát triển KH, CN trong cả nước.

2.2.2. Phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội - khái niệm, nội dung, hình thức, biện pháp và vai trò

2.2.2.1. Khái niệm phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

*** Khái niệm phát triển khoa học, công nghệ**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển là quá trình vận động đi lên, phản ánh sự biến đổi từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện thông qua tích lũy về lượng và biến đổi về chất. Vận dụng quan điểm đó, phát triển KH, CN không chỉ là gia tăng quy mô nghiên cứu hay số lượng sản phẩm công nghệ, mà còn là sự chuyển biến về chất của tri thức khoa học, trình độ công nghệ và năng lực ứng dụng vào thực tiễn.

Dưới góc độ lý luận và quản lý, phát triển KH, CN thể hiện trên các phương diện chủ yếu: *Một là, về tiềm lực*, gia tăng và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu vào, gồm nhân lực chất lượng cao, cơ sở hạ tầng nghiên cứu và nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa. *Hai là, về hoạt động*, hình thành và vận hành đồng bộ chu trình từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng đến triển khai thực nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. *Ba là, về trình độ*, phản ánh quá trình chuyển từ tiếp thu, chuyển giao công nghệ sang làm chủ, thích nghi và sáng tạo công nghệ mới, qua đó nâng cao hàm lượng tri thức trong sản phẩm và dịch vụ. *Bốn là, về thể chế*, gắn với hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức lãnh đạo, quản lý nhằm khơi thông nguồn lực, thúc đẩy ĐMST và tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong hệ thống KH, CN.

Qua các cách tiếp cận trên có thể khái quát: Phát triển KH, CN là quá trình biến đổi có tính hệ thống và lâu dài thông qua việc tích lũy, mở rộng tri thức khoa học, đổi mới công nghệ, nâng cao tiềm lực và hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn; qua đó góp phần tạo ra những chuyển biến về chất của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia và địa phương.

*** Mối quan hệ giữa phát triển khoa học, công nghệ với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Phát triển KH, CN, ĐMST và CDS là những quá trình có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và bổ trợ lẫn nhau trong tiến trình phát triển KT - XH. Trong đó, KH, CN giữ vai trò nền tảng, tạo ra tri thức mới, công nghệ mới và

các giải pháp kỹ thuật làm cơ sở cho hoạt động ĐMST. Đổi mới sáng tạo là quá trình ứng dụng các thành tựu KH, CN và tri thức mới vào thực tiễn nhằm tạo ra sản phẩm, dịch vụ, mô hình quản lý hoặc phương thức sản xuất có giá trị gia tăng cao. Chuyển đổi số là quá trình ứng dụng công nghệ số để đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, quá trình CDS cũng tạo ra môi trường, dữ liệu và nhu cầu thực tiễn mới, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Vì vậy, phát triển KH, CN, ĐMST và CDS không tồn tại tách biệt mà tạo thành một hệ sinh thái thống nhất, trong đó KH, CN là nền tảng, ĐMST là động lực và CDS là phương thức quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển trong thời đại số.

** Khái niệm phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội*

Xuất phát từ khái niệm chung về phát triển KH, CN; mối quan hệ giữa phát triển KH, CN với ĐMST và CDS và gắn với đặc thù của một đô thị đặc biệt - trung tâm lớn về KH, CN của quốc gia, có thể xác lập khái niệm phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội như sau:

Phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội là quá trình biến đổi mang tính hệ thống, liên tục và lâu dài của hệ thống KH, CN trên địa bàn Thủ đô, được thực hiện thông qua việc mở rộng và nâng cao chất lượng tri thức khoa học, đổi mới và từng bước làm chủ công nghệ, tăng cường tiềm lực nghiên cứu và nâng cao hiệu quả ứng dụng KH, CN vào thực tiễn quản lý, sản xuất và đời sống xã hội; qua đó góp phần tạo ra những chuyển biến về chất của lực lượng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Thủ đô Hà Nội.

Chủ thể phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội bao gồm:

Một là, chủ thể lãnh đạo: Thành ủy Hà Nội, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội.

Hai là, chủ thể quản lý: gồm HĐND, UBND phố Hà Nội, các sở, ban, ngành, trực tiếp là Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cùng hệ thống chính quyền các cấp.

Ba là, chủ thể thực hiện: các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan nghiên cứu, phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội cùng đội ngũ trí thức, nhà

khoa học, chuyên gia, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp KH, CN, các trung tâm ĐMST và lực lượng lao động khoa học kỹ thuật.

Lực lượng tham gia phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội: MTTQ, các tổ chức CT - XH các cấp; tổ chức xã hội nghề nghiệp; tổ chức kinh tế; tổ chức cơ quan nghiên cứu khoa học ở Trung ương; cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, nhân dân Thủ đô và các đối tác quốc tế.

2.2.2.2. Nội dung phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội là một quá trình tổng thể, bao hàm việc nâng cao đồng bộ năng lực sáng tạo tri thức, tiềm lực khoa học và cơ chế vận hành hệ thống KH, CN. Trên cơ sở yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới, nội dung phát triển KH, CN bao gồm:

Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo các lĩnh vực ưu tiên.

Nội dung này hướng tới tạo ra tri thức mới, giải pháp công nghệ và sản phẩm ĐMST tạo phục vụ phát triển Thủ đô. Việc phát triển các trung tâm nghiên cứu cần gắn kết giữa nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, tập trung vào công nghệ cao, công nghệ lõi và công nghệ chiến lược. Thực hiện định hướng tại Nghị quyết số 34-NQ/TU của Thành ủy Hà Nội về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội, Thành phố ưu tiên phát triển các lĩnh vực trọng điểm như: công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ môi trường, năng lượng sạch và các công nghệ nền tảng phục vụ đô thị thông minh, kinh tế tri thức. Trên cơ sở đó, hoạt động đầu tư nghiên cứu và phát triển cần theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; đồng thời thúc đẩy tạo ra các sản phẩm KH, CN có khả năng ứng dụng và thương mại hóa, góp phần hiện đại hóa nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

Thứ hai, phát triển tiềm lực KH, CN đồng bộ, hiện đại.

Tiềm lực KH, CN của Hà Nội là tổng hợp các nguồn lực vật chất và phi vật chất bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và ĐMST KH, CN của Thủ đô diễn ra hiệu quả và bền vững. Phát triển tiềm lực KH, CN phải được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với yêu cầu phát triển Thủ đô trong bối cảnh mới, trong đó bao gồm các thành tố cơ bản sau:

Một là, tiềm lực con người. Đây là bộ phận giữ vai trò trung tâm, quyết định chất lượng và hiệu quả của hoạt động KH, CN. Hà Nội cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực KH, CN chất lượng cao, bao gồm đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên đại học, chuyên gia, kỹ sư, kỹ thuật viên và nhân lực công nghệ cao. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và thu hút nhân tài phải được chú trọng, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng KH, CN trong thực tiễn phát triển Thủ đô.

Hai là, tiềm lực cơ sở vật chất - kỹ thuật. Hà Nội cần đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ KH, CN, bao gồm phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, khu công nghệ cao, hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu. Việc từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật sẽ tạo điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và sản xuất.

Ba là, tiềm lực tài chính. Tiềm lực tài chính cho KH, CN của Hà Nội được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn lực của doanh nghiệp và xã hội hóa. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính phải theo hướng ngày càng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, từng bước gắn với cơ chế đặt hàng, khoán chi và đánh giá kết quả đầu ra, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho KH, CN và ĐMST.

Bốn là, tiềm lực tổ chức và thể chế. Hà Nội cần tập trung củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức KH, CN, bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp KH, CN và các tổ chức trung gian. Đồng thời, chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý về KH, CN theo hướng đồng bộ, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và ĐMST phát triển.

Năm là, tiềm lực thông tin và tri thức.

Thành phố cần đẩy mạnh xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu KH, CN, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, nghiên cứu và ra quyết định. Đồng thời, thúc đẩy CDS trong lĩnh vực KH, CN, mở rộng kết nối, khai thác và chia sẻ tri thức trong nước và quốc tế, qua đó nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng tri thức phục vụ phát triển Thủ đô.

Tổng thể, tiềm lực KH, CN của Hà Nội cần được củng cố và phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ giữa các yếu tố con người, cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính, thể chế và thông tin - tri thức. Đây là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao năng lực nội sinh, thúc đẩy ĐMST và tăng cường năng lực cạnh tranh của Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ ba, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST.

Nội dung này thể hiện yêu cầu rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất, kinh doanh, đưa KH, CN trở thành động lực trực tiếp của phát triển KT - XH Thủ đô. Trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhằm chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, dịch vụ có giá trị thực tiễn. Đồng thời, Hà Nội cần phát triển các thiết chế trung gian như vườn ươm công nghệ, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Các thiết chế này đóng vai trò kết nối giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong chuỗi ĐMST. Qua đó hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp năng động, có khả năng thử nghiệm và thương mại hóa ý tưởng công nghệ. Việc phát triển hệ sinh thái này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Đây cũng là cơ chế quan trọng thúc đẩy kinh tế tri thức và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Thủ đô.

Thứ tư, phát triển thị trường KH, CN và các dịch vụ hỗ trợ.

Nội dung này có ý nghĩa then chốt trong việc thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hình thành hệ sinh thái ĐMST. Trọng tâm là xây dựng và vận hành hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ, tổ chức trung gian, cùng hệ thống dịch vụ tư vấn, đánh giá và định giá công nghệ. Đồng thời, việc hoàn thiện cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các công cụ pháp lý liên quan tạo nền tảng quan trọng cho hoạt động mua bán, chuyển giao công nghệ. Qua đó, khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ĐMST, nâng cao hiệu quả ứng dụng KH, CN trong phát triển KT - XH.

Thứ năm, mở rộng hợp tác, liên kết và hội nhập quốc tế về KH, CN.

Phát huy vai trò là trung tâm chính trị, hành chính và đối ngoại của cả nước, Hà Nội cần chủ động đẩy mạnh liên kết giữa các chủ thể trong nước, đặc biệt là mô hình liên kết viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp, nhằm

hình thành chuỗi giá trị KH, CN thống nhất từ nghiên cứu đến ứng dụng và thương mại hóa. Trên cơ sở đó, Thành phố đồng thời cần tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với tiếp cận các chuẩn mực và xu thế công nghệ tiên tiến của thế giới. Việc tham gia các chương trình nghiên cứu chung, dự án hợp tác song phương và đa phương, cũng như thu hút các trung tâm nghiên cứu và phát triển của các tập đoàn đa quốc gia đầu tư tại Hà Nội sẽ góp phần nâng cao năng lực nội sinh về KH, CN. Đồng thời, giúp Thủ đô từng bước tham gia sâu hơn vào mạng lưới ĐMST toàn cầu, mở rộng không gian hợp tác, chia sẻ tri thức và nâng cao vị thế trong khu vực và quốc tế.

Thứ sáu, phát huy vai trò và thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội trong phát triển KH, CN.

Phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội là quá trình mang tính xã hội hóa cao, đòi hỏi sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, định hướng, còn doanh nghiệp, đội ngũ trí thức, nhà khoa học và người dân là các chủ thể trực tiếp tham gia sáng tạo và ứng dụng tri thức KH, CN. Việc phát huy vai trò của toàn xã hội góp phần huy động hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách, mở rộng không gian ĐMST và rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học với thực tiễn đời sống, qua đó góp phần duy trì điều kiện xã hội và nguồn lực phục vụ phát triển KH, CN.

2.2.2.3. Biện pháp phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Biện pháp phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội được hiểu là tổng thể các cách thức, công cụ, cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý được triển khai nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ĐMST, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ KH, CN vào thực tiễn phát triển Thủ đô. Đây là hệ thống tác động có mục tiêu của các chủ thể quản lý nhằm tạo lập môi trường, điều kiện và nguồn lực thuận lợi cho KH, CN phát triển hiệu quả, bền vững.

Việc phân tích cụ thể các biện pháp phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội có ý nghĩa quan trọng nhằm làm rõ nội dung, cơ chế tác động và hiệu quả thực tiễn trong quá trình triển khai. Biện pháp phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế quản trị KH, CN theo hướng hiện đại, hiệu quả.

Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hà Nội được xác định là trung tâm ĐMST của cả nước. Quan điểm này được cụ thể hóa thông qua Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh phát triển KH, CN và ĐMST.

Việc triển khai Luật Thủ đô năm 2024 và Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2026 với nhiều cơ chế đặc thù về phân cấp, thử nghiệm công nghệ và thu hút nhân tài sẽ góp phần tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, mở rộng điều kiện triển khai hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH, CN. Cùng với đó, quá trình đổi mới quản trị và CDS trong quản lý nhà nước tiếp tục củng cố vai trò của chính quyền Thủ đô trong kiến tạo môi trường phát triển KH, CN thời kỳ mới.

Thứ hai, phát triển đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực KH, CN chất lượng cao.

Hà Nội là địa phương tập trung lực lượng trí thức lớn nhất cả nước, với tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ chiếm trên 50% tổng số toàn quốc, cùng mạng lưới dày đặc các trường đại học, học viện và viện nghiên cứu. Đội ngũ này không chỉ là chủ thể sáng tạo tri thức mà còn trực tiếp tham gia xây dựng chính sách, triển khai nhiệm vụ khoa học và chuyển giao công nghệ. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao là một trong những điều kiện quan trọng đối với phát triển KH, CN của Hà Nội.

Thứ ba, bảo đảm và nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho KH, CN.

Hà Nội duy trì mức đầu tư tương đối ổn định cho KH, CN qua các giai đoạn, đồng thời từng bước mở rộng các nguồn lực xã hội hóa thông qua doanh nghiệp, hợp tác công - tư và hợp tác quốc tế. Đặc biệt, việc hình thành các khu công nghệ cao, trung tâm ĐMST, phòng thí nghiệm trọng điểm và hệ thống hạ tầng số hiện đại đã tạo nền tảng vật chất quan trọng, bảo đảm điều kiện để các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ được triển khai hiệu quả.

Thứ tư, tạo lập và phát triển môi trường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế về KH, CN.

Với vị thế là trung tâm vùng và quốc gia, Hà Nội có điều kiện thuận lợi để mở rộng hợp tác với các địa phương, các tổ chức khoa học trong nước và quốc tế, qua đó tiếp cận nhanh các thành tựu KH, CN tiên tiến. Mạng lưới liên kết viện - trường - doanh nghiệp cùng sự tham gia của các quỹ đầu tư đã thúc đẩy trao đổi thông tin, chia sẻ kết quả nghiên cứu và phối hợp nguồn lực khoa học, qua đó nâng cao hiệu quả thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tăng cường liên kết trong hoạt động KH, CN, góp phần thúc đẩy chia sẻ nguồn lực trong hệ thống KH, CN cả nước.

2.2.2.4. Vai trò phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và CDS, phát triển KH, CN là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng phát triển của Thủ đô Hà Nội. Vai trò của phát triển KH, CN được thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, phát triển KH, CN là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô.

Trong bối cảnh các nguồn lực truyền thống ngày càng thu hẹp, KH, CN là một trong những yếu tố quan trọng nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các ngành kinh tế tri thức, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ giá trị gia tăng lớn. Qua đó, KH, CN góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Hà Nội theo hướng dựa trên ĐMST và phát triển bền vững.

Thứ hai, phát triển KH, CN giữ vai trò nền tảng trong hiện đại hóa quản lý đô thị và xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, hạnh phúc.

Thông qua ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và internet vạn vật, KH, CN tạo cơ sở xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị đô thị, cải thiện chất lượng dịch vụ công, đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử của Thủ đô trong điều kiện phát triển mới.

Thứ ba, phát triển KH, CN là một trong những yếu tố quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Hà Nội trong khu vực và quốc tế.

Việc đẩy mạnh phát triển KH, CN giúp Hà Nội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng lực ĐMST và trình độ công nghệ, qua đó tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thu hút các dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chất lượng cao

và góp phần nâng cao vị thế của Thủ đô với tư cách là trung tâm KH, CN của quốc gia và thành phố sáng tạo trong mạng lưới đô thị toàn cầu.

Thứ tư, phát triển KH, CN ở Hà Nội có vai trò quan trọng trong nâng cao tiềm lực KH, CN quốc gia.

Với lợi thế tập trung hệ thống viện nghiên cứu, trường đại học và đội ngũ trí thức lớn, Hà Nội có điều kiện thuận lợi để triển khai và thử nghiệm các mô hình phát triển, cơ chế, chính sách mới về KH, CN. Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và mô hình quản lý được triển khai tại Hà Nội có khả năng lan tỏa tới các địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng và phạm vi cả nước, qua đó góp phần nâng cao tiềm lực KH, CN quốc gia.

2.3. THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Lãnh đạo là một khái niệm có nội hàm rộng, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Tùy theo cách tiếp cận, quan niệm về lãnh đạo có sự khác biệt về chủ thể, mục tiêu, phương thức và quá trình tác động. Do đó, đây là một khái niệm phức tạp và cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất hoàn toàn.

Theo Đại từ điển tiếng Việt, lãnh đạo được hiểu là “dẫn dắt, tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể” [168, tr.797]. Trong khi đó, Từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (2021) cho rằng lãnh đạo là “Đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức, động viên thực hiện” [168, tr.687]. Tuy có sự khác biệt về cách diễn đạt, song hai định nghĩa trên đều thống nhất ở việc chỉ rõ hai nội dung cơ bản của hoạt động lãnh đạo, đó là: xác lập định hướng và tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Sách tra cứu các mục từ về tổ chức định nghĩa: “Lãnh đạo là chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền do Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước hoặc Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức CT - XH và các tổ chức khác trong xã hội quy định. Theo nghĩa rộng, lãnh đạo...là công việc mà tất cả các chủ thể là tổ chức và cá nhân có thẩm quyền tác động đến các tổ chức và cá nhân dưới quyền và các thành viên khác trong xã hội khi thi hành nhiệm vụ do các chủ thể đó vạch ra...” [110, tr.471]. Định nghĩa này làm rõ

tính chính danh, thẩm quyền và trách nhiệm pháp lý của chủ thể lãnh đạo trong hệ thống tổ chức xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cơ sở quan trọng để nhận thức bản chất và yêu cầu của hoạt động lãnh đạo. Trong tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc*, Người đã luận giải tương đối đầy đủ nội hàm của khái niệm lãnh đạo và đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu “lãnh đạo đúng”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng:

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách đúng đắn. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng kết quả của sự lãnh đạo của ta.
2. Phải tổ chức thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp thì không xong.
3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được [75, tr.285].

Ba khâu này có mối liên hệ chặt chẽ, thống nhất với nhau, hợp thành quy trình lãnh đạo khoa học của Đảng, bao gồm: ra quyết định, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát. Trong cả ba khâu của quá trình lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều nhấn mạnh yêu cầu phải dựa vào nhân dân, phát huy vai trò tham gia và sự giúp đỡ của nhân dân. Đặc biệt, việc Đảng ban hành những quyết định đúng đắn được Người coi là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả lãnh đạo. Theo Người, để có quyết định đúng “thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng kết quả của sự lãnh đạo của ta” [75, tr.285].

Kế thừa và phát triển quan điểm của Hồ Chí Minh, sách “350 thuật ngữ Xây dựng Đảng” đưa ra cách hiểu mang tính hệ thống và toàn diện về lãnh đạo. Theo đó, lãnh đạo là “khái niệm phản ánh quá trình hoạt động của con người, trong đó chủ thể lãnh đạo xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp hành động; đồng thời tổ chức, động viên, thuyết phục đối tượng lãnh đạo phát huy nguồn lực, tiềm năng sáng tạo nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra, gắn với việc kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện” [117, tr.304].

Từ những cách tiếp cận và quan niệm nêu trên, có thể đưa ra khái niệm về lãnh đạo như sau: Lãnh đạo là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của chủ

thể lãnh đạo đối với đối tượng lãnh đạo thông qua việc xác định mục tiêu, đề ra chủ trương, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Khoa học, công nghệ là một trong những lĩnh vực đời sống xã hội giữ vai trò trọng yếu; trong khi đó, lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng. Sách chuyên khảo “Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội” (2018) đã đưa ra khái niệm: “Đảng lãnh đạo khoa học và công nghệ là toàn bộ hoạt động của Đảng đề ra các quyết định về khoa học và công nghệ; tổ chức các lực lượng thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện thắng lợi các quyết định của Đảng về khoa học và công nghệ” [59, tr.95].

Từ những nhận thức về khái niệm lãnh đạo và Đảng lãnh đạo khoa học và công nghệ, có thể hiểu khái niệm: *Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ là toàn bộ hoạt động của Thành ủy, BTVTU trong việc quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về phát triển KH, CN; xây dựng, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận đó; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội văn minh, hiện đại, hạnh phúc.*

Chủ thể lãnh đạo: Thành ủy Hà Nội, trong đó trực tiếp, thường xuyên là BTVTU Hà Nội với sự tham mưu, giúp việc của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, nhất là Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Văn phòng Thành ủy.

Đối tượng lãnh đạo: Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về KH, CN; các sở, ban, ngành của Thành phố.

2.3.2. Nội dung Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Một là, Thành ủy lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN của thành phố Hà Nội.

Nội dung này phản ánh chức năng định hướng chiến lược của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô, giữ vai trò khởi phát

và chi phối toàn bộ chu trình lãnh đạo trong lĩnh vực này. Trên cơ sở quán triệt và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố, Thành ủy ban hành các nghị quyết, chương trình, đề án, kết luận về phát triển KH, CN, làm rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lãnh đạo phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố trong từng giai đoạn. Nội dung lãnh đạo tập trung xác định các lĩnh vực ưu tiên, nhiệm vụ trọng tâm và định hướng huy động, phân bổ nguồn lực cho phát triển KH, CN; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển KH, CN với phát triển KT - XH, QP, AN, bảo vệ môi trường, ĐMST và CDS. Việc xác định đúng phương hướng và trọng tâm phát triển KH, CN tạo cơ sở cho việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm hoạt động KH, CN phát triển đúng định hướng chiến lược và đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố trong từng giai đoạn. Sự kết hợp giữa phát triển KH, CN với các mục tiêu phát triển KT - XH còn góp phần thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của Thành phố trong bối cảnh đầy mạnh CDS và hội nhập quốc tế. Việc xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển KH, CN phải bảo đảm tính chiến lược, đồng bộ, khả thi, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của Thủ đô, đồng thời tạo cơ sở chính trị cho các cấp, các ngành của Thành phố tổ chức thực hiện thống nhất, phát huy vai trò của KH, CN như một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững.

Hai là, Thành ủy lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN.

Thành ủy lãnh đạo việc quán triệt và triển khai thống nhất các nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN trong toàn Đảng bộ Thành phố; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cụ thể hóa thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch và các giải pháp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Trên cơ sở đó, các cấp ủy lãnh đạo chính quyền, cơ quan chuyên môn và các tổ chức liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển KH, CN, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển KH, CN của Thành phố với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Thành ủy đồng thời lãnh đạo việc gắn trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức

đảng và người đứng đầu với kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH, CN; tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả. Qua đó, bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN được triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong toàn Đảng bộ Thành phố.

Để bảo đảm thực hiện hiệu quả nội dung lãnh đạo này, các cấp ủy, tổ chức đảng phải kịp thời cụ thể hóa nghị quyết, chủ trương của Thành ủy thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân; tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển KH, CN. Đồng thời, cần bảo đảm sự thống nhất về nhận thức và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành và các chủ thể tham gia hoạt động KH, CN. Đây là điều kiện quan trọng bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy được triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn Đảng bộ và HTCT Thành phố, góp phần nâng cao tiềm lực KH, CN và thúc đẩy sự phát triển của Thủ đô.

Ba là, Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung lãnh đạo này nhằm bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN được thể chế hóa và tổ chức thực hiện thông qua hoạt động của chính quyền các cấp. Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy và BTVTU, Thành ủy lãnh đạo HĐND Thành phố cụ thể hóa thành các nghị quyết, cơ chế, chính sách và quyết định thuộc thẩm quyền về phát triển KH, CN; quyết định các chủ trương đầu tư, phân bổ nguồn lực và kinh phí cho các chương trình, nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành phố. Đồng thời, Thành ủy lãnh đạo HĐND Thành phố thực hiện tốt chức năng giám sát đối với UBND Thành phố và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình, dự

án và sử dụng nguồn lực cho phát triển KH, CN, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Đối với UBND Thành phố, Thành ủy lãnh đạo việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy thành chương trình, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách và các giải pháp quản lý, điều hành phát triển KH, CN trên địa bàn. Thành ủy lãnh đạo UBND Thành phố xây dựng dự toán kinh phí, đề xuất các chương trình, dự án và nhiệm vụ KH, CN trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định; đồng thời tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ĐMST và CDS; phát triển tiềm lực KH, CN, nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái ĐMST của Thủ đô. Thành ủy lãnh đạo UBND Thành phố quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và kinh phí được giao, bảo đảm phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển KH, CN của Thành phố.

Thành ủy cần bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất đối với hoạt động của HĐND và UBND Thành phố; kịp thời chỉ đạo thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết về phát triển KH, CN thành cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể. Đồng thời, cần phát huy vai trò của HĐND trong quyết định chủ trương, phân bổ nguồn lực và giám sát việc thực hiện; nâng cao trách nhiệm của UBND trong xây dựng dự toán, tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí cho phát triển KH, CN. Thành ủy cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong HTCT; gắn trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu với kết quả thực hiện; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đây là điều kiện quan trọng bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN được triển khai đồng bộ, hiệu quả và đi vào cuộc sống.

Bốn là, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố.

Tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp KH, CN cùng đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học là những chủ thể trực tiếp tạo ra, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa các thành tựu KH, CN phục vụ sự phát triển của Thủ đô.

Nếu hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp KH, CN chưa được kiện toàn đồng bộ; tổ chức bộ máy còn phân tán, cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ, năng lực nghiên cứu, ĐMST và chuyển giao công nghệ còn hạn chế; đồng thời đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học và nguồn nhân lực KH, CN chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu thì sẽ khó phát huy đầy đủ vai trò của KH, CN trong phát triển KT - XH. Vì vậy, Thành ủy Hà Nội cần tập trung lãnh đạo kiện toàn hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp KH, CN theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất; đồng thời chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học và nguồn nhân lực KH, CN có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, tư duy ĐMST, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và CDS.

Đồng thời, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành; xây dựng cơ cấu đội ngũ hợp lý giữa các lĩnh vực, các thế hệ, giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu ứng dụng; đồng thời đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng, đánh giá cán bộ khoa học trên cơ sở sản phẩm, hiệu quả và mức độ đóng góp thực tiễn. Thực hiện tốt nội dung này sẽ tạo nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH, CN, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hiện đại của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Năm là, Thành ủy lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

Nội dung lãnh đạo này thể hiện vai trò của Thành ủy trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, cộng đồng KH, CN, doanh nghiệp và xã hội đối với phát triển KH, CN. Thành ủy lãnh đạo tăng cường sự phối hợp giữa các cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và đội ngũ trí thức; đồng thời huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và hạ tầng KH, CN phục vụ phát triển Thủ đô.

Thành ủy lãnh đạo phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức CT - XH trong việc tham gia xây dựng, góp ý và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển KH, CN. Đồng thời, phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hà Nội trong tập hợp đội ngũ trí thức, tư vấn, phản biện và phổ biến tri thức khoa học; vai trò của Viện Nghiên cứu phát triển KT - XH Hà Nội trong nghiên cứu, dự báo, tham mưu và tư vấn chính sách KH, CN phục vụ phát triển KT - XH của Thành phố. Thành ủy lãnh đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của Thành phố đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH, CN; lan tỏa các mô hình, điển hình tiên tiến, góp phần nâng cao nhận thức xã hội và xây dựng văn hóa ĐMST. Cùng với đó, Thành ủy lãnh đạo mở rộng hợp tác, liên kết với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước và các đối tác quốc tế nhằm thu hút nguồn lực, tiếp nhận tri thức, công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản trị hiện đại phục vụ phát triển KH, CN của Thủ đô.

Để thực hiện hiệu quả nội dung lãnh đạo này, cần bảo đảm cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng tham gia hoạt động KH, CN; phát huy dân chủ, trí tuệ và trách nhiệm xã hội của đội ngũ trí thức, nhà khoa học; sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; đồng thời xây dựng môi trường hợp tác cởi mở, thuận lợi cho nghiên cứu, ĐMST và chuyển giao công nghệ. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành hệ sinh thái KH, CN và ĐMST đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội.

Sáu là, Thành ủy lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN.

Sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm không chỉ là khâu cần thiết trong quy trình lãnh đạo của Đảng mà còn là cơ sở để đánh giá đúng kết quả đạt được, nhận diện đầy đủ những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn phát triển KH, CN của Thủ đô. Nếu không coi trọng công tác này thì quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy dễ rơi vào tình trạng thiếu kiểm chứng thực tiễn, chậm phát hiện

những bất cập trong cơ chế, chính sách, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả phát triển KH, CN của Thành phố. Vì vậy, Thành ủy phải luôn coi lãnh đạo tiến hành sơ kết, tổng kết một cách nghiêm túc, khách quan, toàn diện, khoa học và đúng định kỳ đối với việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN; bảo đảm đánh giá đúng thực chất kết quả thực hiện, làm rõ những mô hình hay, cách làm sáng tạo, những kinh nghiệm có giá trị thực tiễn, đồng thời chỉ ra những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân để kịp thời điều chỉnh, bổ sung chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

Thành ủy cần gắn công tác sơ kết, tổng kết với kiểm tra, giám sát, với yêu cầu cập nhật tình hình mới, dự báo xu hướng phát triển KH, CN và đòi hỏi của thực tiễn Thủ đô; đồng thời phát huy trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan chuyên môn, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhà khoa học và các chủ thể liên quan trong việc cung cấp thông tin, đánh giá, phản biện và đề xuất kiến nghị. Thực hiện tốt nội dung này sẽ góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của Thành ủy, hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và bảo đảm cho các nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN ngày càng đi vào thực tiễn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hiện đại của Thủ đô.

2.3.3. Phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN là tổng thể các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình và cơ chế lãnh đạo mà Thành ủy sử dụng để tác động đến HTCT và các chủ thể tham gia hoạt động KH, CN trên địa bàn Thành phố nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH, CN, góp phần xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại và hạnh phúc.

Phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN bao gồm:

Một là, Thành ủy lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển KH, CN.

Phát triển KH, CN là lĩnh vực chiến lược, liên ngành, có tác động trực tiếp đến chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của Thủ đô. Do đó, cần được lãnh đạo bằng hệ thống nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn có tính thống nhất, lâu dài và tầm nhìn chiến lược; nếu thiếu định hướng sẽ dễ dẫn đến phân tán nguồn lực, thiếu đồng bộ và không phát huy được vai trò động lực của KH, CN. Trong quá trình lãnh đạo, Thành ủy và trực tiếp, thường xuyên là BTVTU sử dụng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và chương trình đã ban hành làm căn cứ chỉ đạo phát triển KH, CN, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào nhiệm vụ chiến lược, khâu đột phá và vấn đề lớn của Thành phố. Việc lãnh đạo được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định tập thể của Thành ủy, BTVTU, không thay thế bằng ý kiến cá nhân cấp ủy viên. Đối với vấn đề mới phát sinh, BTVTU xem xét theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thành ủy đối với nội dung vượt thẩm quyền, bảo đảm kịp thời và linh hoạt.

Các nghị quyết, chủ trương về KH, CN phải được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và dự báo khoa học, bảo đảm tính khả thi và phù hợp yêu cầu phát triển Thủ đô. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp ủy, tổ chức đảng phải quán triệt và sử dụng thống nhất nghị quyết làm căn cứ lãnh đạo, tránh tùy tiện hoặc thay thế quyết định tập thể bằng ý kiến cá nhân. Đồng thời, cần gắn ban hành nghị quyết với quán triệt, cụ thể hóa, kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết, bảo đảm các định hướng lớn của Thành ủy về phát triển KH, CN được triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong toàn Đảng bộ Thành phố.

Hai là, Thành ủy lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động.

Tuyên truyền, thuyết phục, vận động là phương thức lãnh đạo quan trọng của Thành ủy nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động đối với phát triển KH, CN trong toàn Đảng bộ, HTCT và xã hội. Sau khi ban hành các nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN, Thành ủy lãnh đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH, CN đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô; làm cho các chủ thể nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của KH, CN đối với sự phát triển nhanh và bền vững của Thành phố.

Thành ủy đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động trong các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, nhất là Đảng ủy HĐND, Đảng ủy UBND Thành phố và đảng ủy các xã, phường, nhằm tạo cơ sở chính trị, tư tưởng cho việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển KH, CN. Đồng thời, Thành ủy, BTVTU lãnh đạo phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT - XH, đội ngũ trí thức, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan báo chí, truyền thông và nhân dân Thủ đô trong tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH, CN.

Thông qua phương thức này, Thành ủy tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy tinh thần ĐMST, phát huy trách nhiệm và sự tham gia tích cực của các tổ chức, lực lượng và nhân dân; đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn phục vụ việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, nghị quyết và nâng cao chất lượng lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

Ba là, Thành ủy lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Thành ủy, trực tiếp là BTVTU, lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức bộ máy và cán bộ trong HTCT Thành phố gắn với yêu cầu phát triển KH, CN. Thành ủy đặc biệt coi trọng công tác tổ chức, cán bộ của các cấp ủy trực thuộc, nhất là Đảng ủy HĐND Thành phố, Đảng ủy UBND Thành phố, đảng ủy các xã, phường và các cơ quan, đơn vị trực tiếp tham mưu, quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH, CN.

Trong lãnh đạo bằng công tác tổ chức, Thành ủy tập trung lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tham mưu và các tổ chức có liên quan đến hoạt động KH, CN theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác giữa các cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ĐMST và CDS.

Thành ủy chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ tham mưu, đội ngũ chuyên gia và nhà khoa học có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, tư duy ĐMST và năng lực tổ chức thực tiễn; đồng thời thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng và luân chuyển cán bộ. Thành ủy gắn trách

nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KH, CN; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ.

Thành ủy, BTVTU lãnh đạo các cơ quan chức năng của chính quyền Thành phố tăng cường thanh tra, kiểm toán, kiểm soát việc quản lý, sử dụng nguồn lực và triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ KH, CN; kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán của chính quyền nhằm kịp thời phát hiện, phòng ngừa, xử lý sai phạm, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các nguồn lực cho phát triển KH, CN, đồng thời nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Bốn là, Thành ủy lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên.

Trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc HTCT Thành phố đều có tổ chức đảng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do Đảng quy định; trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chủ trương, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô. Trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc HTCT Thành phố đều có tổ chức đảng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ do Đảng quy định. Thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, Thành ủy lãnh đạo việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chỉ thị, kết luận về phát triển KH, CN phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Trước ngày 01/7/2026, Thành ủy thực hiện sự lãnh đạo đối với HĐND Thành phố thông qua Đảng đoàn HĐND Thành phố và đối với UBND Thành phố thông qua Ban Cán sự đảng UBND Thành phố. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng theo quy định của Trung ương, Thành ủy thực hiện sự lãnh đạo thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng trong HTCT, trong đó có Đảng bộ HĐND Thành phố và Đảng bộ UBND Thành phố, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, xuyên suốt đối với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH, CN.

Thành ủy đồng thời coi trọng phát huy vai trò của đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thông qua tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ này, các chủ trương, nghị quyết về phát triển KH, CN được cụ thể hóa và triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Người đứng đầu phải gương mẫu trong tư duy đổi mới, ứng dụng tiến bộ KH, CN, CDS và ĐMST, tạo động lực và sức lan tỏa trong cơ quan, đơn vị và địa phương.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả phương thức lãnh đạo này, Thành ủy cần thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, nhất là người đứng đầu; đồng thời tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, đảng viên phát huy năng lực chuyên môn, tinh thần ĐMST và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KH, CN.

Năm là, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Kiểm tra, giám sát là phương thức lãnh đạo quan trọng của Thành ủy nhằm bảo đảm các nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN được thực hiện nghiêm túc, thống nhất và hiệu quả trong toàn Đảng bộ Thành phố. Thành ủy, trực tiếp là BTVTU, lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về phát triển KH, CN trên địa bàn.

Thông qua UBKT Thành ủy và các cơ quan chức năng, Thành ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương về phát triển KH, CN. Trong đó, đặc biệt chú trọng kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc, tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong lĩnh vực KH, CN, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện BTVTU quản lý và các cơ quan, đơn vị trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành phố.

Qua kiểm tra, giám sát, Thành ủy kịp thời phát hiện hạn chế, khuyết điểm, vi phạm, biểu hiện thiếu trách nhiệm hoặc thực hiện không nghiêm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định; đồng thời biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân có cách làm sáng tạo, hiệu quả trong lĩnh vực KH, CN.

Thành ủy, BTVTU cũng lãnh đạo các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm toán, kiểm soát việc quản lý, sử dụng nguồn lực và triển khai các chương trình, đề án KH, CN; kết hợp chặt chẽ kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của chính quyền, qua đó nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm sử dụng đúng, hiệu quả các nguồn lực phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội.

2.3.4. Vai trò Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Thứ nhất, giữ vai trò định hướng chính trị, bảo đảm phát triển KH, CN của Thủ đô đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

KH, CN là lĩnh vực đặc biệt quan trọng, tác động sâu rộng đến kinh tế, xã hội, QP, AN, văn hóa và quản trị quốc gia. Nếu thiếu định hướng chính trị đúng đắn dễ dẫn đến tự phát, lệch hướng hoặc chạy theo lợi ích ngắn hạn, không gắn với phát triển bền vững. Vai trò định hướng chính trị bảo đảm phát triển KH, CN ở Hà Nội bám sát đường lối của Đảng, phù hợp vị trí Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, KH, CN và ĐMST. Đồng thời, góp phần thống nhất nhận thức, mục tiêu và hành động trong toàn HTCT, bảo đảm KH, CN không chỉ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn phục vụ nâng cao hiệu quả quản trị đô thị và giải quyết các "bài toán lớn" của Thủ đô, tập trung vào bốn nhóm vấn đề trọng tâm: khắc phục các điểm nghẽn đô thị kéo dài; phát triển không gian đô thị; kiến tạo động lực tăng trưởng kinh tế và làm chủ công nghệ; bảo đảm an ninh, an sinh xã hội và phát triển bền vững.

Thứ hai, là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH, CN của thành phố Hà Nội.

Sự lãnh đạo của Thành ủy có ý nghĩa quyết định trong bảo đảm các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KH, CN được thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. KH, CN là lĩnh vực liên ngành, liên quan nhiều chủ thể và đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa định hướng, thể chế, nguồn lực, tổ chức bộ máy và kiểm tra, giám sát; nếu thiếu lãnh đạo tập trung dễ dẫn đến phân tán, chòng chéo, giảm hiệu quả. Lãnh đạo của Thành ủy giúp cụ thể hóa nghị quyết của Đảng phù hợp Thủ đô,

huy động sức mạnh HTCT, phát huy vai trò chính quyền, cơ quan chuyên môn, trí thức, doanh nghiệp và nhân dân; đồng thời kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nhiệm vụ, bảo đảm phát triển KH, CN đúng hướng, hiệu quả và bền vững.

Thứ ba, đóng vai trò trung tâm điều phối, gắn kết và phát huy sức mạnh tổng hợp các chủ thể phát triển KH, CN.

Phát triển KH, CN là nhiệm vụ liên ngành, liên lĩnh vực, liên quan nhiều chủ thể như cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, trí thức và địa phương. Nếu thiếu một trung tâm lãnh đạo có đủ thẩm quyền chính trị để điều phối, gắn kết và định hướng thống nhất thì rất dễ xảy ra tình trạng phân tán nguồn lực, cục bộ ngành, chồng chéo nhiệm vụ, thiếu liên thông trong phối hợp và không phát huy được đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của từng tổ chức, lực lượng. Thành ủy giữ vai trò tạo thống nhất về nhận thức, mục tiêu và hành động; bảo đảm phối hợp đồng bộ, hiệu quả. Qua đó, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực con người, tài chính, hạ tầng, dữ liệu và trí thức; thúc đẩy liên kết nghiên cứu – đào tạo – ứng dụng – sản xuất, tăng chia sẻ thông tin và xử lý kịp thời vướng mắc, tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ tư, giữ vai trò nòng cốt trong huy động nhân dân và phân bổ hiệu quả nguồn lực phát triển KH, CN.

Thành ủy Hà Nội giữ vai trò nòng cốt trong huy động sự tham gia của nhân dân và phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội cho phát triển KH, CN. Phát triển KH, CN không thể chỉ dựa vào ngân sách mà cần huy động rộng rãi doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học và toàn xã hội; đồng thời phân bổ nguồn lực hợp lý, đúng trọng tâm. Với vị thế trung tâm lớn, nếu thiếu lãnh đạo thống nhất dễ dẫn đến phân tán, dàn trải và lãng phí nguồn lực.

Thực hiện tốt vai trò này góp phần khơi dậy sáng tạo, đồng thuận xã hội; huy động hiệu quả ngân sách, xã hội hóa, hợp tác công - tư, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia. Đồng thời, bảo đảm phân bổ nguồn lực đúng chiến lược, ưu tiên lĩnh vực then chốt và khâu đột phá, nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí và tạo động lực phát triển nhanh, bền vững.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã làm rõ một cách hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN hiện nay. Qua phân tích cho thấy, sự lãnh đạo của Thành ủy giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển KH, CN của Thủ đô. Việc xác định đúng nội dung lãnh đạo và vận dụng phù hợp phương thức lãnh đạo là điều kiện bảo đảm để KH, CN phát triển đúng định hướng, gắn với mục tiêu phát triển KT - XH, QP, AN và xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại.

Nội dung lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội bao gồm: *Một là*, Thành ủy lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN của thành phố Hà Nội; *Hai là*, Thành ủy lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN; *Ba là*, Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội; *Bốn là*, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố; *Năm là*, Thành ủy lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố; *Sáu là*, Thành ủy lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN.

Phương thức lãnh đạo lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội bao gồm: *Một là*, lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển KH, CN; *Hai là*, lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động; *Ba là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; *Bốn là*, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên; *Năm là*, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

Những kết quả nghiên cứu trong chương này đã hình thành khung lý luận và cơ sở phân tích quan trọng để tiếp cận, đánh giá thực trạng lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội trong thời gian qua; đồng thời là nền tảng khoa học để đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới, đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô và đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

Chương 3

THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

3.1.1. Ưu điểm, kết quả

3.1.1.1. Ưu điểm về thực hiện nội dung Thành ủy lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Thứ nhất, Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành phố kịp thời, chủ động và cơ bản sát với yêu cầu thực tiễn của Thủ đô và xu thế chung của đất nước.

Nhận thức rõ vai trò của KH, CN đối với phát triển Thủ đô, trong các nhiệm kỳ Đại hội khóa XVI (2015 - 2020) và khóa XVII (2020 - 2025), quán triệt chủ trương của Trung ương, Thành ủy Hà Nội đã ban hành nhiều chủ trương, quyết sách quan trọng nhằm xác lập phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm về KH, CN phù hợp với đặc thù phát triển của Thủ đô.

Giai đoạn 2015 - 2020, trên cơ sở Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Thành ủy ban hành Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 25/4/2013 xác định phương hướng, tầm nhìn chiến lược của Thủ đô:

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á trong một số lĩnh vực [121].

Nghị quyết Đại hội khóa XVI tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “Khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm lực, xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước” [122].

Bước sang giai đoạn 2020 - 2025, trong Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, Thành ủy tiếp tục xác định phương hướng: “Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển Thủ đô hiện đại, văn minh” [123]. Trước đó, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Chương trình số 07-CTr/TU, ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển KH, CN và ĐMST giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu đưa KH, CN và ĐMST trở thành động lực chính để phát triển Thủ đô, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Thành ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về “Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó xác định KH, CN, ĐMST và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu của Thủ đô. Đặc biệt, sau Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về “Đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia”, Thành ủy Hà Nội đã kịp thời quán triệt, cụ thể hóa bằng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển KH, CN, ĐMST và CDS, từng bước đưa KH, CN trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển KT - XH của thành phố Hà Nội.

Trong giai đoạn 2015 - 2025, Thành ủy Hà Nội đã ban hành, tổ chức thực hiện 02 nghị quyết, 21 kế hoạch, 12 quyết định, 01 chỉ thị, 08 kết luận và 07 chương trình về phát triển KH, CN [Phụ lục 3.1]. Hệ thống văn bản cho thấy sự quan tâm thường xuyên, liên tục, đồng thời phản ánh tư duy chủ động, tầm nhìn chiến lược và khả năng cụ thể hóa kịp thời chủ trương Trung ương vào điều kiện Thủ đô.

Thành ủy Hà Nội đã định hướng phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN phù hợp, kịp thời với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, CNH, HĐH và xu thế CMCN 4.0. Tính chủ động, kịp thời và bám sát thực tiễn còn được phản ánh qua khảo sát: 349/833 người (41,9%) đánh giá mức tốt; 253/833 người (30,4%) mức rất tốt đối với nội dung lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội [Phụ lục 15.9]; đồng thời 392/833 người (47,1%) đồng ý và 281/833 người (33,7%) hoàn toàn đồng ý rằng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển

KH, CN kịp thời, chủ động và sát thực tiễn [Phụ lục 14]. Điều đó khẳng định sự đồng thuận cao và tính đúng đắn, phù hợp của các chủ trương phát triển KH, CN giai đoạn 2015 - 2025.

Thứ hai, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN đạt kết quả tích cực, tương đối đồng bộ.

Sau khi ban hành các nghị quyết, chương trình và văn bản chỉ đạo, Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

Giai đoạn 2015 - 2020, thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, 100% quận, huyện, thị ủy đã tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; tỷ lệ cán bộ chủ chốt tham gia học tập đạt 96% - 99%, cấp xã đạt trên 90%. Các cấp ủy, sở, ngành đều xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội về Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Giai đoạn 2020 - 2025, BTVTU ban hành Quyết định số 586-QĐ/TU ngày 15/12/2020 thành lập Ban Chỉ đạo 10 Chương trình công tác của Thành ủy khóa XVII, trong đó có Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU, ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển KH, CN và ĐMST. Sau hội nghị quán triệt, 100% đảng ủy trực thuộc đã triển khai học tập, tuyên truyền, tổ chức thực hiện đúng tiến độ; đồng thời lồng ghép nội dung KH, CN vào chương trình toàn khóa và kế hoạch hằng năm. Việc cụ thể hóa Chương trình số 07-CTr/TU tạo chuyển biến rõ về nhận thức, trách nhiệm; KH, CN trở thành nội dung lãnh đạo thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Nội đô ưu tiên dịch vụ đô

thị, CDS, ĐMST; ngoại thành chú trọng công nghệ cao trong nông nghiệp, môi trường và dịch vụ công.

Ban Chỉ đạo 57 của Thành ủy được thành lập theo Quyết định số 8228-QĐ/TU ngày 18/02/2025 để triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Thông qua cơ chế này, Thành ủy lãnh đạo triển khai đồng bộ, có trọng tâm tại 126 đảng ủy xã, phường. Các địa phương xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép trong phát triển KT - XH; nhiều nơi triển khai ISO TCVN 9001:2015, sáng kiến, nhãn hiệu, ứng dụng KH, CN trong nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, CNTT, cải cách hành chính; kiện toàn Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến [130].

Thành phố đã hoàn thành hạ tầng mạng chuyên dùng kết nối 126 đảng ủy xã, phường phục vụ giao ban trực tuyến và chia sẻ dữ liệu. Có 124/126 xã, phường (98,4%) bố trí công chức CNTT, CDS; 112/126 (88,9%) bố trí công chức vận hành hệ thống. Trước 01/7/2025, đã hoàn thành kết nối mạng 100% đảng ủy xã, phường và số hóa 100% kết quả TTHC cấp huyện còn hiệu lực [130].

Kết quả khảo sát cho thấy 336/833 người (40,3%) đánh giá mức tốt, 240/833 người (28,8%) mức rất tốt việc Thành ủy lãnh đạo cấp ủy tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN [Phụ lục 15.11]. Đồng thời có 44,7% đồng ý và 31,6% hoàn toàn đồng ý rằng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo thực hiện nghị quyết về phát triển KH, CN đạt kết quả tích cực, đồng bộ [Phụ lục 14]. Điều đó khẳng định sự triển khai tương đối đồng bộ, hiệu quả và chuyển biến tích cực trong toàn HTCT giai đoạn 2015 - 2025.

Thứ ba, Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội một cách đồng bộ và đạt hiệu quả thiết thực.

Thành ủy Hà Nội đã phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo đối với HĐND và UBND Thành phố trong việc thể chế hóa các nghị quyết, chủ trương về KH, CN thành cơ chế, chính sách, kế hoạch và chương trình hành động có khả năng

triển khai trên thực tế. Từ 2015 - 2025, trên cơ sở các nghị quyết, chương trình của Thành ủy, HĐND Thành phố đã ban hành khoảng 50 nghị quyết theo thẩm quyền nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, bố trí nguồn lực, kinh phí cho KH, CN, nhất là các khâu dễ phát sinh điểm nghẽn như cơ chế tài chính, định mức, danh mục dịch vụ sự nghiệp công, thẩm quyền mua sắm, chính sách hỗ trợ hệ sinh thái ĐMST [Phụ lục 3.2]. Đặc biệt, ngày 29/9/2025, HĐND thành phố Hà Nội ban hành 6 nghị quyết chuyên đề về KH, CN, trong đó có Nghị quyết 34/2025/NQ-HĐND về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội tạo nền tảng pháp lý cho các cơ chế, chính sách đột phá trong lĩnh vực này. Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND, ngày 09/7/2025 quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030. Theo đó, đối tượng hỗ trợ bao gồm: các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực khoa học, sản xuất, chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp sáng tạo, công nghiệp chủ lực trên địa bàn Thành phố được Thành phố hỗ trợ về đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn viên trên địa bàn Thành phố, hỗ trợ tư vấn chuyên sâu, hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Thành ủy lãnh đạo UBND Thành phố cụ thể hóa chủ trương về KH, CN thành hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, phân công rõ cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp gắn với cơ chế điều phối liên ngành. Giai đoạn 2015 - 2025, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành gần 200 kế hoạch, quyết định liên quan đến KH, CN [Phụ lục 3.3], trong đó Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan nòng cốt tham mưu, theo dõi, tổng hợp.

Kết quả trên các phương diện cho thấy:

Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ: Thành phố ban hành Quyết định số 4116/QĐ-UBND thành lập 09 chương trình KH, CN giai đoạn 2021 - 2025, giảm 03 chương trình so với 2015 - 2020 [Phụ lục 4.1]. Việc giảm số lượng chương trình KH, CN từ 12 xuống 09 chương trình cho thấy chính quyền Thành phố đã có sự điều chỉnh theo hướng tinh gọn, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực ưu tiên, góp phần hạn chế đầu tư dàn trải và

nâng cao tính trọng tâm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH, CN. Từ 2012 - 2025, Hà Nội phê duyệt và triển khai 1.165 nhiệm vụ KH, CN cấp Thành phố; trong đó 2021 - 2024 triển khai 347 nhiệm vụ, có 223 nhiệm vụ mới; trên 90% thực hiện tuyển chọn công khai. Trong 188 đề tài, dự án nghiệm thu giai đoạn 2021 - 2024, có 90% đề tài và 100% dự án sản xuất thử nghiệm được ứng dụng thực tiễn [132]. Nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp yêu cầu phát triển KT - XH, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân Thủ đô [Phụ lục 4.2]. Giai đoạn 2015 - 4/2022, đã đánh giá 20 nhiệm vụ doanh nghiệp tư đầu tư và chứng nhận 6 doanh nghiệp KH, CN [Phụ lục 11.1].

Về tiềm lực KH, CN: Giai đoạn 2015 - 2020, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo UBND Thành phố:

Quan tâm đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương đẩy nhanh tiến độ, cơ bản hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc, tạo làn sóng thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Đầu tư xây dựng, đưa vào hoạt động Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ thông tin đổi mới sáng tạo Hà Nội (HBI-IT) từ tháng 1-2017. Hoàn thành dự án đầu tư cơ sở hạ tầng với trang thiết bị, công nghệ hiện đại của thành phố tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc [122].

Giai đoạn 2021 - 2025, tổng dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho KH, CN đạt 3.901,7 tỷ đồng, tổng chi đầu tư phát triển đạt 143,1 tỷ đồng [132]. Tỷ lệ bố trí kinh phí chi ngân sách nhà nước cho KH, CN chiếm khoảng 0,65% tổng chi ngân sách địa phương và khoảng 0,11% GRDP [Phụ lục 5.2]. Chỉ số CDS cấp tỉnh (DTI) tăng 37 bậc từ năm 2020 đến năm 2023 [Phụ lục 6.1]; chỉ số kinh tế số tăng từ thứ 38 năm 2021 lên thứ 4 năm 2023. Tỷ trọng kinh tế số giai đoạn 2021 - 2024 đạt bình quân 15,9% GRDP, cao hơn mức bình quân cả nước (12,94%) và đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố [Phụ lục 6.2]. Tỷ trọng đóng góp của TFP trong tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2023 đạt trung bình 52,39%, dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 50,2% - 52,45%, vượt mục tiêu trên 50% [Phụ lục 7.1]. Trong nông nghiệp,

Thành phố có 406 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao [Phụ lục 7.2]; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021 - 2023 đạt 4,8% [Phụ lục 7.3].

Về ứng dụng, chuyển giao KH, CN: Thành ủy chỉ đạo UBND Thành phố tổ chức thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH, CN trên địa bàn Thủ đô đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy CDS và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVII trình Đại hội đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ Thành phố khẳng định:

Nhiều hệ thống, ứng dụng được thử nghiệm, hướng tới xây dựng đô thị thông minh, hiện đại như: Ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHaNoi); Sổ sức khỏe điện tử, Cấp lý lịch tư pháp trên VneID; đã có trên 99,5% doanh nghiệp đang hoạt động khai thuế qua mạng, trên 99,1% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp, giao dịch không dùng tiền mặt ngày càng tăng cao... [131].

Giai đoạn 2021 - 2024, Hà Nội đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng KH, CN, dẫn đầu cả nước với 180 doanh nghiệp KH, CN (chiếm 21% cả nước), cấp mới 86 giấy chứng nhận doanh nghiệp KH, CN, thẩm định công nghệ cho 208 dự án và huy động 1.618,1 tỷ đồng từ Quỹ phát triển KH, CN doanh nghiệp. Thành phố công nhận 148 sản phẩm công nghiệp chủ lực, phê duyệt 63 nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ 73 nhiệm vụ đăng ký sở hữu trí tuệ và hình thành 15 trung tâm thiết kế sáng tạo gắn với OCOP, làng nghề và du lịch. Ứng dụng KH, CN, CDS tại các địa phương tạo chuyển biến tích cực; toàn Thành phố có 2.712 sản phẩm OCOP, trong đó 1.476 sản phẩm đạt 4 sao, góp phần nâng cao giá trị, mở rộng thị trường và thúc đẩy phát triển kinh tế Thủ đô theo hướng hiện đại, bền vững [133].

Về phát triển thị trường KH, CN và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST: Thị trường KH, CN của Hà Nội có bước phát triển tích cực. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVII trình Đại hội đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ Thành phố nêu rõ: “Thị trường khoa học, công nghệ phát

triển mạnh mẽ, với 148 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, chiếm 21% cả nước” [121], khẳng định vị thế dẫn đầu của Thủ đô trong phát triển hệ sinh thái ĐMST và doanh nghiệp KH, CN. Hà Nội cũng đã ban hành Quyết định số 154/QĐ-UBND, ngày 13/01/2022 về Chương trình phát triển thị trường KH, CN đến năm 2030; phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội” tại Quyết định 1442/QĐ-UBND, Quyết định số 1235/QĐ-UBND, ngày 27/02/2023 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 04/7/2023. Thành phố liên tục đứng đầu cả nước về Bộ Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) các năm 2022, 2023, 2024; hệ sinh thái khởi nghiệp tăng 17 bậc năm 2024, xếp 157 thế giới [132]. Hà Nội có khoảng 1.000 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST (26,32% cả nước); 32 tổ chức ươm tạo (38,1%); 14 tổ chức thúc đẩy kinh doanh (40%) [133]. Đến năm 2024, đạt trên 8.000 công bố quốc tế/năm, tăng 4,1%/năm [Phụ lục 8.1]; đăng ký sáng chế tăng 2,7%/năm, bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích tăng 14% [Phụ lục 8.2]. Thành phố có 5.583 sáng kiến cấp Thành phố giai đoạn 2021 - 2024 và 58 giải pháp tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lần thứ nhất năm 2024 [133]. Hỗ trợ ươm tạo: giai đoạn 2012 - 2021 có trên 31 lượt doanh nghiệp và 2 hợp tác xã chủ trì 45 dự án KH, CN quốc gia; 6 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ ươm tạo, đổi mới công nghệ [Phụ lục 11.2, 11.3]. Các kết quả trên cho thấy KH, CN ngày càng trở thành động lực quan trọng trong cơ cấu tăng trưởng Thủ đô, chuyển dịch từ tăng trưởng dựa vào vốn và lao động sang dựa vào năng suất, tri thức và công nghệ, qua đó khẳng định hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy trong cụ thể hóa chủ trương phát triển KH, CN thành động lực phát triển KT - XH của Thành phố.

Về hợp tác, liên kết và hội nhập quốc tế: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố đã hợp tác với trên 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có các nước có tiềm lực KH, CN mạnh như Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Mỹ... nhằm tư vấn, chuyên gia, đào tạo nhân lực, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chia sẻ thông tin KH, CN [125]. Hà Nội tham gia Mạng lưới các thành phố Sáng tạo của UNESCO, kết nối hơn 100 không gian sáng tạo, tổ chức thường niên Lễ hội Thiết kế Sáng tạo Hà Nội; quy mô khách tham dự tăng từ 30.000 lượt năm 2022 lên hơn 200.000 lượt năm 2023 [132]. Thành

phổ tăng cường hợp tác với JICA, KOICA, AFD, Siemens và nhiều tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài; thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 15/02/2024 về phát huy nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài. Năm 2025 ký thỏa thuận với Saint Petersburg, triển khai Đề án số 19/ĐA-UBND tại Hàn Quốc và ký Biên bản ghi nhớ với UNDP [132].

Về huy động nguồn lực xã hội: Thành phố tổ chức nhiều diễn đàn, hội thảo, tọa đàm về CDS, ĐMST; triển khai tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW tới hơn 600 điểm cầu với trên 3,5 vạn cán bộ, đảng viên. Các kênh truyền thông số của Thành phố, trong đó có Zalo OA với gần 1,3 tỷ lượt tiếp cận thông tin, đã góp phần lan tỏa mạnh mẽ các thông điệp về ĐMST [133].

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy sự đánh giá tích cực đối với nội dung lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong chỉ đạo chính quyền các cấp triển khai các chủ trương, nghị quyết về phát triển KH, CN. Trong 833 phiếu khảo sát hợp lệ, có 341/833 người (40,9%) đánh giá mức tốt [Phụ lục 15.10]; 245/833 người (29,4%) đánh giá mức rất tốt. Đồng thời, có 381/833 người (45,7%) đồng ý và 272/833 người (32,7%) hoàn toàn đồng ý rằng Thành ủy đã lãnh đạo HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về phát triển KH, CN đạt kết quả tích cực [Phụ lục 14]. Điều đó phản ánh sự thống nhất tương đối cao trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhà khoa học và các lực lượng liên quan về hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy đối với quá trình thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Thứ tư, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố theo hướng chất lượng cao.

Hà Nội có mạng lưới tổ chức KH, CN đa dạng, gồm 124 trường đại học, 113 viện nghiên cứu, 14/17 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; đội ngũ trình độ cao với tỷ lệ giáo sư chiếm 74,1%, phó giáo sư chiếm 64,1%, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học chiếm 52,5% so với cả nước; ngoài ra còn có hơn 100 tổ

chức KH, CN công lập do các trường đại học, viện nghiên cứu công lập thành lập và đăng ký hoạt động tại Sở Khoa học và Công nghệ [133].

Về kiện toàn tổ chức, Thành ủy lãnh đạo sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp KH, CN công lập, đổi mới cơ chế vận hành theo hướng tăng tính tự chủ. Thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU, Viện Nghiên cứu phát triển KT - XH Hà Nội đã trình UBND Thành phố “Chiến lược phát triển Viện Nghiên cứu phát triển KT - XH Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Giai đoạn 2012 - 2021, Sở Khoa học và Công nghệ cấp đăng ký hoạt động cho 350 tổ chức, gồm 95 công lập, 237 ngoài công lập và 19 chi nhánh, văn phòng đại diện [Phụ lục 9]. Giai đoạn 2020 - 2025, Sở cấp 318 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho tổ chức khoa học và công nghệ, trong đó cấp mới 213 tổ chức và chi nhánh, văn phòng đại diện; số tổ chức khoa học và công nghệ tư nhân mới bình quân trên 45 tổ chức/năm. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc UBND Thành phố, từ 7 tổ chức giai đoạn 2011 - 2015 giảm còn 4 năm 2016, còn 03 năm 2025. Sau Quyết định số 1344/QĐ-UBND, ngày 26/03/2026 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ vào Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, hiện còn 02 tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội [132].

Thành phố chú trọng phát triển doanh nghiệp KH, CN. Giai đoạn 2012 - 2026, Thành phố cấp mới Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH, CN cho 168 doanh nghiệp. Trong 10 năm (2012 - 4/2022), Sở Khoa học và Công nghệ cấp 79 doanh nghiệp, đồng thời tiếp nhận 34 giấy chứng nhận do Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH, CN cấp [Phụ lục 10]. Tính đến tháng 4/2022, Hà Nội dẫn đầu cả nước với 119 doanh nghiệp KH, CN trên tổng số khoảng 600 doanh nghiệp. Đến tháng 11/2025, Hà Nội có 204 doanh nghiệp trên tổng số khoảng 950 doanh nghiệp, chiếm khoảng 21% số doanh nghiệp cả nước. Đến tháng 6/2026, Thành phố hiện có 221 doanh nghiệp KH, CN, hơn 1.000 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST và 10.996 doanh nghiệp công nghệ số. Đây là lực lượng quan trọng để tiếp nhận, phát triển, thương mại hóa công nghệ và lan tỏa CDS trong các ngành, lĩnh vực [138]. Thành ủy Hà Nội từng bước quan tâm

lãnh đạo, chỉ đạo thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo với doanh nghiệp và tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với khu vực đầu tư nước ngoài. Qua đó, góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực ĐMST và khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu.

Về xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVI tại Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ thành phố Hà Nội khẳng định:

Chú trọng khai thác, phát huy tiềm lực, nhất là trí tuệ, tiềm năng “chất xám” của đội ngũ trí thức, các trường đại học và cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô [122].

Giai đoạn 2015 - 2025, Thành ủy đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Kế hoạch số 159/KH-UBND, ngày 07/10/2015 của UBND thành phố Hà Nội triển khai Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 08/3/2024 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”; Kế hoạch số 181-KH/TU, ngày 05/10/2023 của BTVTU Hà Nội về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Chương trình số 06-CTr/TU, ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội “Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2021-2025”; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 31/3/2021 về tập trung xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo; Quy định số 04-QĐ/TU về phân cấp quản lý cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 05- QĐ/TU về trách nhiệm và môi

quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác của thành phố Hà Nội; Quyết định số 1841-QĐ/TU về đánh giá, xếp loại hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong HTCT Thành phố; Quy định số 07-QĐ/TU về luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Hà Nội. Đồng thời, Thành phố tăng cường đào tạo, bồi dưỡng gắn nhiệm vụ phát triển KH, CN với CDS. Đến cuối năm 2025, đã đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng về CDS cho 19.845 lượt học viên, đạt 100% công chức, viên chức được bồi dưỡng theo chương trình triển khai; khối cơ quan Đảng tổ chức 14 lớp tập huấn, huy động hơn 100.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia [133].

Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH, CN, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội, cơ cấu nhân lực giai đoạn 2017 - 2023 biến đổi rõ nét: khoa học tự nhiên tăng từ 5.455 lên 7.649 người; khoa học y, dược từ 2.984 lên 8.324 người; khoa học nông nghiệp từ 3.120 lên 3.958 người; khoa học xã hội từ 12.291 lên 18.482 người; khoa học nhân văn từ 2.417 lên 3.555 người; kỹ thuật - công nghệ tăng từ 12.683 lên 15.203 người [Phụ lục 12.1]. Trong các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, tỷ lệ nhân lực trình độ cao (tiến sĩ, thạc sĩ) chiếm khoảng 90%; ở khối hành chính và đơn vị sự nghiệp, tỷ lệ này khoảng 32% [Phụ lục 12.2].

Giai đoạn 2012 - 2026, Thành ủy đã chú trọng nâng cao chất lượng và mở rộng liên kết hợp tác quốc tế trong đào tạo tại các trường Đại học trên địa bàn Thủ đô, như: Trường Đại học Thủ đô đã hoàn thành dự thảo Đề án Phát triển chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của trường Đại học Thủ đô theo tiêu chuẩn xếp hạng của các trường đại học Châu Á (AUN); Thành phố hiện có 02 trường được chuyển giao công nghệ và đào tạo thí điểm 05 bộ chương trình chuyển giao từ Úc và Cộng hòa Liên Bang Đức đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt gồm Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội và Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội [125]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số được triển khai theo hướng gắn với vị trí việc làm, khung năng lực số và yêu cầu vận hành thực tế. Năm 2025, Thành

phổ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 24.903 lượt học viên, trong đó có 8.700 lượt cán bộ, công chức, viên chức, vượt 69% chỉ tiêu; 6 tháng đầu năm 2026 tổ chức 07 lớp với 977 lượt học viên, tập trung vào kỹ năng số, ứng dụng AI trong hoạt động công vụ, khai thác dữ liệu, quản trị hạ tầng mạng và vận hành phòng họp trực tuyến [138].

Kết quả khảo sát cho thấy có 323/833 người (38,8%) đánh giá mức tốt, 235/833 người (28,2%) đánh giá mức rất tốt đối với việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố [Phụ lục 15.12]. Đồng thời, có 356/833 người (42,7%) đồng ý và 258/833 người (31,0%) hoàn toàn đồng ý với nhận định: “Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố theo hướng chất lượng cao” [Phụ lục 14].

Thứ năm, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và tương đối hiệu quả giữa các tổ chức, lực lượng; chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển KH, CN.

Một là, về phối hợp trong HTCT, Thành ủy đã lãnh đạo việc thiết lập cơ chế phối hợp ngày càng rõ ràng giữa các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH, cũng như giữa các sở, ban, ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH, CN. Thành ủy Hà Nội đã chỉ đạo thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức CT - XH, tổ chức xã hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Sau khi kiện toàn bộ máy, hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Thông tin và Truyền thông vào tháng 3/2025, Sở Khoa học và Công nghệ phát huy rõ vai trò nòng cốt trong tham mưu, triển khai các chương trình đột phá về KH, CN.

Dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, MTTQ Thành phố và các tổ chức CT-XH tăng cường tuyên truyền, vận động về vai trò KH, CN, ĐMST và CDS. Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố triển khai “Mặt trận số Thủ đô” trên nền tảng

iHanoi; tổ chức phản biện xã hội đối với các dự thảo nghị quyết liên quan KH, CN. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội thực hiện tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các đề án lớn; Đoàn Thanh niên Thành phố tham gia tổ công tác “CDS cộng đồng”, hướng dẫn iHanoi, VNeID và dịch vụ công. Liên đoàn Lao động phát động phong trào “Sáng kiến, sáng tạo Thủ đô”; Hội Nông dân tập huấn nông nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử, blockchain truy xuất nguồn gốc; Hội Liên hiệp Phụ nữ phổ cập kỹ năng số cho phụ nữ nông thôn và tiểu thương.

Hai là, về huy động và sử dụng nguồn lực, Thành ủy lãnh đạo lồng ghép, huy động đa dạng nguồn lực từ ngân sách, doanh nghiệp và xã hội cho phát triển KH, CN. Thành phố ưu tiên ngân sách cho nhiệm vụ trọng điểm, đồng thời thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư, thu hút nguồn lực tư nhân, viện nghiên cứu và trường đại học. Phân bổ nguồn lực theo hướng trọng tâm, ưu tiên công nghệ số, CNTT và truyền thông, công nghệ sinh học, vật liệu mới, chế tạo - tự động hóa, công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon và ứng phó biến đổi khí hậu.

Ba là, về hợp tác trong nước và quốc tế, Thành ủy chỉ đạo mở rộng hợp tác với bộ, ngành Trung ương, địa phương và tổ chức khoa học trong nước; đồng thời tăng cường tham gia mạng lưới đô thị sáng tạo và hợp tác quốc tế, thu hút chuyên gia, doanh nghiệp nước ngoài trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

Giai đoạn 2015 - 2020, tổ chức kết nối cung - cầu, tham gia Techfest, Techmart, TechDemo; hội nghị vùng đồng bằng sông Hồng; làm việc với chuyên gia Israel, Đức, Pháp, Nhật Bản, Hoa Kỳ; ký kết hợp tác với Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST), Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Hà Nội...[125].

Giai đoạn 2020 - 2025, mở rộng phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội; hợp tác Bộ Khoa học và Công nghệ phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; thúc đẩy liên kết doanh nghiệp - nhà trường, triển khai 52 nhóm công nghệ cao, 47 nhóm sản phẩm công nghệ cao, hợp tác với hơn 50 tổ chức trong và ngoài nước (JICA, IASP, ASPA...), hướng tới trung tâm công nghệ và ĐMST khu vực [132]. Từ đầu năm 2025 đến nay, Thành phố

đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH, CN theo hướng có trọng tâm, tập trung vào bán dẫn, AI, dữ liệu lớn, đô thị thông minh, chính quyền số, công nghệ xanh, đào tạo nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Thành phố đã kết nối, làm việc với một số đối tác tại châu Á, Hoa Kỳ, Australia, Mátxcova; ký một số thỏa thuận quan trọng với Chính quyền thành phố Mátxcova, Đại học Bang Arizona, Đại học Quốc gia Singapore và Seoul Business Agency; hợp tác với Hàn Quốc về KH, CN, CDS và giao thông thông minh; đồng thời ký kết hợp tác với Microsoft Việt Nam về ứng dụng KH, CN, CDS và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Các hoạt động trên bước đầu tạo nền tảng để Hà Nội mở rộng hợp tác với các trung tâm KH, CN, ĐMST, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và tổ chức quốc tế có uy tín; đồng thời quảng bá định hướng phát triển của Thủ đô trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, đô thị thông minh, chính quyền số, công nghệ xanh, bán dẫn, AI, dữ liệu và đào tạo nhân lực chất lượng cao [138].

Năm 2026, Hà Nội tiếp tục hợp tác với Trung tâm ĐMST Quốc gia về đào tạo, phát triển trí tuệ nhân tạo và kết nối hệ sinh thái ĐMST. Cùng năm, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ký thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030, trong đó chú trọng nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn và an ninh mạng.

Theo khảo sát, có 329/833 người (39,5%) đánh giá mức tốt; 238/833 người (28,6%) đánh giá mức rất tốt đối với nội dung lãnh đạo lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Thành ủy Hà Nội; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố. Đồng thời có 347/833 người (41,7%) đồng ý và 253/833 người (30,4%) hoàn toàn đồng ý với nhận định về hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy trong nội dung này [Phụ lục 14].

Thứ sáu, Thành ủy Hà Nội duy trì thường xuyên việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm một cách bài bản; kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chủ trương, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển KH, CN, Thành ủy Hà Nội đưa công tác sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm vào nền nếp chỉ đạo, coi đây là một khâu

của chu trình lãnh đạo nhằm bảo đảm tính liên tục, nhất quán và khả năng thích ứng của chủ trương trước yêu cầu thực tiễn. Giai đoạn 2015 - 2025, Thành ủy Hà Nội, Ban Chỉ đạo 07 và Ban Chỉ đạo 57 đã tổ chức các hội nghị tổng kết quan trọng như: tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; tổng kết Chương trình số 07-CTr/TU giai đoạn 2021 - 2025; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Hằng năm, các Ban Chỉ đạo và Thành ủy đều tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo phát triển KH, CN.

Song song, Thành ủy chỉ đạo các cơ quan tham mưu, sở, ngành và cấp ủy trực thuộc xây dựng báo cáo định kỳ, đánh giá kết quả, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm để hoàn thiện chủ trương, phân công nhiệm vụ và lộ trình thực hiện. Đồng thời duy trì cơ chế khen thưởng, biểu dương kịp thời. Ngày 03/4/2025, tại Hội nghị tổng kết Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh phát triển KH, CN và ĐMST trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025, Thành ủy Hà Nội tặng Bằng khen cho 10 tập thể; UBND TP tặng Bằng khen cho 10 tập thể và 9 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình 07.

Theo khảo sát, có 309/833 người (37,1%) đánh giá mức tốt, 237/833 người (28,5%) đánh giá mức rất tốt đối với việc Thành ủy lãnh đạo việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN ở Hà Nội [Phụ lục 15.14]. Đồng thời, có 329/833 người (39,5%) đồng ý và 246/833 người (29,5%) rất đồng ý với nhận định: “Thành ủy Hà Nội duy trì thường xuyên việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm một cách bài bản; kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chủ trương, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố” [Phụ lục 14].

3.1.1.2. Ưu điểm về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Thứ nhất, lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn về phát triển KH, CN được Thành ủy Hà Nội ưu tiên, triển khai bài bản, hệ thống và đạt hiệu quả tương đối rõ nét.

Thành ủy, BTVTU Hà Nội đã kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương của Trung ương bằng nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN theo hướng bài bản, có hệ thống, phân công “rõ mục tiêu, rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”. Các bước soạn thảo, lấy ý kiến, hoàn thiện, ban hành văn bản cơ bản bảo đảm quy trình, tính khoa học, logic, đồng bộ và khả thi.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô, Thành ủy Hà Nội luôn quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, chương trình và các định hướng lớn của Đảng. Các thành ủy viên, ủy viên BTVTU gương mẫu chấp hành, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về phát triển KH, CN theo chức trách, nhiệm vụ được phân công. Thành ủy và BTVTU bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã xác định, lãnh đạo thống nhất, đồng bộ các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH triển khai thực hiện; bảo đảm tính nguyên tắc, pháp lý và thống nhất trong toàn HTCT, hạn chế chỉ đạo cảm tính hoặc thiếu căn cứ thực tiễn.

Giai đoạn 2015 - 2025, Thành ủy ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch và kết luận quan trọng liên quan đến phát triển KH, CN: Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 16/9/2015 về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế” trên địa bàn thành phố Hà Nội; Chương trình số 20-CTr/TU ngày 13/02/2018 về Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: “Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015 - 2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 về CDS, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 02/02/2023 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày

17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 30-CT/TU ngày 08/3/2024 của Chương trình hành động Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”...

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội khóa XVII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 khẳng định, trong nhiệm kỳ 2020 - 2025:

Thành phố đã xây dựng hệ thống 62 cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án đồng bộ (gấp đôi nhiệm kỳ trước), tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số và nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đạt được một số kết quả nổi bật [123].

Trên cơ sở đó, Thành ủy và BTVTU luôn bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã xác định trong các nghị quyết, chương trình, kế hoạch và kết luận để tổ chức thực hiện, qua đó bảo đảm sự thống nhất, chính quy trong lãnh đạo, chỉ đạo. Theo khảo sát, có 357/833 người (42,9%) đánh giá mức tốt; 260/833 người (31,2%) đánh giá mức rất tốt đối với phương thức lãnh đạo này [Phụ lục 15.15]. Đồng thời, theo kết quả khảo sát, nhận định về ưu điểm: “Thứ nhất, lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn về phát triển KH, CN được Thành ủy Hà Nội ưu tiên, triển khai bài bản, hệ thống và đạt hiệu quả tương đối rõ nét” có 388/833 người đồng ý và 274/833 người (32,9%) hoàn toàn đồng ý [Phụ lục 14].

Thứ hai, lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Thành ủy Hà Nội có nhiều đổi mới, linh hoạt, góp phần tạo đồng thuận và nâng cao nhận thức xã hội về phát triển khoa học, công nghệ.

Giai đoạn 2015 - 2025, công tác tuyên truyền được triển khai phong phú qua hội nghị, hội thảo, tọa đàm; báo chí, truyền hình; pano, áp phích, khẩu hiệu... phổ biến Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/5/2013 của UBND Thành phố và các nội dung liên quan, giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân [123].

Giai đoạn 2020 - 2025, Thành ủy tổ chức Hội nghị trực tuyến học tập, quán triệt 10 Chương trình công tác khóa XVII (22 - 23/4/2021), trong đó Chương trình số 07-CTr/TU được truyền đạt trực tiếp; kết nối 611 điểm cầu với hơn 3,5 vạn cán bộ, đảng viên, đồng thời phát sóng trên kênh H1. Ban Tuyên giáo Thành ủy tổ chức quán triệt cho hơn 1.200 đại biểu; chỉ đạo báo chí xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền. Từ năm 2020 đến 3/2025, các cấp, các ngành lan tỏa hơn 10.000 tin, bài qua Zalo OA, gần 1,3 tỷ lượt tiếp cận; tổ chức hơn 50 hội nghị tập huấn cho trên 200.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức và hơn 1 triệu học sinh, sinh viên; phát hành hơn 100.000 cuốn tài liệu kỹ năng số. Ngày 13/01/2025, BTVTU tiếp sóng Hội nghị toàn quốc về KH, CN, ĐMST và CDS tại 763 điểm cầu với 40.364 đại biểu. Ngày 23/5/2025, BTVTU ban hành Kế hoạch số 331-KH/TU về tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và phong trào “Bình dân học vụ số” [133].

Kết quả khảo sát cho thấy có 335/833 người (40,2%) đánh giá mức tốt, 243/833 người (29,2%) đánh giá mức rất tốt đối với phương thức lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN [Phụ lục 15.16]. Đồng thời có 356/833 người (42,7%) đồng ý và 257/833 người (30,9%) hoàn toàn đồng ý với nhận định về ưu điểm của phương thức này [Phụ lục 14]. Điều đó cho thấy phương thức lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động đã góp phần nâng cao nhận thức, tạo thống nhất tư tưởng và huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển KH, CN Thủ đô.

Thứ ba, công tác tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội được thực hiện chủ động, từng bước kiện toàn đội ngũ và tạo nền tảng nguồn nhân lực cho phát triển KH, CN.

Về bố trí, sử dụng cán bộ theo vị trí việc làm, giai đoạn 2015 - 2020, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo triển khai các quy định, kế hoạch về sắp xếp tổ chức bộ máy và đổi mới hoạt động của ngành khoa học và công nghệ, trong đó có Kế hoạch số 16/KH-UBND của UBND thành phố Hà Nội và Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Trên cơ sở đó,

UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND, ngày 01/8/2016 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội và Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội, qua đó giảm số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ từ 6 xuống còn 2. Đến năm 2016, Thành phố có 4 tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP, ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập [125]. Giai đoạn 2020 - 2025, Thành ủy Hà Nội chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố. Sau khi hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ được kiện toàn theo Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ, gồm 8 phòng chuyên môn và 4 đơn vị sự nghiệp với tổng số 257 công chức, viên chức và người lao động.

Về đào tạo, bồi dưỡng, giai đoạn 2015 - 2020, Thành ủy phê duyệt Đề án tại Quyết định số 1025/QĐ-UBND, ngày 04/3/2019 về đào tạo nghề chất lượng cao, có sử dụng ngân sách Thành phố, vốn ODA Nhật Bản và các nguồn hợp pháp khác [125]. Giai đoạn 2021 - 2025, Thành ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 31/5/2021 về xây dựng đội ngũ cán bộ; UBND Thành phố triển khai kế hoạch đào tạo 2022 - 2025, định hướng 2030; đến cuối 2025 đã

đào tạo 19.845 lượt học viên về CDS, đạt 100% công chức, viên chức; khối Đảng tổ chức 14 lớp với hơn 100.000 lượt tham gia; mục tiêu liên kết đào tạo 50.000 nhân lực số/năm [133].

Về thu hút nhân tài, Thành phố triển khai Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND, ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô; Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND, ngày 12/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của thủ đô và Kế hoạch số 159/KH-UBND, ngày 07/10/2013 của UBND thành phố Hà Nội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND; đồng thời xây dựng cơ chế triển khai Luật Thủ đô năm 2024 nhằm thu hút nguồn nhân lực KH, CN chất lượng cao. Giai đoạn 2020 - 2025, Thành phố tiếp tục triển khai các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và thực hiện Đề án “Mạng lưới sáng kiến Hà Nội” theo Quyết định số 713/QĐ-UBND, ngày 02/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án “Mạng lưới sáng kiến Hà Nội”. Hằng năm có khoảng 2.000 chuyên gia, nhà khoa học tham gia nhiệm vụ KH, CN; hơn 100 chuyên gia đầu ngành tham gia ban chủ nhiệm chương trình; hàng nghìn nhà khoa học tham gia nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ [133]. Thành phố đã ban hành cơ chế thu hút, trọng dụng người có tài năng; bước đầu thu hút sự quan tâm của 24 nhà khoa học, chuyên gia, có 15 ứng viên nộp hồ sơ, 09 ứng viên phù hợp đang được xem xét, tuyển chọn. Sở Khoa học và Công nghệ thu hút 12/30 chuyên gia theo chỉ tiêu, đạt khoảng 40% kế hoạch. Thành phố cũng bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu khoảng 2.000 chuyên gia, nhà khoa học thuộc các lĩnh vực ưu tiên như dữ liệu, AI, bán dẫn, y tế, môi trường, năng lượng, giao thông và quản trị đô thị. Thành phố đã triển khai AI theo các bài toán cụ thể trong quản lý điều hành, dịch vụ công, giáo dục, y tế, giao thông, an ninh trật tự và đô thị thông minh; tiêu biểu như trợ lý ảo, chatbot, callbot, “Cô giáo AI”, AI trong chẩn đoán hình ảnh tại 03 bệnh viện với hơn 24.000 ca bệnh được hỗ trợ phân tích, camera AI trong quản lý giao thông và đô thị. Các mô hình này bước đầu cho thấy khả năng ứng

dụng AI trong nâng cao năng suất xử lý công việc, hỗ trợ ra quyết định và cải thiện chất lượng phục vụ [138].

Kết quả khảo sát cho thấy có 327/833 người (39,3%) đánh giá mức tốt, 236/833 người (28,3%) mức rất tốt phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN ở Thủ đô [Phụ lục 15.17]. Đồng thời có 343/833 người (41,2%) đồng ý và 251/833 người (30,1%) hoàn toàn đồng ý với nhận định về công tác tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội được thực hiện chủ động, từng bước kiện toàn đội ngũ và tạo nền tảng nguồn nhân lực cho phát triển KH, CN [Phụ lục 14]. Điều đó cho thấy đa số ý kiến đánh giá tích cực đối với nỗ lực kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ và phát triển nguồn nhân lực KH, CN của Thành ủy Hà Nội.

Thứ tư, lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tương đối hiệu quả trong phát triển KH, CN thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên

Trong lãnh đạo phát triển KH, CN, Thành ủy Hà Nội không chỉ ban hành chủ trương và chỉ đạo chính quyền thực hiện mà còn coi trọng phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên, qua đó bảo đảm chủ trương được quán triệt, lan tỏa và đi vào từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị theo cơ chế trách nhiệm rõ ràng. Thành ủy tổ chức quán triệt nghị quyết, chương trình công tác đến toàn hệ thống tổ chức đảng; việc học tập, tuyên truyền và triển khai được thực hiện đồng bộ từ Thành ủy đến các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, gắn với yêu cầu đưa nội dung phát triển KH, CN, ĐMST, CDS vào chương trình công tác toàn khóa và kế hoạch công tác hằng năm của từng cấp ủy.

Thành ủy đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm công vụ thông qua việc gắn nhiệm vụ phát triển KH, CN với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) và Chỉ thị 05-CT/TW; triển khai Kết luận số 21-KL/TW về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 14-KL/TW về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; Chỉ thị số 24-CT/TU về tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong HTCT Thành phố; triển khai Đề án công vụ, ban hành các quy tắc ứng xử, Quy chế dân chủ... Qua sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt

chuyên đề, các tổ chức đảng cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ KH, CN thành phần việc phù hợp với chức năng từng cơ quan; đồng thời giám sát việc thực hiện kỷ luật hành chính, tiến độ CDS, ứng dụng công nghệ trong quản lý và cung cấp dịch vụ công.

Kết quả khảo sát cho thấy có 342/833 người được hỏi (41,1%) đánh giá ở mức tốt và 245/833 người (29,4%) đánh giá ở mức rất tốt đối với phương thức lãnh đạo này [Phụ lục 15.18]. Đồng thời, có 372/833 người (44,7%) đồng ý và 261/833 người (31,3%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tương đối hiệu quả trong phát triển KH, CN thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên [Phụ lục 14]. Kết quả này cho thấy đa số các đối tượng được khảo sát của hệ thống tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về phát triển KH, CN, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển KH, CN của Thành phố.

Thứ năm, lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát của Thành ủy Hà Nội được đẩy mạnh, thực hiện nghiêm túc và có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển KH, CN.

Kiểm tra, giám sát là một chức năng lãnh đạo của Đảng. Quán triệt yêu cầu đó, Thành ủy Hà Nội tăng cường kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm bảo đảm việc thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận liên quan đến phát triển KH, CN.

Để tổ chức thực hiện thống nhất và có trọng tâm, Thành ủy ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tiêu biểu như: Kế hoạch số 322-KH/TU, ngày 05/5/2025 của Thành ủy Hà Nội về tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 204-QĐ/TW của Ban Bí thư về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS; Kế hoạch số 323-KH/TU ngày 08/5/2025 của BTVTU về triển khai thực hiện Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW ngày 14/3/2025 của UBKT Trung ương về triển khai chỉ đạo của Tô Lâm đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng; Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 23/5/2025 của BTVTU về

triển khai thực hiện Kết luận số 148-KL/TW về kết quả kiểm tra một số chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025; Kế hoạch số 354-KH/TU ngày 22/7/2025 của BTVTU Hà Nội về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 07 của Thành ủy về phát triển KH, CN và ĐMST giai đoạn 2021 - 2025.

Trong hoạt động KH, CN, ĐMST và CDS hằng năm và cả giai đoạn nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, công tác kiểm tra, giám sát luôn được coi trọng. Thành ủy Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 354-KH/TU về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 07 của Thành ủy về phát triển KH, CN và ĐMST giai đoạn 2021 - 2025. Hằng năm, Ban chỉ đạo Chương trình 07, các cơ quan thường trực đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 07-CTr/TU tại một số sở ngành, quận huyện của Thành phố. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời đôn đốc, nhắc nhở việc triển khai thực hiện Chương trình 07-CTr/TU tại các sở, ngành, quận, huyện, thị xã; phát hiện các nội dung thực hiện tốt để tiếp tục phát huy, nhân rộng; chỉ đạo, định hướng giải pháp khắc phục đối với các nội dung còn tồn tại, hạn chế. Cụ thể: Năm 2022, tổ chức 02 buổi làm việc của Cơ quan thường trực Chương trình kiểm tra tiến độ thực hiện, triển khai Chương trình số 07-CTr/TU của các đơn vị của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng và Thành đoàn Hà Nội. Năm 2023, ban hành Kế hoạch số 15-KH/BCĐ ngày 05/7/2023 trong đó yêu cầu các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã thuộc Thành phố tổ chức tự kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình 07-CTr/TU; tổ chức 02 Đoàn kiểm tra của Ban chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện của 4 Sở (Thông tin và Truyền Thông, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Y tế), 02 quận huyện (Đống Đa, Đống Anh). Năm 2024, tổ chức 04 buổi làm việc của Cơ quan thường trực Chương trình kiểm tra tiến độ thực hiện, triển khai Chương trình số 07-CTr/TU của 16 quận huyện thị xã (Mê Linh, Sóc Sơn, Gia Lâm, Đống Anh, Sơn Tây, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Thanh Oai) [132].

Thành ủy Hà Nội ban hành Kế hoạch số 322-KH/TU, ngày 05/5/2025 nhằm tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án 204-QĐ/TW của Ban Bí thư về phát triển

KH, CN, ĐMST và CDS. Kế hoạch xác định mục tiêu thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW, ngày 04/4/2025 của UBKT Trung ương; qua đó chủ động nắm tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả tổ chức thực hiện của các cấp ủy, tổ chức đảng; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm để uốn nắn, chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời cảnh báo, phòng ngừa vi phạm và đề xuất giải pháp điều chỉnh nâng cao hiệu quả thực hiện. Ban Thường vụ Thành ủy yêu cầu hoạt động giám sát, kiểm tra bảo đảm đúng nội dung, tiến độ; khách quan, minh bạch, bám sát lộ trình triển khai; xây dựng cơ chế giám sát liên tục theo chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm và ứng dụng công cụ số để thu thập, phân tích dữ liệu; gắn giám sát với đánh giá hiệu quả thực hiện.

Khảo sát cho thấy có 306/833 người (36,7%) đánh giá mức tốt, 235/833 người (28,2%) mức rất tốt việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát [Phụ lục 15.19]. Đồng thời có 337/833 người (40,5%) đồng ý và 246/833 người (29,5%) hoàn toàn đồng ý với nhận định về hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN được đẩy mạnh, thực hiện nghiêm túc và có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển KH, CN [Phụ lục 14].

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Hạn chế về nội dung lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Thứ nhất, việc lãnh đạo định hướng phương hướng và nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội có lúc, có nơi còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và tốc độ phát triển của KH, CN.

Trong một số thời điểm, công tác định hướng của Thành ủy Hà Nội vẫn chưa thật sự chủ động và có tầm nhìn chiến lược dài hạn tương xứng với yêu cầu phát triển của Thủ đô. Một số nội dung định hướng còn chậm được cập nhật trước những thay đổi nhanh chóng của cuộc CMCN 4.0, CDS và ĐMST. Tại Hội nghị Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội ngày 14/11/2025, Bí thư Thành ủy Nguyễn Duy Ngọc yêu cầu làm rõ trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị triển khai chậm, đồng thời nhấn mạnh phải "kiểm đếm từng ngày", tháo gỡ các

điểm nghẽn để hoàn thành các mục tiêu về KH, CN, ĐMST và CDS. Điều này cho thấy việc triển khai ở một số sở, ngành và địa phương còn chậm so với yêu cầu của Thành ủy. Việc xác định nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về KH, CN ở một số địa phương còn dàn trải, chưa tập trung đầy đủ vào các lĩnh vực có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Một số chủ trương, định hướng còn mang tính khái quát, chưa được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ sát với điều kiện, lợi thế và yêu cầu phát triển đặc thù của từng địa phương trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đảng ủy phường Bạch Mai chưa có chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm ở cấp phường [47, tr.22]. Đối với việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đảng ủy xã Bất Bạt còn một số nhiệm vụ triển khai chưa đồng đều; việc cụ thể hóa thành sản phẩm thực tiễn còn chậm. Một số nhiệm vụ mới dừng ở báo cáo tiến độ, chưa xác định rõ sản phẩm đầu ra, tiêu chí đánh giá, hiệu quả và thời hạn hoàn thành [53, tr.7].

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và cán bộ chuyên trách về vị trí, vai trò của KH, CN chưa thật sự thống nhất. Ở một số nơi, KH, CN chưa được xem là động lực trực tiếp của tăng trưởng và đổi mới mô hình phát triển, dẫn đến mức độ quan tâm, ưu tiên trong lãnh đạo, chỉ đạo còn khác nhau. Điều này phần nào ảnh hưởng đến chất lượng hoạch định phương hướng, nhiệm vụ và hiệu quả triển khai các nhiệm vụ KH, CN giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn Thành phố, làm cho kết quả phát triển KH, CN trong một số lĩnh vực chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và vị thế của Thủ đô.

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy hạn chế này được một bộ phận đáng kể người được hỏi ghi nhận. Có 319/833 người (38,3%) đồng ý và 242/833 người (29,1%) rất đồng ý với nhận định rằng việc lãnh đạo định hướng phương hướng và nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội có lúc, có nơi còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và tốc độ phát triển của KH, CN [Phụ lục 14]. Điều đó cho thấy yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo chiến lược, đổi mới tư duy định hướng và xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về KH, CN đang đặt ra ngày càng cấp thiết đối với Thành ủy Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai của một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN có lúc chưa thật sự sâu sát, quyết liệt [133].

Thực tiễn cho thấy, ở một số xã, phường sau sắp xếp đơn vị hành chính, vai trò, trách nhiệm của một bộ phận cấp ủy viên trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN chưa được phát huy đầy đủ; việc phối hợp, theo dõi và đôn đốc thực hiện nhiệm vụ có lúc, có nơi còn thiếu tính chủ động, xuyên suốt. Một số cấp ủy viên còn có biểu hiện trông chờ vào cơ quan tham mưu, giúp việc, chưa thực sự chủ động trong đề xuất, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công. Bên cạnh đó, ở một số nơi, đảng viên chưa phát huy đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu trong ứng dụng KH, CN và CDS; còn tâm lý chờ chỉ đạo, phân công mới triển khai công việc, làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng tổ chức thực hiện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Đảng ủy xã Yên Bài vẫn còn những hạn chế, thiếu chủ động với tâm lý chờ đồng bộ dữ liệu và cấp trên giao việc [58, tr.8].

Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng về vai trò động lực của nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH, CN chưa thật đầy đủ, nên chưa đặt nhiệm vụ này vào đúng vị trí trọng tâm trong chương trình công tác. Việc tổ chức học tập, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy về phát triển KH, CN có lúc chưa kịp thời; công tác cụ thể hóa thành mục tiêu, chỉ tiêu và phân việc cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp chưa rõ, thiếu cơ chế đôn đốc, kiểm tra gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Việc cụ thể hóa, vận dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội theo quy định của Trung ương và Luật Thủ đô của Đảng ủy phường Bạch Mai để thúc đẩy phát triển KH, CN, ĐMST mới ở bước đầu; còn thiếu mô hình, sản phẩm ĐMST có quy mô và mô hình lan tỏa [47, tr. 23]. Đáng chú ý, ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ làm công tác KH, CN vẫn còn biểu hiện coi nhẹ nhiệm vụ, thiếu tận tâm trong thực thi; ngại va chạm, dùn dẩy, né tránh các việc khó, việc phức tạp, làm suy giảm tính chủ động và tinh thần đổi mới trong tổ chức triển khai. Một bộ phận cán bộ, công chức của Đảng ủy phường Sơn Tây chưa chủ động khai thác các tính năng nâng cao của các nền tảng số; kỹ

năng sử dụng dữ liệu, khai thác trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ công việc còn hạn chế [49, tr. 6].

Ngoài yếu tố nhận thức và trách nhiệm, điều kiện bảo đảm cho triển khai nhiệm vụ KH, CN ở một số cấp ủy xã, phường còn bất cập: chế độ, chính sách và cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyên môn chưa đồng bộ, hạn chế cả về số lượng và chất lượng, ảnh hưởng đến năng lực tổ chức thực hiện và mức độ lan tỏa của các chủ trương. Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ, nhân lực chuyên trách còn mỏng, một số thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai giải quyết chậm ở Quốc Oai đã làm ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân. Việc trang bị máy tính xách tay, máy tính bảng tại phường Bạch Mai cho cán bộ, công chức để xử lý công việc linh hoạt còn khó khăn do định mức mua sắm trang thiết bị cấp phường còn thấp [47, tr. 23]. Cán bộ chuyên môn ở một số xã ngoại thành như Quảng Oai, Bát Bạt, Vật Lại... vẫn phải vận hành nhiều tài khoản, nhiều phần mềm, vừa xử lý chuyên môn, vừa cập nhật dữ liệu, báo cáo tiến độ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Vì vậy, mặc dù chủ trương, nghị quyết về phát triển KH, CN đã được ban hành tương đối đầy đủ, nhưng ở một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, mức độ sâu sát và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chưa đáp ứng yêu cầu, làm giảm hiệu quả chuyển hóa chủ trương thành kết quả thực tiễn. Đảng ủy xã Cổ Đô, Đảng ủy xã Hồng Vân và một số cấp ủy xã, phường còn chậm ban hành các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể.

Đối với hạn chế việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai của một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN có lúc chưa thật sự sâu sát, quyết liệt, số liệu thống kê chỉ ra có 325/833 người (39,0%) đồng ý; 243/833 người (29,2%) hoàn toàn đồng ý [Phụ lục 14].

Thứ ba, Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội đôi khi còn chưa sâu sát, nhất là đối với chính quyền cấp xã.

Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đã ban hành nhiều văn bản đề cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về

phát triển KH, CN. Tuy nhiên, ở một số thời điểm và một số địa phương, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện còn chưa thật sự quyết liệt và đồng bộ. Việc chuyển hóa các chủ trương, định hướng của Thành ủy thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể ở một số cơ quan, đơn vị còn chậm; sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện có lúc chưa chặt chẽ, dẫn đến tiến độ triển khai một số nhiệm vụ về ĐMST, CDS và ứng dụng KH, CN chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tại xã Yên Bài trong triển khai một số nhiệm vụ liên ngành có thời điểm chưa chặt chẽ; việc chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ xử lý công việc chưa thực sự đồng bộ [58, tr. 9]. Tại xã Liên Minh, công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể đôi lúc thiếu chặt chẽ dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ chung còn chậm trễ [55, tr.26].

Đặc biệt, tại một số xã và địa bàn ngoại thành, việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH, CN còn lúng túng; năng lực tham mưu, hướng dẫn và tổ chức triển khai của đội ngũ cán bộ chuyên trách chưa đồng đều. Việc đưa các nội dung về CDS, nông nghiệp công nghệ cao, quản trị số và ứng dụng tiên bộ KH, CN vào kế hoạch phát triển KT - XH ở một số nơi còn mang tính hình thức, thiếu các giải pháp cụ thể và chưa gắn chặt với điều kiện thực tiễn của địa phương. Do đó, hiệu quả ứng dụng KH, CN và CDS giữa các địa bàn còn có sự chênh lệch, nhất là giữa khu vực nội thành và một số địa phương ngoại thành. Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH, CN ở chính quyền xã Vật Lại chưa thật quyết liệt, còn mang tính hình thức [57, tr. 9], trong khi đó công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển KH, CN ở các phường nội thành như Tây Hồ [168], Tây Tựu [50] lại đạt được những kết quả tích cực.

Một số kết quả nghiên cứu khoa học, đề tài, dự án chưa được chuyển giao và ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn; sự liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH, CN chưa thật sự chặt chẽ, làm giảm hiệu quả lan tỏa của các thành tựu KH, CN đối với phát triển KT - XH của Thành phố.

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy hạn chế trên có 311/833 người (37,3%) đồng ý và 239/833 người (28,7%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng việc lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết

về phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội đôi khi còn chưa sâu sát, nhất là đối với chính quyền cấp xã [Phụ lục 14].

Thứ tư, Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan KH, CN còn chưa đồng đều về tiến độ; chất lượng nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu; cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài chưa thực sự hiệu quả.

Một là, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác KH, CN ở một số địa bàn còn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Sau sắp xếp đơn vị hành chính và tinh gọn tổ chức bộ máy, ở một số xã, phường vẫn còn tình trạng thiếu cán bộ có chuyên môn phù hợp, năng lực triển khai nhiệm vụ về KH, CN và CDS chưa đồng đều. Thực tiễn tại các xã Quốc Oai, Suối Hai, Yên Bài, Cổ Đô, Từ Liêm, Liên Minh... cho thấy đội ngũ cán bộ còn gặp khó khăn trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản trị số, khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Điều này cho thấy việc kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực chưa thực sự đồng bộ với yêu cầu phát triển KH, CN của Thủ đô.

Hai là, chất lượng nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố tuy có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của Thủ đô. Công tác đào tạo, bồi dưỡng ở một số cơ quan, đơn vị vẫn còn thiên về kỹ năng quản lý hành chính, chưa tập trung đúng mức vào việc hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực nghiên cứu, tổ chức triển khai, điều phối hoạt động KH, CN và dẫn dắt quá trình ĐMST, CDS trong thực tiễn. Báo cáo số 20-BC/BCĐ, ngày 21/5/2025 của Ban Chỉ đạo Chương trình 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội đã khẳng định: Thành phố Hà Nội còn “thiếu đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn” [132].

Ba là, cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài của Thành phố chưa tạo được đột phá rõ nét. Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND thành phố Hà Nội về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng và phát triển Thủ đô, kết quả thu hút nhân tài vào khu vực công vẫn còn những hạn chế nhất định. Hà Nội chưa có cơ chế, chính sách trong thu hút nguồn nhân lực CNTT, nhất là để thu hút nguồn nhân lực trẻ, có chuyên môn CNTT tốt vào khu vực các xã, phường để góp phần thúc

đẩy KH, CN, ĐMST, CDS; chưa phát huy hết tiềm năng của các chuyên gia, nhà khoa học, các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn Thủ đô [133].

Số liệu điều tra xã hội học cho thấy: có 333/833 người (40,0%) đồng ý; 248/833 người (29,8%) rất đồng ý với nhận định: “Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan KH, CN còn chưa đồng đều về tiến độ; chất lượng nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu; cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài chưa thực sự hiệu quả” [Phụ lục 14].

Thứ năm, công tác lãnh đạo phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng đôi lúc chưa nhịp nhàng, việc huy động, phân bổ nguồn lực, mở rộng hợp tác trong phát triển KH, CN còn chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả liên kết và sử dụng nguồn lực đôi khi chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.

Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong HTCT của Thành phố tuy đã được thiết lập nhưng chưa thật sự chặt chẽ và đồng bộ. Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH chưa được vận hành theo một cơ chế thống nhất, khép kín từ điều hành đến giám sát và phản biện xã hội; việc phân công đầu mối điều phối trong một số lĩnh vực còn chưa rõ ràng, làm giảm hiệu quả phối hợp liên ngành. Hiện nay, cơ chế liên thông, chia sẻ và khai thác nguồn lực, đặc biệt là dữ liệu trong lĩnh vực KH, CN còn hạn chế. Việc kết nối giữa các sở, ngành chưa đồng bộ, chưa hình thành đầy đủ nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, điều hành và ra quyết định, dẫn đến tình trạng phân tán thông tin, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý các vấn đề liên ngành. Hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực xã hội cho phát triển KH, CN chưa tương xứng với tiềm năng. Sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các chủ thể ngoài nhà nước trong một số hoạt động KH, CN còn chưa mạnh mẽ; cơ chế khuyến khích hợp tác, đặc biệt là hợp tác quốc tế, chưa đủ sức hấp dẫn và đột phá.

Công tác phối hợp trong hoạt động đối ngoại về KH, CN chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Việc thiếu các cơ chế tài chính đặc thù và công cụ chính sách đủ mạnh đã phần nào hạn chế khả năng mở rộng hợp tác quốc tế theo chiều sâu, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ mới và công nghệ chiến lược. Công tác phối hợp giữa cấp ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể,

các Sở, Ngành còn thiếu chặt chẽ; chưa được đặt vào một chu trình thống nhất; chưa có quy chế phối hợp liên ngành, chưa có cơ chế “điều hành - giám sát - phản biện - huy động xã hội” dẫn đến một số nhiệm vụ liên ngành triển khai chưa đồng bộ [130].

Những hạn chế trên cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, tăng cường liên thông dữ liệu, đổi mới phương thức huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả hợp tác trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển KH, CN của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Kết quả khảo sát xã hội học cho thấy đây là một hạn chế được nhiều ý kiến ghi nhận. Có 329/833 người (39,5%) đồng ý và 244/833 người (29,3%) rất đồng ý với nhận định rằng công tác phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ nguồn lực và mở rộng hợp tác trong phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội đôi lúc còn thiếu đồng bộ, hiệu quả liên kết và sử dụng nguồn lực chưa tương xứng với yêu cầu phát triển [Phụ lục 14]. Tỷ lệ đồng thuận tương đối cao này phản ánh thực tế rằng bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế phối hợp liên ngành, liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái KH, CN và việc khai thác các nguồn lực phục vụ ĐMST vẫn còn dư địa lớn để tiếp tục hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Thứ sáu, việc lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN đôi khi còn mang tính hình thức; nội dung rút kinh nghiệm chưa thật sự sâu sắc.

Ở một số cấp ủy trực thuộc, hội nghị và báo cáo sơ kết, tổng kết còn nặng về mô tả, liệt kê kết quả bề nổi hơn là đánh giá thực chất hiệu quả tác động và mức độ chuyển biến của các chỉ tiêu, mục tiêu trọng tâm. Một số báo cáo chưa làm rõ mức độ hoàn thành theo tiêu chí định lượng, chưa phân tích đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng. Phần “bài học kinh nghiệm” trong một số văn bản tổng kết còn khuôn mẫu, lặp lại các nhận định chung như tăng cường lãnh đạo, nâng cao nhận thức, đẩy mạnh phối hợp, nhưng chưa đi sâu vào nguyên nhân gốc rễ của các điểm nghẽn thể chế, cơ chế phối hợp, nguồn lực hoặc khoảng cách giữa nghiên cứu và ứng dụng. Trong các báo cáo kết quả thực hiện

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia của Đảng ủy phường Tây Hồ [163], UBND phường Tây Tựu [50] mới chỉ ra được kết quả đạt được, không nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc và bài học kinh nghiệm. Điều này dẫn đến kết quả sơ kết, tổng kết đôi khi chưa được chuyển hóa kịp thời thành điều chỉnh chính sách, đổi mới quy trình hoặc hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện; thiếu cơ chế theo dõi, hậu kiểm đối với việc khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra.

Khảo sát xã hội học cho thấy hạn chế này được một bộ phận tương đối lớn người được hỏi ghi nhận có 301/833 người (36,1%) đồng ý và 237/833 người (28,5%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện các nghị quyết, chủ trương về phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội đôi khi còn mang tính hình thức, nội dung rút kinh nghiệm chưa thật sự sâu sắc [Phụ lục 14]. Kết quả khảo sát phản ánh rằng bên cạnh những chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hoạt động sơ kết, tổng kết ở một số cấp, một số lĩnh vực vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò là kênh đánh giá, phản biện và điều chỉnh chính sách. Điều đó cho thấy yêu cầu nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, tăng cường phân tích nguyên nhân, nhận diện chính xác các điểm nghẽn và kịp thời chuyển hóa kết quả rút kinh nghiệm thành giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể đang đặt ra ngày càng cấp thiết.

3.1.2.2. Hạn chế về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Thứ nhất, lãnh đạo bằng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy về phát triển KH, CN còn một số bất cập, một số nơi chỉ đạo còn mang tính hình thức, chưa thực sự bám sát văn bản.

Chất lượng lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận ở một số thời điểm và một số cấp ủy trực thuộc vẫn còn những hạn chế nhất định. Việc cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Thành ủy ở một số nơi còn chậm, thiếu tính chủ động và chưa thật sự gắn với đặc điểm, yêu cầu phát triển KH, CN của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Trong quá trình triển khai, một số cấp ủy, tổ chức đảng còn biểu hiện coi trọng khâu ban hành văn bản hơn khâu tổ chức thực hiện; việc học tập, quán

triệt nghị quyết ở một số nơi còn mang tính truyền đạt một chiều, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Nội dung nghị quyết, chỉ thị có lúc chưa được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và chỉ tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị; dẫn đến tình trạng thực hiện còn hình thức, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Chẳng hạn, theo báo cáo của Đảng ủy phường Bạch Mai, địa phương chưa xây dựng được chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu KH, CN trọng điểm ở cấp phường, cho thấy việc cụ thể hóa chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN còn chậm và chưa gắn với yêu cầu phát triển của địa phương [47, tr.22]. Tương tự, tại Đảng ủy xã Bất Bạt, việc triển khai một số nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW còn chưa đồng đều; một số nhiệm vụ mới dừng ở báo cáo tiến độ, chưa chuyển hóa thành sản phẩm đầu ra cụ thể, chưa xác định rõ hiệu quả và thời hạn hoàn thành [53, tr.7]. Điều đó phản ánh việc tổ chức thực hiện nghị quyết ở một số nơi chưa thật sự quyết liệt, thiếu sự theo dõi, đôn đốc thường xuyên.

Một số cấp ủy cơ sở chưa thực sự coi phát triển KH, CN là nhiệm vụ chính trị trọng tâm gắn với phát triển KT - XH của địa phương. Việc lãnh đạo còn dãn trải, thiếu quyết liệt, chưa bám sát nội dung và yêu cầu của các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đã ban hành. Điều này phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả lan tỏa của chủ trương phát triển KH, CN trong toàn hệ HTCT, làm giảm tốc độ chuyển hóa các định hướng của Thành ủy thành kết quả cụ thể trong thực tiễn.

Theo điều tra xã hội học cho thấy có 314/833 người (37,7%) đồng ý và 240/833 người (28,8%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng việc lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy về phát triển KH, CN còn một số bất cập; ở một số nơi việc quán triệt và tổ chức thực hiện còn mang tính hình thức, chưa bám sát nội dung văn bản [Phụ lục 14].

Thứ hai, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo triển khai tuyên truyền, thuyết phục, vận động về phát triển KH, CN có có lúc, có nơi chưa kịp thời, hiệu quả chưa đồng đều; mức độ lan tỏa và chiều sâu nhận thức ở một số nhóm đối tượng còn hạn chế.

Việc tổ chức, quán triệt các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy Hà Nội về phát triển KHCN, ĐMST và CDS có lúc, có nơi chưa

kịp thời, chưa được cụ thể hoá thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp [133]. Hiệu quả tuyên truyền ở một số thời điểm chưa đồng đều giữa các địa bàn, lĩnh vực và nhóm đối tượng. Cường độ và chất lượng tuyên truyền thường tập trung mạnh hơn ở khu vực nội thành, các cơ quan nghiên cứu, trường đại học và nhóm đối tượng có điều kiện tiếp cận tri thức, công nghệ; trong khi khu vực ngoại thành, các làng nghề truyền thống, nhóm hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, hoạt động tuyên truyền còn mờ nhạt, thiếu thường xuyên. Phương thức tuyên truyền ở một số đơn vị còn nặng tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa thích ứng đầy đủ với môi trường truyền thông số; nội dung đôi khi còn khô khan, thiên về thuật ngữ kỹ thuật, thiếu mô hình điển hình và câu chuyện thành công có sức thuyết phục. Công tác tuyên truyền, vận động đôi lúc chưa gắn chặt với cơ chế hỗ trợ thực tiễn như tư vấn giải pháp, kết nối chuyên gia, hướng dẫn thủ tục và hỗ trợ tài chính, nên hiệu quả vận động có nơi chưa cao. Thực tế tại Đảng ủy xã Vật Lại cho thấy công tác tuyên truyền và vận động người dân tham gia CDS, ứng dụng KH, CN còn chưa thường xuyên; hoạt động giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các chủ trương về KH, CN chưa có nhiều nội dung chuyên sâu [57, tr. 9]. Công tác hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ sử dụng hệ thống tại Đảng ủy phường Từ Liêm còn chưa đồng bộ và thường xuyên [51]. Công tác tuyên truyền, đào tạo về văn hóa số và an toàn thông tin còn hạn chế, chưa tạo được thói quen tự giác cho cán bộ, người dân [130].

Theo kết quả khảo sát, 327/833 người (39,3%) đồng ý và 244/833 người (29,3%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng việc lãnh đạo tuyên truyền, thuyết phục, vận động về phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội có thời điểm hiệu quả chưa đồng đều; mức độ lan tỏa và chiều sâu nhận thức ở một số nhóm đối tượng còn hạn chế [Phụ lục 14]. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, bảo đảm tính phù hợp với từng địa bàn và nhóm đối tượng, qua đó nâng cao hơn nữa nhận thức xã hội về vai trò của KH, CN đối với phát triển Thủ đô là yêu cầu trong thời gian tới.

Thứ ba, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực KH, CN của Thành phố còn hạn chế, bất cập.

Thành phố tập trung số lượng lớn các nhà khoa học, chuyên gia và cơ sở đào tạo, nghiên cứu hàng đầu cả nước, song việc chuyển hóa tiềm năng nhân lực thành nguồn lực trực tiếp phục vụ phát triển KH, CN chưa tương xứng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH, CN ở một số lĩnh vực còn chưa gắn chặt với nhu cầu thực tiễn và các công nghệ chiến lược mới nổi; cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài chưa thật sự đủ sức cạnh tranh so với khu vực tư nhân và các trung tâm khoa học lớn trong khu vực. Việc bố trí, sử dụng cán bộ làm công tác KH, CN ở một số cơ quan, đơn vị còn biểu hiện chưa phù hợp với chuyên môn, năng lực; môi trường làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và cơ chế khuyến khích sáng tạo chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho đội ngũ cán bộ, nhà khoa học. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng và công nghệ bán dẫn vẫn tồn tại. Nhận thức của một số cán bộ, công chức, kể cả cán bộ KH, CN còn có biểu hiện coi nhẹ, chưa tận tâm, tận lực để hoàn thành nhiệm vụ khi được giao; còn ngại va chạm, đùn đẩy, né tránh những việc phức tạp. Chế độ, chính sách, cơ sở vật chất bảo đảm cho công tác KH, CN, ĐMST và CDS chưa đồng bộ, hạn chế cả số lượng, chất lượng [133]. Những khó khăn này làm giảm hiệu quả khai thác tiềm năng trí tuệ của Thủ đô, ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và quá trình phát triển KH, CN, ĐMST trong giai đoạn mới.

Thống kê điều tra xã hội học chỉ ra kết quả có 335/833 người (40,2%) đồng ý và 247/833 người (29,7%) hoàn toàn đồng ý với nhận định rằng công tác lãnh đạo bằng tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội còn bộc lộ những hạn chế nhất định, đặc biệt trong đào tạo, bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ nhân lực phục vụ lĩnh vực KH, CN [Phụ lục 14].

Thứ tư, vai trò của một số tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện chủ trương phát triển KH, CN theo sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội có lúc chưa phát huy đầy đủ; chất lượng triển khai giữa các đơn vị còn khác nhau.

Ở một số cấp ủy, tổ chức đảng, việc quán triệt và cụ thể hóa chủ trương phát triển KH, CN chưa thật sự trở thành nội dung lãnh đạo thường xuyên, gắn chặt với trách nhiệm của người đứng đầu và chương trình công tác hằng năm.

Vai trò nêu gương, tiên phong của một bộ phận đảng viên, nhất là đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, chưa thể hiện rõ trong thúc đẩy ứng dụng KH, CN và CDS vào quản trị, điều hành và thực thi công vụ. Năng lực tổ chức triển khai, phối hợp liên thông và giải quyết vướng mắc ở một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đồng đều, dẫn đến tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ KH, CN còn chậm và thiếu tính liên tục. Ở Đảng ủy xã Quảng Oai, trách nhiệm người đứng đầu đơn vị chưa được lượng hóa đầy đủ bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ dẫn đến một số nhiệm vụ phát triển KH, CN bị chậm tiến độ [56].

Kết quả khảo sát cho thấy, có 38,7% số người được hỏi đồng ý và 29,1% hoàn toàn đồng ý với nhận định về những hạn chế nêu trên kiến. Đây là một tồn tại cần được quan tâm khắc phục trong quá trình lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội thời gian tới [Phụ lục 14].

Thứ năm, Thành ủy lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện, đôi khi chưa thật sự quyết liệt.

Cơ chế tổ chức kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ liên ngành chưa xác định thật rõ đầu mối điều phối thống nhất, dẫn đến phối hợp chưa chặt chẽ và triển khai thiếu nhất quán giữa các cơ quan, đơn vị [130]. Một số nhiệm vụ có tính xuyên ngành chậm được đôn đốc, hướng dẫn hoặc chưa thống nhất trong cách thức thực hiện. Bên cạnh đó, ở một số lĩnh vực, trách nhiệm của người đứng đầu trong kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; việc theo dõi, kiểm soát tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ chưa gắn chặt với chế độ chịu trách nhiệm toàn diện. Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động KH, CN có lúc chưa đều đặn, chế tài áp dụng chưa đủ mạnh để tạo sức răn đe và phòng ngừa [133].

Những hạn chế nêu trên không chỉ được phản ánh qua thực tiễn mà còn được xác nhận từ kết quả khảo sát. Theo đó, có 331/833 người (39,7%) đồng ý; 245/833 người (29,4%) hoàn toàn đồng ý cho rằng: “công tác kiểm tra, giám sát trong lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện, đôi khi chưa thật sự quyết liệt” [Phụ lục 14].

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

** Nguyên nhân khách quan*

Một là, sự quan tâm, định hướng chiến lược và hệ thống chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về phát triển KH, CN.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và coi KH, CN là động lực chủ yếu để phát triển đất nước và đã ban hành nhiều đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật về phát triển KH, CN. Đây là nền tảng chính trị - pháp lý quan trọng tạo định hướng để Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN của Thủ đô. Hệ thống nghị quyết, chiến lược, chỉ thị và quy định của Trung ương giúp xác lập rõ vai trò động lực của KH, CN trong phát triển KT - XH, đồng thời tạo cơ sở để địa phương quán triệt, cụ thể hóa, huy động nguồn lực, ban hành chính sách và kiện toàn bộ máy. Trong những năm qua, các chủ trương, định hướng của Trung ương về phát triển KH, CN được ban hành tương đối đầy đủ và nhất quán đã đánh giá rõ thực trạng, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của đất nước; từ đó tạo điều kiện khách quan thuận lợi để Thành ủy Hà Nội dựa vào đó cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện phù hợp với đặc thù Thủ đô. Quá trình tổ chức thực hiện và hoạt động sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là cơ sở để Thành ủy kịp thời nắm bắt tình hình và nhận diện các vấn đề mang tính vĩ mô tác động đến sự phát triển KH, CN trong nước. Trên cơ sở đó Thành ủy Hà Nội điều chỉnh trọng tâm lãnh đạo đối với phát triển KH, CN trên địa bàn, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong toàn HTCT Thành phố.

Hai là, Hà Nội có lợi thế về vị thế Thủ đô cùng tiềm lực và hệ sinh thái KH, CN đa dạng.

Với vai trò trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đồng thời là trung tâm KH, CN lớn của cả nước nên Hà Nội là nơi hội tụ hệ thống cơ quan Trung ương, các viện nghiên cứu, trường đại học, phòng thí nghiệm, tổ chức KH, CN và cộng đồng doanh nghiệp công nghệ. Hà Nội còn có sự hiện diện của hệ sinh thái KH, CN đa dạng (từ trường - viện, doanh nghiệp công nghệ, khu công

nghe cao, vườn ươm, mạng lưới chuyên gia, các hoạt động kết nối). Các lợi thế này là điều kiện khách quan quan trọng giúp Thành ủy và chính quyền Thành phố thuận lợi hơn trong việc huy động nguồn lực xã hội, hình thành các mạng lưới hợp tác nghiên cứu - đào tạo - ứng dụng, thúc đẩy hợp tác công - tư, tăng cường phối hợp liên ngành và lan tỏa ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào các lĩnh vực quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, nông nghiệp... Nhờ vậy, các chủ trương phát triển KH, CN của Thành ủy có cơ sở hiện thực hóa với tính khả thi cao hơn, góp phần nâng hiệu quả lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Ba là, sự ưu tiên và hỗ trợ của Trung ương đối với Hà Nội trong phát triển KH, CN.

Đây là điều kiện khách quan quan trọng góp phần nâng cao tính khả thi của các chủ trương lãnh đạo trên địa bàn Thủ đô. Sự quan tâm này không chỉ thể hiện ở định hướng, mà còn được cụ thể hóa thông qua việc ưu tiên bố trí các thiết chế và dự án KH, CN trọng điểm tại Hà Nội (như khu công nghệ cao, khu CNTT, các trung tâm ĐMST, dự án khoa học quan trọng) nhằm tăng cường nền tảng hạ tầng và năng lực triển khai. Đồng thời, các cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô và văn bản hướng dẫn tạo hành lang pháp lý để Thành phố triển khai thí điểm có kiểm soát (sandbox), hỗ trợ tháo gỡ một số điểm nghẽn về thể chế và nguồn lực. Nhờ vậy, Thành ủy Hà Nội có thêm “địa chính sách” và điều kiện bảo đảm để cụ thể hóa nghị quyết thành chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển KH, CN.

Bốn là, yêu cầu phát triển KT - XH, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tác động của CMCN 4.0.

Trong bối cảnh mới, KH, CN không còn là lĩnh vực hỗ trợ mà trở thành nhân tố quyết định đối với phát triển bền vững của Thủ đô. Áp lực từ yêu cầu phát triển KT - XH đặt ra đòi hỏi Hà Nội phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa nhiều hơn vào năng suất tổng hợp (TFP) và ĐMST, thay cho mô hình dựa vào lao động và tài nguyên. Đồng thời, tác động của CMCN 4.0 với các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT và nền tảng số làm gia tăng cạnh tranh về quản trị đô thị thông minh giữa các đô thị lớn trong khu vực. Các yếu tố khách quan này vừa tạo cơ hội hiện đại hóa hạ tầng và cải cách

hành chính, vừa đặt ra áp lực phải đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo. Trước yêu cầu cấp bách về nâng cao năng suất lao động và hiệu quả lãnh đạo, quản trị, Thành ủy Hà Nội có điều kiện chủ động ban hành chủ trương kịp thời, tăng cường điều phối liên ngành và đẩy nhanh thể chế hóa, qua đó hình thành động lực triển khai và sự đồng thuận trong toàn HTCT nhằm phát huy vai trò động lực của KH, CN đối với tăng trưởng của Thủ đô.

** Nguyên nhân chủ quan*

Một là, nhận thức đúng đắn và quyết tâm chính trị cao của Thành ủy, BTVTU về vai trò động lực của phát triển KH, CN.

Nhận thức đúng đắn và quyết tâm chính trị cao của Thành ủy, BTVTU về vai trò động lực của phát triển KH, CN là nguyên nhân chủ quan quan trọng tạo nền tảng cho những ưu điểm trong lãnh đạo nhiệm vụ này trên địa bàn Thủ đô. Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết, chủ trương của Trung ương, Thành ủy đã xác định phát triển KH, CN, ĐMST và CDS không chỉ là lĩnh vực chuyên môn của cơ quan quản lý nhà nước, mà là động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao năng suất và hiện đại hóa quản trị đô thị. Nhận thức đó góp phần hình thành tư duy lãnh đạo theo hướng lấy KH, CN làm đòn bẩy, tạo sự thống nhất về quan điểm và ưu tiên hành động trong toàn HTCT Thành phố.

Quyết tâm chính trị được thể hiện ở việc Thành ủy chủ động đưa nội dung phát triển KH, CN vào các chương trình công tác trọng tâm, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và yêu cầu cụ thể hóa thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, Thành ủy chú trọng thiết lập cơ chế điều phối và phân công trách nhiệm tương đối rõ ràng, gắn triển khai nhiệm vụ KH, CN với vai trò người đứng đầu nhằm tăng cường tính kỷ luật, kỷ cương và hạn chế tâm lý khoán trắng cho cơ quan chuyên môn. Trên phương diện thực thi, quyết tâm lãnh đạo còn được củng cố thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng, tạo động lực và áp lực thực hiện trong toàn hệ thống.

Nhìn chung, sự thống nhất về nhận thức và quyết tâm chính trị của Thành ủy, BTVTU đã tạo ra “điểm tựa” nội sinh cho quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển KH, CN: vừa định hướng đúng trọng tâm, vừa thúc đẩy thể chế hóa và tổ chức thực hiện quyết liệt hơn, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu

quả lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Hai là, năng lực lãnh đạo, thể chế hóa và kiểm tra, giám sát của Thành ủy ngày càng được nâng cao.

Thành ủy và BTVTU thể hiện khả năng nắm bắt nhanh chủ trương của Trung ương và cụ thể hóa thành định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện Thủ đô. Nhờ đó, các văn bản lãnh đạo được ban hành tương đối kịp thời, tạo sự chỉ đạo thống nhất, giảm độ trễ giữa yêu cầu chính trị và tổ chức thực hiện. Điểm nổi bật của năng lực này là khả năng chuyển hóa chủ trương thành hệ thống cơ chế, chính sách và chương trình hành động có tính triển khai. Thông qua lãnh đạo, chỉ đạo HĐND và UBND Thành phố, các nội dung về phát triển KH, CN được thể chế hóa bằng nghị quyết, kế hoạch, đề án, quyết định, quy định... gắn với phân công rõ cơ quan chủ trì - phối hợp, tiến độ và sản phẩm đầu ra. Việc thể chế hóa không chỉ dừng ở định hướng mà hướng tới tạo công cụ thực thi cụ thể (cơ chế tài chính, quy trình quản lý nhiệm vụ, danh mục dịch vụ sự nghiệp công, cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp...) nhằm hạn chế chồng chéo nhiệm vụ giữa các cơ quan và nâng hiệu lực điều hành.

Đồng thời, Thành ủy chú trọng tổ chức điều phối, đôn đốc và theo dõi tiến độ thể chế hóa, góp phần bảo đảm sự đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong triển khai. Nhờ vậy, chủ trương phát triển KH, CN có điều kiện được hiện thực hóa bằng chính sách cụ thể, tăng tính khả thi và tạo nền tảng cho tổ chức thực hiện hiệu quả trên địa bàn Thủ đô.

Thành ủy đã chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ KH, CN nhằm tạo kỷ luật thực thi và hạn chế tình trạng triển khai hình thức hoặc chậm tiến độ. Đặc biệt, Thành ủy đã chỉ đạo việc gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ, coi đây là tiêu chí quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Cách làm này tạo động lực thực thi rõ rệt, buộc các cơ quan, đơn vị, cán bộ chủ động hơn trong tổ chức triển khai, phối hợp và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng đầu ra. Đồng thời, thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, Thành ủy có điều kiện nắm bắt kịp thời vướng mắc phát sinh từ thực tiễn (về cơ chế, nguồn lực, quy trình, phối hợp...), từ

đó chỉ đạo tháo gỡ, điều chỉnh giải pháp và đôn đốc thực hiện theo đúng trọng tâm, lộ trình. Nhìn chung, việc tăng cường kiểm tra, giám sát và đôn đốc đã bảo đảm tính liên tục trong chu trình lãnh đạo của Thành ủy, góp phần nâng cao hiệu lực chỉ đạo và chất lượng tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Ba là, năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện của cơ quan chuyên môn về phát triển KH, CN được cải thiện.

Sở Khoa học và Công nghệ phát huy vai trò đầu mối tham mưu, góp phần nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội. Công tác tham mưu được thực hiện theo hướng nâng chất lượng luận cứ khoa học, gắn với phân tích bối cảnh, nhận diện xu hướng công nghệ và các rào cản thực tiễn để đề xuất giải pháp, cơ chế phù hợp, qua đó tăng tính khả thi của chủ trương. Năng lực tổ chức thực hiện và điều phối được triển khai tương đối bài bản thông qua các chương trình, đề án, kế hoạch trọng tâm, với phân công rõ cơ quan chủ trì - phối hợp, gắn tiến độ và sản phẩm đầu ra; đồng thời tăng cường phối hợp liên ngành nhằm hạn chế chồng chéo trong triển khai nhiệm vụ. Vai trò nòng cốt của cơ quan chuyên môn còn thể hiện ở việc kết nối nguồn lực trong hệ sinh thái KH, CN giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, thúc đẩy liên kết nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao. Đồng thời, việc chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng số và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác KH, CN góp phần cải thiện chất lượng tham mưu và năng lực thực thi, hỗ trợ tháo gỡ một số vướng mắc về thủ tục và cơ chế tài chính. Qua đó, niềm tin của cộng đồng khoa học được củng cố và khả năng huy động nguồn lực tri thức cho phát triển Thủ đô được tăng cường.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

Một là, phát triển KH, CN là nhiệm vụ phức tạp, khối lượng công việc lớn, yêu cầu cao.

Đặc thù của lĩnh vực KH, CN là tính liên ngành, liên lĩnh vực và độ trễ kết quả, đòi hỏi triển khai theo chu trình đầy đủ từ xác định vấn đề, đặt hàng nhiệm vụ, bố trí nguồn lực, nghiên cứu, nghiệm thu đến ứng dụng, chuyển giao và đánh giá tác động. Mỗi khâu đều gắn với yêu cầu khắt khe về kỹ thuật, quản

lý, tài chính, sở hữu trí tuệ và phối hợp nhiều chủ thể như cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và địa phương. Trong bối cảnh gắn với ĐMST và CDS, yêu cầu càng cao khi vừa phải theo kịp tốc độ công nghệ, vừa bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và liên thông dữ liệu. Nhiều đề án có tính mới, phức tạp, cần nhiều vòng góp ý nên ảnh hưởng tiến độ; vì vậy dễ phát sinh áp lực và điểm nghẽn nếu thiếu phối hợp, nguồn lực và nhân lực phù hợp.

Hai là, thể chế, chính sách và thị trường KH, CN còn thiếu đồng bộ, chưa hoàn thiện.

Hệ thống chính sách KH, CN còn tồn tại khoảng trống và thiếu thống nhất, nhất là trong quản lý nhiệm vụ, cơ chế tài chính, đặt hàng - giao nhiệm vụ và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Cơ chế tự chủ của các tổ chức nghiên cứu chưa phát huy đầy đủ, làm giảm tính chủ động và khả năng huy động nguồn lực xã hội. Thị trường KH, CN phát triển chưa đầy đủ, đặc biệt là thiếu các tổ chức trung gian như tư vấn, môi giới, thẩm định, định giá công nghệ, làm hạn chế liên kết giữa nghiên cứu và thương mại hóa, ảnh hưởng đến mục tiêu tạo đột phá KH, CN của Thủ đô.

Ba là, đô thị hóa nhanh gây sức ép lớn, hạ tầng KH, CN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nhu cầu đầu tư cho các lĩnh vực thiết yếu gia tăng mạnh khiến nguồn lực cho hạ tầng KH, CN như phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số chưa tương xứng. Quá trình mở rộng đô thị làm tăng nhu cầu quản trị thông minh, trong khi cơ sở vật chất và năng lực vận hành còn chênh lệch giữa các khu vực. Việc đầu tư, chuẩn hóa và liên thông dữ liệu chuyên ngành còn chậm, làm hạn chế khai thác dữ liệu và triển khai ứng dụng KH, CN trên quy mô lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả CDS và phát triển KH, CN của Thành phố.

Bốn là, tác động từ bối cảnh quốc tế và hậu quả đại dịch Covid-19.

Biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu làm gián đoạn nguồn cung công nghệ, tăng chi phí tiếp cận và hạn chế chuyển giao công nghệ. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ các dự án ứng dụng công nghệ và hạ tầng số. Hệ lụy Covid-19 làm suy giảm năng lực tài chính doanh nghiệp và ngân sách công, thu hẹp nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Hoạt động hợp tác quốc tế cũng bị gián đoạn, làm gia

tăng bất định, kéo dài tiến độ và tăng chi phí triển khai các nhiệm vụ KH, CN.

** Nguyên nhân chủ quan*

Một là, một số cấp ủy đảng, chính quyền, ngành, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ phát triển KH, CN là nhiệm vụ trọng tâm.

Nhận thức và mức độ ưu tiên đối với nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH, CN ở một số cấp ủy, chính quyền, ngành và doanh nghiệp chưa đầy đủ, chưa xác định đúng là động lực then chốt của tăng trưởng và quản trị. Việc quán triệt và cụ thể hóa chủ trương thành mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch ở một số đơn vị còn thiếu chủ động, chưa tạo sức lan tỏa. Công tác chỉ đạo triển khai chưa thật sự quyết liệt; một bộ phận cán bộ, công chức còn biểu hiện coi nhẹ nhiệm vụ, ngại khó, né tránh, đùn đẩy, ảnh hưởng tiến độ và chất lượng thực hiện. Tình trạng này phản ánh sự chưa đồng đều về nhận thức, đồng thời cho thấy việc gắn trách nhiệm với đánh giá, kiểm tra, giám sát và người đứng đầu ở một số nơi chưa chặt chẽ, làm giảm hiệu quả tổ chức thực hiện.

Hai là, việc tổ chức, quán triệt các hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy Hà Nội có lúc, có nơi chưa kịp thời; năng lực tham mưu, đề xuất về phát triển KH, CN của một số cơ quan chức năng của Thành phố còn hạn chế.

Ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố, việc triển khai chủ trương còn thiên về phổ biến văn bản, chưa chú trọng đầy đủ đến phân tích yêu cầu thực tiễn, xác định nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể hóa trách nhiệm của từng chủ thể. Vì vậy, giữa chủ trương của Trung ương, Thành ủy với chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể ở cơ sở vẫn còn khoảng cách. Tình trạng chậm góp ý văn bản, báo cáo, phản hồi vẫn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị. Năng lực tham mưu, nghiên cứu, dự báo và đề xuất chính sách của một bộ phận cơ quan chuyên môn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của lĩnh vực KH, CN có tính liên ngành và biến đổi nhanh. Các giải pháp mang tính đột phá, khả thi được đưa ra chưa nhiều và chưa thực sự tháo gỡ những điểm nghẽn về phát triển KH, CN của thành phố Hà Nội.

Ba là, chưa có cơ chế phối hợp liên ngành, thiếu quỹ tài chính và chính sách khuyến khích đủ mạnh để thúc đẩy hợp tác quốc tế về KH, CN; năng lực hội nhập quốc tế của cán bộ, nhất là về ngoại ngữ và pháp lý quốc tế còn hạn chế.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH, CN có tính liên ngành cao, đòi hỏi sự

tham gia đồng bộ của nhiều cơ quan. Tuy nhiên, Thành phố chưa thiết lập đầy đủ cơ chế phối hợp theo hướng rõ đầu mối điều phối, rõ trách nhiệm và quy trình thống nhất, khiến việc lựa chọn đối tác, xác định danh mục ưu tiên, thẩm định phê duyệt và triển khai chương trình hợp tác còn thiếu liên thông, làm giảm hiệu quả tổ chức thực hiện. Việc thiếu quỹ tài chính chuyên biệt và các chính sách ưu đãi đủ mạnh (đồng tài trợ nghiên cứu, hỗ trợ tham gia mạng lưới quốc tế, thu hút chuyên gia, đặt hàng nghiên cứu chung, tiếp nhận chuyển giao) khiến nhiều hoạt động hợp tác chỉ dừng ở quy mô nhỏ, ngắn hạn, khó tạo tác động lan tỏa. Đồng thời, một bộ phận cán bộ còn hạn chế về ngoại ngữ và hiểu biết pháp lý quốc tế làm ảnh hưởng tới chất lượng đàm phán, quản trị dự án và làm giảm mức độ chủ động của hợp tác quốc tế về KH, CN của Thành phố.

Bốn là, cơ chế, chính sách của Thành phố về huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực cho phát triển KH, CN còn một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố còn chậm, thiếu tính dự báo và chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Công tác tham mưu xây dựng chính sách huy động nguồn lực xã hội, thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu chưa thực sự hiệu quả. Việc phân bổ nguồn lực chưa gắn chặt với các mục tiêu chiến lược, lĩnh vực ưu tiên và kết quả đầu ra. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực còn thiếu thường xuyên, chưa kịp thời điều chỉnh những bất cập phát sinh. Điều này làm giảm hiệu quả đầu tư cho KH, CN, hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội và chưa tạo được động lực đủ mạnh để thúc đẩy ĐMST, phát triển KH, CN của Thủ đô.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Một là, thường xuyên quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn phát triển KH, CN của Thủ đô.

Kinh nghiệm này xuất phát từ thực tiễn cho thấy mọi thành tựu trong phát triển KH, CN của Hà Nội đều gắn liền với việc quán triệt và cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Trong bối cảnh KH, CN phát triển nhanh, nếu chỉ sao chép hoặc áp dụng máy móc các chủ trương của Trung

ương sẽ khó đáp ứng yêu cầu đặc thù của Thủ đô. Vì vậy, Thành ủy Hà Nội cần vừa bảo đảm sự thống nhất với đường lối chung của Đảng, vừa chủ động vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện, tiềm năng và yêu cầu phát triển của địa phương. Thực tiễn cho thấy những chủ trương được cụ thể hóa sát thực tiễn thường tạo ra hiệu quả rõ nét trong nghiên cứu khoa học, ĐMST, CDS và phát triển kinh tế tri thức. Đây là bài học có ý nghĩa nền tảng, bảo đảm sự đúng hướng trong lãnh đạo phát triển KH, CN.

Hai là, phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền trong phát triển KH, CN.

Thực tiễn cho thấy phát triển KH, CN là lĩnh vực liên ngành, liên lĩnh vực, đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của cả HTCT. Nếu cấp ủy chỉ ban hành chủ trương mà thiếu sự cụ thể hóa bằng cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện của chính quyền thì các mục tiêu phát triển KH, CN khó trở thành hiện thực. Ngược lại, nếu chính quyền triển khai thiếu sự lãnh đạo của cấp ủy sẽ dễ dẫn đến phân tán nguồn lực và thiếu định hướng chiến lược. Do đó, kinh nghiệm rút ra là phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đi đôi với việc phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của chính quyền các cấp. Đây là điều kiện quan trọng để chuyển hóa các chủ trương của Đảng thành kết quả cụ thể trong thực tiễn phát triển KH, CN.

Ba là, coi trọng lãnh đạo xây dựng đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KH, CN.

Con người là yếu tố quyết định đối với sự phát triển KH, CN. Những kết quả đạt được của Hà Nội trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và ĐMST đều gắn với vai trò của đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học và nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực tiễn cũng cho thấy những hạn chế trong phát triển KH, CN của Thành phố phần lớn liên quan đến chất lượng nguồn nhân lực, khả năng thu hút nhân tài và năng lực ĐMST. Vì vậy, Thành ủy cần đặc biệt coi trọng lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và phát huy đội ngũ trí thức; đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghệ mới, công nghệ chiến lược và CDS. Đây vừa là yêu cầu trước mắt, vừa là giải pháp mang tính chiến lược lâu dài.

Bốn là, quan tâm đẩy mạnh huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp

giữa các chủ thể trong phát triển KH, CN.

Khoa học, công nghệ hiện nay không còn là hoạt động riêng của các cơ quan nghiên cứu mà đòi hỏi sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội và cộng đồng. Thực tiễn tại Hà Nội cho thấy những lĩnh vực đạt kết quả nổi bật thường là những lĩnh vực huy động được nhiều nguồn lực và thiết lập được cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các chủ thể. Ngược lại, sự phân tán nguồn lực và thiếu liên kết làm giảm hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả KH, CN. Vì vậy, Thành ủy cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, thúc đẩy liên kết “Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - nhà đầu tư”, tăng cường xã hội hóa và mở rộng hợp tác quốc tế nhằm khai thác tối đa các nguồn lực phục vụ phát triển KH, CN.

Năm là, thường xuyên sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh chủ trương, giải pháp phát triển KH, CN.

Khoa học, công nghệ là lĩnh vực biến đổi nhanh, chịu tác động mạnh của tiến bộ công nghệ và xu thế phát triển toàn cầu. Vì vậy, các chủ trương, cơ chế, chính sách nếu không được thường xuyên rà soát, đánh giá sẽ dễ trở nên lạc hậu hoặc không còn phù hợp với thực tiễn. Thực tiễn lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội cho thấy những lĩnh vực được quan tâm kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết thường có kết quả triển khai tốt hơn, đồng thời kịp thời phát hiện những bất cập để điều chỉnh. Do đó, kinh nghiệm quan trọng là phải xây dựng cơ chế đánh giá thường xuyên, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo, gắn kiểm tra, giám sát với việc hoàn thiện chủ trương, chính sách và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Đây là cơ sở bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả và khả năng thích ứng của công tác lãnh đạo phát triển KH, CN trong bối cảnh mới.

Tóm lại, những kinh nghiệm nêu trên cho thấy lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội là một quá trình vừa đòi hỏi tư duy chiến lược, quyết tâm chính trị cao, vừa đòi hỏi cơ chế tổ chức thực hiện đồng bộ, linh hoạt và bám sát thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện nội dung và phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong giai đoạn tới.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở khung lý luận đã được xây dựng ở Chương 2, Chương 3 của luận án đã tập trung phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN từ năm 2015 đến nay. Luận án đã sử dụng nhận định, số liệu trong các văn bản của Thành ủy, BTVTU, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và sử dụng kết quả phân tích điều tra xã hội học của đề tài luận án làm luận cứ, luận chứng chứng minh cho các luận điểm của luận án. Luận án chủ yếu tập trung khai thác các nội dung và số liệu những năm gần đây, số liệu từ năm 2015 được điểm xuyết trong các dẫn chứng do hạn chế về thời gian và phương pháp thu thập thông tin, số liệu. Việc phân tích, đánh giá thực trạng được tiến hành theo các tiêu chí cụ thể, bảo đảm xem xét cả ưu điểm, hạn chế. Đồng thời, luận án đã làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và rút ra những kinh nghiệm có giá trị lý luận, thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong những năm qua, Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Từ thực tiễn đó, luận án đã rút ra 5 kinh nghiệm sau: *Một là*, thường xuyên quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn phát triển KH, CN của Thủ đô. *Hai là*, phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền trong phát triển KH, CN. *Ba là*, coi trọng lãnh đạo xây dựng đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KH, CN. *Bốn là*, quan tâm đẩy mạnh huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp giữa các chủ thể trong phát triển KH, CN. *Năm là*, thường xuyên sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh chủ trương, giải pháp phát triển KH, CN. Như vậy, Chương 3 đã làm rõ thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm của Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN thời gian tới, bảo đảm KH, CN thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững Thủ đô. Qua đó khẳng định rằng, trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, ĐMST và CDS, hiệu quả phát triển KH, CN ở Hà Nội phụ thuộc trực tiếp vào nội dung và phương thức lãnh đạo của Thành ủy. Đây không chỉ là vấn đề quản trị phát triển mà còn là yêu cầu có tính quy luật trong bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực then chốt của Thủ đô thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Những yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Một là, sự nhất quán trong chủ trương của Đảng, Nhà nước và việc hoàn thiện môi trường chính trị - pháp lý thuận lợi cho phát triển KH, CN.

Trong những năm tới, phát triển KH, CN, ĐMST và CDS tiếp tục được Đảng và Nhà nước xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia và nâng cao năng lực tự cường, tự chủ của đất nước. Quan điểm này được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh một trong những định hướng lớn giai đoạn 2026 - 2030 là:

Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và các ngành mũi nhọn phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội đối với lao động sáng tạo; tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản, nhất là về cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng

khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược [45, tr.379].

Sự nhất quán đó còn được thể hiện trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật. Sau khi hợp nhất từ ngày 1/3/2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã khẩn trương hoàn thiện hành lang pháp lý, trọng tâm là tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế. Đến tháng 6/2025, Bộ đã trình và được Quốc hội thông qua 5 đạo luật nền tảng gồm: Luật Khoa học, công nghệ và ĐMST; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Tháng 12/2025, Quốc hội tiếp tục thông qua 5 đạo luật khác gồm: Luật Chuyển đổi số; Luật Công nghệ cao (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Trí tuệ nhân tạo.

Đặc biệt, Luật Khoa học, Công nghệ và ĐMST năm 2025 đã tạo hành lang pháp lý hiện đại cho nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả khoa học; mở rộng quyền tự chủ của tổ chức KH, CN; đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khoán chi, đặt hàng theo sản phẩm đầu ra và khuyến khích doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm của hệ thống ĐMST. Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2026 đã tạo cơ chế đặc thù cho Hà Nội trong thu hút nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ và xây dựng các trung tâm ĐMST, tạo điều kiện để Thành ủy Hà Nội chủ động hơn trong lãnh đạo và huy động nguồn lực phát triển KH, CN.

Như vậy, sự thống nhất về quan điểm của Trung ương cùng với việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật và các cơ chế đặc thù cho Thủ đô đã tạo nền tảng chính trị - pháp lý vững chắc để Hà Nội cụ thể hóa các chủ trương phát triển KH, CN. Đây là điều kiện thuận lợi quan trọng để Thành ủy Hà Nội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, đưa KH, CN trở thành động lực phát triển của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Hai là, vị thế trung tâm lớn KH, CN của Hà Nội tiếp tục được củng cố và duy trì.

Hà Nội là trung tâm lớn về KH, CN của cả nước, tập trung nhiều viện nghiên cứu đầu ngành, trường đại học trọng điểm, tổ chức KH, CN, doanh nghiệp công nghệ cao và đội ngũ trí thức có trình độ chuyên môn cao. Đây là nền tảng quan trọng để Thủ đô giữ vai trò đầu tàu trong phát triển KH, CN và ĐMST. Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới xác định rõ:

Xác lập mô hình tăng trưởng mới của Thủ đô lấy tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn lực văn hoá và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực trung tâm, là yếu tố then chốt tạo đột phá về năng suất, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh. Tập trung xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghệ số và dịch vụ giá trị cao, với các chính sách hỗ trợ đột phá hàng đầu khu vực, phát huy vai trò dẫn dắt quốc gia, từng bước nâng tầm khu vực và quốc tế [22].

Việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW đã tạo cơ sở chính trị và định hướng chiến lược quan trọng cho phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới. Với vị thế trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, Hà Nội có nhiều lợi thế trong tiếp cận nguồn lực KH, CN tiên tiến, mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút nhân lực chất lượng cao và đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn.

Ba là, HTCT và xã hội sẽ ngày càng quan tâm đối với phát triển KH, CN.

Phát triển KH, CN không còn là nhiệm vụ riêng của ngành KH, CN mà đã trở thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn HTCT. Quan điểm này được khẳng định trong các nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhấn mạnh yêu cầu phát huy vai trò của cả HTCT, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

Đối với Hà Nội, việc triển khai Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới đã tạo động lực chính trị mạnh mẽ, huy động sự tham gia của các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH và cộng đồng doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ. KH, CN ngày càng

được lồng ghép vào các chương trình phát triển KT - XH, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và đô thị thông minh.

Sự vào cuộc đồng bộ đó đã tạo chuyển biến quan trọng về nhận thức và hành động; từ chỗ coi KH, CN là lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật, nay được nhìn nhận là nền tảng phát triển và công cụ nâng cao năng lực quản trị. Doanh nghiệp ngày càng giữ vai trò trung tâm, các trường đại học và viện nghiên cứu tăng cường liên kết với doanh nghiệp, người dân tích cực ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và đời sống. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN theo hướng đồng bộ, thực chất và bền vững.

Bốn là, cấp ủy, chính quyền Thủ đô sẽ đề ra nhiều chủ trương, giải pháp mới thúc đẩy phát triển KH, CN, ĐMST.

Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030 xác định rõ: “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế” [131, tr.151]. Đồng thời, Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm: “Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm khoa học, công nghệ hàng đầu cả nước, ngang tầm với các nước trong khu vực châu Á và thế giới; đóng vai trò dẫn dắt hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo” [131, tr.24].

Cụ thể hóa chủ trương này, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND, ngày 29/9/2025 về việc quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND, ngày 29/9/2025 về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND, ngày 29/9/2025 về việc quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 459/NQ-HĐND, ngày 29/9/2025 về việc thông qua Đề án Thành lập Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội và về việc thông qua Đề án thành lập Trung tâm ĐMST thành phố Hà Nội. UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND, ngày 12/01/2026 về kế hoạch triển khai 06 Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội về KH, CN, ĐMST và CDS giai đoạn 2026-2030. Đây là

thuận lợi quan trọng để Thành ủy Hà Nội tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo phát triển KH, CN theo hướng chủ động, đồng bộ và sát thực tiễn.

Năm là, cuộc CMCN 4.0 và quá trình CDS mạnh mẽ tạo nhiều cơ hội mới cho Hà Nội phát triển KH, CN.

Cuộc CMCN 4.0 với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ sinh học và công nghệ bán dẫn đang mở ra cơ hội để Việt Nam thực hiện chiến lược “đi tắt, đón đầu”. Sự bùng nổ của các công nghệ cốt lõi như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing) đã hình thành kỷ nguyên phát triển mới, trong đó dữ liệu trở thành nguồn lực chiến lược và tri thức là động lực trực tiếp của tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, CDS không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn là quá trình tái cấu trúc phương thức lãnh đạo, quản trị và tổ chức thực hiện chính sách phát triển.

Đối với công tác lãnh đạo phát triển KH, CN, CMCN 4.0 và CDS tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạch định chủ trương, tăng cường kết nối giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; đồng thời thúc đẩy hình thành kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Môi trường số cũng tạo tiền đề đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng hiện đại, minh bạch và dựa trên dữ liệu.

Nhận thức rõ thời cơ đó, Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020. Đặc biệt, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, xác định phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chủ yếu để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và đổi mới quản trị quốc gia.

Trên cơ sở đó, Hà Nội đã cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản tương đối đồng bộ gồm: Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 22/3/2021; Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND thành phố Hà

Nội. Đây là cơ sở chính trị, pháp lý và tổ chức quan trọng để Thành ủy Hà Nội đẩy mạnh lãnh đạo phát triển KH, CN gắn với ĐMST và CDS. Như vậy, CMCN 4.0 và CDS không chỉ mở ra không gian phát triển mới cho KH, CN mà còn tạo nền tảng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo và thúc đẩy phát triển KH, CN của Thủ đô.

Sáu là, những thành tựu to lớn của đất nước và Thủ đô trong công cuộc đổi mới sẽ ngày càng thúc đẩy, tạo ra xung lực mới thúc đẩy phát triển KH, CN.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt những thành tựu toàn diện, làm cho thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, vị thế quốc tế và niềm tin của nhân dân không ngừng được nâng cao. “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện” [148, tr.59]. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [148, tr.104].

Trong dòng chảy phát triển đó, Hà Nội cũng đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2025 - 2030 khẳng định:

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thủ đô đã vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVII, đạt kết quả quan trọng, toàn diện, hoàn thành và vượt 16/20 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XVII, trong đó 3 chỉ tiêu vượt kế hoạch, hoàn thành sớm từ 1 đến 2 năm, góp phần tạo thể và lực mới, đưa Thủ đô Hà Nội vững bước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc [131, tr.2].

Đại hội XVIII của Đảng bộ thành phố Hà Nội xác định mục tiêu đến năm 2030: “Thủ đô Hà Nội là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát

triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực” [131, tr.26]; đồng thời hướng tới năm 2045 “xây dựng Thủ đô bản sắc, hiện đại và hội nhập, có nền công nghiệp hiện đại, làm chủ một số công nghệ nền, công nghệ nguồn; có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, khá giả, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà, tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới; chỉ số đổi mới sáng tạo nằm trong top 100 thành phố hàng đầu thế giới” [131, tr.26].

Những thành tựu và mục tiêu phát triển đó tạo điều kiện thuận lợi để Thành ủy Hà Nội tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN. Khi thể và lực của đất nước được nâng cao, nguồn lực vật chất và tinh thần được tăng cường, Thành ủy có thêm điều kiện thuận lợi để hoạch định chủ trương, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển KH, CN.

4.1.1.2. Những yếu tố khó khăn

Thứ nhất, sự tác động của giai đoạn đầu quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Trong thời gian tới, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương sẽ tạo ra những thay đổi lớn đối với hoạt động của HTCT Thành phố. Mặc dù đây là yêu cầu cần thiết nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động, nhưng trong giai đoạn đầu khó tránh khỏi những lúng túng trong tổ chức và vận hành. Việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác và sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đòi hỏi thời gian để hoàn thiện, ổn định và thích ứng với mô hình mới.

Đối với lĩnh vực KH, CN, những thay đổi về tổ chức bộ máy có thể ảnh hưởng đến công tác tham mưu, phối hợp và triển khai nhiệm vụ trong thời gian đầu. Việc chuyển giao nhiệm vụ, phân công trách nhiệm và thiết lập cơ chế phối hợp mới có thể làm phát sinh độ trễ trong thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển KH, CN. Đồng thời, Thành ủy Hà Nội phải tập trung nguồn lực cho công tác sắp xếp bộ máy, ổn định tổ chức và đội ngũ cán bộ, tạo áp lực nhất định

đối với việc triển khai các nhiệm vụ phát triển KH, CN trong bối cảnh yêu cầu ĐMST và CDS ngày càng cấp thiết.

Vì vậy, trong thời gian đầu, quá trình chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp và mô hình tổ chức mới sẽ là khó khăn khách quan tác động đến hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN, đòi hỏi lộ trình phù hợp và các giải pháp đồng bộ để bảo đảm sự ổn định, liên tục và thông suốt của HTCT.

Hai là, áp lực hoàn thiện thể chế KH, CN trong bối cảnh mở rộng phân cấp, phân quyền cho Thủ đô.

Việc Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2026 cùng các chủ trương phân cấp, phân quyền của Trung ương trao cho Hà Nội thẩm quyền chủ động ban hành và áp dụng nhiều cơ chế đặc thù đã mở ra cơ hội lớn cho phát triển KH, CN. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức đối với sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội. Khác với trước đây chủ yếu thực hiện các quy định thống nhất từ Trung ương, Hà Nội phải chủ động nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của Thủ đô. Điều này đòi hỏi năng lực dự báo chiến lược, thể chế hóa và tổ chức thực hiện ở mức độ cao hơn; nếu chính sách chậm ban hành hoặc thiếu đồng bộ, các cơ chế đặc thù sẽ khó phát huy hiệu quả.

Sự phát triển nhanh của KH, CN liên tục đặt ra những vấn đề mới như quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tài sản số, ĐMST mở, thử nghiệm công nghệ mới và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đòi hỏi hệ thống thể chế phải thường xuyên được cập nhật, hoàn thiện. Đối với Hà Nội, thách thức không chỉ là xây dựng chính sách mới mà còn phải bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia, đồng thời tạo được các cơ chế đủ sức hấp dẫn để thu hút nhân tài, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức nghiên cứu và nguồn lực đầu tư cho KH, CN.

Vì vậy, yêu cầu hoàn thiện thể chế và vận hành hiệu quả các cơ chế đặc thù theo Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2026 sẽ là một trong những khó khăn lớn, tác động trực tiếp đến năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong giai đoạn tới.

Ba là, thách thức về năng lực lãnh đạo, quản lý và kiểm soát rủi ro từ trí tuệ nhân tạo trong phát triển KH, CN.

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong quản trị và phát triển KH, CN, đồng thời đặt ra thách thức lớn đối với năng lực lãnh đạo, quản lý của Thành ủy Hà Nội. AI làm thay đổi phương thức ra quyết định, vận hành hệ thống và cung cấp dịch vụ công, trong khi năng lực nhận diện, đánh giá và làm chủ công nghệ của một bộ phận chủ thể quản lý còn hạn chế, dẫn đến nguy cơ bị động trong hoạch định chính sách. Bên cạnh đó, tính “hộp đen” của nhiều mô hình AI cùng sự phụ thuộc vào dữ liệu lớn và nền tảng công nghệ nước ngoài làm gia tăng rủi ro về minh bạch, kiểm soát và chủ quyền công nghệ.

Các rủi ro về sai lệch thuật toán, thông tin giả, lạm dụng dữ liệu cá nhân và an ninh mạng ngày càng gia tăng, trong khi cơ chế pháp lý và công cụ giám sát chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghệ. Đáng chú ý, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho quản trị AI, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực tổ chức thực thi và kiểm soát rủi ro. Điều này đòi hỏi nâng cao năng lực điều phối liên ngành, xây dựng thể chế quản trị AI và dự báo rủi ro công nghệ.

Thực tiễn đó cho thấy, thách thức từ AI không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là thách thức về năng lực lãnh đạo, quản trị chiến lược và kiểm soát rủi ro công nghệ, đòi hỏi Thành ủy Hà Nội phải chủ động đổi mới tư duy lãnh đạo, bảo đảm an toàn và tự chủ trong phát triển KH, CN.

Bốn là, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt trong lĩnh vực KH, CN.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và CDS diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh quốc tế về công nghệ lõi, nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút đầu tư ĐMST ngày càng gay gắt, tạo ra những thách thức đáng kể đối với sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển KH, CN. Cuộc đua thu hút và giữ chân nhân tài ngày càng quyết liệt khi nhiều quốc gia và tập đoàn công nghệ lớn triển khai chính sách đãi ngộ hấp dẫn đối với đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn và công nghệ sinh học. Điều này làm gia tăng nguy cơ “chảy máu chất xám” nếu môi trường nghiên cứu và cơ chế đãi ngộ của Hà Nội chưa đủ sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, xu hướng kiểm soát xuất khẩu công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ và cạnh tranh trong chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu khiến việc tiếp cận, chuyển giao công nghệ lõi trở nên khó khăn hơn, làm gia tăng nguy cơ phụ thuộc

vào công nghệ ngoại nhập. Đồng thời, Hà Nội phải cạnh tranh trực tiếp với nhiều đô thị lớn trong khu vực về môi trường đầu tư, hạ tầng số và khả năng thu hút nguồn vốn công nghệ cao. Điều đó cho thấy áp lực cạnh tranh quốc tế trong lĩnh vực KH, CN sẽ tiếp tục gia tăng, đòi hỏi Thành ủy Hà Nội phải nâng cao năng lực lãnh đạo, tầm nhìn chiến lược và khả năng thích ứng trong giai đoạn tới.

Năm là, thách thức trong bảo vệ sở hữu trí tuệ, bảo đảm chủ quyền dữ liệu, tự chủ công nghệ, an ninh mạng và an toàn thông tin.

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và CDS phát triển mạnh, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng phức tạp, trở thành thách thức lớn đối với quản lý nhà nước và môi trường ĐMST. Các hành vi xâm phạm không chỉ gia tăng mà còn tinh vi hơn, chuyển mạnh sang không gian số như mạng xã hội, thương mại điện tử và các nền tảng xuyên biên giới. Trong khi đó, hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi chưa theo kịp yêu cầu phát triển; hiệu lực xử lý, tính răn đe và phối hợp liên ngành còn hạn chế. Nhận thức của một bộ phận tổ chức, cá nhân về tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ chưa đầy đủ, làm gia tăng vi phạm và ảnh hưởng đến động lực sáng tạo. Điều này cho thấy bảo vệ sở hữu trí tuệ đã trở thành một điểm nghẽn thể chế đối với phát triển KH, CN.

Dữ liệu trong kỷ nguyên số là nguồn lực chiến lược, do đó bảo đảm chủ quyền dữ liệu, tự chủ công nghệ, an ninh mạng và an toàn thông tin có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội. Triển khai Đề án 06 đã tạo nền tảng cho quản trị số và cung cấp dịch vụ công, song việc bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” vẫn gặp khó khăn do dữ liệu phân tán, thiếu đồng bộ và chậm cập nhật. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho quản trị và bảo vệ dữ liệu, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực tổ chức thực thi và bảo đảm an toàn dữ liệu.

Trong bối cảnh yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu ngày càng mở rộng, nguy cơ lệ thuộc công nghệ, thất thoát dữ liệu và lộ lọt thông tin tiếp tục gia tăng. Mặc dù Luật An ninh mạng (sửa đổi năm 2025), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, song đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm soát rủi ro ở địa phương.

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ rõ một trong những hạn chế nổi bật hiện nay là: “chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ cốt lõi; thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đáp ứng yêu cầu; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức” [18]. Đồng thời, Nghị quyết xác định: “Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi...” [18]. Điều đó cho thấy, đối với Thành ủy Hà Nội, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương thức lãnh đạo phát triển KH, CN theo hướng không chỉ chú trọng thúc đẩy ứng dụng KH, CN và ĐMST mà còn phải gắn chặt với làm chủ dữ liệu, làm chủ công nghệ, bảo vệ hệ thống số và bảo đảm an ninh, an toàn trong toàn bộ quá trình phát triển.

Sáu là, xung đột, chiến tranh diễn ra phức tạp ở nhiều khu vực và có nguy cơ lan rộng.

Tình hình thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn, sự gia tăng các điểm nóng xung đột, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và nguy cơ lan rộng chiến tranh tại một số khu vực đang tạo ra những tác động bất lợi đối với môi trường phát triển KH, CN. Những biến động địa chính trị này có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt đối với chip bán dẫn, linh kiện điện tử và các nguyên liệu công nghệ quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình triển khai các dự án công nghệ cao, CDS và phát triển đô thị thông minh. Bên cạnh đó, xung đột quốc tế trong kỷ nguyên số thường đi kèm với nguy cơ gia tăng tấn công mạng, chiến tranh thông tin và các thách thức đối với an ninh hạ tầng số. Xu hướng bảo hộ công nghệ, siết chặt chuyển giao công nghệ và dịch chuyển dòng vốn đầu tư cũng có thể làm thu hẹp cơ hội hợp tác quốc tế, tiếp cận tri thức và công nghệ tiên tiến. Đồng thời, khi yêu cầu bảo đảm QP, AN gia tăng, việc phân bổ nguồn lực cho phát triển KT - XH và KH, CN sẽ gặp nhiều áp lực hơn. Những yếu tố trên cho thấy xung đột và chiến tranh quốc tế đang trở thành biến số ngoại cảnh quan trọng, tác động đến quá trình phát triển KH, CN, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực dự báo, thích ứng và lãnh đạo chiến lược của Thành ủy Hà Nội trong định hướng phát triển KH, CN thời gian tới.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới

Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/12/2024 đã xác định 7 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia, gồm: nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy; hoàn thiện thể chế, chính sách; tăng cường đầu tư và hạ tầng KH, CN; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh CDS trong HTCT và quản trị quốc gia; thúc đẩy hoạt động KH, ĐMST trong doanh nghiệp; mở rộng hợp tác quốc tế về KH, CN [18].

Tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định Nghị quyết số 57-NQ/TW đã mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước, đưa KH, CN vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển. Trên tinh thần chuyển từ xây dựng nền tảng sang tạo kết quả thực chất, Tổng Bí thư nhấn mạnh 8 nhiệm vụ trọng tâm, tập trung vào hoàn thiện thể chế, phát triển tổ chức KH, CN, ưu tiên nguồn lực, phát triển nhân lực chất lượng cao, hạ tầng số, công nghệ mũi nhọn và hợp tác quốc tế.

Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển KT - XH giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục khẳng định yêu cầu “nâng cao tiềm lực, trình độ KH, CN, ĐMST, CDS và chất lượng nguồn nhân lực”, coi đây là động lực quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng của quốc gia. Đây là căn cứ chính trị quan trọng để Thành ủy Hà Nội tiếp tục đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo phát triển KH, CN, ĐMST và CDS.

Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới đã bổ sung nhiều định hướng đột phá đối với KH, CN. Nghị quyết xác định mô hình tăng trưởng mới của Thủ đô dựa trên tri thức, KH, CN, ĐMST, CDS và nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm ĐMST, công nghệ số và dịch vụ giá trị cao của cả nước; phát triển các cực tăng trưởng mới, trung tâm nghiên cứu, khu ĐMST; thúc đẩy hệ sinh thái ĐMST; đẩy mạnh ứng dụng KH, CN trong quản trị đô thị, kinh tế số, xã hội số và chính quyền số; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới mục tiêu đến năm 2045 đưa Hà Nội

trở thành một trung tâm ĐMST quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. So với Nghị quyết số 15-NQ/TW năm 2022, Nghị quyết số 02-NQ/TW năm 2026 đã nâng KH, CN, ĐMST và CDS từ một động lực phát triển lên vị trí động lực trung tâm của mô hình tăng trưởng mới, đồng thời xác định rõ mục tiêu xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm ĐMST và công nghệ có tầm ảnh hưởng khu vực. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để Thành ủy Hà Nội tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, tập trung nguồn lực và ban hành các cơ chế đột phá phát triển KH, CN trong thời gian tới [22].

Cương lĩnh năm 2011, Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội XII, XIII đều nhất quán khẳng định phát triển KH, CN là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng là được xác định rõ trong Báo cáo chính trị Đại hội XIV là:

Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược, trọng tâm là chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của nền kinh tế [45, tr.386].

Văn kiện Đại hội XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030 Đảng bộ thành phố Hà Nội một trong những nhiệm vụ trọng tâm xây dựng, phát triển Thủ đô trong những năm tới:

Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm KH, CN hàng đầu cả nước, ngang tầm với các nước trong khu vực châu Á và thế giới; đóng vai trò dẫn dắt hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hình thành cụm đổi mới sáng tạo của Thủ đô dẫn dắt, liên kết với các cụm đổi mới sáng tạo trong vùng đồng bằng sông Hồng. Phát huy vai trò hạt nhân của Khu công nghệ cao

Hoà Lạc, Khu công nghệ cao sinh học, Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học; duy trì dẫn đầu cả nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) [131, tr.24].

Từ những cơ sở lý luận và định hướng chính trị nêu trên, có thể xác định phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô trong những năm tới như sau:

Một là, tiếp tục khẳng định phát triển KH, CN là khâu đột phá chiến lược của Thủ đô; tăng cường lãnh đạo phát triển KH, CN là nhiệm vụ trọng tâm của Thành ủy Hà Nội.

Trong bối cảnh kinh tế tri thức và chuyển đổi số trở thành xu thế chủ đạo, KH, CN và ĐMST đã trở thành nền tảng trực tiếp của phát triển KT - XH. Việc tiếp tục khẳng định KH, CN là khâu đột phá chiến lược sẽ định hướng quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng của Hà Nội chuyển dịch mạnh mẽ từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên tri thức và công nghệ thay cho các yếu tố truyền thống. Đây là cơ sở quan trọng để Thủ đô tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao.

Để thực hiện thắng lợi khâu đột phá chiến lược này, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN. Cấp ủy các cấp coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, điều hành; từ đó tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cả HTCT, phát huy vai trò kiến tạo, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển KH, CN trên địa bàn Thủ đô.

Hai là, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với phát triển KH, CN.

Sự phát triển của KH, CN gắn chặt với vai trò lãnh đạo, định hướng của các cấp ủy, tổ chức đảng trong HTCT. Nâng cao hiệu quả lãnh đạo không chỉ thể hiện ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết đúng đắn mà còn ở năng lực tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn. Các cấp ủy cần tăng cường quán triệt,

nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của KH, CN; đồng thời gắn nhiệm vụ phát triển KH, CN với các chương trình, kế hoạch phát triển KT -XH của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Quá trình này cần gắn với thực hiện Kết luận số 226-KL/TW về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương thức lãnh đạo, làm rõ trách nhiệm và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan. Việc khắc phục tình trạng chồng chéo, hình thức, thiếu quyết liệt trong tổ chức thực hiện sẽ góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo đối với phát triển KH, CN. Khi vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng được phát huy đầy đủ, các nguồn lực cho KH, CN sẽ được huy động và sử dụng hiệu quả, tạo sự thống nhất trong toàn HTCT, thúc đẩy KH, CN trở thành động lực quan trọng của phát triển Thủ đô.

Ba là, tăng cường lãnh đạo hoàn thiện cơ chế, quy chế, quy định đặc thù cho KH, CN Thủ đô.

Khoa học, công nghệ là lĩnh vực có tính đặc thù cao, đòi hỏi cơ chế quản lý linh hoạt và môi trường thể chế thuận lợi để thúc đẩy sáng tạo. Vì vậy, việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù cho KH, CN của Thủ đô có ý nghĩa quan trọng nhằm tháo gỡ những rào cản về thủ tục, tài chính và quản lý. Các chính sách cần mở ra dư địa cho các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu, ĐMST; đồng thời khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển thị trường KH, CN. Việc xây dựng cơ chế đặc thù cũng góp phần tạo môi trường cạnh tranh và thu hút các nguồn lực trong nước, quốc tế tham gia phát triển KH, CN tại Hà Nội.

Bốn là, tập trung lãnh đạo xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KH, CN chất lượng cao.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của KH, CN. Đối với Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo của cả nước thì việc xây dựng đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia và kỹ sư trình độ cao có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Điều này đòi hỏi phải có chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài trong lĩnh vực KH, CN; đồng thời tạo môi trường nghiên cứu thuận lợi để đội ngũ trí thức phát huy tối đa năng

lực sáng tạo. Bên cạnh đó, cần tăng cường liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, qua đó hình thành lực lượng nhân lực KH, CN có khả năng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển Thủ đô.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh CDS trong công tác lãnh đạo, quản lý KH, CN.

Thời gian qua, trên cơ sở triển khai Quyết định 204-QĐ/TW phê duyệt “Đề án CDS trong các cơ quan đảng” ngày 29/11/2024, Thành ủy Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản thúc đẩy CDS trong HTCT, tiêu biểu như Kế hoạch 332-KH/TU ngày 23/5/2025 và Chương trình 10-CTr/BCĐ về công tác của Ban Chỉ đạo CDS trong các cơ quan đảng, đoàn thể thành phố Hà Nội. Trong bối cảnh đó, việc đẩy mạnh CDS trong lãnh đạo, quản lý KH, CN có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

Việc ứng dụng nền tảng số trong quản lý nhiệm vụ khoa học, xây dựng cơ sở dữ liệu và theo dõi tiến độ nghiên cứu góp phần nâng cao tính minh bạch, kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành; đồng thời thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, ĐMST và chuyển giao công nghệ, qua đó nâng cao chất lượng lãnh đạo phát triển KH, CN của Thủ đô.

Như vậy, việc triển khai đồng bộ các phương hướng trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố đối với phát triển KH, CN, đồng thời tạo nền tảng để KH, CN và ĐMST trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững Thủ đô trong giai đoạn mới.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đột phá đổi mới tư duy của Thành ủy, người đứng đầu cấp ủy; cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên về tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và CDS quốc gia đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu “đột phá về đổi mới

tư duy” [18], tạo động lực và yêu cầu mới trong toàn xã hội đối với phát triển KH, CN. Quán triệt tinh thần đó, Thành ủy Hà Nội xác định nâng cao nhận thức, trách nhiệm và đổi mới tư duy trong toàn HTCT là giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển KH, CN của Thủ đô. Theo đó, Thành ủy cần tiếp tục đổi mới tư duy lãnh đạo, chuyển mạnh từ tư duy lãnh đạo theo mệnh lệnh hành chính sang tư duy kiến tạo, định hướng và phát triển; đồng thời đề cao trách nhiệm, tính chủ động và vai trò nêu gương của người đứng đầu. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần tập trung vào các biện pháp sau:

Một là, tăng cường và đổi mới căn bản công tác tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết về phát triển KH, CN theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu.

Tổ chức học tập, quán triệt các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và của Thành ủy về phát triển KH, CN là khâu then chốt để thống nhất nhận thức, thúc đẩy đổi mới tư duy và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Thành ủy Hà Nội cần tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW, các nội dung liên quan trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Luật Thủ đô năm 2026, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025, Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11/5/2022 về ban hành Chiến lược phát triển KH, CN và ĐMST đến năm 2030 và các nghị quyết, chương trình của Thành ủy, BTVTU Hà Nội về phát triển KH, CN.

Việc đổi mới công tác học tập, quán triệt cần thực hiện theo hướng thực chất, đi vào chiều sâu, đồng bộ cả về nội dung, phương thức và công cụ triển khai. Nội dung học tập, quán triệt cần được đổi mới theo hướng ngắn gọn, trọng tâm, thiết thực và gắn với yêu cầu phát triển KH, CN của Thủ đô; tập trung làm rõ những quan điểm mới, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các cơ chế, chính sách liên quan, nhất là những vấn đề có tác động trực tiếp đến phát triển KT - XH, giải quyết các điểm nghẽn đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân. Nội dung quán triệt phải gắn với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của từng cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, qua đó xác định rõ nhiệm vụ, chương trình hành động và trách nhiệm thực hiện. Về phương thức học tập, quán triệt, cần chuyển từ truyền đạt một chiều, nặng về “nghe -

ghi” sang tăng cường trao đổi, đối thoại, thảo luận và vận dụng thực tiễn; kết hợp linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến, khai thác hiệu quả các nền tảng số. Thành ủy cần đa dạng hóa đội ngũ báo cáo viên, bên cạnh lãnh đạo cấp ủy và cán bộ chuyên môn, cần huy động chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân và các chủ thể có kinh nghiệm thực tiễn về KH, CN tham gia trao đổi, phân tích và phản biện. Sau học tập, quán triệt, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng phải cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ phù hợp; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo, quản lý, gắn với kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Hai là, nâng cao trách nhiệm và vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy trong tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN.

Người đứng đầu cấp ủy giữ vai trò quan trọng trong định hướng, lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH, CN. Nếu người lãnh đạo có tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, tinh thần quyết liệt và trách nhiệm nêu gương sẽ tạo động lực thúc đẩy đổi mới trong toàn HTCT, góp phần tăng cường hiệu quả lãnh đạo phát triển KH, CN của Thủ đô. Để phát huy vai trò đó, cần tập trung:

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu, xác định phát triển KH, CN là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong lãnh đạo, chỉ đạo; không buông lỏng hoặc khoán trắng cho cơ quan chuyên môn.

Phát huy vai trò nêu gương trong tư duy và hành động, chủ động cập nhật tri thức mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tiên phong trong ứng dụng KH, CN và CDS vào lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện, đưa kết quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN vào tiêu chí đánh giá cán bộ, gắn với quy hoạch, bổ nhiệm và xếp loại hằng năm; qua đó nâng cao trách nhiệm và tạo động lực đổi mới.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN; kịp thời biểu dương những mô hình, cách làm hiệu quả, đồng thời chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện trì trệ, né tránh, thiếu trách nhiệm.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm và thẩm quyền, bảo đảm nguồn lực cần thiết về tài chính, nhân lực và hạ tầng số, tạo

điều kiện để người đứng đầu chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả phát triển KH, CN.

Ba là, thường xuyên lồng ghép nội dung về tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN trong sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng và các hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học.

Việc lồng ghép thường xuyên nội dung này trong sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng, hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm, đề tài nghiên cứu và các cuộc họp chuyên môn góp phần củng cố nhận thức, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về vai trò lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN. Nội dung lồng ghép cần thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tập trung làm rõ vai trò định hướng, lãnh đạo và tạo lập cơ chế, môi trường thuận lợi của Thành ủy đối với phát triển KH, CN. Trong sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng, cần lựa chọn những vấn đề thực tiễn để trao đổi, thảo luận và xác định nhiệm vụ cụ thể. Trong hội nghị, hội thảo, tọa đàm và hoạt động nghiên cứu khoa học, cần tăng cường trao đổi, phản biện, đề xuất giải pháp. Trong các cuộc họp giao ban, chuyên môn, cần gắn nội dung phát triển KH, CN với nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị. Từ đó, từng bước đưa yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN trở thành nội dung thường xuyên trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Bốn là, phát huy mạnh mẽ vai trò của Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Sở Khoa học và Công nghệ và đội ngũ cán bộ trong công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển KH, CN ở Hà Nội.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy cần giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, định hướng nội dung tuyên truyền về KH, CN; bảo đảm tính chính trị, tính định hướng và tính thuyết phục, làm rõ vị trí, vai trò của phát triển KH, CN trong chiến lược phát triển Thủ đô, đồng thời kịp thời đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, lệch lạc.

Sở Khoa học và Công nghệ cần phát huy vai trò là cơ quan chuyên môn, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác tuyên truyền; thông qua tổng kết thực tiễn, báo cáo chuyên đề, phổ biến kết quả nghiên cứu, mô hình hay, cách làm hiệu quả để làm cho nội dung tuyên truyền trở nên cụ thể, sinh động và có

sức thuyết phục cao. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu; coi mình không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn là chủ thể tuyên truyền, lan tỏa nhận thức trong cơ quan, đơn vị và cộng đồng. Việc gắn trách nhiệm tuyên truyền với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sẽ tạo động lực cho sự chuyển biến thực chất.

Năm là, đẩy mạnh phương tiện truyền thông đại chúng, khai thác hiệu quả nền tảng số, mạng xã hội và ứng dụng CNTT trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và đổi mới tư duy lãnh đạo về phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội.

Thành ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng cần khai thác hiệu quả hệ thống báo chí, truyền thông đại chúng, trang thông tin điện tử, nền tảng số và mạng xã hội để đổi mới hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và đổi mới tư duy của cán bộ, đảng viên về phát triển KH, CN. Nội dung tuyên truyền cần được xây dựng ngắn gọn, dễ tiếp cận, gắn với các chủ trương, chính sách, kết quả nghiên cứu, mô hình và thành tựu KH, CN của Thủ đô; đồng thời tăng cường các hình thức trực quan, đa phương tiện và tương tác trên môi trường số.

Thành ủy cần tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ và đội ngũ chuyên gia để tổ chức các chương trình, chuyên đề, tọa đàm và diễn đàn về KH, CN, ĐMST và CDS. Đồng thời, chủ động sử dụng các nền tảng số để cung cấp thông tin chính thống, kịp thời định hướng dư luận, đấu tranh phản bác thông tin sai lệch và lan tỏa những cách làm hiệu quả. Qua đó, mở rộng phạm vi, nâng cao tính tương tác và hiệu quả của công tác tuyên truyền, góp phần hình thành nhận thức và tư duy đổi mới về KH, CN trong toàn HTCT và xã hội.

4.2.2. Đổi mới việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.

Nghị quyết, quyết định là những văn bản quan trọng chứa đựng nội dung lãnh đạo của Đảng và cấp ủy các cấp, qua đó chủ thể lãnh đạo truyền đạt mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp đến các chủ thể tổ chức thực hiện. Chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định phản

ánh ý chí, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của cấp ủy. Đối với phát triển KH, CN ở Hà Nội, nghị quyết, quyết định của Thành ủy, BTVTU là công cụ quan trọng để cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, xác định định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển phù hợp với đặc điểm, tiềm năng và yêu cầu của Thủ đô. Do KH, CN có tốc độ phát triển nhanh và thường xuyên xuất hiện những vấn đề mới, Thành ủy, BTVTU cần đổi mới việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định theo hướng bám sát thực tiễn, dựa trên cơ sở khoa học, kịp thời, khả thi và rõ trách nhiệm, bảo đảm chủ trương được chuyển hóa thành nhiệm vụ và kết quả cụ thể.

Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần tập trung vào các biện pháp sau:

Một là, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, dự báo và tham vấn chuyên gia làm cơ sở xây dựng nghị quyết, quyết định về phát triển KH, CN.

Trước khi xây dựng nghị quyết, quyết định mới, Thành ủy, BTVTU cần chỉ đạo tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chương trình về KH, CN; đánh giá khách quan kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề mới phát sinh. Đồng thời, tăng cường nghiên cứu, dự báo xu hướng phát triển KH, CN, ĐMST và CDS; tổ chức khảo sát, tham quan, học tập kinh nghiệm và mô hình phát triển KH, CN hiệu quả trong nước và quốc tế để lựa chọn, vận dụng phù hợp với điều kiện của Thủ đô.

Quá trình xây dựng nghị quyết, quyết định cần mở rộng các hình thức tham vấn và đối thoại, lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và nhân dân bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến; chú trọng đối thoại với các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu để nhận diện những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn. Đối với những mô hình, cách làm mới có triển vọng, cần tổ chức thí điểm, đánh giá kết quả, lựa chọn mô hình tốt, cách làm hiệu quả để nhân rộng, qua đó bảo đảm nghị quyết, quyết định được xây dựng trên cơ sở khoa học, thực tiễn và có tính khả thi cao.

Hai là, đổi mới quy trình xây dựng và ban hành nghị quyết, quyết định theo hướng khoa học, dân chủ, kịp thời và rõ trách nhiệm.

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định cần tuân thủ quy chế làm việc, đúng thẩm quyền, đồng thời khắc phục tình trạng xây dựng văn bản nặng về

hành chính, thiếu khảo sát và đánh giá tính khả thi. Nội dung nghị quyết, quyết định về phát triển KH, CN phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp, nguồn lực, lộ trình và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm tính đồng bộ với chủ trương của Trung ương, pháp luật của Nhà nước và định hướng phát triển của Thủ đô. Đối với các nhiệm vụ, mô hình mới, cần xác định rõ phạm vi, địa bàn, thời gian thí điểm, tiêu chí đánh giá và cơ chế xử lý những vấn đề phát sinh, làm cơ sở cho việc hoàn thiện và nhân rộng.

Ba là, đổi mới tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định theo hướng cụ thể hóa, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ và rõ kết quả.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” [77, tr.95]. Vì vậy, nghị quyết, quyết định về phát triển KH, CN chỉ phát huy giá trị khi được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả. Sau khi ban hành, Thành ủy, BTVTU cần lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời cụ thể hóa nghị quyết, quyết định thành chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ cụ thể; đồng thời chỉ đạo HĐND, UBND Thành phố thể chế hóa và triển khai thực hiện đồng bộ, bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương của Đảng với hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền đối với phát triển KH, CN.

Mỗi nhiệm vụ phát triển KH, CN cần xác định cụ thể nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện, kết quả đầu ra và nguồn lực, kinh phí thực hiện, gắn với phương châm “5 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả). Đối với các mô hình thí điểm, cần xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức, thời hạn đánh giá, tiêu chí đánh giá và phương án nhân rộng khi đạt kết quả tốt. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi tiến độ bằng các công cụ số; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp và nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

Bốn là, bảo đảm các điều kiện và nguồn lực để tổ chức thực hiện hiệu quả nghị quyết, quyết định.

Bên cạnh quá trình xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, Thành ủy cần chủ động chuẩn bị các điều kiện về tài chính, nhân lực, thông tin, dữ liệu, hạ tầng và cơ chế phối hợp để bảo đảm khả năng thực hiện. Đối với từng nhiệm vụ, đề

án và mô hình thí điểm, cần xác định cụ thể nhu cầu và nguồn kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất và đơn vị chịu trách nhiệm; đồng thời huy động nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác trong nước, quốc tế. Qua đó, bảo đảm nghị quyết, quyết định không chỉ đúng về chủ trương mà còn rõ về nguồn lực, khả thi trong tổ chức thực hiện và đo lường được bằng kết quả cụ thể.

4.2.3. Tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học, công nghệ; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao và tăng cường nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ

Trong tiến trình hiện thực hóa khát vọng phát triển Thủ đô trở thành trung tâm ĐMST hàng đầu, xây dựng Thủ đô văn hiến - văn minh - hiện đại - hạnh phúc, hướng tới tầm nhìn phát triển 100 năm và phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới, KH, CN được xác định là một trong những khâu đột phá chiến lược. Tuy nhiên, khoảng cách giữa chủ trương và thực tiễn triển khai vẫn còn bị cản trở bởi những “điểm nghẽn” mang tính hệ thống về thể chế, cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và nguồn lực đầu tư. Những hạn chế này có mối quan hệ chặt chẽ, làm giảm khả năng phát huy tiềm lực KH, CN và chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành động lực phát triển KT - XH. Vì vậy, tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn, đổi mới cơ chế quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường nguồn lực cho phát triển KH, CN là giải pháp có ý nghĩa đột phá nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong thời kỳ mới.

Giải pháp này có tính đột phá bởi không chỉ tập trung khắc phục một hạn chế cụ thể mà tác động đồng bộ vào những yếu tố quyết định hiệu quả phát triển KH, CN: cơ chế quản lý, tổ chức bộ máy, nhân lực và nguồn lực. Đổi mới cơ chế quản lý sẽ tạo môi trường thông thoáng, khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng; kiện toàn tổ chức, phát triển nhân lực chất lượng cao sẽ nâng cao năng lực tham mưu, quản trị và tổ chức thực hiện; tăng cường nguồn lực sẽ tạo điều kiện hiện thực hóa các nhiệm vụ, chương trình KH, CN. Qua đó, giải pháp góp phần chuyển hóa tiềm lực KH, CN của Hà Nội thành năng lực

ĐMST và động lực tăng trưởng mới, đồng thời tạo nền tảng nâng cao năng lực lãnh đạo của Thành ủy đối với lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược này.

4.2.3.1. Thành ủy Hà Nội tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn trong phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội

Trong bối cảnh KH, CN phát triển nhanh, yêu cầu đặt ra đối với Thành ủy Hà Nội không chỉ là ban hành chủ trương đúng mà còn phải tập trung lãnh đạo tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn đang cản trở quá trình triển khai trong thực tiễn.

Một là, lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, chính sách

Đây là giải pháp có ý nghĩa tiên quyết, bởi Nghị quyết số 57-NQ/TW khẳng định: “thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước” [18]. Điều đó cho thấy, điểm nghẽn lớn hiện nay không chỉ nằm ở nguồn lực hay tổ chức thực hiện, mà trước hết nằm ở những rào cản của thể chế, chính sách. Nếu thể chế chậm đổi mới, thiếu đồng bộ, còn nặng tư duy quản lý hành chính, chưa tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sáng tạo, thì khó giải phóng nguồn lực xã hội, thu hút nhân tài, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư và chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành động lực phát triển.

Đối với Hà Nội, yêu cầu này càng cấp thiết khi Luật Thủ đô (sửa đổi) năm 2026 mở ra cơ hội tái cấu trúc mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên tri thức, KH, CN và ĐMST. Vì vậy, Thành ủy cần tập trung lãnh đạo rà soát, đánh giá toàn diện các cơ chế, chính sách hiện hành; chủ động kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định còn chồng chéo, bất cập; đồng thời chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô. Trọng tâm là hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn thuộc thẩm quyền Thành phố để đưa các cơ chế đã được ban hành vào thực tiễn, nhất là cơ chế đặt hàng theo bài toán phát triển, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), nghiệm thu sản phẩm công nghệ, mua sắm công phục vụ ĐMST, thuê dịch vụ công nghệ, định giá dữ liệu, định giá tài sản trí tuệ, vốn môi, đầu tư mạo hiểm và cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát.

Đối với các cơ chế, chính sách đã được ban hành, Thành ủy cần lãnh đạo chuyển mạnh từ ban hành sang tổ chức thực hiện, bảo đảm mỗi cơ chế đều

được cụ thể hóa bằng quy trình triển khai, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nguồn lực, sản phẩm đầu ra và tiêu chí đánh giá; khắc phục tình trạng chính sách đã có nhưng chưa vận hành được do thiếu hướng dẫn, thiếu định mức, thiếu quy trình hoặc chưa xác định rõ nguồn lực thực hiện. Những nội dung thuộc thẩm quyền của Thành phố cần chủ động giải quyết; đối với các vấn đề vượt thẩm quyền, Thành ủy cần kịp thời lãnh đạo tổng hợp, kiến nghị Trung ương, Chính phủ và các bộ, ngành xem xét, hướng dẫn hoặc tháo gỡ, không để kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thủ đô.

Hai là, lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn về tài chính và cơ chế phân bổ, giải ngân nguồn lực

Điểm nghẽn về tài chính và cơ chế phân bổ, giải ngân là rào cản trực tiếp làm giảm hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển KH, CN. Thực tế cho thấy đầu tư cho KH, CN còn thấp; cơ chế phân bổ và sử dụng ngân sách còn nặng về kiểm soát quy trình, chưa thực sự lấy kết quả đầu ra làm trung tâm. Điều đó làm giảm tính chủ động của các tổ chức khoa học và công nghệ, kéo dài thời gian giải ngân, hạn chế khả năng điều chỉnh linh hoạt nguồn lực theo yêu cầu của từng nhiệm vụ, dự án.

Đối với Hà Nội, việc tháo gỡ các điểm nghẽn về tài chính và nguồn lực là điều kiện quan trọng để phát huy tiềm lực KH, CN của Thủ đô. Vì vậy, Thành ủy cần lãnh đạo đổi mới cơ chế quản lý và phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ kiểm soát đầu vào, quy trình sang giao quyền gắn với kiểm soát kết quả; chỉ đạo HĐND, UBND Thành phố hoàn thiện cơ chế tài chính, đầu tư và tự chủ trong hoạt động KH, CN. Đồng thời, lãnh đạo rà soát toàn diện việc bố trí và sử dụng kinh phí cho KH, CN, ĐMST và CDS; phân bổ nguồn lực theo các lĩnh vực ưu tiên, nhiệm vụ trọng điểm và danh mục sản phẩm chiến lược của Thủ đô, bảo đảm tập trung, tránh dàn trải. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, mở rộng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tăng tính linh hoạt trong sử dụng kinh phí, gắn quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình và đánh giá độc lập, minh bạch.

Thành ủy cũng cần lãnh đạo nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong phân bổ, giao vốn, giải ngân và thanh quyết toán; chỉ đạo rà soát, xử lý những nhiệm vụ, dự án chậm tiến độ, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và có phương án điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, tập trung tháo gỡ các khó khăn về thủ tục đầu tư, định mức, đơn giá, đấu thầu, thuê dịch vụ công nghệ, nghiệm thu và phân định nguồn chi; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong quản lý tài chính, bảo đảm công khai, minh bạch và rút ngắn thời gian xử lý. Nguồn lực tài chính phải được chuyển hóa thành các nhiệm vụ, dự án, sản phẩm công nghệ, dữ liệu và hiệu quả phát triển thực tiễn; lấy kết quả đầu ra, tỷ lệ giải ngân, chất lượng sản phẩm và tác động KT - XH làm tiêu chí chủ yếu để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực, thay vì chỉ căn cứ vào quy mô kinh phí được bố trí.

Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước, Thành ủy cần lãnh đạo đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho KH, CN; đẩy mạnh huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội và các quỹ đầu tư cho ĐMST; thúc đẩy cơ chế đặt hàng nghiên cứu theo nhu cầu thực tiễn, phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm, cơ chế vốn môi và các mô hình hợp tác công - tư nhằm tạo nguồn lực bền vững cho phát triển KH, CN của Thủ đô.

Ba là, lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn về dữ liệu và hạ tầng số

Đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội đã nhấn mạnh: dữ liệu không thông thì hệ thống không vận hành; dữ liệu không sạch thì điều hành không chính xác; dữ liệu không dùng chung thì CDS không thực chất. Nhận định này cho thấy dữ liệu đã trở thành nguồn lực và hạ tầng quan trọng của CDS, có tác động trực tiếp đến chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với Hà Nội, xây dựng và khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung là điều kiện quan trọng để tăng cường hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN. Vì vậy, Thành ủy cần tiếp tục lãnh đạo triển khai hiệu quả Đề án 06/QĐ-TTg, coi đây là trục dữ liệu cốt lõi để xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số thống nhất trên địa bàn. Trọng tâm là tạo chuyển biến thực chất về dữ liệu và nền tảng số dùng chung.

Thành ủy Hà Nội tiếp tục lãnh đạo chuẩn hóa, làm sạch, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo yêu cầu “đúng - đủ - sạch - sống, thống nhất, dùng chung”. Tập trung xác định rõ cơ quan chủ quản dữ liệu, chuẩn dữ liệu, tần suất cập nhật, cơ chế chia sẻ, phân quyền khai thác, trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn dữ liệu và phương án sử dụng dữ liệu trong chỉ đạo, điều hành.

Tập trung lãnh đạo ưu tiên dữ liệu phục vụ cải cách thủ tục hành chính, đất đai, quy hoạch, đầu tư, tài sản công, y tế, giáo dục, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, đoàn viên, hội viên, phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và dữ liệu phục vụ IOC, iHanoi, Hanoi Work, Hệ thống theo dõi nhiệm vụ. Việc phát triển dữ liệu phải gắn với sản phẩm khai thác cụ thể, không dừng ở việc hình thành cơ sở dữ liệu hoặc mở dữ liệu trên hệ thống.

Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung của Thành phố; rà soát, hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp, thiếu kết nối hoặc thiếu dữ liệu vận hành. Các nền tảng dùng chung phải được đánh giá bằng mức độ sử dụng thực tế, dữ liệu phát sinh, khả năng liên thông, hiệu quả xử lý công việc, mức giảm báo cáo thủ công và mức độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bốn là, lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn về nguồn nhân lực số, nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

Thành ủy Hà Nội cần lãnh đạo xây dựng và phát triển nguồn nhân lực KH, CN, ĐMST và CDS theo hướng gắn với yêu cầu phát triển của Thủ đô, lấy hiệu quả thực tiễn và sản phẩm đầu ra làm thước đo. Trọng tâm là chỉ đạo phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin, công nghệ bán dẫn, kiến trúc số, quản trị nền tảng, phân tích dữ liệu và thương mại hóa công nghệ.

Thành ủy cần lãnh đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn với vị trí việc làm, yêu cầu thực tiễn và năng lực thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp xã, trong khai thác dữ liệu, sử dụng nền tảng số dùng chung, xử lý công việc trên môi trường số và bảo đảm an toàn thông tin.

Đồng thời, Thành ủy cần lãnh đạo hoàn thiện chủ trương, cơ chế thu hút, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ và nhân tài trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược; chỉ đạo HĐND, UBND Thành phố cụ thể hóa thành các chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và tạo môi trường nghiên cứu, ĐMST, gắn với nhiệm vụ đặt hàng, dự án trọng điểm và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô.

4.2.3.2. Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học, công nghệ

Một là, lãnh đạo chuyển đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với quản trị thực chứng

Đổi mới cơ chế quản lý KH, CN cần bắt đầu từ thay đổi căn bản tư duy và phương thức quản lý theo hướng giảm can thiệp hành chính vào quá trình, tăng kiểm soát kết quả đầu ra và tác động thực tiễn. Thành ủy Hà Nội cần lãnh đạo HĐND, UBND Thành phố và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc rà soát, hoàn thiện quy định quản lý nhiệm vụ KH, CN theo hướng lấy sản phẩm cuối cùng và hiệu quả ứng dụng vào phát triển KT - XH của Thủ đô làm thước đo chủ yếu. Trọng tâm là mở rộng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với đánh giá thực chứng, đánh giá độc lập và kiểm soát rủi ro.

Hai là, lãnh đạo thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) và phát triển thị trường KH, CN

Trong khuôn khổ thực hiện Luật Thủ đô năm 2026, Thành ủy cần tập trung lãnh đạo xây dựng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo không gian thể chế cho việc triển khai các công nghệ, mô hình kinh doanh và sản phẩm ĐMST chưa có tiền lệ. Đồng thời, lãnh đạo phát triển thị trường KH, CN theo hướng chuyển trọng tâm từ kết nối, giới thiệu và ký kết sang đặt hàng, thử nghiệm, định giá, chuyển giao, giao dịch, thương mại hóa và nhân rộng sản phẩm công nghệ. Chỉ đạo phát huy hiệu quả Sàn Giao dịch công nghệ, Chợ CDS, Trung tâm ĐMST, Quỹ Đầu tư mạo hiểm và mạng lưới Hub ĐMST, bảo đảm các thiết chế này hoạt động thực chất, tạo ra sản phẩm, giao dịch, hợp đồng và giá trị kinh tế. Đồng thời, xây dựng quy trình nhận diện,

đánh giá, định giá, thử nghiệm, chuyển giao và khai thác đối với kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ, phần mềm, cơ sở dữ liệu, mô hình AI và các sản phẩm công nghệ; lấy số lượng công nghệ được giao dịch, hợp đồng chuyển giao, sản phẩm thương mại hóa và hiệu quả ứng dụng làm tiêu chí đánh giá.

Ba là, lãnh đạo đa dạng hóa nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH, CN

Thành ủy cần định hướng chuyển từ đầu tư dàn trải sang tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực KH, CN trọng điểm, phù hợp với lợi thế của Thủ đô; đồng thời lãnh đạo đổi mới cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH, CN theo hướng xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và các bài toán phát triển của Thành phố. Đối với các bài toán trọng điểm của Hà Nội, cần chỉ đạo lựa chọn những nhiệm vụ có nhu cầu thực tiễn rõ, cơ quan sử dụng kết quả rõ, dữ liệu đầu vào rõ, sản phẩm đầu ra rõ, nguồn kinh phí rõ và cơ chế thử nghiệm, nghiệm thu rõ; chuyển từ việc tiếp nhận đề xuất nghiên cứu sang xây dựng danh mục nhiệm vụ đặt hàng, triển khai sản phẩm thử nghiệm, mô hình ứng dụng và phương án nhân rộng. Cùng với đó, đẩy mạnh hợp tác công - tư trong đầu tư cho KH, CN nhằm huy động nguồn lực xã hội, giảm áp lực ngân sách nhà nước và bảo đảm hoạt động KH, CN gắn chặt với yêu cầu phát triển bền vững của Thủ đô.

4.2.3.3. Thành ủy lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao

Tinh thần xuyên suốt của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và Đại hội XVIII Đảng bộ thành phố Hà Nội là khẳng định phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển bền vững. Trong bối cảnh cạnh tranh giữa các đô thị ngày càng dựa nhiều hơn vào tri thức, công nghệ và sáng tạo, vai trò của cán bộ, công chức, đội ngũ trí thức, chuyên gia và nhà khoa học càng trở nên then chốt. Vì vậy, kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược đối với nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội.

Thứ nhất, kiện toàn và nâng cao chất lượng Thành ủy, BTVTU đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo đối với phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội.

Thành ủy, BTVTU là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, giữ vai trò quyết định đối với định hướng phát triển toàn diện của Thủ đô, trong đó có lĩnh vực KH, CN. Trong bối cảnh KH, CN, ĐMST và CDS ngày càng trở thành động lực trực tiếp của tăng trưởng, yêu cầu đặt ra là Thành ủy, BTVTU phải tiếp tục được kiện toàn, xây dựng vững mạnh, bảo đảm đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và tầm nhìn chiến lược ngang tầm nhiệm vụ.

Một là, cụ thể hóa tiêu chuẩn Thành ủy viên, ủy viên BTVTU gắn với yêu cầu lãnh đạo phát triển KH, CN

Việc cụ thể hóa tiêu chuẩn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là cơ sở trực tiếp để nâng cao chất lượng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ. Thành ủy Hà Nội cần quán triệt đầy đủ các quy định của Trung ương như Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017, Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020, Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022, Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025; đồng thời tiếp tục cụ thể hóa bằng các văn bản của Thành phố như Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 08/5/2023, Quy định số 08-QĐ/TU ngày 14/3/2022 và các kế hoạch, hướng dẫn về đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. Nội dung cụ thể hóa phải bổ sung rõ các yêu cầu về tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo phát triển KH, CN; khả năng tiếp cận tri thức mới, nhận diện xu thế công nghệ, tư duy quản trị hiện đại và ra quyết định trên cơ sở dữ liệu, bằng chứng thực tiễn.

Hai là, duy trì nền nếp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị KH, CN

Thành ủy Hà Nội cần quán triệt Quy định số 145-QĐ/TW, ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 và các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW để thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho Thành ủy viên, ủy viên BTVTU, nhất là về KH, CN, ĐMST, CDS, quản trị dữ liệu và quản trị đô thị thông minh. Việc bồi dưỡng phải gắn với thực tiễn, thực hiện bằng nhiều hình thức linh hoạt như hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề, tổng kết thực tiễn, khảo sát mô hình và trao đổi kinh nghiệm trong, ngoài nước.

Ba là, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các khâu của công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ kế cận có chất lượng cao

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [75, tr.309]. Vì vậy, để tăng cường sự lãnh đạo đối với phát triển KH, CN, Thành ủy Hà Nội phải đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, thực hiện chặt chẽ các khâu từ tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến luân chuyển, đánh giá và bố trí sử dụng cán bộ. Trọng tâm là phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực trong lĩnh vực KH, CN, có tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với môi trường số; đồng thời chuẩn bị nguồn cán bộ kế cận cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

Bốn là, phát huy vai trò tự học tập, tự rèn luyện của Thành ủy viên, ủy viên BTVTU gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát

Thành ủy cần lãnh đạo xây dựng và thực hiện nghiêm cơ chế khuyến khích tự học tập, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ toàn diện, đặc biệt là năng lực lãnh đạo, quản trị KH, CN của mỗi cán bộ. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt, chấn chỉnh những biểu hiện hạn chế, lệch lạc.

Thứ hai, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn, nhất là Sở Khoa học và Công nghệ, đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN trên địa bàn Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan chuyên môn, nhất là Sở Khoa học và Công nghệ, là lực lượng trực tiếp tham mưu và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN. Vì vậy, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan này là yêu cầu có ý nghĩa quyết định đối với việc chuyển hóa vai trò lãnh đạo của Thành ủy thành hiệu quả quản lý nhà nước và kết quả phát triển thực tiễn.

Một là, tiếp tục kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, nhất là Sở Khoa học và Công nghệ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Thành ủy cần lãnh đạo Đảng ủy UBND Thành phố chỉ đạo rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn liên quan trực tiếp

đến KH, CN; bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, trùng lặp, nâng cao tính liên thông, phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương sau sáp nhập. Trọng tâm là củng cố vai trò tham mưu, điều phối và tổ chức thực hiện của Sở Khoa học và Công nghệ để cơ quan này thực sự trở thành đầu mối tham mưu chiến lược cho Thành ủy và UBND Thành phố.

Hai là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn gắn với vị trí việc làm và yêu cầu phát triển KH, CN

Thành ủy cần lãnh đạo UBND Thành phố cụ thể hóa tiêu chuẩn đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan chuyên môn, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ, gắn chặt với vị trí việc làm và bổ sung các yêu cầu về tư duy ĐMST, năng lực tiếp cận công nghệ mới, kỹ năng số, khả năng tham mưu chính sách và tổ chức thực hiện trong môi trường số. Trên cơ sở đó, thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, từ tạo nguồn, quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đánh giá đến bố trí, sử dụng; đồng thời chú trọng thu hút, trọng dụng đội ngũ trí thức, chuyên gia và nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH, CN.

Ba là, xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp nhằm nâng cao chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện

Thành ủy cần lãnh đạo Đảng ủy UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, bảo đảm hoạt động đi vào nền nếp, kỷ cương, hiệu quả; đồng thời xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, giữa sở, ngành với chính quyền cơ sở và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quản lý và phát triển KH, CN. Qua đó nâng cao chất lượng tham mưu, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương của Thành ủy.

Thứ ba, tập trung lãnh đạo phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao

Việc tập trung lãnh đạo phát triển nguồn nhân lực KH, CN chất lượng cao là yêu cầu tất yếu và có ý nghĩa quyết định đối với hiện thực hóa mục tiêu đưa KH, CN trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng Thủ đô. Trong bối cảnh CDS, kinh tế tri thức và cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt, lợi thế phát triển phụ thuộc ngày càng lớn vào chất lượng, quy mô

và cơ cấu của nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ có khả năng làm chủ, ứng dụng và phát triển các công nghệ then chốt. Thực tiễn cho thấy, mặc dù nguồn nhân lực KH, CN của Hà Nội đã tăng về số lượng và trình độ, nhưng vẫn còn hạn chế về quy mô, cơ cấu, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số và năng lực ĐMST. Vì vậy, phát triển nhân lực KH, CN phải được xem là khâu đột phá cần được Thành ủy tập trung lãnh đạo bằng những giải pháp mạnh và đồng bộ.

Một là, lãnh đạo mở rộng quy mô và phát triển nhanh nguồn nhân lực KH, CN ở các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm

Thành ủy cần lãnh đạo xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực KH, CN gắn chặt với các không gian phát triển trọng điểm và các cực tăng trưởng mới của Thủ đô như Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, khu vực Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trung tâm ĐMST Quốc gia và các trung tâm ĐMST của Thành phố. Đây là những thiết chế có khả năng quy tụ, nuôi dưỡng, sử dụng và lan tỏa nguồn nhân lực chất lượng cao.

Yêu cầu này có cơ sở thực tiễn rõ ràng, bởi đến cuối năm 2025, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đã thu hút 109 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 116 nghìn tỷ đồng, đồng thời được định hướng ưu tiên phát triển các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, robot và tự động hóa, chip bán dẫn, y - sinh học tiên tiến, hàng không - vũ trụ. Vì vậy, Thành ủy cần lãnh đạo mở rộng nhanh quy mô đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn nhân lực ở các ngành công nghệ ưu tiên; đồng thời xây dựng cơ chế đủ mạnh để thu hút chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học giỏi, nhóm nghiên cứu mạnh và nhân lực trẻ tài năng trong nước và quốc tế.

Hai là, lãnh đạo điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực KH, CN theo hướng hợp lý, cân đối và gắn với yêu cầu phát triển mới của Thủ đô

Thành ủy Hà Nội cần tập trung lãnh đạo điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực KH, CN theo hướng gắn chặt hơn với chiến lược phát triển của khu công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học và trung tâm ĐMST trên địa bàn. Trên cơ sở lợi thế nổi trội của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội, cần chỉ đạo mở rộng

đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng liên ngành và tái cơ cấu ngành đào tạo theo hướng ưu tiên mạnh hơn cho các lĩnh vực công nghệ trọng điểm. Việc gắn quy hoạch nhân lực KH, CN với quy hoạch phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, không gian ĐMST phía Tây Thủ đô và các doanh nghiệp công nghệ chiến lược sẽ giúp điều chỉnh cơ cấu nhân lực theo hướng hợp lý hơn giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng; giữa khu vực công và doanh nghiệp; giữa tiềm năng học thuật và nhu cầu phát triển thực tiễn.

Ba là, lãnh đạo nâng cao chất lượng, kỹ năng và năng lực ĐMST của nguồn nhân lực KH, CN gắn với doanh nghiệp và thị trường

Để khắc phục những hạn chế về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, trình độ công nghệ và năng lực ĐMST, Thành ủy Hà Nội cần tập trung lãnh đạo đổi mới căn bản mô hình đào tạo, thu hút, tuyển dụng, sử dụng và trọng dụng nhân lực KH, CN theo hướng gắn chặt với yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường và hệ sinh thái ĐMST. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong HTCT Thành phố, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp, bảo đảm sự liên thông từ đào tạo, phát hiện, tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm đến sử dụng và phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao.

Trọng tâm là hình thành cơ chế liên kết thực chất giữa Nhà nước - Nhà trường - Nhà khoa học - Doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực hành, thực tập, nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đồng thời, cần có chính sách đủ mạnh để thu hút chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, nhân lực trẻ tài năng trong nước và quốc tế; tạo điều kiện để họ được tuyển dụng, bố trí, sử dụng đúng năng lực và tham gia các nhiệm vụ KH, CN trọng điểm của Thành phố.

Thành ủy cần lãnh đạo xây dựng cơ chế đặt hàng và phối hợp đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia từ khâu xác định nhu cầu nhân lực, xây dựng chương trình, đào tạo, tuyển dụng đến sử dụng nhân lực sau đào tạo. Qua đó, từng bước khắc phục tình trạng đào tạo chưa gắn với nhu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng và khả năng thích ứng của nguồn nhân lực KH, CN, đồng thời tạo cơ chế để đào tạo gắn với tuyển dụng, tuyển dụng gắn với sử dụng và sử dụng gắn với phát huy năng lực, cống hiến.

4.2.3.4. Thành ủy Hà Nội tăng cường lãnh đạo huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ

Nguồn lực là điều kiện vật chất và tinh thần quan trọng bảo đảm cho các chủ trương, nghị quyết về phát triển KH, CN được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô đặt ra nhu cầu ngày càng lớn về nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST và ứng dụng các thành tựu KH, CN vào thực tiễn. Tuy nhiên, nguồn lực cho KH, CN luôn có giới hạn, trong khi nhu cầu đầu tư ngày càng tăng, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất của Thành ủy trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả.

Thành ủy cần lãnh đạo đa dạng hóa và huy động tổng hợp các nguồn lực cho phát triển KH, CN, không chỉ từ ngân sách nhà nước mà còn từ doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, các quỹ đầu tư, tổ chức quốc tế và toàn xã hội. Bên cạnh việc phát huy vai trò định hướng, dẫn dắt của ngân sách nhà nước, cần xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để thu hút các quỹ đầu tư, nguồn vốn xanh và các nguồn tài chính quốc tế, nhất là cho các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và ĐMST. Đồng thời, tăng cường kêu gọi hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức trong nước, quốc tế trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH, CN, qua đó mở rộng khả năng huy động nguồn lực xã hội cho phát triển KH, CN của Thủ đô.

Trong phân bổ nguồn lực, Thành ủy cần lãnh đạo thực hiện theo hướng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược, các nhiệm vụ KH, CN phục vụ trực tiếp phát triển KT - XH, nâng cao năng lực quản trị đô thị và giải quyết những vấn đề thực tiễn của Thành phố. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ có khả năng thu hút đầu tư xã hội, tạo sản phẩm, dịch vụ và giá trị gia tăng cao; khuyến khích cơ chế đồng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp, qua đó phát huy hiệu quả nguồn vốn công và tạo sức lan tỏa đối với các nguồn lực ngoài nhà nước. Việc phân bổ nguồn lực phải dựa trên cơ sở khoa học, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh đầu tư

dàn trải, bình quân hoặc chạy theo phong trào; đồng thời gắn với các mục tiêu, chương trình, đề án phát triển KH, CN đã được xác định.

Đồng thời, Thành ủy cần tăng cường lãnh đạo quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đã được huy động và phân bổ. Việc sử dụng nguồn lực phải gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; lấy hiệu quả đầu ra, khả năng ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khả năng huy động thêm nguồn lực xã hội và tác động thực tiễn của các nhiệm vụ KH, CN làm thước đo chủ yếu. Thành ủy cần đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán trong quản lý và sử dụng nguồn lực; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện lãng phí, thất thoát, sử dụng không đúng mục đích hoặc kém hiệu quả. Qua đó, hình thành cơ chế huy động - phân bổ - sử dụng - giám sát nguồn lực đồng bộ, tạo động lực thúc đẩy phát triển KH, CN, ĐMST và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô.

4.2.4. Tăng cường lãnh đạo phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học và công nghệ, nhân dân Thành phố trong phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn

Tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN không chỉ phụ thuộc vào việc xác lập đúng đắn chủ trương, nghị quyết, mà còn phụ thuộc trực tiếp vào năng lực tổ chức thực hiện và khả năng huy động, điều phối, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn xã hội. KH, CN là lĩnh vực có tính liên ngành, liên lĩnh vực rất cao, tác động ngày càng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, QP, AN và quản trị đô thị. Vì vậy, nếu thiếu sự tham gia đồng bộ, chủ động, chặt chẽ và hiệu quả của chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT - XH, các tổ chức khoa học và công nghệ, đội ngũ trí thức, doanh nghiệp và nhân dân Thủ đô thì chủ trương của Thành ủy khó được chuyển hóa đầy đủ thành cơ chế, chính sách, chương trình hành động và kết quả thực tiễn.

Trong điều kiện Hà Nội là trung tâm lớn về KH, CN, giáo dục, đào tạo và ĐMST của cả nước, việc tăng cường lãnh đạo phối hợp giữa các chủ thể không chỉ nhằm khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, thiếu liên kết và chồng chéo trong tổ chức thực hiện, mà còn nhằm tạo lập cơ chế vận hành thống nhất, liên thông, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của từng lực lượng

tham gia. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các chủ thể này vì vậy là giải pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để tạo dựng các điều kiện chính trị, tổ chức, xã hội và thực tiễn bảo đảm cho các định hướng phát triển KH, CN của Thành ủy đi vào cuộc sống, qua đó hình thành sức mạnh tổng hợp thúc đẩy KH, CN của Hà Nội phát triển theo hướng thực chất, bền vững, có chiều sâu và ngày càng gắn bó chặt chẽ với yêu cầu phát triển của Thủ đô trong thời kỳ mới.

4.2.4.1. Tăng cường phối hợp giữa chính quyền Thành phố với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ

Chính quyền Thành phố là chủ thể trực tiếp thể chế hóa, quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các chủ trương, nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN. Vì vậy, hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy trong lĩnh vực này phụ thuộc rất lớn vào chất lượng phối hợp giữa chính quyền Thành phố với các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan. Trong bối cảnh KH, CN gắn ngày càng chặt với ĐMST, CDS, phát triển kinh tế số, đô thị thông minh và cải cách hành chính, nếu thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ, rõ ràng và hiệu quả thì rất dễ dẫn đến tình trạng cục bộ ngành, chồng chéo chức năng, phân tán nguồn lực, thiếu liên thông dữ liệu và làm giảm hiệu quả thực thi chính sách.

Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính quyền theo hướng rõ trách nhiệm, rõ đầu mối, rõ quy trình, rõ tiến độ và rõ kết quả; bảo đảm mỗi cơ quan, đơn vị không chỉ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình mà còn chủ động kết nối, chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý các vấn đề liên ngành phát sinh. Việc phối hợp phải được thực hiện trên cơ sở liên thông ngay từ khâu xây dựng chính sách, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí và huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Đặc biệt, cần coi trọng cơ chế phối hợp trong chia sẻ dữ liệu, phối hợp chuyên môn, điều phối nguồn lực tài chính, nhân lực và hạ tầng kỹ thuật, bởi đây là những yếu tố trực tiếp quyết định tính đồng bộ và hiệu quả của phát triển KH, CN trên phạm vi toàn Thành phố. Chỉ khi chính quyền Thành phố vận hành thống nhất, đồng bộ, thông suốt với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thì các mục tiêu,

nhiệm vụ phát triển KH, CN của Thủ đô mới có thể được triển khai hiệu quả, bền vững và tạo ra tác động lan tỏa thực sự.

4.2.4.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội đối với phát triển khoa học, công nghệ

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT - XH là bộ phận quan trọng của HTCT, có chức năng tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện giám sát và phản biện xã hội đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong phát triển KH, CN, vai trò của các tổ chức này không chỉ thể hiện ở phương diện tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách mà còn ở khả năng định hướng nhận thức xã hội, khơi dậy tinh thần ĐMST trong cộng đồng, kết nối nhu cầu của người dân với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đồng thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và yêu cầu thực tiễn của các tầng lớp nhân dân đối với quá trình phát triển KH, CN.

Vì vậy, Thành ủy cần lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT - XH theo hướng gắn hoạt động tuyên truyền, vận động với nâng cao nhận thức xã hội về vị trí, vai trò của KH, CN trong phát triển Thủ đô; làm cho KH, CN không chỉ được nhìn nhận như lĩnh vực chuyên môn của cơ quan quản lý hay giới trí thức, mà trở thành vấn đề thiết thân đối với đời sống nhân dân, hoạt động của doanh nghiệp và sự phát triển bền vững của xã hội. Đồng thời, cần phát huy tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức này đối với các đề án, chính sách, chương trình, dự án có liên quan đến phát triển KH, CN, nhất là những nội dung có tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp. Thông qua phản biện xã hội, các chủ trương, chính sách về KH, CN sẽ được bổ sung thêm góc nhìn thực tiễn, tăng tính dân chủ, tính khách quan, tính khả thi và hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Nói cách khác, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT - XH chính là mở rộng nền tảng xã hội của sự lãnh đạo, tạo sự đồng thuận và huy động sức mạnh quần chúng trong phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố.

4.2.4.3. Tăng cường liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển khoa học, công nghệ

KH, CN chỉ thực sự trở thành động lực phát triển khi có sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa. Nếu hoạt động nghiên cứu tách rời thực tiễn, đào tạo không gắn với nhu cầu xã hội, doanh nghiệp đứng ngoài quá trình nghiên cứu - đổi mới, còn người dân chỉ giữ vai trò thụ hưởng thụ động, thì KH, CN khó có thể phát huy đầy đủ vai trò động lực đối với phát triển KT - XH. Vì vậy, tăng cường liên kết giữa các tổ chức KH, CN, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và nhân dân là yêu cầu có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức lan tỏa của phát triển KH, CN ở Hà Nội.

Thành ủy cần tăng cường lãnh đạo xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ, ổn định và thực chất giữa các chủ thể trong hệ sinh thái KH, CN của Thủ đô. Sự liên kết này phải hướng mạnh vào giải quyết những bài toán thực tiễn của Hà Nội, thúc đẩy nghiên cứu theo nhu cầu phát triển của xã hội và thị trường, tăng cường cơ chế đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp và cơ quan quản lý, đưa kết quả nghiên cứu ra ứng dụng trong sản xuất, đời sống và quản trị đô thị. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của cơ sở đào tạo trong cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, vai trò của doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu và dẫn dắt đổi mới công nghệ, vai trò của các tổ chức khoa học và công nghệ trong tạo lập tri thức và chuyển giao công nghệ, đồng thời phát huy vai trò của nhân dân không chỉ với tư cách đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể sáng tạo, tham gia ứng dụng, phản hồi, đánh giá và lan tỏa giá trị của KH, CN trong đời sống xã hội. Chính sự tương tác chặt chẽ đó sẽ góp phần hình thành mạng lưới liên kết rộng khắp, bền vững, làm nền tảng xã hội vững chắc cho phát triển KH, CN của Hà Nội trong thời gian tới.

4.2.5. Tăng cường lãnh đạo đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, mở rộng kết nối với các trung tâm khoa học, công nghệ lớn trong nước và thế giới; huy động nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ gắn với bảo vệ môi trường

Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương nhấn mạnh yêu cầu: “Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, văn hóa, khoa học

công nghệ; thúc đẩy hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ nguồn; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết, chuyển hóa thành nguồn lực phục vụ phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam”. Đây là định hướng quan trọng, đặt ra yêu cầu đối với Hà Nội phải chủ động mở rộng hợp tác, kết nối với các trung tâm KH, CN, ĐMST trong nước và quốc tế; chuyển các quan hệ hợp tác thành các chương trình, dự án và sản phẩm cụ thể phục vụ phát triển Thủ đô. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc CMCN 4.0 diễn ra mạnh mẽ, Thành ủy Hà Nội cần tăng cường lãnh đạo đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế theo hướng thực chất, mở rộng kết nối với các trung tâm KH, CN lớn; huy động hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển KH, CN gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần tập trung lãnh đạo thực hiện các nội dung sau:

Một là, lãnh đạo mở rộng và nâng cao hiệu quả các cơ chế hợp tác, kết nối với các trung tâm KH, CN lớn trong nước và quốc tế.

Trong điều kiện Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, đồng thời tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và đội ngũ trí thức lớn của cả nước, việc thiết lập và phát triển các cơ chế kết nối có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để phát huy vai trò đầu mối tri thức của Thủ đô. Thành ủy cần lãnh đạo thúc đẩy các hình thức hợp tác đa dạng, từ liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu, đào tạo của Hà Nội với các trung tâm KH, CN lớn trong nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, các đại học quốc gia, viện nghiên cứu trọng điểm và các tập đoàn công nghệ lớn đến mở rộng hợp tác quốc tế với các đối tác có trình độ KH, CN tiên tiến. Trọng tâm là mở rộng hợp tác về bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, đô thị thông minh, chính quyền số, công nghệ xanh, đào tạo nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST. Đồng thời, tiếp tục phát huy hiệu quả các quan hệ hợp tác đã được thiết lập với các đối tác quốc tế như Chính quyền thành phố Mátxcova, Đại học Bang Arizona, Đại học Quốc gia Singapore, Seoul Business Agency và mở rộng kết nối với các trung tâm KH, CN, ĐMST, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ uy tín tại châu Á, Hoa Kỳ, Australia và các quốc gia phát triển khác. Thông qua đó, từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm liên kết, chương trình nghiên cứu chung và mạng lưới ĐMST quốc tế, giúp Hà

Nội tiếp nhận nhanh hơn các thành tựu KH, CN mới, nâng cao năng lực đồng sáng tạo và từng bước khẳng định vai trò trung tâm KH, CN của cả nước.

Hai là, lãnh đạo huy động hiệu quả nguồn lực từ hợp tác trong nước và quốc tế cho phát triển KH, CN.

Thành ủy cần lãnh đạo chuyển mạnh từ tư duy mở rộng quan hệ hợp tác sang chuyển hóa các cam kết hợp tác thành nguồn lực phát triển cụ thể. Trọng tâm là thu hút các tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học, quỹ đầu tư và tổ chức quốc tế tham gia các chương trình nghiên cứu, ĐMST, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực chất lượng cao; hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm liên kết và các dự án hợp tác quy mô lớn tại Hà Nội. Đối với các thỏa thuận hợp tác đã ký kết, cần chỉ đạo rà soát, xác định rõ đầu mỗi thực hiện, danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên, nguồn lực, sản phẩm đầu ra, thời hạn hoàn thành và cơ chế đánh giá kết quả, bảo đảm chuyển từ mở rộng quan hệ sang triển khai dự án, chuyển giao công nghệ và tạo ra sản phẩm cụ thể. Đồng thời, phát huy vai trò đầu tàu của Thủ đô trong liên kết với Vùng Thủ đô, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các trung tâm KH, CN lớn của cả nước nhằm chia sẻ nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng nghiên cứu và hệ sinh thái ĐMST, tạo động lực phát triển KH, CN bền vững.

Ba là, lãnh đạo gắn chặt phát triển KH, CN với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Trong bối cảnh Hà Nội đang phải đối mặt với những vấn đề ngày càng gay gắt về ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng và áp lực đô thị hóa, việc gắn phát triển KH, CN với bảo vệ môi trường có ý nghĩa cấp thiết cả trước mắt và lâu dài. Thành ủy cần lãnh đạo định hướng phát triển KH, CN theo hướng phục vụ mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; lấy công nghệ làm công cụ quan trọng để giải quyết các vấn đề môi trường, giao thông, năng lượng và quản trị đô thị. Trọng tâm là ưu tiên các nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong kiểm soát ô nhiễm không khí, xử lý nước thải, rác thải rắn, phát triển giao thông thông minh, năng lượng sạch và các giải pháp đô thị xanh. Đồng thời, cần thúc đẩy áp dụng mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, từng bước hình thành hệ sinh thái đô thị xanh, thông minh và thích ứng cao. Việc gắn kết chặt chẽ phát triển KH, CN với bảo vệ môi trường không chỉ

góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân mà còn tạo ra lợi thế phát triển mới, nâng cao sức hấp dẫn đầu tư và khẳng định vai trò tiên phong của Thủ đô trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về phát triển khoa học, công nghệ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Có kiểm tra mới huy động tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời” [67, tr.636]. Theo Người, mục đích của công tác kiểm tra chính là phát hiện những hạn chế, bất cập, thiếu sót trên mọi phương diện trong quá trình tổ chức thực hiện để hoàn thành tốt nhất công việc đề ra. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định: “Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo” [25; tr.123].

Sơ kết cho phép đánh giá kịp thời tình hình triển khai nhiệm vụ trong từng giai đoạn, qua đó điều chỉnh phương hướng, giải pháp phù hợp với diễn biến thực tiễn; tổng kết là quá trình đánh giá toàn diện, sâu sắc, mang tính hệ thống, nhằm đúc rút những vấn đề có giá trị lý luận và thực tiễn, làm cơ sở cho việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách và phương thức lãnh đạo. Việc coi trọng sơ kết, tổng kết kinh nghiệm không chỉ nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà còn góp phần hình thành tư duy lãnh đạo khoa học, dựa trên bằng chứng thực tiễn, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục trong quá trình lãnh đạo của Đảng.

Kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm là những chức năng lãnh đạo cơ bản của Đảng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo phát triển KH, CN của Thành ủy Hà Nội. Trong lĩnh vực này, kiểm tra, giám sát không chỉ dừng lại ở việc phát hiện, xử lý những sai phạm trong quản lý và triển khai nhiệm vụ KH, CN mà còn giữ vai trò phòng ngừa từ sớm, từ xa, bảo đảm việc thực hiện đúng định hướng, mục tiêu chiến lược, đồng thời tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy ĐMST. Công tác sơ kết và tổng kết kinh nghiệm có ý nghĩa then chốt trong việc khái quát thực tiễn phát triển KH, CN của Thủ đô, hệ thống hóa những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Qua đó, góp phần bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách và phương thức lãnh đạo của Thành

ủy, bảo đảm KH, CN thực sự trở thành động lực phát triển nhanh và bền vững của Hà Nội. Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về phát triển KH, CN, cần:

4.2.6.1. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ

Để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, đề án KH, CN, đồng thời bảo đảm các nghị quyết của Thành ủy về phát triển KH, CN được triển khai nghiêm túc, thực chất và đi vào đời sống, Thành ủy Hà Nội cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nội dung chủ yếu sau:

Một là, tăng cường lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực KH, CN

Thành ủy Hà Nội cần chỉ đạo xây dựng hệ thống kế hoạch kiểm tra, giám sát khoa học, bài bản, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện các nghị quyết về KH, CN. Nội dung kiểm tra, giám sát phải tập trung vào việc bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc của Đảng trong lãnh đạo, quản lý hoạt động KH, CN; hiệu quả sử dụng các nguồn lực, đặc biệt là ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ, đề tài, dự án trọng điểm; đồng thời làm rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện và thúc đẩy ĐMST.

Thành ủy Hà Nội, BTVTU Hà Nội và UBKT các cấp cần đổi mới cách thức giám sát theo hướng mở rộng, đa chiều, kết hợp giữa kiểm tra của Đảng với giám sát chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước và phản biện xã hội của đội ngũ trí thức, chuyên gia. Thông qua kiểm tra, giám sát, cần kịp thời phát hiện những “điểm nghẽn” về thể chế, cơ chế, thủ tục hành chính; những biểu hiện quan liêu, lãng phí, thiếu trách nhiệm hoặc sai phạm trong quản lý, sử dụng nguồn lực KH, CN để chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh; đồng thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát huy sáng tạo.

Hai là, tăng cường lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện cơ chế, quy trình kiểm tra, giám sát phù hợp với đặc thù của hoạt động KH, CN

Thành ủy cần chỉ đạo cụ thể hóa các quy định của Đảng và Nhà nước về kiểm tra, giám sát theo hướng phù hợp với tính đặc thù, tính sáng tạo và rủi ro của hoạt động KH, CN, bảo đảm vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt. Trọng tâm là xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ KH, CN dựa trên kết quả đầu ra và tác động thực tiễn, khắc phục tình trạng đánh giá nặng về hình thức, thủ tục hành chính. Đồng thời, cần xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan quản lý và người đứng đầu trong công tác kiểm tra, giám sát; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Việc hoàn thiện cơ chế, quy trình kiểm tra, giám sát không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực quản lý mà còn tạo hành lang pháp lý minh bạch, ổn định, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ĐMST phát triển đúng định hướng.

Ba là, đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa “tiền kiểm” và “hậu kiểm”, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo chủ yếu

Thành ủy cần lãnh đạo chuyển mạnh từ kiểm soát quá trình sang đánh giá kết quả, tăng cường hậu kiểm gắn với trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH, CN. Việc kiểm tra không chỉ nhằm phát hiện, xử lý vi phạm mà còn hướng tới đánh giá giá trị thực tiễn, mức độ đóng góp của các nhiệm vụ KH, CN đối với phát triển KT - XH của Thủ đô. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác kiểm tra, giám sát, xây dựng các hệ thống theo dõi, đánh giá trực tuyến, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhằm nâng cao tính minh bạch, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh. Việc đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát sẽ góp phần giảm áp lực hành chính, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân, qua đó nâng cao hiệu quả thực chất của hoạt động KH, CN trên địa bàn Thành phố.

4.2.6.2. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, tính thực chất của công tác sơ kết, tổng kết kinh nghiệm trong lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Công tác sơ kết, tổng kết giữ vị trí then chốt trong chu trình lãnh đạo của Đảng, là khâu quan trọng trong việc tổng hợp, khái quát thực tiễn nhằm phục

vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện chủ trương và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện. KH, CN là lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, hàm lượng tri thức cao và gắn chặt với thực tiễn nên yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác sơ kết, tổng kết kinh nghiệm càng trở nên cấp thiết. Để đáp ứng yêu cầu đó, cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, nâng cao chất lượng, tính khoa học và tính thực chất của công tác sơ kết, tổng kết trong triển khai các nghị quyết, chương trình, đề án KH, CN

Thành ủy cần lãnh đạo thực hiện nền nếp, bài bản công tác sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn, từng lĩnh vực, bảo đảm đánh giá khách quan, toàn diện, khắc phục tình trạng hình thức, bệnh thành tích. Sơ kết phải hướng tới việc theo dõi sát tiến độ, kết quả thực hiện, kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh, những điểm nghẽn trong cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện để điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tổng kết phải được tiến hành một cách hệ thống, chuyên sâu, làm rõ thực trạng phát triển KH, CN của Thủ đô, từ đó rút ra những nhận định có cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc. Thành ủy, BTVTU cần đi sâu phân tích nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế, yếu kém, làm rõ trách nhiệm của các chủ thể liên quan; bảo đảm kết luận sơ kết, tổng kết có tính thuyết phục, khả thi, phục vụ trực tiếp cho việc nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

Hai là, coi trọng tổng kết thực tiễn gắn với phát hiện, nhân rộng các mô hình hiệu quả và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển KH, CN

Thành ủy cần tập trung lãnh đạo tổng kết các mô hình thí điểm, các cơ chế, chính sách đặc thù như cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), mô hình liên kết viện - trường - doanh nghiệp, các trung tâm ĐMST... nhằm đúc rút những bài học kinh nghiệm có giá trị, làm cơ sở cho việc nhân rộng hoặc điều chỉnh, hoàn thiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủ đô. Quá trình sơ kết, tổng kết cần huy động sự tham gia sâu rộng của đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học, bảo đảm tính phản biện, tính khoa học và độ tin cậy của các kết luận. Thông qua đó, không chỉ đánh giá đúng thực trạng mà còn phát hiện những xu hướng phát

triển mới, những vấn đề mang tính quy luật trong phát triển KH, CN, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, hoạch định chính sách.

Ba là, gắn chặt công tác sơ kết, tổng kết với phát triển lý luận và đổi mới phương thức lãnh đạo của Thành ủy trong lĩnh vực KH, CN

Kết quả sơ kết, tổng kết phải được sử dụng như một căn cứ khoa học và thực tiễn quan trọng để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý và phương thức lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, cần từng bước bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về vai trò, vị trí của KH, CN trong mô hình tăng trưởng mới của Thủ đô. Đồng thời, thông qua công tác này, góp phần hình thành tư duy lãnh đạo khoa học, dựa trên bằng chứng thực tiễn, nâng cao năng lực dự báo và hoạch định chiến lược của Thành ủy. Qua đó, bảo đảm tính kế thừa, phát triển liên tục và khả năng thích ứng linh hoạt trong lãnh đạo phát triển KH, CN, đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 và mục tiêu xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

Tiểu kết chương 4

Đề tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trên địa bàn trong những năm tới, chuyên đề đã tập trung luận giải các nội dung cơ bản sau:

Một là, chương 4 đã phân tích, làm rõ 5 yếu tố thuận lợi và 5 yếu tố không thuận lợi tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong thời gian tới. Việc nhận diện đầy đủ các yếu tố này là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng bối cảnh, điều kiện và những yêu cầu đặt ra đối với công tác lãnh đạo trong giai đoạn mới.

Hai là, chương 4 đã phân tích, luận giải 05 phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong thời gian tới. Các phương hướng được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, bảo đảm tính định hướng chiến lược, đồng thời tạo nền tảng cho việc đề xuất các giải pháp có tính khả thi, hiệu quả.

Ba là, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong thời gian tới, chương 4 đã xác định 07 giải pháp và tiến hành phân tích, luận giải các giải pháp này theo một logic chặt chẽ, toàn diện. Trong đó, cần tập trung hơn vào giải pháp có tính đột phá mà luận án xác định: Tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý KH, CN; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao.

KẾT LUẬN

1. Phát triển KH, CN có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô Hà Nội trong tất cả các giai đoạn cách mạng; càng có ý nghĩa cấp thiết trong những năm tới, những năm đầu của kỷ nguyên phát triển mới của đất nước và Thủ đô. Song, để KH, CN thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới mô hình phát triển và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị, nhất thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN.

2. Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố là toàn bộ hoạt động của Thành ủy, BTVTU trong việc quán triệt đường lối, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về phát triển KH, CN; xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương đó, nhằm đưa KH, CN thực sự trở thành nền tảng, động lực của phát triển KT - XH, bảo đảm QP, AN, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển toàn diện, hiện đại.

3. Trong những năm qua, Thành ủy Hà Nội luôn quan tâm lãnh đạo phát triển KH, CN và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhờ đó, hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, ĐMST, CDS, phát triển thị trường KH, CN và nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển KT - XH của Hà Nội và đất nước. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định cả về nội dung và phương thức lãnh đạo. Thành ủy đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém đó. *Về nội dung lãnh đạo*, Thành ủy Hà Nội tập trung vào các nội dung chủ yếu: *Một là*, lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ phát triển KH, CN của thành phố Hà Nội; *Hai là*, lãnh đạo cấp ủy tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển

KH, CN; *Ba là*, lãnh đạo chính quyền các cấp của thành phố, đặc biệt là HĐND, UBND Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN trên địa bàn thành phố Hà Nội; *Bốn là*, lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH, CN của Thành phố; *Năm là*, lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển KH, CN trên địa bàn Thành phố; *Sáu là*, lãnh đạo việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển KH, CN ở Hà Nội. *Về phương thức lãnh đạo*, *Một là*, lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển KH, CN; *Hai là*, lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động; *Ba là*, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; *Bốn là*, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên; *Năm là*, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.

4. Tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển KH, CN trong những năm tới cần được tiến hành đồng bộ bằng nhiều giải pháp: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đột phá đổi mới tư duy của Thành ủy, người đứng đầu cấp ủy; cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên về tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển KH, CN ở thành phố Hà Nội. *Thứ hai*, đổi mới việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Thành ủy, BTVTU về phát triển KH, CN. *Thứ ba*, tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý KH, CN; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực KH, CN chất lượng cao. *Thứ tư*, lãnh đạo đẩy mạnh ứng dụng KH, CN, CDS trong các lĩnh vực đời sống xã hội và tăng cường nguồn lực cho phát triển KH, CN. *Thứ năm*, lãnh đạo phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức KH, CN, nhân dân Thành phố trong phát triển KH, CN trên địa bàn

thành phố Hà Nội. *Thứ sáu*, tăng cường lãnh đạo đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, mở rộng kết nối với các trung tâm KH, CN lớn trong nước và thế giới; huy động nguồn lực phát triển KH, CN gắn với bảo vệ môi trường. *Thứ bảy*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về phát triển KH, CN./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI**

1. Phan Hồng Vân (2026), *Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW - động lực cốt lõi kiến tạo Thủ đô thông minh*, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động số tháng 2/2026
2. Phan Hồng Vân (2026), *Dấu ấn lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển khoa học, công nghệ thời kỳ mới*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông số tháng 3/2026
3. Phan Hồng Vân (2026), *Phát huy vai trò đầu tàu của Thủ đô Hà Nội trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông số chuyên đề Quý I/2026
4. Phan Hồng Vân (2026), *Hà Nội phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực trung tâm, tạo đột phá trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Lý luận chính trị số đặc biệt năm 2026.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. Nguyễn Tuấn Anh (2026), *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
2. Văn Anh (2016), *Hà Nội: Hướng tới tái cấu trúc toàn diện các khu công nghiệp*, Báo đại biểu nhân dân điện tử, đăng ngày 20/4/2026, <https://daibieunhandan.vn/ha-noi-huong-toi-tai-cau-truc-toan-dien-cac-khu-cong-nghiep-10414239.html>
3. Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*
5. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*
6. Ban Chấp hành Trung ương (2023), *Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 08/3/2024 thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”*
7. Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Quyết định 204-QĐ/TW phê duyệt “Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng” do Ban Chấp hành Trung ương ban hành ngày 29/11/2024*
8. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 “về thi hành Điều lệ Đảng*.
9. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội (2021), *Quyết định số 1089-QĐ/TU ngày 28/5/2021 về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo*

Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020–2025.

10. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội (2023), *Quyết định số 4635-QĐ/TU về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.*
11. Gia Bảo (2021), “Hà Nội đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo”, Tạp chí Cộng sản điện tử, truy cập tại:
<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nam-dinh/-/2018/824272/ha-noi-day-manh-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-dua-tren-nen-tang--khoa-hoc---cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao.aspx>
12. Bộ Chính trị (2017), *Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*
13. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*
14. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*
15. Bộ Chính trị (2020), *Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý*
16. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/ 5/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*
17. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng Sông Hồng*

18. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
19. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 145-QĐ/TW ngày 10/5/2024 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*
20. Bộ Chính trị (2025), *Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng*
21. Bộ Chính trị (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về “chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương*
22. Bộ Chính trị (2026), *Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 17/3/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội*
23. Bộ Khoa học và Công nghệ (2021), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2020*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
24. Bộ Khoa học và Công nghệ (2022), *30 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng: Thành tựu khoa học và công nghệ Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
25. Bộ Khoa học và công nghệ (2023), *Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
26. Bộ Khoa học và Công nghệ (2025), *Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
27. Trần Ngọc Ca, Nguyễn Hữu Xuyên (2020), “*Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam: Thực trạng hiện nay và giải pháp chính sách*”, *International Journal of Science and Research*, 9(3), tr. 1399–1403.
28. Cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê 2024*, Hà Nội.
29. Nguyễn Văn Châu (2025), *Phát triển khoa học, công nghệ nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 12-2025.

30. Phạm Văn Dũng (2024), *Phát triển thị trường khoa học - công nghệ Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Phạm Thị Dữ (2024), *Nghiên cứu tác động của thay đổi công nghệ đến chuyển dịch cơ cấu lao động trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Thương mại.
32. Huỳnh Thành Đạt (2025), *Đột phá tư duy đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển bứt phá trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*, Tạp chí Cộng sản, số 1.053 - 1054 (1-2025).
33. Vũ Cao Đàm (2020), *Công nghệ và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập I*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập II*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng ủy phường Bạch Mai (2026), *Báo cáo số 189-BC/ĐU ngày 10/6/2026 của Đảng ủy phường Bạch Mai về Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị tại Đảng ủy phường Bạch Mai 6 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*
48. Đảng ủy phường Sơn Đồng (2026), *Báo cáo số 126-BC/BCĐ ngày 23/6/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường Sơn Đồng về Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Ban Chỉ đạo 57 xã Sơn Đồng 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo*
49. Đảng ủy phường Sơn Tây (2026), *Báo cáo số 11-BC/BCĐ ngày 17/6/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy phường Sơn Tây về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*
50. Đảng ủy phường Tây Tựu (2026), *Báo cáo số 178-BC/ĐU ngày 22/6/2026 của Đảng ủy phường Tây Tựu về Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*
51. Đảng ủy phường Từ Liêm (2026), *Báo cáo số 25 -BC/ĐU ngày 15/7/2026 của Đảng ủy phường Từ Liêm về Tình hình, kết quả triển khai thực*

hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026

52. Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2026), *Báo cáo Nghị quyết Về ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026*
53. Đảng ủy xã Bất Bạt (2026), *Báo cáo số 7-BC/ĐU ngày 07/7/2026 của Ban chỉ đạo 57 Đảng ủy xã Bất Bạt về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*
54. Đảng ủy xã Cổ Đô (2026), *Báo cáo số 12 -BC/ĐU ngày 6/7/2026 của Đảng ủy xã Cổ Đô về Kết quả 01 năm triển khai, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Cổ Đô*
55. Đảng ủy xã Liên Minh (2026), *Báo cáo số 09 -BC/BCĐ 05/7/2026 của Ban chỉ đạo 57 Đảng ủy xã Liên Minh về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2026*
56. Đảng ủy xã Quảng Oai, *Báo cáo số 8-BC/BCĐ ngày 7/7/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Đảng ủy xã Quảng Oai về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*
57. Đảng ủy xã Vật Lại, *Báo cáo số 284 -BC/ĐU ngày 24/6/2026 của Đảng ủy xã Vật Lại về Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2026*
58. Đảng ủy xã Yên Bài, *Báo cáo số 129 -BC/ĐU ngày 22/6/2026 của Đảng ủy xã Yên Bài về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-*

NQ/TW 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 202

59. Trần Thị Anh Đào, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (2018), *Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
60. Đặng Quang Định (2025), *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự phát triển của nhân loại và thực tiễn hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị số 11-2025.
61. Đặng Thu Giang (2024), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.
62. Vũ Minh Giang (2026), *Đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Từ tư duy đến hành động theo định hướng Đại hội Đảng XIV*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam điện tử, truy cập tại: <https://vjol.info.vn/index.php/khcn/article/view/130985>
63. Bùi Thị Hồng Hà (2026), *Thực trạng phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội*, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, truy cập tại: <https://lyluanchinhtri.vn/thuc-trang-phat-trien-nhan-luc-khoa-hoc-va-cong-nghe-cua-thanh-pho-ha-noi-11477.html>
64. Nguyễn Mạnh Hải (2025), *Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4-2025.
65. Lê Thị Hồng (2023), *Lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm từ Đà Nẵng*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 4, tr. 12–25.
66. Tạ Bá Hưng (chủ biên) cùng nhiều cộng sự (2007), *Khoa học và công nghệ thế giới: Những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Hà Nội.
67. Vũ Văn Long (2023), *Đảng lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ năm 2011 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

68. Đặng Hoàng Luân (2026), *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học điện tử Việt Nam Hội Nhập, số 377+378 (tháng 1/2026), tr. 65–70.
69. Trần Thị Mai (2023), *Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, 31(4), tr. 12–20.
70. Trần Thị Thanh Mai (2025), *Khoa học, công nghệ: “Chìa khóa vàng” khi vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp ở thành phố Hà Nội*, Tạp chí Cộng sản điện tử, đăng ngày 28/10/2025
71. Nguyễn Thị Miên, Đới Gia Thiên Linh (2023), *Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3-2023
72. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 1*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 2*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội
74. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 3*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội
75. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 7*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 10*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 11*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 13*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 15*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Tuệ Minh (2025), *Thủ đô Hà Nội thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Cộng sản điện tử, truy cập tại:
<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nam-dinh/-/2018/1181502/thu-do-ha-noi-thuc-day-phat-trien-khoa-hoc---cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-trong-boi-canhh-hoi-nhap-quoc-te.aspx>
83. Nguyễn Văn Nam (2022), *Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong phát triển khoa học và công nghệ*, Tạp chí Cộng sản, số 1025, tr. 78–85.

84. Nguyễn Thị Nguyệt, Lý Quỳnh Anh, Nguyễn Đoan Trang (2024), *Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp đối với đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước*, Tạp chí Tài chính, truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn>
85. Trần Thị Nhẫn (2023), *Đảng lãnh đạo phát huy sức mạnh của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế giai đoạn 2011–2021*, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, truy cập tại: <https://tapchilichsudang.vn/dang-lanh-dao-phat-huy-suc-manh-cua-khoa-hoc-va-cong-nghe-trong-phat-trien-kinh-te-giai-doan-2011-2021.html>
86. Nhiều tác giả (2014), *Công nghệ 3S*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
87. Nhiều tác giả (2020), *Những ý tưởng khoa học công nghệ thời đại 4.0*, Trần Giang Sơn dịch, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
88. Trần Sỹ Phán, Nguyễn Thị Kim Dung (2025), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất ở nước ta*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 8-2025.
89. Vũ Văn Phúc (2026), *Vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hiện thực hóa tầm nhìn “độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3-2026.
90. Vũ Văn Phúc, *Vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hiện thực hóa tầm nhìn “độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 3-2026.
91. Hà Phương (2026), *Phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng*, Tạp chí Cộng sản điện tử, truy cập tại: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/1223302/phat-huy-vai-tro-cua-khoa-hoc%2C-cong-nghe%2C-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-trong-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiv-cua-dang.aspx>
92. Trần Văn Phương (2017), *Các tỉnh, thành ủy ở vùng duyên hải miền Trung lãnh đạo phát triển nhân lực khoa học - công nghệ giai đoạn hiện*

- nay, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
93. Nguyễn Quân (2022), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Động lực phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 94. Quốc hội (2017), *Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-chuyen-giao-cong-nghe-2017-322937.aspx>
 95. Quốc hội (2024), *Luật Thủ đô số 39/2024/QH15*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Thu-do-2024-575158.aspx>
 96. Quốc hội (2025), *Luật An ninh mạng (sửa đổi) số 24/2018/QH14*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-an-ninh-mang-2018-351416.aspx>
 97. Quốc hội (2025), *Luật Công nghệ cao (sửa đổi) số 133/2025/QH15*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Cong-nghe-cao-2025-so-133-2025-QH15-675211.aspx>
 98. Quốc hội (2025), *Luật Công nghiệp Công nghệ số số 71/2025/QH15*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Cong-nghiiep-cong-nghe-so-2025-so-71-2025-QH15-621341.aspx>
 99. Quốc hội (2025), *Luật chuyển đổi số số 148/2025/QH15*,
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Chuyen-doi-so-2025-so-148-2025-QH15-675262.aspx>
 100. Quốc hội (2025), *Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15*, <https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=179265>
 101. Quốc hội (2025), *Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) số 94/2025/QH15*
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Nang-luong-nguyen-tu-2025-so-94-2025-QH15-643689.aspx>
 102. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15*,

- <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Chat-luong-san-pham-hang-hoa-sua-doi-2025-so-78-2025-QH15-623226.aspx>
103. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Chuyen-giao-cong-nghe-sua-doi-2025-so-115-2025-QH15-675264.aspx>
104. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/So-huu-tri-tue/Luat-So-huu-tri-tue-sua-doi-2025-so-131-2025-QH15-675267.aspx>
105. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Tieu-chuan-va-quy-chuan-ky-thuat-sua-doi-2025-so-70-2025-QH15-580121.aspx>
106. Quốc hội (2025), *Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-Tri-tue-nhan-cao-2025-so-134-2025-QH15-679013.aspx>
107. Quốc hội (2026), *Luật Thủ đô (sửa đổi) số 02/2026/QH16*
108. Đinh Ngọc Quý (2026), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoa học - kỹ thuật và sự vận dụng trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 577 (3-2026), tr. 34 – 42
109. Tào Thị Quyên, Mai Thị Thanh Tâm (2025), *Yêu cầu hoàn thiện thể chế về phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5-2025.
110. *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức (2004)*, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội
111. Sở Khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội, *Đề tài nghiên cứu khoa học: Năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) trong GRDP của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2023*.

112. Phạm Minh Sơn (Chủ biên) (2025), *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội
113. Tạ Ngọc Tấn, Nguyễn Thanh Tuyền (2022), *Phát triển công nghiệp công nghệ cao – Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
114. Đỗ Phú Trần Tình và cộng sự (2026), *Nâng cao hiệu quả thực thi Nghị quyết số 57-NQ/TW, của Bộ Chính trị, ‘về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia’*, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 17/4/2026
115. Trần Quốc Toàn (2020), *Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo - một đột phá chiến lược trong giai đoạn mới*, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, truy cập tại: https://tapchicongsan.org.vn/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/day-manh-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-mot-dot-pha-chien-luoc-trong-giai-doan-moi
116. Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (2021), *Mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
117. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (2018), *350 thuật ngữ xây dựng Đảng*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
118. Đào Duy Tùng (2022), *Đảng lãnh đạo phát triển khoa học và công nghệ (1986–2021): Một số kết quả và kinh nghiệm*, *Tạp chí Cộng sản*, số 987, tr. 45–53.
119. Nguyễn Văn Tùng (2025), *Thành phố Hải Phòng tập trung phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.063 (6-2025).
120. *Từ điển Triết học* (1976), Nxb. Sự thật, Hà Nội.
121. Thành ủy Hà Nội (2013), *Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 25/4/2013 của Thành ủy Hà Nội về Thực hiện Nghị quyết số 20-*

NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khoá XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

122. Thành ủy Hà Nội (2015), *Báo cáo chính trị tại Đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.*
123. Thành ủy Hà Nội (2020), *Báo cáo chính trị tại Đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.*
124. Thành ủy Hà Nội (2021), *Chương trình số 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021–2025.*
125. Thành ủy Hà Nội (2022), *Báo cáo 235-BC/TU ngày 17/6/2022 về Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn thành phố Hà Nội*
126. Thành ủy Hà Nội (2022), *Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 về chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
127. Thành ủy Hà Nội (2024), *Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 19/02/2024 về "Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng về xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh"*
128. Thành ủy Hà Nội (2024), *Kế hoạch số 272-KH/TU ngày 18/01/2024 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội giai đoạn 2022–2025.*
129. Thành ủy Hà Nội (2024), *Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

130. Thành ủy Hà Nội (2025), *Báo cáo của Ban chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội tháng 11 năm 2025 Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; các nhiệm vụ trọng tâm cuối năm 2025 và năm 2026*
131. Thành ủy Hà Nội (2025), *Báo cáo chính trị tại Đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030.*
132. Thành ủy Hà Nội (2025), *Báo cáo số 20- BC/BCĐ về Tổng kết tình hình thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025*
133. Thành ủy Hà Nội (2025), *Báo cáo số 725-BC/TU về việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
134. Thành ủy Hà Nội (2025), *Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 23/5/2025 về quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”; kế hoạch hành động thực hiện trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn thành phố Hà Nội.*
135. Thành ủy Hà Nội (2026), *Báo cáo số 28-BC/BCĐ57 của Ban chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội về Tóm tắt một số kết quả, mô hình, cách làm mới và khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị*
136. Thành ủy Hà Nội (2026), *Báo cáo số 121-BC/TU ngày 20/4/2026 về Sơ kết 05 thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.*

137. Thành ủy Hà Nội (2026), *Báo cáo số 159-BC/TU ngày 05/6/2026 về Tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57 - NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch công tác năm 2026*
138. Thành ủy Hà Nội (2026), *Báo cáo số 181-BC/TU ngày 30/6/2026 về Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 01 năm 06 tháng; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026*
139. Trịnh Thị Thu Thảo (2026), *Vai trò lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới: thực tiễn tại tỉnh Tuyên Quang*, Tạp chí nhà nước điện tử, đăng ngày 28/05/2026.
140. Nguyễn Thanh Thắm (2025), *Kinh nghiệm một số nước về chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 6-2025.
141. Trần Đình Thiên (2020), *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
142. Nguyễn Thị Thơm (2020), “*Vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mô hình tăng trưởng tại Việt Nam*”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, truy cập tại: <https://lyluanchinhtri.vn/vai-tro-cua-khoa-hoc-cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-trong-mo-hinh-tang-truong-tai-viet-nam-337.html>
143. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*
144. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*
145. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 ngày 11 tháng 5 năm 2022*
146. Đoàn Thanh Thủy (2024), *Đảng lãnh đạo phát triển công nghệ thông tin từ năm 2011 đến năm 2020, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

147. Đoàn Thanh Thủy (2024), *Đảng lãnh đạo phát triển công nghệ thông tin từ năm 2011 đến năm 2020*, Luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội.
148. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
149. Nguyễn Thành Trung (2025), *Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể phát triển khoa học, kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và sự vận dụng trong bối cảnh mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 6 - 2025.
150. Đào Thanh Trường (2020), *Chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam (Science, Technology and Innovation Policy in Vietnam)*, Nxb. Springer Nature, Singapore.
151. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2001), *Quyết định số 56/2001/QĐ-UB ngày 56/2001/QĐ-UB "về việc phê chuẩn điều lệ liên hiệp các hội khkt Hà Nội"*
152. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2021), *Chương trình hành động số 277/CTr-UBND ngày 05/12/2021 thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021–2025*.
153. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2021), *Kế hoạch số 185/KH-UBND về triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020–2025 về “Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021–2025”*.
154. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2022), *Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 14/6/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội giai đoạn 2022–2025*.
155. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2022), *Quyết định số 42 /2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định lại vị trí, chức*

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội

156. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2023), *Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 09/3/2023 về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy và Kế hoạch số 185/KH-UBND của UBND thành phố.*
157. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2024), *Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 04/5/2024 thực hiện Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 08/3/2024 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới”.*
158. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2024), *Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 15/8/2024 triển khai thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hà Nội.*
159. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2024), *Kế hoạch 60/KH-UBND ngày 15-2-2024 về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố.*
160. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2025), *Kế hoạch số 43/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.*
161. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2025), *Quyết định số 282/QĐ-UBND, ngày 15-1-2024, về việc phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”*
162. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2026), *Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 16/4/2026 về phát triển thị trường lao động giai đoạn 2026-2030, trong đó tập trung đào tạo nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ và tích*

hợp AI cho người lao động; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp thích ứng với quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

163. Ủy ban nhân dân phường Tây Hồ (2026), *Báo cáo số 105 – BC/UBND ngày 14/10/2026 của UBND phường Tây Hồ về Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn phường Tây Hồ*
164. Ủy ban nhân dân xã Suối Hai (2026), *Báo cáo số 218 – BC/UBND ngày 12/5/2026 của UBND xã Suối Hai về Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị tính đến tháng 04/2026*
165. Nguyễn Đình Uyên (2024), *Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
166. Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ (2022), *Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2030*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
167. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2023), *Phát triển khoa học và công nghệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế [Kỷ yếu hội thảo]*, Kỷ yếu hội thảo tổng hợp các nghiên cứu của chuyên gia hàng đầu về cơ hội và thách thức của khoa học công nghệ Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn cầu.
168. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê Chủ biên), NXB Đà Nẵng.
169. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

Tài liệu Tiếng Anh

170. Andy Mok (2026), *The innovation machine: How China creates and adopts technology through governance*, Wiley, Singapore
171. Agustín Lage Dávila (2024), *The knowledge economy and socialism: Science and society in Cuba*, Monthly Review Press.

172. Alan Irwin & Tara Qian Sun (2021), *Transformative innovation policy: A case study from China*, *Innovation and Development Policy*, (1), 21–37.
173. Amonpat Poonjan (2021), *The role of regional contextual factors for science and technology parks: Theoretical and practical implications in a developing country* (Doctoral dissertation, Technical University of Denmark, Kongens Lyngby, Denmark).
174. Andrew B. Kennedy (2024), *The process of paradigm change: The rise of guided innovation in China*, *Review of International Political Economy*, 31(4), 1220–1244.
175. Angelo Baracca & Rosella Franconi (2016), *Subalternity vs. Hegemony: Cuba's Outstanding Achievements in Science and Biotechnology, 1959–2014*, *SpringerBriefs in History of Science and Technology*, Springer.
176. Azeem Azhar (2021), *The exponential age: How accelerating technology is transforming business, politics, and society*, Diversion Books.
177. Chen Jin, Yang Zhen, & Yin Ximing (2022), *China's scientific and technological innovation strategy under the new pattern of development*, *China Economic Transition*, 5(3), 298–319
178. Gouk Tae Kim (2012), *Scientizing science policy: Implications for science, technology, and innovation policy and R&D evaluation* (Doctoral dissertation, Virginia Polytechnic Institute and State University, Blacksburg, VA, United States).
179. Guillermo A. Lemarchand (2018), *Mapping Research and Innovation in Lao People's Democratic Republic (GO-SPIN Country Profiles in Science, Technology and Innovation Policy, Vol. 7)*, Paris: UNESCO Publishing.
180. Jennifer Clark (2020), *Uneven innovation: The work of smart cities*. Columbia University Press.
181. Kayano Fukuda (2020), *Science, technology and innovation ecosystem transformation toward Society 5.0*, *International Journal of Production Economics*, 220, Article 107460.

182. Lili Miao, *Dakota Murray, Woo-Sung Jung, Vincent Larivière, Cassidy R. Sugimoto, & Yong-Yeol Ahn (2022), "The latent structure of global scientific development"*, *Nature Human Behaviour*, 6, 1206–1217
183. Miguel Mario Díaz-Canel Bermúdez (2021), *Sistema de gestión del gobierno basado en ciencia e innovación para el desarrollo sostenible en Cuba*, Editorial Universitaria
184. Ministry of Science and Technology of the People's Republic of China (organized compilation) (2023), *In-depth Study of Xi Jinping's Important Expositions on Scientific and Technological Innovation*, People's Publishing House
185. Richard P. Suttmeier (2020), *Chinese science policy at a crossroads*, *Issues in Science and Technology*, 36(2), 58–63.
186. Rudi Volti, Jennifer Croissant (2024), *Society and technological change (9th ed.)*, Columbia University Press
187. Rumi Aoyama (2022), *China's dichotomous BeiDou strategy: Led by the Party for national deployment, driven by the market for global reach*, *Journal of Contemporary East Asia Studies*, 11(2), 282–299
188. Seung Hwan Kim, Jeong Hwan Jeon, Anwar Aridi, & Bogang Jun (2023), *Factors that affect the technological transition of firms toward Industry 4.0 technologies*, *IEEE Access*, 11, 1694–1707
189. Suelao Sotouky (2025), *Policies encouraging the development of science and technology in the Lao PDR*, *Lao Social Science Journal*, 3(1), 56–62. <https://doi.org/10.71026/lss.2025.03007>
190. Thomas Ramge & Rafael Laguna de la Vera (2023), *On the Brink of Utopia: Reinventing Innovation to Solve the World's Largest Problems*, The MIT Press
191. Xi Jinping (2016), *Excerpts from Xi Jinping's discussions on scientific and technological innovation (习近平关于科技创新论述摘编)*, People's Publishing House, Beijing, China
192. Xi Jinping (2016), *Selected speeches and writings of Xi Jinping on scientific and technological innovation*, Central Party Literature Press

193. Xi Jinping (2020), *The governance of China* (习近平谈治国理政), Foreign Languages Press
194. Xiaolan Fu, Jin Chen & Bruce McKern (2021), *The Oxford Handbook of China Innovation*, Oxford University Press
195. Yutao Sun & Cong Cao (2021), *Planning for science: China's 'grand experiment' and global implications*, Humanities and Social Sciences Communications, 8, Article 215

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG BAN CHẤP HÀNH,
BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI

Phụ lục 1.1
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

NỘI DUNG	CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ			
	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư
Số lượng người	71	17	1	4
<i>Trong đó:</i>				
- Tham gia lần đầu	34	7	1	0
- Nữ	15	4	1	1
- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0
- Có trình độ khoa học, công nghệ	71	17	1	4
- Tôn giáo	0	0	0	0
1. Tuổi đời				
- Dưới 42 tuổi	3	0	0	0
- Từ 42 đến 52 tuổi	39	1	0	0
- Trên 52 tuổi	29	16	1	4
- Tuổi bình quân	52,5	56,18	60	55,5
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
- Cao đẳng	0	0	0	0
- Đại học	14	2	0	0
- Thạc sĩ	41	12	1	3
- Tiến sĩ	16	3	0	1
3. Học hàm				

- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0
4. Trình độ lý luận chính trị				
- Trung cấp	0	0	0	0
- Cao cấp, Cử nhân	71	17	1	4
- Khác	0	0	0	0

Phụ lục 2.2
NHIỆM KỲ 2025 – 2030

NỘI DUNG	CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ			
	Ban Chấp hành	Ban Thường vụ	Bí thư	Phó Bí thư
Số lượng người	75	17	1	4
<i>Trong đó:</i>				
- Tham gia lần đầu	22	6	1	2
- Nữ	11	3	0	1
- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0
- Có trình độ khoa học, công nghệ	75	17	1	4
- Tôn giáo	0	0	0	0
1. Tuổi đời				
- Dưới 42 tuổi	3	0	0	0
- Từ 42 đến 52 tuổi	42	5	0	0
- Trên 52 tuổi	30	12	1	4
- Tuổi bình quân	51,24	54,35	61	55,25
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ				
- Cao đẳng	0	0	0	0
- Đại học	16	3	0	0
- Thạc sĩ	34	7	1	3
- Tiến sĩ	25	7	0	1
3. Học hàm				
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0
4. Trình độ lý luận chính trị				
- Trung cấp	0	0	0	0
- Cao cấp, Cử nhân	75	17	1	4
- Khác	0	0	0	0

PHỤ LỤC 2

BẢNG PHÂN LOẠI LĨNH VỰC, NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	TÊN GỌI
1		KHOA HỌC TỰ NHIÊN
	101	Toán học và thống kê
	102	Khoa học máy tính và thông tin
	103	Vật lý
	104	Hoá học
	105	Các khoa học trái đất và môi trường liên quan
	106	Sinh học
	199	Khoa học tự nhiên khác
2		KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
	201	Kỹ thuật công trình xây dựng
	202	Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin
	203	Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy
	204	Kỹ thuật hóa học
	205	Kỹ thuật vật liệu và luyện kim
	206	Kỹ thuật y học
	207	Kỹ thuật môi trường
	208	Công nghệ sinh học môi trường
	209	Công nghệ sinh học công nghiệp
	210	Công nghệ nano
	211	Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống
	299	Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác
3		KHOA HỌC Y, DƯỢC
	301	Y học cơ sở
	302	Y học lâm sàng
	303	Y tế
	304	Dược học
	305	Công nghệ sinh học y học
	399	Khoa học y, dược khác
4		KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP
	401	Trồng trọt
	402	Chăn nuôi
	403	Thú y

	404	Lâm nghiệp
	405	Thủy sản
	406	Công nghệ sinh học nông nghiệp
	499	Khoa học nông nghiệp khác
5		KHOA HỌC XÃ HỘI
	501	Tâm lý học
	502	Kinh tế và kinh doanh
	503	Khoa học giáo dục
	504	Xã hội học
	505	Pháp luật và Luật học
	506	Khoa học chính trị
	507	Địa lý kinh tế và xã hội
	508	Thông tin đại chúng và truyền thông
	599	Khoa học xã hội khác
6		KHOA HỌC NHÂN VĂN
	601	Lịch sử và khảo cổ học
	602	Ngôn ngữ học và văn học
	603	Triết học, đạo đức học và tôn giáo
	604	Nghệ thuật
	699	Khoa học nhân văn khác

(Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 3
CÁC VĂN BẢN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA
HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY

Phụ lục 3.1

CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI

1. Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 14/5/2015 về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX “về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” trên địa bàn Thành phố Hà Nội
2. Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 16/9/2015 về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) “về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế” trên địa bàn thành phố Hà Nội
3. Chương trình số 08-CTr/TU ngày 26/4/2016 về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức giai đoạn 2016 - 2020”
4. Chương trình số 20-CTr/TU ngày 13/02/2018 về Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm thành phố Hà Nội: “Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030”
5. Kế hoạch số 01-KH/BCN ngày 17/4/2018 của Thành ủy về Phân công triển khai thực hiện Chương trình số 20-CTr/TU về Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm Thành phố Hà Nội: “Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030”
6. Kế hoạch số 205- KH/TU ngày 10/9/2020 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
7. Chương trình 07-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 -2025
8. Quyết định số 1089-QĐ/TU ngày 28/5/2021 của Ban Thường vụ Hà Nội về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.
9. Quyết định số 06-QĐ/BCĐ ngày 30/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU về “Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025 giai đoạn 2021 -2025”
10. Kế hoạch số 07-QĐ/BCĐ ngày 30/7/2021 về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU giai đoạn 2021-2025
11. Thông báo số 08-TB/BCĐ ngày 30/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo
12. Quyết định số 09-QĐ/BCĐ ngày 30/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình
13. Kế hoạch số 11-KH/BCĐ ngày 16/02/2022 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU về thực hiện công tác năm 2022
14. Thông báo kết luận số 843-TB/TU ngày 09/8/2022 về Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 vào ngày 08/02/2023

15. Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
16. Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 về chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
17. Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 02/02/2023 về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
18. Thông báo kết luận số 1044-TB/TU ngày 15/02/2023 của đồng chí Nguyễn Văn Phong, Phó Bí thư Thành ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy khóa XVII về Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 vào ngày 08/02/2023
19. Kế hoạch số 134-KH/TU ngày 17/02/2023 về việc tổ chức sơ kết công tác giữa nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ Thành phố và các đảng bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2020-2025
20. Kế hoạch số 13-KH/BCĐ ngày 28/02/2023 về hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội
21. Quyết định số 4635-QĐ/TU ngày 20/4/2023 của Ban Thường vụ Hà Nội được ban hành nhằm kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU về "Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025".
22. Kế hoạch số 15-KH/BCĐ ngày 05/7/2023 kiểm tra việc triển khai, thực hiện Chương trình số 07/CTr/TU
23. Thông báo số 1269-TB/TU ngày 02/8/2023 về kết luận của Ban Thường vụ về báo cáo kết quả rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế; phương án phân cấp, ủy quyền và quy trình giải quyết các thủ tục hành chính của một số sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội
24. Quyết định số 16-QĐ-BCĐ ngày 24/8/2023 của Ban Chỉ đạo Chương trình 07-CTr/TU về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc triển khai, thực hiện Chương trình số 07/CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy
25. Thông báo kết luận số 1362-TB/TU ngày 04/10/2023 Kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Phong, Phó Bí thư Thành ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy khóa XVII tại buổi kiểm tra.
26. Thông báo số 1440-TB/TU ngày 24/11/2023 về kết luận của Ban Thường vụ về tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế; phương án phân cấp, ủy quyền và quy trình giải quyết các thủ tục hành chính của một số sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội
27. Thông báo kết luận số 568/TB-VPUB ngày 13/12/2023 Kết luận của Phó Chủ tịch thường trực UBND Thành phố Lê Hồng Sơn, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy khóa XVII tại buổi kiểm tra.
28. Kế hoạch số 272-KH/TU ngày 18/01/2024 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025
29. Kế hoạch số 17-KH/BCĐ ngày 28/02/2024 của Ban chỉ đạo Chương trình số 07-CTr/TU Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình 07-CTr/TU năm 2024 và đến năm 2025
30. Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 08/3/2024 thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới"

31. Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 23/01/2025 của Ban Thường vụ về tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn Đảng bộ thành phố Hà Nội, xây dựng, phát triển Thủ đô thông minh và triển khai có hiệu quả Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng
32. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 14/02/2025 về Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”
33. Quyết định số 8228 -QĐ/TU ngày 18/2/2025 về Thành lập Ban Chỉ đạo của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
34. Quyết định số 8229- QĐ/TU ngày 18/02/2025 thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cơ quan
35. Quyết định số 8258-QĐ/TU ngày 25/02/2025 về danh mục các ứng dụng CDS dùng chung 3 cấp trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội
36. Thông báo số 2120-TB/TU ngày 11/4/2025 của Ban Thường vụ Hà Nội về xây dựng Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ số hóa tài liệu tập trung của các cơ quan trên địa bàn Thành phố”
37. Kế hoạch số 05-KH/BCĐ57 ngày 22/4/2025 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”
38. Kế hoạch số 322-KH/TU ngày 05/5/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 225-KH/UBKTTW ngày 04/4/2025 về giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng
39. Kế hoạch số 323-KH/TU ngày 08/5/2025 triển khai thực hiện Kế hoạch số 219-KH/UBKTTW ngày 14/3/2025 về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.
40. Quyết định 8602-QĐ/TU ngày 15/05/2025 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
41. Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 23/5/2025 về Quán triệt, tuyên truyền: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”
42. Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 23/5/2025 triển khai Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, đoàn thể thành phố Hà Nội
43. Kế hoạch số 333-KH/TU, ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ (được đề cập tại) nhằm triển khai Kết luận 148-KL/TW ngày 08/4/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về kết quả kiểm tra chuyên đề công tác trọng tâm năm 2025.
44. Quyết định số 9205-QĐ/TU ngày 09/7/2025 về kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo 57 của Thành ủy
45. Kế hoạch số 354-KH/TU, ngày 22/7/2025 triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng
46. Quyết định số 9450-QĐ/TU ngày 01/8/2025 kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cơ quan Đảng, đoàn thể thành phố Hà Nội của Ban Thường vụ.
47. Chương trình số 10-CTr/BCĐ ngày 04/8/2025 về chương trình công tác của Ban Chỉ đạo CDS trong các cơ quan đảng, đoàn thể thành phố Hà Nội
48. Kế hoạch số 07-KH/BCĐ57 ngày 10/8/2025 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội triển khai Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp phát

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn Thành phố

49. Kế hoạch số 08-KH/BCĐ57 ngày 13/8/2025 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy Hà Nội triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy
50. Kế hoạch số 10-KH/BCĐ57 ngày 23/10/2025 triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 07-TB/CQTTBCĐ ngày 15/10/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS (Ban Chỉ đạo) về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo tại Hội nghị sơ kết tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trong quý III/2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cuối năm 2025
51. Quyết định số 586-QĐ/TU ngày 15/12/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo 10 chương trình công tác của Thành ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Phụ lục 3.2

CÁC VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Nghị quyết 24/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 về việc thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
2. Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của về Chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô
3. Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.
4. Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 về Một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.
5. Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016.
6. Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 về Chương trình mục tiêu Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.
7. Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội.
8. Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội.
9. Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.
10. Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 4/12/2017 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.
11. Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.
12. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 về Nội dung, quy định mức chi và nguồn kinh phí thực hiện đối với hoạt động sáng kiến, hoạt động thẩm định công nghệ và hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.
13. Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về việc ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải
14. Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của thành phố Hà Nội
15. Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của thành phố Hà Nội
16. Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 về Phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của thành phố Hà Nội.
17. Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố

18. Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố
19. Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về Quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội
20. Nghị quyết 27/NQ-HĐND 08/12/2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022
21. Nghị quyết 25/NQ-HĐND 08/12/2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023
22. Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về Quy định nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội
23. Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của Thành phố
24. Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội
25. Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 về Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chỉ thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội
26. Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.
27. Nghị quyết 13/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 Về việc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội
28. Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 Về việc quy định hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID) trên địa bàn thành phố Hà Nội
29. Nghị quyết 42/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố quản lý trong Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (thực hiện điểm d và đ khoản 2 và khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô)
30. Nghị quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 Quy định về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả của người sử dụng đất, tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (thực hiện điểm c, điểm d khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô)
31. Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.
32. Nghị quyết 22/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 về Việc thông qua Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghệ cao Sinh học Hà Nội, tỷ lệ 1/2000,

tại các phường Tây Tựu, Liên Mạc, Minh Khai, Thụy Phương và Cổ Nhuế 2 quận Bắc Từ Liêm

33. Nghị quyết 07/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 về Quy định về trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao và thực hiện một số thẩm quyền của Ban Quản lý Các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô)
34. Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 về Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghệ cao Sinh học Hà Nội, tỷ lệ 1/2000 tại các phường Tây Tựu, Liên Mạc, Minh Khai, Thụy Phương và Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm
35. Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 về việc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội
36. Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về Quy định một số nội dung về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội
37. Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về phê duyệt Đề án thí điểm thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội; quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện
38. Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về Một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội
39. Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về Quy định cơ chế, chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố Hà Nội
40. Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số quy định về định mức phân bổ chi ngân sách tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022
41. Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về Quy định ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND dân cấp xã cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội
42. Nghị quyết số 459/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về việc thông qua đề án “Thành lập sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”
43. Nghị quyết 461/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 thông qua Đề án thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội
44. Nghị quyết số 482/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026
45. Nghị quyết 73/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 về việc quy định cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao
46. Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026-2030.

Phụ lục 3.3

CÁC VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 về việc thành lập Hội đồng Khoa học, sáng kiến Thành phố Hà Nội
2. Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 về Quy định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Quỹ Ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, người có trình độ cao tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô - Thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng
3. Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2016 – 2020
4. Quyết định 3632/QĐ-UBND ngày 30/07/2015 về việc phê duyệt danh mục đề tài khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2015
5. Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội. Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội
6. Kế hoạch số 159/KH- UBND ngày 07/10/2015 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2013/NQ- HĐND ngày 12/7/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ | trọng điểm của Thủ đô
7. Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội
8. Quyết định số 7110/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội, giai đoạn 2016-2020
9. Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội
10. Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội (thay thế Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND ngày 24/8/2009)
11. Quyết định 822/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2017
12. Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 về Thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thành phố Hà Nội
13. Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 về việc tổ chức lại Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao công

nghe và Giám định công nghệ, Trung tâm Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ

14. Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 về Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hà Nội
15. Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 về Tổ chức lại Trung tâm tin học và thông tin khoa học và công nghệ thành Trung tâm thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
16. Quyết định số 3359/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 (thay thế Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 22/4/2011) về Công bố Bộ Thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
17. Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 về Ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của HĐND Thành phố Hà Nội về một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020
18. Kế hoạch 04/KH-UBND ngày 03/01/2018 về chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020
19. Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 về việc phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm chủ lực thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.
20. Quyết định 603/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2017, lĩnh vực: Quy hoạch - Kiến trúc; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất; Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội.
21. Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 về Sáp nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố trực thuộc Sở Khoa học và công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố
22. Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2018
23. Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 về Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”
24. Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 27/12/2018 về Thực hiện Chương trình phát triển tài sản sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019 - | 2020 thực hiện Chương trình 1062 của Chính phủ
25. Quyết định 985/QĐ-UBND ngày 01/03/2019 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2019

26. Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2025”
27. Kế hoạch số 222/KH- UBND ngày 07/10/2019 về Triển khai Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn Thành phố Hà Nội
28. Kế hoạch 49/KH-UBND ngày 28/02/2020 về Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025
29. Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2020
30. Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 về việc phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp Thành phố thực hiện trong giai đoạn 2021–2025
31. Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2021
32. Quyết định số 364/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua năm 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
33. Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 V/v phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học theo phương thức giao trực tiếp năm 2021
34. Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 22/3/2021 về Thực hiện Kế hoạch số 205-KH/TU của Thành ủy Hà Nội về triển khai thực hiện Nghị quyết số 52- | NQ/TW của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
35. Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/3/2021 về tổ chức hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2021 của Thành phố Hà Nội
36. Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố
37. Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố v/v ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt tiêu chuẩn để xét các danh hiệu thi đua cấp Thành phố và cấp Nhà nước
38. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 09/4/2021 V/v kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội
39. Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 về Ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cấp phép các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội

40. Quyết định số 2631/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 về Quyết định về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung bị bãi bỏ lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
41. Kế hoạch số 149/KH- UBND ngày 16/6/2021 V/v thực hiện chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2030
42. Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 V/v phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố đột xuất để xét giao trực tiếp năm 2021
43. Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030
44. Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 về phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức tuyển chọn và giao trực tiếp năm 2021
45. Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/8/2021 về triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội khóa XVII
46. Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
47. Quyết định số 4092/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn thực hiện trong kế hoạch năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô
48. Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về Chương trình chuyển đổi số Thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
49. Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về việc thành lập các chương trình khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội giai đoạn 2021–2025
50. Quyết định số 4207/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 về phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố theo phương thức giao trực tiếp năm 2021
51. Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về phê duyệt tổ chức chủ trì, thời gian và KP thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo phương thức tuyển chọn năm 2021 phục vụ đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô
52. Kế hoạch 291/KH-UBND ngày 17/12/2021 về ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2022–2025
53. Quyết định số 5120/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội
54. Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày

- 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (bổ sung nội dung quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030)
55. Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố để tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2022.
 56. Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về việc khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
 57. Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 12/01/2022 về Thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030
 58. Kế hoạch số 16/KH-UBND của ngày 12/01/2022 về Thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội
 59. Quyết định số 154/2022/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội đến năm 2030
 60. Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/01/2022 về Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án phòng ngừa và ứng phó | sự cố phóng xạ xuyên biên giới đến năm 2025
 61. Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 14/6/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.
 62. Thông báo số 594/2022/TB-UBND ngày 16/6/2022 về việc xem xét, thông qua chủ trương đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.
 63. Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 về việc bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ.
 64. Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao công nghệ, phổ biến, tập huấn kiến thức về khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.
 65. Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 về việc thành lập Hội đồng xét tuyển công chức thành phố Hà Nội năm 2022.
 66. Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021–2025.
 67. Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy lợi; Phòng chống thiên tai; Khoa học, Công nghệ, Môi trường.

68. Công văn số 3367/UBND-KTTH ngày 11/10/2022 về tăng cường công tác quản lý, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.
69. Kế hoạch 276/KH-UBND ngày 25/10/2022 phát triển Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch.
70. Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 30/11/2022 triển khai thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 26/8/2022 của Thành ủy Hà Nội.
71. Quyết định số 4779/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.
72. Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 về phê duyệt sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.
73. Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 phê duyệt Chương trình phát triển mô hình “Hệ sinh thái học tập, sáng tạo” ở các cấp học trên địa bàn thành phố Hà Nội.
74. Quyết định số 4907/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 phê duyệt Đề án phát triển chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.
75. Quyết định số 4944/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
76. Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
77. Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
78. Kế hoạch 345/KH-UBND ngày 29/12/2022 thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.
79. Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội”.
80. Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 về việc khen thưởng thành tích trong phong trào thi đua năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
81. Quyết định số 87/2023/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố và danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.
82. Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
83. Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số thành phố Hà Nội.
84. Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 điều chỉnh một số nội dung Đề án “Xây dựng và vận hành Sàn Giao dịch công nghệ Hà Nội”.

85. Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/3/2023 về triển khai Đề án 06 về phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025.
86. Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 về ban hành Quy chế xét tặng “Giải thưởng Khoa học và Công nghệ Thủ đô”.
87. Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 quy định xét, công nhận sáng kiến, đề tài khoa học và công nghệ.
88. Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
89. Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/9/2023 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU của Thành ủy về chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
90. Kế hoạch 273/KH-UBND ngày 17/11/2023 về tổ chức Lễ chuyển giao Ban Quản lý khu Công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về UBND thành phố Hà Nội.
91. Quyết định số 6403/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc khen thưởng cá nhân có thành tích đột xuất tại Kỳ thi Olympic Khoa học trẻ Quốc tế IJSO 2023.
92. Quyết định số 6543/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 về phê duyệt phương án tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; hoạt động khoa học và công nghệ.
93. Quyết định số 518/2024/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.
94. Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 về việc hợp nhất Ban chỉ đạo Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg.
95. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 15/02/2024 về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội năm 2024.
96. Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố.
97. Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.
98. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.
99. Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
100. Kế hoạch 121/KH-UBND ngày 17/4/2024 về triển khai ứng dụng giải pháp công nghệ để tìm kiếm và thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt.

101. Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 về việc thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
102. Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.
103. Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 04/5/2024 thực hiện Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 08/3/2024 của Thành ủy.
104. Kế hoạch 144/KH-UBND ngày 08/5/2024 về tổ chức Hội nghị Gặp mặt chuyên gia, nhà khoa học nhân dịp kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
105. Quyết định 2819/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 công nhận và tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô” năm 2024.
106. Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 15/6/2024 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025.
107. Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 15/8/2024 triển khai thực hiện Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số.
108. Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ.
109. Kế hoạch 295/KH-UBND ngày 11/10/2024 về triển khai tái cấu trúc quy trình TTHC, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Hà Nội năm 2024.
110. Quyết định số 5473/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ; Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Sở hữu trí tuệ.
111. Kế hoạch 304/KH-UBND ngày 24/10/2024 về triển khai thực hiện các Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống, công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.
112. Kế hoạch 358/KH-UBND ngày 09/12/2024 về triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030.
113. Quyết định số 6785/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 phê duyệt Đề án Một số nhiệm vụ đột phá về chuyển đổi số thành phố Hà Nội năm 2025.
114. Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về tặng danh hiệu Cờ “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua” năm 2024 cho tập thể thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
115. Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.
116. Quyết định số 49/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2024 cho các tập thể thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội.

117. Quyết định 226/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 về phê duyệt Danh mục các thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
118. Quyết định số 423/2025/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 về phê duyệt danh mục các thành phần hồ sơ cần số hóa trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.
119. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 14/02/2025 về thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.
120. Quyết định số 732/2025/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 về khen thưởng cho cá nhân đã có thành tích đột xuất trong Kỳ thi Olympic Khoa học trẻ quốc tế năm 2024.
121. Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 19/02/2025 về việc tổ chức Hội thảo khoa học cấp Thành phố về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao nhất trong năm 2025.
122. Kế hoạch 49/KH-UBND ngày 19/02/2025 về phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học giữa UBND thành phố Hà Nội và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
123. Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 phê duyệt Chiến lược dữ liệu thành phố Hà Nội đến năm 2030.
124. Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.
125. Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 03/3/2025 triển khai tổ chức lập Đề án phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
126. Quyết định số 1346/2025/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 về việc ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố.
127. Kế hoạch 73/KH-UBND ngày 12/3/2025 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.
128. Quyết định số 1399/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 về tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2024 cho các tập thể thuộc Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.
129. Quyết định số 1650/2025/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 về việc tổ chức lại và đổi tên Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên môi trường Hà Nội.
130. Quyết định số 1651/2025/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường Hà Nội.
131. Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về việc khen thưởng các cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình số 07-CTr/TU.
132. Quyết định số 1929/2025/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ của UBND thành phố Hà Nội trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

133. Quyết định số 1971/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội.
134. Quyết định số 1974/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường...
135. Quyết định số 2000/2025/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 về việc ban hành Danh mục và phân công nhiệm vụ soạn thảo các văn bản phục vụ phát triển khoa học, công nghệ gắn với triển khai thi hành Luật Thủ đô.
136. Kế hoạch 117/KH-UBND ngày 26/4/2025 về triển khai thực hiện Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 11/4/2025.
137. Quyết định số 2175/2025/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về hình thức sử dụng đất tại số 103-105 Nguyễn Tuân cho Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Bộ Công an.
138. Quyết định số 2267/2025/QĐ-UBND ngày 30/4/2025 về quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ươm tạo và Đào tạo công nghệ cao.
139. Công văn số 1798/UBND-ĐMPT ngày 06/5/2025 về triển khai thực hiện Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản.
140. Kế hoạch 137/KH-UBND ngày 15/5/2025 về hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế của thành phố Hà Nội đến năm 2030.
141. Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 16/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.
142. Công văn số 3162/UBND-QHQT ngày 26/5/2025 về phổ biến và triển khai Thỏa thuận hợp tác giữa UBND thành phố Hà Nội và Chính quyền thành phố St. Petersburg.
143. Quyết định số 2788/2025/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 về phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghệ cao Sinh học Hà Nội, tỷ lệ 1/2000.
144. Kế hoạch 160/KH-UBND ngày 10/6/2025 về tổ chức Hội thảo về cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao
145. Quyết định số 3014/2025/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 về phê duyệt đề cương nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách thu hút đầu tư để Hà Nội dẫn đầu khu vực phía Bắc về phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, công nghệ số và các ngành mới nổi
146. Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 08/7/2025 về tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
147. Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 về quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của thành phố Hà Nội
148. Kế hoạch 231/KH-UBND ngày 08/8/2025 về hoàn thiện các văn bản phục vụ phát triển khoa học, công nghệ gắn với triển khai thi hành Luật Thủ đô

149. Quyết định số 4260/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc cho Công ty cổ phần Pacific Land Việt Nam thuê đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao sinh học Hà Nội
150. Quyết định số 4331/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ.
151. Quyết định số 4416/2025/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ
152. Quyết định số 4729/2025/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm, Ứng phó sự cố tràn dầu
153. Kế hoạch 285/KH-UBND ngày 22/10/2025 về tổ chức Hội nghị gặp mặt chuyên gia, nhà khoa học, các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, doanh nghiệp năm 2025
154. Kế hoạch 310/KH-UBND ngày 24/11/2025 về phát triển hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030
155. Kế hoạch số 316/KH-UBND tháng 11/2025 về thực hiện đợt cao điểm “90 ngày cụ thể hóa và tuyên truyền” để đưa các Nghị quyết của HĐND về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào thực tiễn
156. Kế hoạch 316/KH-UBND ngày 26/11/2025 về việc thực hiện đợt cao điểm “90 ngày cụ thể hóa và tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”
157. Quyết định 45/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
158. Kế hoạch 17/KH-UBND ngày 12/01/2026 về triển khai 06 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026–2030
159. Kế hoạch 43/KH-UBND ngày 29/01/2026 về tổ chức “Lễ ra mắt Chợ chuyên đổi số và các nền tảng, giải pháp phục vụ chuyển đổi số, phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội”
160. Quyết định 495/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 Về việc kiện toàn Hội đồng tư vấn khoa học nội dung trưng bày Bảo tàng Hà Nội
161. Kế hoạch 51/KH-UBND ngày 06/02/2026 về thực hiện Nghị định số 271/2025/NĐ-CP ngày 15/10/2025 của Chính phủ.
162. Quyết định 21/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 về Ban hành “Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị của Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường có khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn”
163. Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc

- quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
164. Quyết định 21/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 về ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội với các cơ quan, đơn vị liên quan
 165. Quyết định 594/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 về việc cho Công ty cổ phần Pacific Land Việt Nam thuê 101.559,5m² đất (đã hoàn thành giải phóng mặt bằng) tại phường Thượng Cát để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao sinh học Hà Nội (đợt 2)
 166. Quyết định 22/2026/QĐ-UBND ngày 08/02/2026 về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô
 167. Công văn 612/UBND-KGVX ngày 10/02/2026 về việc phối hợp tổ chức Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2025-2026 tại thành phố Hà Nội
 168. Quyết định 838/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
 169. Quyết định 841/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố Hà Nội
 170. Quyết định 866/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 về việc ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố Hà Nội
 171. Quyết định 946/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 về việc khen thưởng các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn thành phố Hà Nội
 172. Quyết định 27/2026/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 về việc phân cấp Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thực hiện thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam trên địa bàn các khu công nghiệp thành phố Hà Nội
 173. Quyết định 29/2026/QĐ-UBND ngày 10/3/2026 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật giám sát đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên, môi trường
 174. Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 16/03/2026 về đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn thành phố Hà Nội đến năm 2035.
 175. Quyết định 1139/QĐ-UBND ngày 16/03/2026 về việc ban hành Danh mục công nghệ chiến lược ưu tiên của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026–2035.

176. Quyết định 1262/QĐ-UBND ngày 23/03/2026 về việc tổ chức lại và đổi tên Trung tâm chuyển đổi số và Đào tạo thông tin truyền thông thành Trung tâm chuyển đổi số thành phố Hà Nội thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
177. Quyết định 1273/QĐ-UBND ngày 23/03/2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm chuyển đổi số thành phố Hà Nội thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội
178. Quyết định 1344/QĐ-UBND ngày 26/03/2026 về việc sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ vào Trung tâm Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ và đổi tên thành Trung tâm Phát triển và Giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội
179. Quyết định 1345/QĐ-UBND ngày 26/03/2026 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển và Giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội
180. Kế hoạch 127/KH-UBND ngày 30/03/2026 về Triển khai thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 4
Phụ lục 4.1
Danh mục các chương trình khoa học và công nghệ cấp thành phố
giai đoạn 2012-2025 và các kết quả nổi bật

STT	Mã chương trình	Tên chương trình
Giai đoạn 2012-2020		
1	01C-01	Công nghệ công nghiệp
2	01C-02	Tự động hóa – điện – điện tử viễn thông
3	01C-03	Công nghệ vật liệu
4	01C-04	Quy hoạch- Xây dựng – giao thông vận tải và quản lý hạ tầng
5	01C-05	Phát triển nông nghiệp
6	01C-06	Công nghệ sinh học
7	01C-07	Công nghệ thông tin
8	01C-08	Y tế - Bảo hộ lao động – Vệ sinh an toàn thực phẩm
9	01C-09	Môi trường và tài nguyên
10	01X-10	Quản lý kinh tế - xã hội
11	01X-11	Xây dựng hệ thống chính trị - An ninh quốc phòng
12	01X-12	Giáo dục đào tạo – Văn hóa – thể thao
13	20/CTr-TU	Những luận cứ khoa học để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố (2015-2020), định hướng phát triển Thủ đô giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030
Giai đoạn 2020-2025		
1	CT01	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng hệ thống chính trị, an ninh, quốc phòng Thủ đô
2	CT02	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế Thủ đô trong bối cảnh hội nhập quốc tế
3	CT03	Chương trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội
4	CT04	Chương trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới
5	CT05	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị, bảo vệ môi trường Thành phố Hà Nội
6	CT06	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển văn hóa – xã hội Thủ đô Hà Nội
7	CT07	Chương trình nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo
8	CT08	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân Thành phố Hà Nội
9	CT09	Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển giáo dục – đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 4.2

THỐNG KÊ CÁC ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ KẾT QUẢ NỔI BẬT MANG TÍNH ĐỘT PHÁ TRONG ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
I	Chương trình: Công nghệ Công nghiệp (01C-01)			
1	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế hệ thiết bị pha chế dịch đồng bộ tự động và hoàn thiện công nghệ pha chế dịch điện giải đậm đặc để cung cấp cho điều trị thận nhân tạo - MS: 01C -01/10-2012-2	Trung tâm Ứng dụng vật lý y sinh và kỹ thuật môi trường	2012-2013	-Sử dụng phương pháp dung dòng thuỷ lực giao thoa trong công nghệ pha chế dịch điện giải đậm đặc (Thiết bị của Mỹ dung motor cánh khuấy)
2	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy CNC 3 trục gia công gỗ phục vụ trùng tu các di sản văn hoá truyền thống-MS: 01C-01/03-2012-2	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	2013-2014	-Đã chế tạo hoàn chỉnh CNC 3 trục gia công gỗ phục vụ trùng tu. Các chỉ tiêu cơ bản quyết định đến chất lượng gia công về độ chính xác, sai số vị trí không gian tương quan của các chuyển động, các bề mặt đã được Quatest1 kiểm tra xác nhận đạt yêu cầu.
3	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế và chế tạo thiết bị sấy chân không nhiệt độ thấp dạng bơm nhiệt có ngưng lạnh để sấy các sản phẩm sinh học đạt chất lượng cao-MS: 01C-01/05-2013-2	Viện Công nghiệp Thực phẩm	2013-2014	-Thiết bị có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để sấy các sản phẩm dinh khối, hoá dược, sản phẩm thực phẩm mà cần giữ được số vi sinh vật sống hoặc hương vị.
4	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế và công	Trung tâm nghiên cứu,	2013-2014	-Đã hoàn thiện công nghệ chế tạo máy bơm chìm động cơ điện chìm. -Đã chế tạo thành công 3 tổ máy bơm chìm trực đứng công suất 55kW tại

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	nghe chế tạo tổ máy bơm chìm động cơ điện chìm trực đứng phục vụ tưới tiêu nông nghiệp và chống ứng ngập cho thành phố-MS: P.2013.03	tư vấn và xây dựng		nhà máy chế tạo bơm Hải Dương - Đã lắp đặt vận hành 1 tổ máy tại trạm bơm Vạn Phúc (xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức) - Hiệu quả: Tổ máy bơm chìm - động cơ điện chìm có chất lượng tương đương với các nước trong khu vực, đóng góp cho ngành cơ khí Việt Nam sản phẩm, dẫn thay thế hàng nhập ngoại. Tổ máy bơm chìm - động cơ điện chìm có lưu lượng và cột nước phù hợp với nhu cầu thực tế sản xuất trong nông nghiệp, trong tiểu nước thái, chống ứng ngập tại địa bàn Hà Nội nói riêng và các địa phương trên phạm vi cả nước. Do được thiết kế và chế tạo trong nước, nên giá thành tổ máy bơm sẽ thấp hơn so với giá thành các tổ máy bơm cùng loại nhập khẩu, sẽ tạo điều kiện nâng cao tỉ lệ nội địa hóa các sản phẩm máy bơm chìm - động cơ điện chìm, góp phần từng bước làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo cho loại sản phẩm này. Điều đó cho phép chủ động cung cấp thiết bị phục vụ nhu cầu trong nước trong thời gian tới.
5	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo máy đúc bó vĩa bể tổng tự hành năng suất 30 m/h và 60 m/h-MS: P.2013.04	Trường Đại học Xây dựng.	2013-2014	- Đã hoàn thiện công nghệ chế tạo máy đúc bó vĩa bể tổng tự hành năng suất 30m/h và 60m/h. - Đã bán được 5 máy đúc bó vĩa bể tổng trong đó có 3 máy loại 60m/h (BV - 60) và 2 máy loại 30m/h (BV - 30). - Phạm vi ứng dụng: Đúc bó vĩa cho các công trình giao thông, các công trình xây dựng dân dụng, các công viên, vĩa hè - Hiệu quả: Đây là dự án sản xuất thử nghiệm đầu tiên chế tạo máy đúc bó vĩa ở trong nước, do đó, cần phải nghiên cứu một loạt các vấn đề về khoa học liên quan ... Một số vấn đề này đã được trình bày trong các bài báo đăng trên tạp chí khoa học và đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền sáng chế. - Dự án góp phần nâng cao năng lực sản xuất, làm chủ công nghệ, nội địa hóa sản phẩm, chi phí sản xuất máy đúc bó vĩa chỉ bằng 60-65% chi phí nhập ngoại. Vì vậy, các doanh nghiệp và đơn vị ứng dụng sản phẩm của dự án sẽ giảm thiểu được chi phí đầu tư, tiết kiệm được thời gian đặt hàng, nhận hàng và được sử dụng các dịch vụ sau
6	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và ứng dụng	Viện Chăn nuôi	8/2018-7/2019	- Thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị hạ thủy phân mật ong theo nguyên lý kiểu bơm nhiệt với các chỉ tiêu: năng suất 150kg/mẻ, công suất tối đa 3kW, nhiệt

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	hệ thống thiết bị hạ thủy phân một ong kiểu bơm nhiệt tại vùng nuôi ong nội thành phố Hà Nội. - Mã số: P.2018.3			độ sấy <42^oC. Các nội dung hoàn thiện thiết kế, chế tạo gồm: Thiết kế, chế tạo hệ thống bơm nhiệt; Hệ thống lọc thô, lọc tinh; Thiết bị sấy; Hệ thống dàn phun; Thiết bị gia nhiệt phòng kết tinh, diệt men; Hệ thống điện, tủ điều khiển; Bồn chứa có hệ thống khuấy và gia nhiệt và Hệ thống thiết bị kiểu bơm nhiệt. - Tập huấn cho 22 hộ dân nuôi ong với quy mô từ 100-200 đàn ong thuộc địa bàn Ba Vì và Sơn Tây hiểu được nguyên lý và quá trình hoạt động của hệ thống thiết bị hạ thủy phân một ong. - Sản xuất thử nghiệm 2 tấn nấm linh chi khô và 2 tấn nấm hương khô đạt TCCS. - Quy trình công nghệ (QTCN) sản xuất nấm linh chi và nấm hương. - Thiết kế và quy trình vận hành: Nhà xưởng sản xuất bịch nấm linh chi và nấm hương công suất 02 tấn nấm khô/năm mỗi loại; Nhà nuôi trồng linh chi và nấm hương công suất 02 tấn nấm khô/năm mỗi loại; Nhà ươm bịch phổi tám hương công suất 02 tấn nấm khô/năm; Hệ thống điều khiển (BMS), tích hợp điều khiển nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng nhà nuôi và nhà ươm bịch nấm; Hệ thống lọc nước công suất 50m³/ngày đảm bảo tiêu chuẩn nước sinh hoạt và khử nước cứng; Hệ thống sấy nấm khô công nghệ sấy lạnh đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. - Bộ TCCS về cấp phối nguyên liệu, chăm sóc bịch phổi, chăm sóc và thu hái quả thể nấm linh chi và nấm hương. - Bộ TCCS đánh giá chất lượng sản phẩm nấm linh chi và nấm hương theo TCVN 5322, TCVN 10918 về nấm khô và Dược điển 4, 2015, Dược điển 5, 2018 về nguyên liệu nấm được liệu như xác định độ ẩm, tro toàn phần, tro không tan trong acid, chất chiết xuất được trong được liệu, định tính, định lượng. - Đã thiết kế tổng thể và chi tiết các thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lấp trên máy cấy loại 4 hàng và 6 hàng. - Đã đưa ra bộ tài liệu về quy trình công nghệ hướng dẫn lắp đặt, vận hành máy cấy và thiết bị bón phân lấp trên máy cấy loại 4 hàng và 6 hàng; Quy trình bảo dưỡng và vận hành thiết bị đồng thời tổ chức lớp đào tạo hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị bón phân tại khoa Cơ điện, Học viện Nông nghiệp
7	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ, thiết kế lắp đặt dây chuyền sản xuất nấm hương và nấm linh chi theo hướng công nghiệp. - Mã số: P.2018.01	HTX Nấm Nghĩa Minh	8/2018-7/2020	
8	Dự án SXTN: Hoàn thiện, thiết kế chế tạo và ứng dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chậm lấp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng.	Công ty TNHH công nghệ phát triển nông nghiệp xanh	8/2018-12/2019	

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	- Mã số: P.2018.02			Việt Nam ngày 3/2/2020 với số lượng 15 người. - Đã chế tạo và ứng dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chặm thích hợp với loại máy cấy 4 hàng và 6 hàng. Tuy nhiên, cần có minh chứng rõ ràng hơn việc chế tạo và ứng dụng 100 thiết bị bón phân viên nén lắp trên máy cấy. - Đã tiến hành thử nghiệm và ứng dụng thiết bị bón phân viên nén nhà chặm lắp trên máy cấy có sẵn loại 4 hàng và 6 hàng tại địa điểm xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.
II	Chương trình: Tự động hóa - Điện - Điện tử viễn thông (01C-02)			
9	Đề tài: Nghiên cứu công nghệ chế tạo hệ thống cánh báo tự động và phương tiện hỗ trợ cứu hộ cứu nạn phục vụ phòng cháy chữa cháy trên địa bàn TP. Hà Nội-MS: 01C-02/04-2013-2	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội		- Đã thiết kế chế tạo được 9 thiết bị đầu cuối báo cháy tích hợp đa cảm biến hỗ trợ kết nối không dây nhận dạng theo địa chỉ, 4 thiết bị điều khiển báo cháy trung tâm, 02 module phối ghép với thiết bị điều khiển trung tâm báo cháy hiện có, 2 thiết bị cánh báo trung tâm đặt tại trung tâm điều hành, 1 thiết bị hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn BKAcroHelper. - Sản phẩm của đề tài được ứng dụng thử nghiệm tại Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy số 10 - Khu vực Sơn Tây, cho thấy tính khả thi và đảm bảo yêu cầu thực tiễn.
10	Dự án SXTN: Sản xuất thử nghiệm một số loại đèn LED Panel dùng trong chiếu sáng dân dụng và chiếu sáng công cộng-MS: P.2012.08		2012-2013	- Sản phẩm SXTN: L080 bộ đèn LED Panel có kích thước khác nhau: 300x300, 600x600, 300x600, 300x1200. - Với thiết kế mỏng, sang trọng, đèn LED Panel được ứng dụng rộng rãi trong chiếu sáng thương mại, chiếu sáng dân dụng: chiếu sáng tòa nhà văn phòng, trung tâm hội nghị, khách sạn, nhà hàng,....Sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thời trang, ứng dụng phù hợp trong tòa nhà văn phòng, công sở. * Mô tả về sản phẩm: Công ty Rạng Đông đã ứng dụng công nghệ dẫn sáng trên tấm thủy tinh quang học theo nguyên lý phản xạ toàn phần, biến nguồn sáng điểm LED thành nguồn sáng phẳng giúp phân bố ánh sáng đều trên bề mặt đèn, hạn chế chói lóa, cho ánh sáng trung thực tự nhiên. Khung đèn làm bằng hợp kim nhôm giúp tản nhiệt nhanh, chịu lực tốt, khó biến dạng, bề mặt khung nhôm được xử lý chống oxy hóa tạo nên vẻ sang trọng trong thiết kế của đèn. - Đặc biệt, đèn LED Panel không chứa thủy ngân, không tạo ra tia tử ngoại, không có hóa chất độc hại nên rất an toàn và thân thiện môi trường. Hiệu suất đạt tới 90 lm/w, hệ số công suất cao ($\cos\phi > 0.95$), nhiễu điện từ thấp không

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
11	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và lắp đặt hệ thống thiết bị đồng bộ tạo môi trường phù hợp cho lan hồ điệp ra hoa theo ý muốn, chất lượng, hiệu quả cao theo quy mô công nghiệp - MS: P.2016.1	HTX Đan Hoài (huyện Đan Phượng)	2016-2018	làm ảnh hưởng đến thiết bị điện tử khác. Bên cạnh đó, do sử dụng chip LED có chất lượng cao nên tuổi thọ đèn LED Panel đạt trên 25 000h, hiệu suất sáng cao, tiết kiệm tới 30% điện năng so với bộ đèn huỳnh quang T10 sử dụng Balat sắt từ, thời gian bật sáng rất ngắn (<100ms). - Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn: IEC/PAS 62717 Ed.1; IEC 62384:2006; IEC 61347-2-13:2006; TCVN 8781:2011/ - Hệ thống thiết bị đồng bộ tạo môi trường phù hợp cho hoa Lan hồ điệp ra hoa theo ý muốn quy mô công nghiệp (1.000m²); - Hệ thống điều khiển được các thông số: nhiệt độ, độ ẩm, dinh dưỡng, cường độ ánh sáng. Các chế độ điều khiển đáp ứng được đường cong công nghệ của hoa lan hồ điệp. - QTCN sản xuất hoa Lan hồ điệp ra hoa vào dịp Tết Nguyên Đán trong điều kiện khí hậu của Việt Nam. - Mô hình trình diễn sản xuất hoa Lan hồ điệp ra hoa theo ý muốn, chất lượng cao, giá thành hạ. - Sản phẩm SXTN: 20.000 cây hoa lan hồ điệp, chất lượng đảm bảo theo từng giống. Giá thành sản phẩm thấp hơn 70-80% so với các biện pháp tương đương
12	Đề tài: Nghiên cứu công nghệ, thiết kế và chế tạo hệ thống sấy nguyên liệu nứa, vầu phục vụ chế biến tẩm và chân hương xuất khẩu tại xã Quảng Phú Cầu - Ứng Hòa - Hà Nội-MS: 01C-02/-2	Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phân tích		* Sản phẩm: - Lò sấy nứa, vầu công suất 10-15 tấn/mẻ đồng bộ cùng với các thiết bị phụ và hệ thống đo lường điều khiển; - Xe goòng vận chuyển nguyên liệu; - Hệ thống nồi hơi LGV 0,5/6: áp suất thiết kế 6 bar; áp suất làm việc 5 bar; năng suất 500kg/h; nhiệt độ làm việc 1510C; áp suất mở của van làm việc 5,5 bar; áp suất đóng lại của van làm việc 5 bar). * Ứng dụng tại cơ sở sản xuất tẩm tre - xã Quảng Phú Cầu - huyện Ứng Hòa. * Hiệu quả: - Hệ thống sấy nứa vầu tự động sử dụng nguồn nhiệt là hơi nước khác phục được các nhược điểm của lò sấy hơi đốt trực tiếp của xã Quảng Phú cầu hiện nay(dễ cháy lò, ô nhiễm môi trường, chất lượng sấy không đồng đều, thời gian sấy dài...). - Hệ thống sấy nứa vầu đạt năng suất từ 10-25 tấn /mẻ phụ thuộc vào

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
13	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo module đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano phục vụ chiếu sáng đường phố Hà Nội - MS: P.2017.02	Viện Khoa học Vật liệu (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam)	2017-2019	phương pháp xếp. Lò sấy có thể sấy ở nhiệt độ cao đến 80 0C, tốc sấy lớn nên rút ngắn được thời gian sấy. Khi sấy liên tục cả ngày lẫn đêm thời gian sấy từ 40-48 giờ đối với mè sấy có công suất 10-12 tấn/mẻ. - Quá trình sấy có thể vận hành ở chế độ tự động hoặc bán tự động. Các thông số của môi trường sấy : độ ẩm môi trường, nhiệt độ buồng sấy, độ ẩm nứa vầu được kiểm soát ở bất kỳ thời gian nào. - Sản lượng và chất lượng sản phẩm tăng lên (1.000 kg/mẻ, mẫu mã tấm đẹp hơn). - Nguyên liệu đốt cho nồi hơi giảm 50% chi phí so với lò đốt thủ công. - Hệ thống sấy nguyên liệu nứa, vầu giúp nâng cao chất lượng sản phẩm sấy, chủ động sản xuất, tận dụng được nguồn phế thải từ việc vót nứa, vầu làm nguyên liệu đốt, giảm phát thải khí CO2, giảm ô nhiễm môi trường do khói bụi (khói nồi hơi được lọc qua bể nước trước khi thải ra môi trường) giúp bảo vệ môi trường làng nghề. - Hiệu quả kinh tế xã hội: Hệ thống thiết bị sấy với quy mô phù hợp với làng nghề, sản xuất nhỏ mặt khác có mức độ tự động hóa cao sẽ giúp cho người dân chủ động trong sản xuất, không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết như hiện nay. - QTCN chế tạo mô đun đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano phục vụ chiếu sáng đường phố Hà Nội; - Sản phẩm SXTN: 150 mô đun đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano, gồm: + 50 sản phẩm công suất 50W. + 45 sản phẩm công suất 100W. + 35 sản phẩm công suất 150W. + 20 sản phẩm công suất 200W. - 2 sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ: + Tên sáng chế: Mô đun đèn led cải tiến tản nhiệt bằng chất lỏng (Quyết định số 52909/QĐ-SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ v/v chấp nhận đơn hợp lệ); + Tên sáng chế: Mô đun đèn led tản nhiệt bằng chất lỏng dựa trên nguyên lý chuyển pha và tự đối lưu (Quyết định số 62723/QĐ-SHTT ngày 11/9/2017 của Cục Sở hữu trí tuệ v/v chấp nhận đơn hợp lệ).

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
14	Dự án SXTN: Ứng dụng công nghệ IoT vào xây dựng trang trại trồng trọt nóng nghiệp công nghệ cao. - Mã số: P.2018.4	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	10/2018 - 3/2020	Mô hình trang trại thông minh (1) 1000 m ² diện tích nhà kính và 1000m ² diện tích nhà lưới có tích hợp mạng cảm biến các thông số môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ pH) trồng 5 loại rau củ quả theo phương pháp hữu cơ (sử dụng 5 cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm không khí; 5 cảm biến ánh sáng; 2 cảm biến đo pH; 2 cảm biến độ ẩm đất). (2) Hệ thống quản lý trang trại ứng dụng công nghệ IoT với các chức năng chính: - Thu thập, lưu trữ và cập nhật các thông số về môi trường thông qua hệ thống mạng cảm biến. - Có khả năng quản lý, theo dõi, giám sát và điều khiển từ xa thông qua ứng dụng trên điện thoại di động hoặc phần mềm quản lý trên máy tính. - Tự động thực hiện công tác tưới tiêu đối với từng loại rau quả dựa trên các thông số môi trường. - Điều khiển tự động hệ thống cung cấp ánh sáng.
15	Nghiên cứu công nghệ, thiết kế và chế tạo hệ thống sấy nguyên liệu sấy vầu, vầu công suất 10-15 tấn/mẻ; Xe gồng vận chuyển nguyên liệu; hệ thống nôi hơi LCV 0,5/6 (Phiếu kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn nôi hơi số 84022/KĐL ngày 11/11/2013 của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật An toàn Khu vực I với các thông số: áp suất thiết kế 6 bar; áp suất làm việc 5 bar; năng suất 500kg/h; nhiệt độ làm việc 151°C; áp suất mở của van làm việc 5,5 bar; áp suất đóng lại của van làm việc 5 bar) 2. Thuyết minh kỹ thuật hệ thống sấy nguyên liệu vầu, vầu. 3. 02 hồ sơ thiết kế (Lò sấy và Phân xưởng sấy) 4. 04 quy trình (Quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống sấy vầu, vầu; Quy trình công nghệ sấy vầu, vầu; Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm sấy vầu, vầu; Quy trình sử dụng phế liệu vầu, vầu cho hệ thống cấp nhiệt của lò sấy)	Trung tâm NC CGCN và Phân tích	01/2012 - 12/2013	1. Đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo được 01 hệ thống sấy nguyên liệu vầu, vầu, bao gồm: Lò sấy vầu, vầu công suất 10-15 tấn/mẻ; Xe gồng vận chuyển nguyên liệu; hệ thống nôi hơi LCV 0,5/6 (Phiếu kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn nôi hơi số 84022/KĐL ngày 11/11/2013 của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật An toàn Khu vực I với các thông số: áp suất thiết kế 6 bar; áp suất làm việc 5 bar; năng suất 500kg/h; nhiệt độ làm việc 151°C; áp suất mở của van làm việc 5,5 bar; áp suất đóng lại của van làm việc 5 bar) 2. Thuyết minh kỹ thuật hệ thống sấy nguyên liệu vầu, vầu. 3. 02 hồ sơ thiết kế (Lò sấy và Phân xưởng sấy) 4. 04 quy trình (Quy trình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống sấy vầu, vầu; Quy trình công nghệ sấy vầu, vầu; Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm sấy vầu, vầu; Quy trình sử dụng phế liệu vầu, vầu cho hệ thống cấp nhiệt của lò sấy)
16	Nghiên cứu thiết kế chế tạo hệ thiết bị phát hiện nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát đối với cơ sở chế biến,	Viện Điện tử Viễn thông, Trường Đại học Bách	8/2018 - 7/2020	(1) Thiết bị kiểm tra phóng xạ cố định; - Đo bức xạ gamma (γ). - Dải năng lượng: 0.05 - 2.61 MeV Ghi chú: nguồn gamma năng lượng cao nhất là 2.7 MeV. Trong lĩnh vực vật

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	tải chế kim loại phế liệu trên địa bàn TP. Hà Nội. - Mã số: 01C-02/02-2018-3	Khoa Hà Nội.		lý hạt nhân, đã đo được đỉnh này có nghĩa là mức năng lượng đo liều tự nhiên là 3 MeV. Điều này được thừa nhận rộng rãi trong nước và quốc tế. - Ngưỡng phát hiện: 0.1 μSv/h - Tầm phát hiện: 5 m - Xác suất phát hiện đúng: 100% (thử nghiệm với ^{133}Ba, ^{137}Cs và ^{60}Co) (Có phiếu kiểm định số 0001/005/05/2021 ngày 03/03/2021 của Viện Hóa học Môi trường Quân sự, Bộ Tư lệnh Hóa học) (2) Thiết bị kiểm tra phóng xạ di động - Đo bức xạ: gamma (γ) - Dải năng lượng: 0.05 ÷ 2.61 MeV Ghi chú: nguồn gamma năng lượng cao nhất là 2.7 MeV. Trong lĩnh vực vật lý hạt nhân, đã đo được đỉnh này có nghĩa là mức năng lượng đo liều tự nhiên là 3 MeV. Điều này được thừa nhận rộng rãi trong nước và quốc tế. - Dải đo: 0.1 ÷ 123.2 μSv/h. - Xác định được loại nguồn phóng xạ. - Nguồn di động: pin sạc, 60 tiếng. - Kích thước nhỏ gọn, có thể xách tay. (Có phiếu kiểm định số 0002/005/05/2021 ngày 03/03/2021 của Viện Hóa học Môi trường Quân sự, Bộ Tư lệnh Hóa học)
17	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống chiếu sáng đặc chủng chống cháy nổ cho kho vũ khí tại Hà Nội. - Mã số: 01C-02/05-2019-3	Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	10/2019-9/2021	- 05 Hệ thống đèn đặc chủng chống cháy nổ sử dụng tán nhiệt cacbon nano với các thông số cụ thể như sau: + Công suất: 100W ÷ 250 W + Hiệu suất phát quang: $\geq 100 \text{ Lm/W}$ + Nhiệt độ màu: 3000/5000 K + Hệ số hoàn màu: >70 + Tuổi thọ: $>40.000\text{h}$ + Đáp ứng yêu cầu an toàn về phòng chống cháy nổ. - Nghiên cứu thiết kế được hệ thống truyền dẫn ánh sáng với các chỉ tiêu sau: + Độ dài $\geq 50\text{m}$ + Độ rọi $\geq 100 \text{ Lux}$ + Độ đồng đều $\geq 50\%$ - Bộ hồ sơ thiết kế.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
18	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống mạng thông tin cảm biến không dây đa chặng ứng dụng trong số hóa, giám sát quy trình chăm sóc cây trồng có giá trị kinh tế cao phục vụ canh tác đa nhóm họ. - Mã số: 01C-02/01-2019-3	Trường Quốc tế - học Quốc gia Hà Nội	10/2019-9/2021	- Quy trình công nghệ hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng - Quy trình công nghệ chế tạo, lắp đặt. - 02 loại cấu trúc cảm biến: Cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm với các thông số phù hợp cho sản xuất cây măng tây tại các độ sâu khác nhau. - Hệ thống mạng thông tin cảm biến kết nối không dây, đa chặng quản lý tập trung, từ xa ứng dụng trong số hóa, giám sát quy trình chăm sóc cây măng tây phục vụ canh tác đa nhóm họ; điều khiển tự động tưới tiêu, cảnh báo, nhiệt độ, nhắc việc phục vụ cho canh tác măng tây. - Hệ thống quan trắc, giám sát (phần cứng và phần mềm) các thông số môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và sâu bệnh của cây măng tây như độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, lượng mưa, CO₂, độ mặn, pH và camera giám sát sâu bệnh.
19	Dự án SXTN: Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo module đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano phục vụ chiếu sáng đường phố Hà Nội - Mã số: P.2017.02	Viện Khoa học Vật liệu (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam)	8/2017 - 7/2019	- QTCN chế tạo mô đun đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano phục vụ chiếu sáng đường phố Hà Nội; - TCCS của module đèn LED chiếu sáng đường phố làm mát bằng chất lỏng nano; - 150 mô đun đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano, bao gồm: + 50 sản phẩm công suất 50W. + 45 sản phẩm công suất 100W. + 35 sản phẩm công suất 150W. + 20 sản phẩm công suất 200W. sản phẩm đã được kiểm định tại Viện Đo lường Việt Nam, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường 1, Viện Kỹ thuật nhiệt đới (Phiếu kết quả thử nghiệm số 135/B/2019 ngày 27/5/2019 Module đèn LED: Nhiệt độ T_a (31,8 ± 0,1°C); Tuổi thọ của module đèn LED đạt trên 35.000 giờ.)
III	Chương trình: Công nghệ vật liệu (01C-03)			
20	Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu lát sàn từ phế liệu ngành da giấy cho các công trình dân dụng - Mã số: 01C-03/02-2016-3	Viện Dệt may - Da giấy và Thời trang, Trường Đại	7/2016 - 7/2018	- Hai loại sản phẩm ván lát sàn, số lượng theo tiêu chuẩn của Mỹ ASTM F 1066 - 04: 2014 với tỷ lệ phế liệu da giấy trong vật liệu là 50%. - Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu lát sàn trắng phủ mặt từ phế liệu da thuộc theo tiêu chuẩn ASTM F 1066 - 04 : 2014. - Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu lát sàn cứng phủ màng laminate từ phế

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
21	Nghiên cứu chế tạo mũ chống đạn súng ngắn K54 phục vụ công tác nghiệp vụ công an thành phố Hà Nội thay thế nhập ngoại - Mã số: 01C-03/01-2016-3	Bách khoa Hà Nội Viện Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	7/2016 - 7/2018	liệu da thuộc theo tiêu chuẩn ASTM F 1066 - 04 : 2014. - Mũ chống đạn súng ngắn K54 được chế tạo từ vật liệu composit tiên tiến có chất lượng tương đương với sản phẩm nhập ngoại. Mũ chống được đạn súng ngắn K54, cỡ đạn: 7,62x25mm theo tiêu chuẩn NIJ 0106.00 - Mỹ. - Kính mũ chống đạn súng ngắn K54 được chế tạo từ vật liệu đa lớp có chất lượng tương đương với sản phẩm nhập ngoại. Kính chống được đạn súng ngắn K54, cỡ đạn: 7,62x25mm theo tiêu chuẩn NIJ 0108.01 - Mỹ. - Hồ sơ thiết kế mũ và kính chống đạn (Bản vẽ thiết kế về các bộ phận, chi tiết của mũ và kính chống đạn) và kỹ thuật, phương pháp lắp ráp, chế tạo sản phẩm. - Quy trình công nghệ chế tạo mũ và kính chống đạn ở quy mô công nghiệp. - Báo cáo khoa học về kỹ thuật, công nghệ chế tạo mũ và kính chống đạn súng ngắn K54 từ vật liệu polyme composit tiên tiến trên cơ sở nhựa epoxy và vật liệu gia cường độ bền cao.
22	Nghiên cứu chế tạo mảnh vá hộp sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D từ vật liệu C-PEEK - Mã số: 01C-03/01-2018-3	Viện nghiên cứu và phát triển Vật liệu Y sinh	8/2018 - 9/2020	- Mảnh vá hộp sọ. - Lõi cầu xương hàm dưới. - Báo cáo kết quả thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 01 trên 03-05 bệnh nhân. - Quy trình thiết kế đồ họa 3D của mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới. - Quy trình chế tạo khuôn của mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. - Quy trình thử nghiệm đánh giá khả năng cấy ghép của sản phẩm mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. - Tiêu chuẩn cơ sở của mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. - Đề xuất quy trình chế tạo mảnh vá sọ và lõi cầu xương hàm dưới bằng công nghệ 3D. - Tài liệu thực nghiệm ứng dụng mảnh vá hộp sọ và lõi cầu xương hàm dưới trong y học.
23	Nghiên cứu công nghệ chế tạo màng và vải phản quang ứng dụng trong giao thông,	Viện Nghiên cứu và phát triển	8/2018 - 12/2020	- Màng phản quang. - Vải phản quang. - Quy trình công nghệ chế tạo màng phản quang.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	xây dựng, may mặc - Mã số: 01C-03/02-2018-3	vật liệu mới		- Quy trình công nghệ chế tạo vải phản quang. - Quy trình ứng dụng màng phản quang trong lĩnh vực giao thông, xây dựng. - Quy trình ứng dụng vải phản quang trong lĩnh vực may mặc. - Tái liệu thực nghiệm ứng dụng vải và màng phản quang trong thực tế các lĩnh vực giao thông, xây dựng, may mặc phụ lục đề tài.
24	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất khăn bông chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu từ xơ modal và xơ bông. - Mã số: 01C-03/04-2018-3	Công ty cổ phần Viện nghiên cứu Dệt may	8/2018 - 12/2020	- Sợi Modal và Modal pha bông. - 03 loại khăn (khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn). - Quy trình công nghệ kéo sợi modal pha bông để làm khăn bông quy mô công nghiệp. - Quy trình công nghệ tạo sợi không xoắn sử dụng để làm sợi nổi vòng trong khăn bông quy mô công nghiệp. - Quy trình công nghệ dệt khăn bông chất lượng cao từ sợi modal và sợi modal pha bông với hệ sợi nổi vòng là sợi không xoắn quy mô công nghiệp. - Quy trình công nghệ nhuộm và hoàn tất khăn bông chất lượng cao từ sợi modal và modal pha bông với hệ sợi nổi vòng là sợi không xoắn quy mô công nghiệp.
25	Nghiên cứu công nghệ chế tạo vật liệu polyme nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan, ứng dụng xử lý vết nứt và chống thấm cho các công trình xây dựng. - Mã số: 01C-03/03-2018-3	Viện Học công nghiệp Việt Nam	8/2018 - 12/2020	- Polyme nhũ tương trên cơ sở polyuretan. - Vật liệu chống thấm Polyuretan nhũ tương. - Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu polyme nhũ tương chất lượng cao trên cơ sở polyuretan làm vật liệu xử lý vết nứt và chống thấm với chất lượng và giá thành cạnh tranh được với hàng nhập ngoại. - Quy trình ứng dụng vật liệu polyme nhũ tương trên cơ sở Polyuretan ứng dụng chống thấm cho các công trình xây dựng. - Quy trình ứng dụng vật liệu polyme nhũ tương trên cơ sở Polyuretan ứng dụng xử lý vết nứt cho các công trình xây dựng.
26	Nghiên cứu chế tạo gốm sứ trên cơ sở hệ silic nitrua Si_3N_4 ứng dụng để sản xuất ống bảo vệ sensor trong công nghệ đúc rót kim loại. - Mã số: 01C-03/01-2019-3	Viện Hóa học - Vật liệu, Viện KH&CN Quân sự	10/2019 - 9/2021	- Nguyên liệu sản xuất gốm sứ trên cơ sở Si_3N_4 - Ống bảo vệ sensor do nhiệt độ - Quy trình công nghệ chế tạo nguyên liệu sản xuất gốm sứ trên cơ sở Si_3N_4. - Quy trình công nghệ chế tạo ống bảo vệ sensor do nhiệt độ trên cơ sở hệ gốm sứ Si_3N_4. - Hồ sơ thuyết minh và bản vẽ thiết kế ống bảo vệ sensor. - Tiêu chuẩn cơ sở nguyên liệu sản xuất gốm sứ trên cơ sở Si_3N_4 và điều kiện

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
27	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ sản xuất nhựa kháng khuẩn ứng dụng trong một số sản phẩm nhựa gia dụng cao cấp. - Mã số: P.2019.02	Công ty TNHH công nghệ và dịch vụ thương mại Lạc Trung	10/2019 - 12/2021	kỹ thuật nghiệm thu ống bảo vệ sensor. - Phụ gia kháng khuẩn zeolit-Ag có chỉ tiêu chất lượng tương đương sản phẩm AgION™ của Hoa Kỳ. - Hạt nhựa kháng khuẩn PE, PP. - Muối xói côm kháng khuẩn, Thớt dẻo kháng khuẩn, Bao bì đựng thực phẩm kháng khuẩn. - Quy trình công nghệ chế tạo phụ gia kháng khuẩn zeolit-Ag quy mô 2kg/mẻ. - Quy trình công nghệ hoàn thiện sản xuất hạt nhựa kháng khuẩn. - Dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất hạt nhựa kháng khuẩn công suất 30kg/giờ. - 03 quy trình công nghệ sản xuất một số sản phẩm nhựa gia dụng chất lượng cao có tính năng kháng khuẩn. - Bộ hồ sơ TCCS cho 3 loại sản phẩm nhựa gia dụng kháng khuẩn và Bộ Hồ sơ TCCS cho phụ gia và hạt nhựa kháng khuẩn.
IV	Chương trình: Quy hoạch - Xây dựng - Giao thông vận tải và Quản lý cơ sở hạ tầng (01C-04)			
28	Chuẩn hóa các kết quả nghiên cứu về địa kỹ thuật - Môi trường thành phố Hà Nội phục vụ công tác quản lý tài nguyên, quy hoạch, xây dựng và sử dụng đất hiệu quả bền vững. - Mã số: 01C-04/01-2016-3	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	7/2016- 6/2018	- Xây dựng bộ tiêu chí chuẩn hóa tài liệu Địa kỹ thuật môi trường - Kiểm chứng và chuẩn hóa tài liệu điều kiện Địa kỹ thuật môi trường đô thị Trung tâm thành phố Hà Nội. - Xây dựng các bản đồ Địa kỹ thuật môi trường tỷ lệ 1: 25.000 đô thị Trung tâm Hà Nội trong môi trường arcGIS.
29	Nghiên cứu đề xuất giải pháp gia cường và mở rộng cầu yếu, khổ hẹp đang khai thác trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Mã số: 01C-04/03-2016-3	Viện Nghiên cứu Phát triển đô thị	7/2016- 6/2018	- Kiểm định, đánh giá khả năng chịu lực và năng lực thông xe của các dạng cầu trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp thiết kế, thi công để nâng cao năng lực chịu tải và mở rộng các cầu yếu, khổ hẹp trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Thiết kế mẫu và hướng dẫn thi công gia cường, mở rộng cho 01 cầu yếu, khổ hẹp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật áp dụng giải pháp.
30	Nghiên cứu ứng dụng công	Hội Cầu	7/2016-	- Thiết kế cầu tạo kết cấu áo đường mềm có sử dụng lớp tái chế theo chỉ dẫn

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	nghệ cải tạo chế ngự tại chỗ trong công tác bảo trì, nâng cấp mặt đường phù hợp với điều kiện của Hà Nội. - Mã số: 01C-04/09-2016-3	Đường Hà Nội	6/2018	của tiêu chuẩn AASHTO 1993; cáo báo tái chế nguội tại chỗ làm móng liên khối cho mặt đường cấp thấp có chất lượng phù hợp tiêu chuẩn CALTRANS. - Chỉ dẫn thiết kế cải tạo, nâng cấp kết cấu áo đường mềm dùng lớp móng tái chế nguội tại chỗ trong sửa chữa, cải tạo và nâng cấp mặt đường đô thị tại Hà Nội. - Chỉ dẫn lập hồ sơ thiết kế hỗn hợp tái chế trong phòng thí nghiệm để làm lớp móng liên khối cho mặt đường cấp cao; dự thảo quy định về phương pháp thí nghiệm tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm phục vụ thiết kế hỗn hợp tái chế và kiểm tra chất lượng hỗn hợp tái chế nguội tại chỗ trong quá trình thi công mặt đường tại các dự án cải tạo, nâng cấp kết cấu áo đường cũ. - Dự thảo quy định kỹ thuật về thi công và nghiệm thu kết cấu áo đường mềm ứng dụng công nghệ cáo báo tái chế nguội tại chỗ tại các dự án cải tạo, sửa chữa hoặc nâng cấp mặt đường đô thị (mặt đường cấp thấp và mặt đường cấp cao) tại Hà Nội.
31	Nghiên cứu giải pháp thấm và lưu giữ nước mặt cho đô thị trung tâm Hà Nội theo hướng phát triển bền vững. - Mã số: 01C-04/04-2018-3	Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng	8/2018-7/2020	- Đánh giá khái quát thực trạng khả năng thoát nước mặt của đô thị trung tâm Hà Nội. - Đề xuất nguyên tắc, phương pháp thiết kế, chế tạo vật liệu có độ thấm cao sử dụng như giải pháp thấm và lưu giữ nước mặt cho đô thị trung tâm Hà Nội. - Đề xuất tiêu chí thoát nước mặt bền vững cho đô thị trung tâm Hà Nội. - Thiết kế được kết cấu (lớp nền - móng, lớp mặt) để tăng cường thấm và lưu giữ nước mặt bằng vật liệu bê tông xi măng độ rỗng cao, bê tông asphalt độ rỗng cao, gạch tự chèn độ rỗng cao. - Dự thảo hướng dẫn thi công, vận hành và bảo trì các kết cấu có khả năng tăng cường thấm và lưu giữ nước mặt được đề xuất. - Nghiên cứu, chế tạo được các vật liệu bê tông xi măng độ rỗng cao, bê tông asphalt độ rỗng cao, cấu kiện gạch tự chèn. - Hướng dẫn áp dụng các giải pháp thấm và lưu giữ nước mặt cho đô thị trung tâm Hà Nội.
32	Tổ chức không gian công cộng khu vực quận Hoàn	Trường Đại học Xây	10/2019-9/2021	- Đánh giá thực trạng tổ chức và quản lý không gian công cộng tại Hà Nội, trong đó tập trung đánh giá khu vực quận Hoàn Kiếm và phụ cận (quảng

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	Kiểm - Hà Nội phục vụ cộng đồng và phát triển du lịch. - Mã số: 01C-04/01-2019-3	dụng		trường, phổ đi bộ). - Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá giá trị các không gian công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Đề xuất một số giải pháp (chính sách, quản lý, mô hình tổ chức,...) nhằm quản lý và thiết kế không gian công cộng tại Hà Nội (tập trung cho khu vực quận Hoàn Kiếm) nhằm phục vụ cộng đồng và phát triển du lịch. - Thiết kế thí điểm cho khu vực Chợ Đồng Xuân - Bắc Qua, khu gầm cầu Phố Phùng Hưng trên địa bàn quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.
V	Chương trình: Phát triển Nông nghiệp (01C-05)			
33	Nghiên cứu nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản nhãn, ôi bằng chế phẩm nano bạc tại Hà Nội. - Mã số: 01C-05/01-2016-3	Trung tâm Phát triển cây trồng Hà Nội	01/2016 - 6/2018	1. Quy trình sử dụng chế phẩm nano bạc trong sản xuất và bảo quản nhãn chín muộn, ôi Đài Loan. 2. Mô hình sản xuất và bảo quản nhãn chín muộn, ôi Đài Loan bằng chế phẩm nano bạc. Việc sử dụng chế phẩm nano bạc - một sản phẩm kết hợp giữa công nghệ nano và màng sinh học tự phân hủy - trong quá trình sản xuất và bảo quản quả tươi là một giải pháp khoa học mang tính mới, thân thiện với môi trường và dễ áp dụng trong điều kiện sản xuất hiện nay. Các quy trình, mô hình ứng dụng gel nano bạc trong sản xuất, sơ chế, bảo quản nhãn, ôi cho kết quả tốt, đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, có hiệu quả kinh tế, xã hội, có tính khả thi khi mở rộng áp dụng trong sản xuất. Mô hình sản xuất nhãn chín muộn ứng dụng quy trình sử dụng chế phẩm nano bạc, quy mô 0,5 ha (tương đương 150 cây) tại Xã Song Phương, huyện Hoài Đức trong năm 2017: Tỷ lệ đậu quả đạt 75,4% (cao hơn so với đối chứng 17,2%); năng suất đạt 17,2 tấn/ha (cao hơn so với đối chứng 19,7%); mẫu mã quả đẹp, vỏ quả vàng sáng hơn so với đối chứng; lõi thuần đạt 521,45 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với đối chứng 130 triệu đồng. Mô hình bảo quản 200 kg nhãn chín muộn bằng chế phẩm nano bạc: Kéo dài thời gian bảo quản gấp 3 lần so với đối chứng, tỷ lệ quả hao hụt < 10%; lợi nhuận tăng 2,0 triệu đồng so với đối chứng (không áp dụng công nghệ bảo quản). Mô hình sản xuất ôi Đài Loan ứng dụng quy trình sử dụng chế phẩm nano bạc, quy mô 0,4 ha (tương đương 150 cây) tại Xã Kim An, huyện

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
34	Dự án SXTN: Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến chè an toàn theo tiêu chuẩn VIETGAP, tạo thương hiệu sản phẩm chè xanh tại chi nhánh HADICO - Xi nghiệp nông lâm nghiệp Sông Đà - Mã số: P.2016.1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội	01/2016 - 4/2019	Thanh Oai trong năm 2017: Năng suất đạt 27,63 tấn/ha (cao hơn so với đối chứng 21,3%); vỏ quả xanh sáng, không sần, thịt quả trắng giòn, vị ngọt đậm hơn so với đối chứng; láỉ thuần đạt 318,7 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với so với đối chứng 97,5 triệu đồng. Mô hình bảo quản 200 kg ôi Đài Loan bằng chế phẩm nano bạc: Kéo dài thời gian bảo quản gấp 2,5 lần so với đối chứng. tỷ lệ quả hao hụt < 10%; lợi nhuận tăng 0,5 triệu đồng so với đối chứng (không áp dụng công nghệ bảo quản). - Quy trình sản xuất chè an toàn theo VietGap tại Ba Vi (kỹ thuật bón phân, kỹ thuật đốn tỉa cây chè cũ, kỹ thuật trồng thay thế giống mới trên nương chè cũ và kỹ thuật chế biến chè xanh). - Mô hình trồng thay thế giống chè mới trên nương chè cũ trồng giống PHI và Trung du năng suất thấp tại xã Ba Trại và xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vi, quy mô 05 ha, (gồm 01 ha giống chè PHI0 và 04 ha giống Kim Tuyên). Các giống chè mới được trồng thay thế có tỷ lệ sống cao từ 90,21- 93,17%, sinh trưởng khỏe; năng suất chè 3 năm tuổi đạt 3,12 - 3,59 tấn/ha; tổng sản lượng thu được là 46,67 tấn. - 10 ha mô hình thâm canh chè giống Phúc Vân Tiên 8 (trong đó có 6 ha được lắp đặt hệ thống tưới phun) theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Ba Trại và xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vi. Năng suất đạt 9,22 tấn/ha, tăng 2,22 tấn so với năng suất trước khi thực hiện dự án (khoảng 7 tấn/ha). Tổng sản lượng thu được là 240,58 tấn sau 3 năm thực hiện Dự án; nguyên liệu chè có chất lượng tốt hơn so với sản xuất đại trà; lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 50,7 triệu đồng/ha. Mô hình đã được cấp giấy chứng nhận an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP số VietGAP-13-04-01-0010. - Mô hình chế biến chè xanh công suất 1,5 tấn/ngày tại Xưởng chế biến chè thuộc Xi nghiệp Nông lâm nghiệp Sông Đà, xã Ba Trại, huyện Ba Vi: Đã sản xuất thử được 10 tấn chè xanh, chất lượng tốt (tổng điểm thử nếm >17,68 điểm, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo TCVN 3218-2012. Giá chè khô đạt 180 nghìn đồng/kg, cao hơn khoảng 20% so với chè sản xuất đại trà cùng thời điểm. Lợi nhuận trước thuế đạt 67,9 triệu đồng/tấn. - Xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè xanh của Công ty HADICO. - Đào tạo, tập huấn cho 30 cán bộ kỹ thuật cơ sở và 500 lượt nông dân tại xã

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
35	Nghiên cứu sử dụng nguồn gen gà Mía, gà Lương Phượng, gà VCN-Z15 tạo gà thịt thương phẩm lai 3 giống, có năng suất và chất lượng tốt trên địa bàn Hà Nội. - Mã số: 01C-05/03-2016-3	Viện Chăn nuôi	07/2016 - 6/2018	Ba Trại và xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì về kỹ thuật quản lý và sản xuất chế an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. - Gà mái lai 2 giống (ZL) giữa gà VCNZ15 với gà Lương Phượng, - - Gà lai 3 giống (MZL) giữa trống Mía với gà mái nền ZL. - Quy trình chăn nuôi gà mái nền lai 2 giống (ZL) và gà lai 3 giống thương phẩm lấy thịt (MZL). - Mô hình nuôi gà mái lai 2 giống (ZL). - Mô hình nuôi gà thương phẩm lai 3 giống lấy thịt (MZL). Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và giá trị thực tiễn; có khả năng áp dụng vào thực tiễn chăn nuôi trên địa bàn Hà Nội, do gà mái nền lai 2 giống ZL có năng suất sản cao, gà lai 3 giống MZL nuôi thịt có màu lông phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, cho năng suất cao, chất lượng thịt tốt, phù hợp với phương thức và nuôi bán chăn thả, đem lại hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Gà mái lai 2 giống (ZL) giữa gà VCNZ15 với gà Lương Phượng, đạt các chỉ tiêu: đến 20 tuần tuổi, tỷ lệ nuôi sống 95%, khối lượng cơ thể 1800 gram/con, tỷ lệ đẻ bình quân 49,57%, năng suất trứng 180,47 quả/mái/72 tuần tuổi, TTTA/10 trứng 2,67 kg. Gà lai 3 giống (MZL) giữa trống Mía với gà mái nền ZL, đạt các chỉ tiêu: ngoại hình đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, tỷ lệ nuôi sống đến 15 tuần tuổi đạt 96,2%; khối lượng trung bình trống mái đạt 2072 gram/con, TTTA/kg 3,27 kg (đối với phương thức nuôi nhốt); khối lượng trung bình trống mái đạt 2000 gram/con, TTTA/kg 3,44 kg (đối với phương thức nuôi bán chăn thả). Mô hình nuôi gà mái lai 2 giống (ZL) quy mô 500 con mái/mô hình, đạt Sản lượng trứng/mái/40 tuần tuổi từ 70,91 - 72,85 quả, TTTA/10 trứng từ 2,6 - 2,68 kg. Mô hình nuôi gà thương phẩm lai 3 giống lấy thịt (MZL) quy mô 600 con/mô hình, đạt: Tỷ lệ sống đến 15 tuần tuổi từ 91,6 - 94,6%; khối lượng cơ thể trung bình từ 2013 - 2063 kg/con, TTTA/kg từ 3,26 - 3,21 kg (đối với nuôi nhốt); khối lượng cơ thể trung bình từ 1841 - 1880 kg/con, TTTA/kg từ 3,4 - 3,51 kg (đối với nuôi bán chăn thả); lãi thuần khoảng 13,8 triệu

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
36	Nghiên cứu khẩu phần ăn phù hợp với các giai đoạn tuổi của bò lai hướng thịt F1 (BBB x Lai Sind) nuôi tại ngoại thành Hà Nội. - Mã số: 01C-05/05-2016-3	Công ty CP Giống gia súc Hà Nội.	07/2016 - 6/2018	đồng/mô hình. - Quy trình nuôi dưỡng bò quy mô nông hộ và quy mô trang trại bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. - Mô hình nuôi bò lai (BBB x lai Sind) hướng thịt bằng khẩu phần ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Kết quả nghiên cứu của đề tài có giá trị khoa học và thực tiễn, có tính khả thi áp dụng vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò lai F1 (BBB x Lai Sind) cho người chăn nuôi. - Mô hình áp dụng quy trình nuôi dưỡng bò quy mô nông hộ (6 con/mô hình) bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: Ở giai đoạn 6 - 12 tháng tuổi, 13 - 18 tháng tuổi, 19 - 21 tháng tuổi, tốc độ sinh trưởng của bò đạt tương ứng là 904 g/con/ngày; 1020,8 g/con/ngày; 1437,7 g/con/ngày. Chi phí thức ăn cho 1 kg tăng khối lượng của bò thấp hơn từ 14,3 - 15,7% so với nuôi đại trà. - Mô hình áp dụng quy trình nuôi dưỡng bò quy mô trang trại (20 con/mô hình) bằng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh: Ở giai đoạn 6 - 12 tháng tuổi, 19 - 21 tháng tuổi, tốc độ sinh trưởng của bò đạt tương ứng là 908,7 g/con/ngày và 1416,5 g/con/ngày; Chi phí thức ăn cho 1 kg tăng khối lượng của bò thấp hơn tương ứng là 15,7% và 15,1% so với nuôi đại trà.
37	Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển giống cỏ ngọt mới cho Hà Nội. - Mã số: 01C-05/06-2017-03	Trung tâm Tài nguyên thực vật	8/2017- 12/2019	- Giống cỏ ngọt ST77 - Quy trình kỹ thuật nhân giống in vitro bằng kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào và quy trình kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp giâm cành cho giống cỏ ngọt ST77. - Quy trình kỹ thuật canh tác và quy trình thu hoạch, sơ chế và bảo quản giống cỏ ngọt ST77. - Mô hình trình diễn giống cỏ ngọt ST77 trên địa bàn Hà Nội.
38	Dự án SXTN: Sản xuất thử và phát triển 2 giống lúa chất lượng BQ và QP5 tại Hà Nội. - Mã số: P.2019.04	Viện Di truyền nông nghiệp	10/2019 - 12/2021	- Mẫu giống lúa, gạo BQ và QP5. - Quy trình sản xuất hạt giống lúa các cấp. - Quy trình thâm canh lúa. - Mô hình sản xuất và tiêu thụ hai giống lúa BQ và QP5 thương phẩm trên địa bàn Hà Nội (Phú Xuyên, Ứng Hòa, Quốc Oai).
39	Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình nhân giống, trồng,	Trung tâm Nghiên cứu	8/2018 - 7/2021	- Quy trình nhân giống, trồng, thu hái, sơ chế và bảo quản cây khế tía. - Mẫu lá khế, sản phẩm thuốc chữa dạ dày gia truyền của người Dao Ba Vì

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	thu hái, sơ chế và bảo quản cây khổi tía (<i>Ardisia gamifolia</i> Stapf., 1906) theo tiêu chuẩn VietGap tại Hà Nội. - Mã số: P.2018.6	và Chuyển giao kỹ thuật lâm sinh		lâm từ lá khổi tía
VI	Chương trình: Công nghệ sinh học (01C-06)			
40	Nghiên cứu công nghệ sản xuất đường chức năng Steviol glycosid, stevioside và rebaudioside A từ cỏ ngọt và ứng dụng trong công nghiệp chế biến thực phẩm. - Mã số:	Viện Công nghiệp Thực phẩm	01/2012 - 12/2013	- Chế phẩm steviol glycoside 80% với hàm lượng steviol glycoside đạt 81,16%, các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh vật, hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng độc tố vi nấm đạt mức chất lượng. - Chế phẩm stevioside 80% với hàm lượng stevioside đạt 83,74%, các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh vật, hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng độc tố vi nấm đạt mức chất lượng. - Chế phẩm rebaudioside A 80% với hàm lượng rebaudioside A đạt 82,68%, các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh vật, hàm lượng kim loại nặng, hàm lượng độc tố vi nấm đạt mức chất lượng. - Bột ngũ cốc dinh dưỡng stevioside: có các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh vật đạt mức chất lượng. - Bánh xốp vùng steviol glycoside: có các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh vật đạt mức chất lượng. - Chủng nấm <i>Cordyceps militaris</i> để nuôi cấy trên cơ chất tổng hợp quả thể đồng trùng hạ thảo (DTHT) - Cơ chất chuẩn dùng để nhân giống <i>Cordyceps militaris</i> - Quy trình công nghệ (bảo quản giống, nhân giống cấp I, cấp II, sản xuất quả thể quy mô 100 kg/mê đạt TCCS) - Tiêu chuẩn cơ sở cho nguyên liệu nuôi trồng ĐTHT trên nguồn cơ chất tổng hợp - Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm ĐTHT - Quả thể đạt tiêu chuẩn cơ sở - Bột Mannitol - Sản phẩm kẹo có sử dụng mannitol của đề tài
41	Hoàn thiện công nghệ sản xuất Đồng trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) trên nguồn cơ chất tổng hợp quy mô công nghiệp. - Mã số:	Công ty Cổ phần Dược Thiên Phúc	01/2013 - 12/2014	
42	Nghiên cứu công nghệ sản xuất Mannitol bằng phương pháp lên men và ứng dụng	Viện Công nghiệp Thực phẩm - Bộ	04/2014 - 03/2016	

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	trong công nghiệp thực phẩm. - Mã số: 01C-06/01-2014-2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học		
43	Dự án SXTN: Áp dụng công nghệ sinh học để sản xuất giá thể mạ và mạ công nghiệp phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tại Thành phố Hà Nội - Mã số: P.2014.04	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học	4/2014 - 3/2016	- Xây dựng được 3 quy trình: quy trình sản xuất giá thể mạ khay từ mùn rơm rạ quy mô 75 tấn/vụ; quy trình sản xuất mạ khay từ mùn rơm rạ quy mô 25.000 khay/vụ; quy trình cấy máy, cấy tay bằng mạ khay - Giá thể mạ (chất hữu cơ $\geq 10\%$; N tổng số: 0,2%; P_2O_5: 0,3%; K_2O: 0,15%; EM: 10^3 CPU/g cho mỗi loại) - Khay mạ (độ dày 2,5cm; độ đồng đều 95%; chiều cao dày từ 12cm - 15cm; số lá/cây = 2,5; không sâu bệnh) - Xây dựng được 3 mô hình sản xuất giá thể mạ và mạ khay, 3 mô hình lúa cấy máy bằng mạ khay tại 3 hợp tác xã (HTX Nông nghiệp Nam Phương Tiến - huyện Chương Mỹ, HTX Nông nghiệp Phú Thắng - huyện Phú Xuyên, HTX Nông nghiệp xã Ngọc Tảo - Phúc Thọ).
44	Đề tài: Đề tài: Nghiên cứu chọn lọc dòng gà Mía có khả năng sinh trưởng cao bằng công nghệ sinh học phân tử - MS: 01C-06/02-2016-4	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2016-2019	- Đàn gà Mía giống gốc có đặc điểm ngoại hình đặc trưng gà Mía thuần năng suất sinh trưởng tăng hơn từ 7% - 10%: 20 gia đình (150 con, tỉ lệ trống mái 1/5). + Gà trống 5 tháng tuổi (khoảng 20 tuần, 140 ngày tuổi) đạt 2.272,57 kg; + Năng suất trứng 82 quả/năm; Tuổi đẻ quả trứng đầu 151 - 154 ngày tuổi. - Đàn gà Mía sản xuất có kiểu gen GH hoặc INS, có đặc điểm ngoại hình đặc trưng gà Mía thuần năng suất sinh trưởng tăng hơn từ 4% - 7%: 400 con (tỷ lệ trống mái 1/5). - Ba mô hình chăn nuôi gà quy mô hộ (500 con/hộ): Xi nghiệp gia cầm HADICO, Hộ gia đình bà Cán Thị Quy (xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ), hộ gia đình ông Nguyễn Văn Quân (xã Đường Lân, TX Sơn Tây), hộ gia đình ông Ty (xã Cổ Đông, TX Sơn Tây). - QTCN chọn giống và nhân giống theo gia đình gà Mía có kiểu gen GH đảm bảo gà không thoái hóa qua 5 thế hệ. - Tiêu chuẩn cơ sở của giống gà Mía. - Công bố 2 bài báo quốc tế. - Sản xuất Acetylac distarch adipat (E1422) làm phụ gia thực phẩm đạt QCVN 4 - 18:2011/BYT và yêu cầu của cơ sở sản xuất thực phẩm;
45	Nghiên cứu quy trình công nghệ tổng hợp acetylac	Viện Hóa học Công nghệ	8/2017 - 7/2019	

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	distarch adipat từ nguồn tinh bột sản được sản xuất tại các làng nghề Hà Nội để làm phụ gia thực phẩm đạt Quy chuẩn Việt Nam. - Mã số: 01C-06/01-2017-3	nghiệp Việt Nam		- Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm ADA; - QTCN tổng hợp ADA từ nguồn tinh bột sản tại Hà Nội quy mô 10 kg sản phẩm/mẻ; - Sơ đồ dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất ADA quy mô PTN 10 kg/mẻ và quy mô pilot 200 kg sản phẩm/mẻ. - Báo cáo ứng dụng sản phẩm ADA trong sản xuất tương ớt (tại Công ty TNHH Thùy sản Nguyễn Nghiêm) và sản xuất miến dong (tại Công ty CP Thực phẩm Minh Dương).
46	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất bia quả. - Mã số: 01C-06/02-2017-3	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	8/2017 - 7/2019	- Sản xuất 1.800 lít dịch quả (dừa và thanh long ruột đỏ), 6.000 lít bia quả cho 2 loại quả trên; - TCCS 2 loại bia quả (bia dừa, bia thanh long); - QTCN thu nhận và bảo quản dịch quả quy mô 500 - 600 lít/mẻ; - Quy trình sản xuất bia quả ở quy mô pilot 100 lít/mẻ và quy mô 2.000 lít/mẻ; - Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất bia quả quy mô 2.000 lít/mẻ.
47	Nghiên cứu bảo chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang cứng có tác dụng bảo vệ gan từ quả me rừng. - Mã số: 01C-06/03-2017-3	Viện Dược liệu	8/2017 - 7/2019	- Cao định chuẩn me rừng; Viên nang cứng có tác dụng bảo vệ gan từ quả me rừng. - TCCS cao định chuẩn me rừng; TCCS viên nang cứng có tác dụng bảo vệ gan từ quả me rừng. - Quy trình chiết xuất cao định chuẩn giàu hoạt chất có tác dụng bảo vệ gan từ quả me rừng quy mô 20-50 kg nguyên liệu quả khô/mẻ. - Công thức và quy trình bảo chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang cứng từ cao định chuẩn quy mô 10.000 viên/mẻ. - Báo cáo đánh giá về nguồn nguyên liệu quả me rừng trên địa bàn Hà Nội và vùng lân cận. - Báo cáo đánh giá tác dụng dược lý của cao định chuẩn giàu hoạt chất có tác dụng bảo vệ gan (chống viêm, chống oxy hóa, hạ mỡ gan) từ quả me rừng.
48	Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình sản xuất và ứng dụng phân vi sinh vật đa chức năng phòng chống bệnh héo do vi khuẩn	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	2017-2019	1. Dây chuyền công nghệ, hệ thống thiết bị sản xuất phân vi sinh vật đa chức năng có tác dụng phòng chống héo do vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> và nấm <i>Fusarium oxysporum</i>. Gồm: Thiết bị chuẩn bị môi trường nuôi cấy vi sinh vật; Thiết bị nhân giống vi sinh vật; Thiết bị phối trộn; Hệ thống phun men; Máy đóng gói tự động

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	<i>Ralstonia solanacearum</i> và nấm <i>Fusarium oxysporum</i> nhằm nâng cao năng suất chất lượng cây lạc, đậu tương và giảm thiểu phần bón hóa học tại Hà Nội - MS: P.2017.07.			(Máy hàn miệng túi); Chủng giống vi sinh vật và dụng cụ cần thiết khác. 2. Quy trình công nghệ sản xuất và sử dụng phân vi sinh vật đa chức năng đạt TCCS: - QTSX phân vi sinh vật đa chức năng cho cây lạc và cây đậu tương được công nhận cấp cơ sở quy mô 1 tấn/mẻ. - Quy trình sử dụng phân vi sinh vật đa chức năng cho cây đậu tương được công nhận cấp cơ sở. - Quy trình sử dụng phân vi sinh vật đa chức năng cho cây lạc được công nhận cấp cơ sở. - Đào tạo quy trình sản xuất và kiểm tra chất lượng phân VSV đa chức năng cho 4 cán bộ kỹ thuật và 5 công nhân của Công ty TNHH Nông nghiệp Hoàng Nga 2 đợt (tại cơ sở 1: huyện Hoài Đức, Hà Nội; cơ sở 2: thôn Bu Thấp, xã Xuối Bu, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái). - Tổ chức 4 hội nghị tập huấn cho 200 lượt nông dân về tác dụng và cách sử dụng phân VSV đa chức năng cho cây lạc và cây đậu tương tại xã Vạn Thái (huyện Ứng Hòa), xã Sơn Đông (thị xã Sơn Tây) và xã Đông Quang (huyện Ba Vì) (17-18/10/2018; 2019; 27/5/2020 và 29/5/2020). - Sản phẩm SXTN: 50 tấn phân vi sinh vật đa chức năng (VTN8-LA cho cây lạc và VTN8-LA cho cây đậu tương) đạt TCCS. - 2 giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn hợp lệ: + Quy trình sản xuất phân vi sinh vật đa chức năng cho cây lạc (Số đơn 2-2020-00325) (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 11582w/QĐ-SHTT ngày 13/8/2020 của Cục Sở hữu Trí tuệ). + Quy trình sản xuất phân vi sinh vật đa chức năng cho cây lạc (Số đơn 2-2020-00326) (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 11582w/QĐ-SHTT ngày 13/8/2020 của Cục Sở hữu Trí tuệ).
49	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm nguyên liệu giàu protein từ bột sắn và bã sắn bằng công nghệ lên men vi sinh để làm thức ăn hỗn	Công ty CP Giống gia súc Hà Nội.	2017-2019	1. Hệ thống thiết bị công nghệ: - Thiết bị phòng thí nghiệm gồm 11 hạng mục. - Hệ thống thiết bị sản xuất protein từ bã sắn và bột sắn quy mô 500 kg/mẻ; hệ thống thiết bị sản xuất thức ăn TMR. 2. Quy trình sản xuất: - QTSX dịch lên men quy mô 100 lít/mẻ;

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	hợp hoàn chỉnh trong chăn nuôi bò sữa và bò thịt tại vùng chăn nuôi trọng điểm của Hà Nội - MS: P.2017.09			- QTSX bột bã sản giàu protein bằng công nghệ lên men vi sinh sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh TMR cho bò sữa, bò thịt quy mô 500 kg và 1 tấn/mẻ; - Công thức và quy trình sử dụng thức ăn chứa bột bã sản lên men cho bò sữa và bò thịt. 3. Sản phẩm và đào tạo: - Đào tạo 3 lớp x 150 lượt người; - Pano, tờ rơi tham gia Techmart; Hội nghị giao ban các tỉnh đồng bằng sông Hồng tại Hải Dương (tháng 5/2019). 4. Sản phẩm SXTN: - 2 chủng nấm <i>S.cerevisiae</i> SAC3 và <i>S.fibuligera</i> BQM908; - 340 l dịch lên men đạt 109 CFU/ml; - 17 tấn bột bã sản lên men bởi nấm men làm giàu protein đạt TCCS; - 6.003 tấn thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh TMR (3.002 tấn cho bò thịt và 3.001 tấn cho bò sữa). 5. Xây dựng 4 mô hình sử dụng sản phẩm bột/ bã sản sau lên men làm thức ăn chăn nuôi cho bò thịt và bò sữa, sản xuất dịch men giống và thức ăn TMR. - Kết quả của dự án có tính thực tiễn cao: sử dụng quy trình ủ bột sản và bã sản với chế phẩm vi sinh chứa 2 chủng nấm men <i>S.cerevisiae</i> SAC3 và <i>S.fibuligera</i> BQM908 cùng với enzyme để lên men tạo nguyên liệu chất lượng giàu protein và giá thành thấp. - Hiệu quả kinh tế: góp phần giảm ô nhiễm môi trường do bã sản, tận dụng nguồn cơ chất rẻ tiền để lên men tạo nguyên liệu giàu dinh dưỡng, protein, góp phần chủ động nguồn nguyên liệu TACN tại chỗ, tăng thu nhập cho người dân, góp phần phát triển đàn bò sữa, bò thịt
50	Dự án SXTN: Hoàn thiện quy trình nhân giống và nuôi trồng nấm hàu thụ (<i>Hericium erinaceus</i>) làm sản phẩm bảo vệ sức khỏe. - Mã số: P.2018.11	Công ty CP Dược phẩm và Chuyên giao công nghệ FUSI	8/2018-8/2020	- Đã tuyển chọn được 1 chủng nấm Hàu thụ giống <i>Hericium erinaceus</i> (Hel), có khả năng sinh polysaccharide cao (200 mg/l) - QTCN nhân giống nấm hàu thụ dạng dịch thể quy mô 50 lít/mẻ (mật độ bảo tử đạt $10^6 - 10^8$ CFU/ml). - QTCN nuôi trồng nấm hàu thụ quy mô 1 tấn nguyên liệu/mẻ (năng suất đạt 300 kg tươi/tấn nguyên liệu). - QTCN chiết xuất cao giàu polysaccharit từ nấm hàu thụ quy mô 100 kg nguyên liệu/mẻ (đạt >30% polysaccharit đạt TCCS).

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
51	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, phát triển sản xuất hàng hóa chuối tiêu hồng (<i>Artocarpus interger</i>) theo chuỗi trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Mã số: 01C-06/01-2018-3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	8/2018-12/2020	- QTCN bảo chế viên nang cứng quy mô 10.000 viên/mẻ. - Bột giàu polysaccharit từ nấm hầu thủ đạt TCCS - Viên nang thực phẩm bảo vệ sức khỏe chứa hoạt chất sinh học từ nấm hầu thủ - Cây giống chuối tiêu hồng nhân bằng phương pháp nuôi cấy mô (giai đoạn trước khi trồng mới). Tiêu chuẩn: Cây cao 30-35 cm, có 5-6 lá thaath; Chất lượng: không bị sâu bệnh, dập nát, tỷ lệ sống đạt > 90%. - Chuối tiêu hồng bảo quản bằng công nghệ bao gói khí quyển. - Hệ thống thiết bị buồng giám chín chuối gồm: buồng giám, máy thổi khí ethylene, bảng điều khiển nhiệt độ (<i>từ nguồn tự có của đơn vị ứng dụng</i>). - Hệ thống thiết bị sơ chế, bảo quản chuối gồm: giá ra nải, 2 bể rửa, bàn đóng gói, kho lạnh 10m² (<i>từ nguồn tự có của đơn vị ứng dụng</i>). - Báo cáo mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ chuối tại 2 huyện của Hà Nội (hộ ông Đỗ Công Hiền, xã Minh Châu-huyện Ba Vì; xã Vân Nam, HTX nông nghiệp Cẩm Đình - huyện Phúc Thọ). - QTCN kỹ thuật trồng, chăm sóc, sơ chế, bảo quản chuối tiêu hồng (bảng khi điều biến đảm bảo chất lượng xuất khẩu quy mô 120 tấn/năm). - QTCN giám chín chuối tiêu hồng bằng khí ethylene (đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng dinh dưỡng, cảm quan và ATP, độ chín kỹ thuật > 97% quy mô 2 tấn/ngày).
52	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ sản xuất và ứng dụng phân bón lá dạng dịch chất lượng cao chứa chitosan và axit amin từ bã men bia phục vụ sản xuất rau an toàn trên địa bàn Hà Nội. - Mã số: P.2018.10	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Việt Liên	8/2018-12/2020	- Quy trình thủy phân bã men bia (gồm quy trình tự phân kết hợp với thủy phân bằng enzyme) quy mô 300 kg bã men bia/mẻ - Quy trình hoạt hóa chitosan 500 lít/mẻ - Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ sinh học quy mô 3.000 lít/mẻ - Quy trình sử dụng phân bón lá hữu cơ sinh học Vegano 03 cho nhóm cây rau (ăn lá, ăn quả, ăn thân và ăn củ) - 30.000 lít Phân hữu cơ sinh học đã được khảo nghiệm
53	Nghiên cứu tuyển chọn chủng vi tảo <i>Spirulina platensis</i> phù hợp với điều	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	8/2018-8/2020	(1) Ba chủng giống vi tảo <i>Spirulina platensis</i> gồm: Sp2, Sp6 và Sp9, trong đó chủng Sp9 đã làm hồ sơ công nhận giống. - Phạm vi nhiệt độ thích ứng: 15 - 40°C.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
54	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế thiết bị khử trùng bằng dung dịch oxy hóa điều chế tại chỗ cho các trạm cấp nước công suất 1000m³/ ngày và chế tạo hệ thống đứng bộ cấp nước sạch công suất 200 m³/ ngày phục vụ cho nông thôn mới- MS: 01C-09/04-2012-2	Viện Công nghệ Môi trường Hàn Quốc (Hàn Quốc) KH&CN Việt Nam	2012-2013	“Tốc độ sinh trưởng”: 10 g/m²/ngày - Năng suất trung bình cao hơn 1,2 - 1,25 lần so với VNUA03. (2) Tảo Spirulina khô - Hàm lượng protein 66 - 72% (đăng ký > 55%) - Hàm lượng β-caroten: 130mg/100g (đăng ký > 100 mg/100g tảo khô) - Hàm lượng phycoerythrin: 15,4% (đăng ký > 9%) - Không nhiễm động vật nguyên sinh, tảo lam, kim loại nặng. - Quy trình công nghệ nhân nuôi tảo quy mô 5.00 lít/m², 30-50 kg tảo tươi/ngày. - Quy trình công nghệ, thiết bị thu và xử lý sinh khối thành bột tảo khô quy mô 100 kg tảo tươi/ ngày. - Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối, có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau: Công suất 456 g clo hoạt tính/ngày (làm việc 15h/ngày) đạt chất lượng so với đăng ký; Nồng độ chất oxy hóa (tính theo clo hoạt tính) đạt 507 mg/l; Nồng độ khoáng : 1,5g/l; hệ oxy hóa khử ORP: 857,8 mV; H = 6,72 - Hệ thống đứng bộ cấp nước sạch công suất 200 m³/ ngày tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì, có chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 01:2009/BYT tại các chỉ tiêu đã phân tích. - 03 hồ sơ thiết kế: Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 200m³/ngày); Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 2000 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 1.000m³/ngày); Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp nước sạch đồng bộ công suất 200m³/ngày. - 03 Quy trình công nghệ: QTCN sản xuất dung dịch oxy hóa; QTCN chế tạo thiết bị điều chế hỗn hợp dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 200m³/ngày); QT xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt công suất 200m³/ ngày sử dụng thiết bị điều chế hỗn hợp dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400g clo hoạt tính/ ngày. * Hiệu quả: - Đã tính toán thiết kế và xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho sinh hoạt

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
55	Nghiên cứu chế tạo chế phẩm tạo màng phủ sinh học từ phụ phẩm ngành tơ tằm để bảo quản một số loại quả có tiềm năng xuất khẩu của Hà Nội. - Mã số: 01C-06/02-2019-3	Đại học Mỏ-Địa chất	10/2019 - 9/2021	công suất 200 m³/ngày tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì trên cơ sở sử dụng hệ thống khử trùng bằng nhiều buồng điện hóa MB-11, là model buồng điện hóa mới nhất của Nga, cho dung dịch oxy hóa supowa có hiệu lực khử trùng cao hơn nhiều so với các sản phẩm khử trùng bằng clo truyền thống, nhưng lại rất thân thiện môi trường, khác phục hầu hết các nhược điểm của phương pháp khử trùng bằng clo lỏng. - Cài tạo được hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt tại trạm cấp nước Gia Khánh (hệ khử trùng gần như hư hỏng), cấp nước sạch cho 500 hộ dân thôn Tân Phú Mỹ, xã Vật Lại. - Fibroin tinh sạch từ kén tằm dâu (dạng gel khô): 5,5 kg với chỉ tiêu chất lượng như sau: Hàm lượng protein: 95%; Hàm lượng nước < 5%; Khả năng hòa tan trong dung dịch chitosan/axit axetic > 95% - Chế phẩm tạo màng phủ fibroin composit dùng cho bảo quản quả cam Canh (FC-02) với chỉ tiêu chất lượng như sau: pH: 5; Khối lượng riêng (25°C): 1,02 g/ml; Độ nhớt (25°C): 38cps; Hàm lượng chất không bay hơi: 2,85% ; Không phát hiện kim loại nặng (As, Cd, Pb, Hg), dư lượng thuốc BVTV, vi sinh vật gây bệnh (<i>E.coli</i>, <i>Salmonella</i>, <i>Cl. perfringens</i>). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: 0,85x 10³ CFU/ml. - Chế phẩm tạo màng phủ fibroin composit dùng cho bảo quản quả nhãn (chín muộn) (FC-01) với các chỉ tiêu chất lượng như sau: pH: 5; Khối lượng riêng (25°C): 1,05 g/ml; Độ nhớt (25°C): 39cps; Hàm lượng chất không bay hơi: 3,05%; Không phát hiện kim loại nặng (As, Cd, Pb, Hg), dư lượng thuốc BVTV, vi sinh vật gây bệnh (<i>E.coli</i>, <i>Salmonella</i>, <i>Cl. perfringens</i>). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: 0,85x 10² CFU/ml. - Mô hình bảo quản cam Canh ở đầu vụ và cuối vụ quy mô nông hộ (500 kg/đợt) bằng chế phẩm FC-02 tại hộ ông Nguyễn Đình Hải (thôn Ba Nhà, xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai). - Mô hình bảo quản nhãn chín muộn (HTM-1 và HTM 2) ở đầu vụ và cuối vụ quy mô nông hộ (500 kg/đợt) bằng chế phẩm FC-01 tại hộ ông Nguyễn Văn Thành (thôn Đại Tào, xã Đại Thành, huyện Quốc Oai).
VII	Chương trình: Công nghệ thông tin (01C-07)			
56	Ứng dụng Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	7/2016 -	- Chương trình dự báo lũ trên sông và cảnh báo ngập lụt lưu vực sông Tích -

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	tin xây dựng mô hình hỗ trợ công tác dự báo lũ trên sông và cảnh báo ngập lụt lưu vực sông Tích - sông Bùi. - Mã số: 01C-07/01-2016-3		6/2018	sông Bùi có chức năng dự báo lũ và cảnh báo ngập lụt trên lưu vực sông Tích- sông Bùi theo thời gian thực vào mùa lũ (giai đoạn từ 15/6 đến 15/9 hàng năm), có khả năng dự báo trước 3 đến 6 giờ. - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm và đóng gói phần mềm thành bộ cài đặt chương trình hoàn thiện.
57	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu trên máy tính phục vụ công tác nghiệp vụ của Công an thành phố Hà Nội. - Mã số: 01C-07/01-2018-3	Công an thành phố Hà Nội	8/2018-6/2020	- Giải pháp thu thập và quản lý dữ liệu trên máy tính phục vụ yêu cầu nhiệm vụ của Công an Thành phố (xây dựng giải pháp tổng thể; phần tích thiết kế hệ thống thu thập dữ liệu trên máy tính). - Bộ công cụ bí mật thu thập thông tin trên máy tính (gồm phần mềm thu thập dữ liệu tích hợp USB chuyên dụng có khả năng chạy ngầm, không có giao diện khi hoạt động; phần mềm bí mật thu thập dữ liệu trên máy tính và gửi về địa chỉ email nhất định). - Phần mềm nguy trang để kích hoạt chương trình Bộ công cụ bí mật thu thập dữ liệu. Phần mềm quản lý dữ liệu (bao gồm dữ liệu cơ động, dữ liệu trung tâm). Báo cáo vận hành thử nghiệm hệ thống. - Bộ tài liệu hướng dẫn cài đặt, hướng dẫn sử dụng.
VIII	Chương trình: Y tế - Bảo hộ lao động - Vệ sinh an toàn thực phẩm (01C-08)			
58	Nghiên cứu qui trình chế tạo bộ KJT Multiplex Realtime PCR phát hiện một số tác nhân thường gặp gây nhiễm khuẩn bệnh viện tại các bệnh viện Hà Nội. - Mã số: 01C-08/02-2016-3	Bệnh viện Thanh Nhân	01/2016 - 6/2018	Bộ KJT Multiplex Realtime PCR phát hiện một số tác nhân thường gặp gây nhiễm khuẩn bệnh viện.
59	Nghiên cứu bào chế, đánh giá tác dụng của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Từ Quán trên thực nghiệm và trên bệnh nhân suy nhược cơ thể. - Mã số: 01C-08/01-2017-3	Trường Đại học Y Hà Nội	8/2017 - 7/2019	- Quy trình công nghệ chiết xuất cao lỏng tiêu chuẩn giàu axit amin từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Từ quán. - Đánh giá được tác dụng của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Từ Quán trên thực nghiệm; tác dụng của cao lỏng từ dư phẩm men bia phối hợp với bài thuốc Từ Quán trên bệnh nhân suy nhược cơ thể.
60	Đánh giá hiệu quả mô hình	Bệnh viện	8/2017 -	Mô hình phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể cơ cứng dưới 6

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	phục hồi chức năng toàn diện cho trẻ bại não thể co cứng dưới 6 tuổi tại thành phố Hà Nội. - Mã số: 01C-08/03-2017-3	Phục hồi Chức năng Hà Nội	12/2019	tuổi tại thành phố Hà Nội.
61	Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa 1000mg amoxicilin và 62,5mg acid clavulanic giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38. - Mã số: 01C-08/04-2017-3	Trường Đại học Dược Hà Nội	8/2017 - 7/2019	- Xây dựng và tối ưu hoá công thức bào chế viên nén 2 lớp chứa 1000mg amoxicilin và 62,5mg acid clavulanic giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38 ở qui mô phòng thí nghiệm. - Nâng cấp qui trình bào chế ở qui mô 10.000 viên (hoàn thiện qui trình bào chế viên nén dựa theo qui trình và tiêu chuẩn bán thành phẩm, thành phẩm khảo sát được, tiến hành bào chế ở qui mô 10.000 viên). - Đánh giá tương đương <i>in vitro</i> đối với viên nén bào chế; độ ổn định và xác định hạn dùng của viên nén bào chế.
62	Nghiên cứu chế tạo một số bộ mẫu chuẩn (panel) nhằm kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh học phân tử và huyết thanh học phát hiện các tác nhân virus cúm và dengue tại một số cơ sở y tế Hà Nội. - Mã số: 01C-08/07-2017-3	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	8/2017 - 7/2019	- Bộ mẫu chuẩn (panel) sinh học phân tử đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho xét nghiệm RT-PCR phát hiện ARN virus cúm A và B; - Bộ mẫu chuẩn (panel) huyết thanh học Dengue đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho xét nghiệm ELISA phát hiện IgM đặc hiệu virus Dengue. - Quy trình chế tạo bộ mẫu chuẩn (panel) sinh học phân tử đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho xét nghiệm RT-PCR phát hiện ARN virus cúm A và B; - Quy trình chế tạo bộ mẫu chuẩn (panel) huyết thanh học Dengue đánh giá độ nhạy, độ đặc hiệu cho xét nghiệm ELISA phát hiện IgM đặc hiệu virus Dengue. - Hướng dẫn sử dụng bộ mẫu chuẩn đánh giá chất lượng xét nghiệm RT-PCR phát hiện tác nhân cúm; hướng dẫn sử dụng bộ mẫu chuẩn đánh giá chất lượng xét nghiệm ELISA phát hiện IgM đặc hiệu virus Dengue.
63	Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử tìm mối liên quan của kiểu gen KIR và HLA-C để xác định yếu tố nguy cơ di truyền trong các thai phụ mắc tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội.	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	8/2017 - 7/2019	- Ứng dụng kỹ thuật PCR xác định HLA-C con để phát hiện nguy cơ tiền sản giật ở người mẹ tại các bệnh viện Hà Nội. - Áp dụng kỹ thuật PCR-SSP trong xác định gen KIR của tế bào NK ở các thai phụ tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội. - Xác định được gen mã hoá cho receptor KIR tế bào NK ở thai phụ bình thường tại các bệnh viện Hà Nội; Tiến hành xác định gen mã hoá HLA-C con của thai phụ bình thường tại các bệnh viện Hà Nội; Xác định được gen mã

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	- Mã số: 01C-08/09-2017-3			hoá cho receptor KIR tế bào NK ở thai phụ tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội; Xác định được gen mã hoá HLA-C con của thai phụ tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội. - Xác định được mối liên quan của gen KIR và HLA-C để xác định yếu tố nguy cơ di truyền trong các thai phụ mắc tiền sản giật tại các bệnh viện Hà Nội. - Kiến nghị về giá trị dự báo nguy cơ mắc tiền sản giật của kiểu gen KIR ở các thai phụ và HLA-C ở thai nhi.
64	Đánh giá hiệu quả điều trị viêm gan C mạn của phác đồ Sofosbuvir/Daclatasvir trên bệnh nhân đồng nhiễm HCV/HIV tại Bệnh viện Đa khoa Đống Đa. - Mã số: 01C-08/03-2018-3	Bệnh viện Đa khoa Đống Đa	8/2018 - 7/2020	Quy trình điều trị viêm gan C mạn của phác đồ Sofosbuvir/Daclatasvir trên bệnh nhân đồng nhiễm HCV/HIV.
65	Nghiên cứu chế tạo chủng dương ARN kháng RNase (Armored RNA) cho RT-PCR, ứng dụng trong phát hiện nhiễm virus Zika tại Hà Nội. - Mã số: 01C-08/04-2018-3	Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương	8/2018 - 7/2020	Chủng dương ARN kháng RNase (Armored RNA) cho RT-PCR, ứng dụng trong phát hiện nhiễm virus Zika.
66	Xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động và ứng dụng chữa bệnh trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Mã số: 01C-08/12-2018-3	Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt	8/2018 - 7/2020	- Hệ thống hỗ trợ chẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động; Xây dựng hệ thống học máy trích xuất kho dữ liệu về triệu chứng lâm sàng các bệnh răng miệng thường gặp; - Thiết kế, lựa chọn giải pháp kỹ thuật hỗ trợ chẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động; - Phần mềm hỗ trợ chẩn đoán, tư vấn bệnh răng miệng trên nền tảng thiết bị di động Android và iOS. - Kho dữ liệu về 5 nhóm bệnh lý răng miệng phổ biến; Thu thập dữ liệu về 5 nhóm bệnh lý răng miệng phổ biến; Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ các bệnh răng miệng và các triệu chứng sử dụng trong chẩn đoán bệnh.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
67	Nghiên cứu giá trị của AFP, AFP-L3 và PIVKA-II kết hợp siêu âm ổ bụng trong phát hiện sớm ung thư gan nguyên phát đối tượng nguy cơ cao tại Hà Nội - Mã số: 01C-08/03-2019-3	Bệnh viện Bạch Mai	10/2019 - 3/2022	- Đánh giá kết quả triển khai thử nghiệm tại một số cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Báo cáo xác định tỷ lệ phát hiện sớm ung thư gan nguyên phát trên đối tượng nguy cơ cao bằng xét nghiệm AFP, AFP-L3 và PIVKA-II kết hợp với siêu âm ổ bụng. - Báo cáo mối liên quan giữa AFP, AFP-L3 và PIVKA-II với siêu âm ổ bụng trên đối tượng nghiên cứu. - Quy trình xét nghiệm AFP, AFP-L3 và PIVKA-II kết hợp với siêu âm ổ bụng trong chẩn đoán sớm ung thư gan nguyên phát. - Viên nang cứng "ích khí dưỡng não" khối lượng 500mg. - Quy trình ổn định chiết xuất và bào chế viên nang cứng "ích khí dưỡng não" quy mô 10.000 viên/mẻ. - Tiêu chuẩn cơ sở của viên nang cứng "ích khí dưỡng não".
68	Nghiên cứu bào chế, đánh giá độc tính và tác dụng điều trị huyết áp thấp của viên nang cứng "ích khí dưỡng não" - Mã số: 01C-08/07-2019-3	Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	10/2019 - 11/2021	- Quy trình tạo Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) để ghép vào huyết ổ răng sau nhổ. - Quy trình ứng dụng ghép Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) vào huyết ổ răng sau nhổ.
69	Đánh giá hiệu quả của ghép Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) (Platelete Rich Fibrin - PRF) vào huyết ổ răng sau nhổ ở Hà Nội - Mã số: 01C-08/04-2019-3	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	10/2019 - 10/2021	- Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối, có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau: Công suất 456 g clo hoạt tính/ngày (làm việc 15h/ngày) đạt chất lượng so với dăng ký; Nồng độ chất oxy hóa (tính theo clo hoạt tính) đạt 507 mg/l; Nồng độ khoảng : 1,5g/l; hệ oxy hóa khử ORP: 857,8 mV; H = 6,72 - Hệ thống đồng bộ cấp nước sạch công suất 200 m3/ ngày tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì, có chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 01:2009/BYT tại các chỉ tiêu đã phân tích. - 03 hồ sơ thiết kế: Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 200m3/ngày); Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung
IX	Chương trình: Môi trường và Tài nguyên (01C-09)			
70	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế thiết bị khử trùng bằng dung dịch oxy hóa điều chế tại chỗ cho các trạm cấp nước công suất 1000m ³ / ngày và chế tạo hệ thống đồng bộ cấp nước sạch công suất 200 m3/ ngày phục vụ cho nông thôn mới- MS: 01C-09/04-2012-2	Viện Công nghệ Môi trường (Hàn lâm KH&CN Việt Nam)	2012-2013	- Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối, có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau: Công suất 456 g clo hoạt tính/ngày (làm việc 15h/ngày) đạt chất lượng so với dăng ký; Nồng độ chất oxy hóa (tính theo clo hoạt tính) đạt 507 mg/l; Nồng độ khoảng : 1,5g/l; hệ oxy hóa khử ORP: 857,8 mV; H = 6,72 - Hệ thống đồng bộ cấp nước sạch công suất 200 m3/ ngày tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì, có chất lượng nước sau xử lý đạt QCVN 01:2009/BYT tại các chỉ tiêu đã phân tích. - 03 hồ sơ thiết kế: Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 200m3/ngày); Hồ sơ thiết kế Thiết bị điều chế dung

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
				dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 2000 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 1.000m³/ngày); Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp nước sạch đồng bộ công suất 200m³/ngày. - 03 Quy trình công nghệ: QTCN sản xuất dung dịch oxy hóa; QTCN chế tạo thiết bị điều chế hỗn hợp dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400 g clo hoạt tính/ngày (sử dụng cho hệ thống cấp nước sạch công suất 200m³/ngày); QT xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt công suất 200m³/ngày sử dụng thiết bị điều chế hỗn hợp dung dịch oxy hóa từ nước muối có công suất 400g clo hoạt tính/ ngày. * Hiệu quả: - Đã tính toán thiết kế và xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho sinh hoạt công suất 200 m³/ngày tại xã Vật Lại, huyện Ba Vì trên cơ sở sử dụng hệ thống khử trùng bằng nhiều buồng điện hóa MB-11, là model buồng điện hóa mới nhất của Nga, cho dung dịch oxy hóa supowa có hiệu lực khử trùng cao hơn nhiều so với các sản phẩm khử trùng bằng clo truyền thống, nhưng lại rất thân thiện môi trường, khắc phục hầu hết các nhược điểm của phương pháp khử trùng bằng clo lỏng. - Cài tạo được hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt tại trạm cấp nước Gia Khánh (hệ khử trùng gần như hư hỏng), cấp nước sạch cho 500 hộ dân thôn Tân Phú Mỹ, xã Vật Lại. - Hệ thống thu gom, xử lý (công suất 50 m³/ngày) và tái sử dụng nước thải phân tán và làm giàu oxy trên đoạn sông Tô Lịch; - Hệ thống thu gom, xử lý nước thải phân tán (100 m³/ngày) trên đoạn sông Cầu Bấy. - Đăng ký bằng độc quyền sáng chế "Ông trộn thủy lực trong hệ thống xử lý nước thải" (Được chấp nhận đơn)
71	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật tổng hợp để bảo vệ môi trường nước sông nội đô thành phố Hà Nội -MS: 01C-09/01-2016-3	Viện Khoa học và Kỹ thuật Môi trường (Trường Đại học Xây dựng)	2016-2019	
72	Đề tài: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường chăn nuôi bò tại huyện Gia Lâm,	Viện Công nghệ Môi trường (Viện Hàn lâm KHT&CN)	2017-2019	Sản phẩm dạng I: a) - Mô hình xử lý mùi khu vực chuồng nuôi bò sữa tại thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm; - Mô hình pilot xử lý nước thải sau biogas của thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm;

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	Hà Nội - MS: 01C-09/02-2017-3	Việt Nam)		- Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi bò sữa để làm nguyên liệu nuôi giun và sản xuất phân bón cho HTX Làng Gióng, thôn Đồng Xuyên, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm công suất 3,5 tấn/ngày. b) - Mô hình xử lý mùi khu vực chuồng nuôi bò thịt tại xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm; - Mô hình pilot xử lý nước thải sau biogas của hộ chăn nuôi tập trung tại Lệ Chi (thực hiện tại hộ ông Vũ Văn Hiện); - Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi bò thịt để làm phân hữu cơ.
73	Dự án SXTN: Ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ trong xử lý chất thải động, thực vật làm phân bón cho sản xuất một số loài rau hữu cơ bản địa (rau bò khai, mọ, tầm bóp, dớn) tại huyện Thạch Thất, Hà Nội - MS: P.2017.11		2017-2019	- QTCN sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chất thải lợn rừng và phụ phẩm từ quá trình canh tác rau hữu cơ có sử dụng trùn quế cho sản xuất rau hữu cơ bản địa Thạch Thất quy mô 10 tấn/mô. - 04 quy trình canh tác rau hữu cơ bản địa Thạch Thất (bò khai, mọ, tầm bóp, dớn) sử dụng phân bón sản xuất được trên địa bàn huyện Thạch Thất. - 1 mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh (tại Công ty TNHH Khai thác tiềm năng sinh thái Hòa Lạc). - 4 mô hình sản xuất và tiêu thụ rau hữu cơ bản địa Thạch Thất (bò khai, mọ, tầm bóp, dớn) quy mô 2 ha/mô hình. - Sản phẩm SXTN: 350 tấn phân bón hữu cơ vi sinh ; 40 tấn rau hữu cơ bản địa (12 tấn x 4 loại) - Sản phẩm rau hữu cơ đã được thương mại hóa trên cơ sở rau hữu cơ của Công ty TNHH Khai thác Tiềm năng sinh thái Hòa Lạc đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn hữu cơ USDA.
74	Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-Sap), tự phân hủy và thân thiện môi trường từ phụ phẩm nông nghiệp. - Mã số: 01C-09/01-2019-3	Viện Hóa học	10/2019-9/2021	* Sản phẩm dạng I: - Chế phẩm BioSap: Dạng hạt - Độ hấp thụ trong nước cát 320 ± 1 g/g; Độ hấp thụ trong nước muối sinh lý: 62 ± 1 g/g; pH: $6,8 \pm 1$; Tốc độ hấp thụ cân bằng: 28 ± 1 g/g; Thời gian phân hủy: Phân hủy 90,37% trong môi trường compost sau 102 ngày ủ. - Hệ thống thiết bị sản xuất chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-sap) từ phụ phẩm nông nghiệp, quy mô 25 kg/mô, gồm: Thiết bị trùng hợp dung tích 100 lít, thiết bị nghiền, thiết bị sàng. * Sản phẩm dạng II: 1. Quy trình công nghệ:

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
75	Nghiên cứu chế tạo một số loại ống chỉ thị phát hiện nhanh khí độc phục vụ quan trắc và giám sát môi trường lao động. - Mã số: 01C-09/02-2019-3	Viện Hóa học Môi trường Quốc gia	10/2019-9/2021 (Giã hạn đến tháng 3/2022)	- Quy trình công nghệ chế tạo chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-sap) quy mô 1kg/m². - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-SAP) từ phụ phẩm nông nghiệp quy mô 25 kg/m². 2. TCCS của chế phẩm Bio-sap * Sản phẩm dạng I: - 10 loại ống chỉ thị: Ống chỉ thị khí NH₃; Ống chỉ thị khí Benzen; Ống chỉ thị khí CO; Ống chỉ thị khí Fomaldelyt; Ống chỉ thị khí hydrocacbon; Ống chỉ thị khí hydro xyanua (HCN); Ống chỉ thị khí hydro sulfua; Ống chỉ thị khí Metyl axetat; Ống chỉ thị khí Nitro dioxit; Ống chỉ thị khí Toluene. * Sản phẩm dạng II: 1. Tiêu chuẩn cơ sở cho 10 loại ống chỉ thị. 2. Bộ tài liệu thiết kế 10 ống chỉ thị. 3. Bộ quy trình công nghệ chế tạo 10 loại ống chỉ thị. 4. Báo cáo khảo nghiệm ống chỉ thị tại hiện trường. 5. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, môi trường. * Sản phẩm dạng I: - Vật liệu xúc tác quang ống nano N pha tạp TiO₂. - Vật liệu ống nano N- TiO₂ phủ trên ống thủy tinh có khả năng xử lý chất hữu cơ bay hơi (VOCs). - Dung dịch hấp thụ bụi, vi khuẩn, khí axit trong không khí và các sản phẩm phụ của quá trình oxy hóa. - Thiết bị làm sạch không khí tích hợp xử lý bụi ứng dụng trong y tế và dân dụng. * Sản phẩm dạng II: 1. Tiêu chuẩn cơ sở vật liệu xúc tác quang hóa ống nano N pha tạp TiO₂; 2. Thuyết minh kỹ thuật thiết bị làm sạch không khí tích hợp xử lý bụi; 3. Phần mềm điều khiển (có mã chương trình phần mềm điều khiển); 4. Bộ bản vẽ thiết kế tổng thể thiết bị và bản vẽ thiết kế bảng mạch; 5. Quy trình công nghệ; - Quy trình chế tạo vật liệu xúc tác quang hóa ống nano TiO₂ biến tính bằng N.
76	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị làm sạch không khí ứng dụng công nghệ lọc ướt và xúc tác quang hóa TiO ₂ biến tính. - Mã số: 01C-09/04-2018-3	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.	08/2018-7/2020	- Quy trình công nghệ chế tạo chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-sap) quy mô 1kg/m². - Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm siêu hấp thụ nước (Bio-SAP) từ phụ phẩm nông nghiệp quy mô 25 kg/m². 2. TCCS của chế phẩm Bio-sap * Sản phẩm dạng I: - 10 loại ống chỉ thị: Ống chỉ thị khí NH₃; Ống chỉ thị khí Benzen; Ống chỉ thị khí CO; Ống chỉ thị khí Fomaldelyt; Ống chỉ thị khí hydrocacbon; Ống chỉ thị khí hydro xyanua (HCN); Ống chỉ thị khí hydro sulfua; Ống chỉ thị khí Metyl axetat; Ống chỉ thị khí Nitro dioxit; Ống chỉ thị khí Toluene. * Sản phẩm dạng II: 1. Tiêu chuẩn cơ sở cho 10 loại ống chỉ thị. 2. Bộ tài liệu thiết kế 10 ống chỉ thị. 3. Bộ quy trình công nghệ chế tạo 10 loại ống chỉ thị. 4. Báo cáo khảo nghiệm ống chỉ thị tại hiện trường. 5. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, môi trường. * Sản phẩm dạng I: - Vật liệu xúc tác quang ống nano N pha tạp TiO₂. - Vật liệu ống nano N- TiO₂ phủ trên ống thủy tinh có khả năng xử lý chất hữu cơ bay hơi (VOCs). - Dung dịch hấp thụ bụi, vi khuẩn, khí axit trong không khí và các sản phẩm phụ của quá trình oxy hóa. - Thiết bị làm sạch không khí tích hợp xử lý bụi ứng dụng trong y tế và dân dụng. * Sản phẩm dạng II: 1. Tiêu chuẩn cơ sở vật liệu xúc tác quang hóa ống nano N pha tạp TiO₂; 2. Thuyết minh kỹ thuật thiết bị làm sạch không khí tích hợp xử lý bụi; 3. Phần mềm điều khiển (có mã chương trình phần mềm điều khiển); 4. Bộ bản vẽ thiết kế tổng thể thiết bị và bản vẽ thiết kế bảng mạch; 5. Quy trình công nghệ; - Quy trình chế tạo vật liệu xúc tác quang hóa ống nano TiO₂ biến tính bằng N.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
				- Quy trình chế tạo dung dịch hấp thụ. - Quy trình chế tạo thiết bị làm sạch không khí tích hợp xử lý bụi. 6. Các báo cáo phân tích: - Các báo cáo công việc: 22 báo cáo; - Báo cáo khảo nghiệm thiết bị tại 01 phòng thí nghiệm và 01 cơ sở y tế; - Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt. 7. Luận chứng kinh tế kỹ thuật. 8. Hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ: - Bản quyền tác giả: Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 4997/2021/QTG ngày 12/7/2021 của Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch cho Chương trình điều khiển phản ứng của máy làm sạch không khí tự động. - 02 báo cáo tra cứu sáng chế. + Quy trình điều chế vật liệu ống nano TiO₂ đồng thời pha tạp các nguyên tố khác. + Quy trình chế tạo vật liệu xúc tác quang ống nano TiO₂ trên nền thạch anh.
X	Chương trình: Quản lý kinh tế - xã hội (01X-10)			
77	Xây dựng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại các Câu lạc bộ, nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội hiện nay. - Mã số: 01X-10/05-2017-3	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hà Nội	8/2017 - 7/2020	- Thực trạng mô hình hỗ trợ xã hội cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại các câu lạc bộ, nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội. - Nhu cầu hỗ trợ xã hội. - Đề xuất giải pháp xây dựng hỗ trợ xã hội, phát triển mô hình xã hội, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người nhiễm HIV/AIDS tại các câu lạc bộ, nhóm tự lực người nhiễm HIV/AIDS tại Hà Nội.
78	Các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn đến 2025, định hướng đến 2030. - Mã số: 01X-10/08-2018	Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	8/2018 - 6/2020	- Đánh giá thực trạng chất lượng cuộc sống và nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. - Dự báo bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Hà Nội; quan điểm, mục tiêu, định hướng nâng cao chất lượng cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025, định hướng năm 2030. - Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
79	Giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Mã số: 01X-10/02-2018-2	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	8/2018-6/2020	thiếu số trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng năm 2030. - Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển sản xuất và phân phối sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội. - Định hướng phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội đến 2025. - Đề xuất các giải pháp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Hà Nội; giải pháp phát triển kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cho các doanh nghiệp lưu thông phân phối; các giải pháp thúc đẩy mạnh liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, kiến nghị thực đẩy liên kết bốn nhà trong phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
80	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Công đoàn Thủ đô trong đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. - Mã số: 01X-10/01-2018-2	Liên đoàn Lao thành phố Hà Nội	8/2018-6/2020	- Đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn Thủ đô trong việc đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động. - Dự báo những yếu tố tác động tới hoạt động đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động hiện nay: toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ 4, những thay đổi trong Bộ luật Lao động 2019. - Kiến nghị với các cơ quan có liên quan trong việc nâng cao chất lượng hoạt động đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho người lao động của công đoàn Thủ đô.
81	Giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội. - Mã số: 01X-10/03-2018-2	Viện Kinh tế và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	8/2018-6/2020	- Đánh giá thực trạng: các cơ sở đề xuất giải pháp, định hướng thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của thành phố Hà Nội. - Dự báo nhu cầu đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao của tổ chức, cá nhân, tiềm năng thị trường và nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, điểm yếu của các chính sách thu hút, các giải pháp thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, hoàn thiện và thực hiện tốt các quy hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao, rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách. - Đề xuất các giải pháp về đất đai, về vốn, về cơ sở hạ tầng, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
82	Thực trạng, giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn 2030. - Mã số: 01X-10/04-2018-2	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	8/2018-6/2020	nông nghiệp công nghệ cao. - Kiến nghị chính sách, giải pháp đối với thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao với UBND và UBND thành phố Hà Nội, với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với UBND các huyện. - Đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua. - Quan điểm, định hướng phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Hà Nội. - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. - Kiến nghị các giải pháp đối với các cơ quan quản lý nhà nước, giải pháp đối với các tổ chức hiệp hội, các giải pháp đối với các doanh nghiệp, doanh nhân, các trường đại học, cao đẳng.
83	Các giải pháp chủ yếu thúc đẩy các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả ở thành phố Hà Nội. - Mã số: 01X-10/02-2019-3	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	10/2019-9/2021	- Đánh giá thực trạng các hợp tác xã nông nghiệp ở Hà Nội ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả. - Yêu cầu ứng dụng công nghệ cao và điều kiện để hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả. - Xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả ở Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ rau, quả ở Hà Nội. - Đề xuất, kiến nghị với các cấp, ngành liên quan.
XI	Chương trình: Xây dựng hệ thống Chính trị - An ninh quốc phòng (01X-11)			
84	Nghiên cứu nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội trong tình hình mới. - Mã số: 01X-11/03-2017-2	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	8/2017-6/2019	- Cơ sở lý luận và thực tiễn nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố: một số vấn đề về chất lượng và nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội; bài học kinh nghiệm về nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ của một số thành phố có thể áp dụng cho Thủ đô Hà Nội. - Đánh giá thực trạng chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội trong thời gian vừa qua: nhiệm vụ công tác kỹ thuật KVPT Thủ đô

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
				Hà Nội; chất lượng CTKT khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội trong thời gian vừa qua; Một số vấn đề đặt ra cần tập trung nghiên cứu để nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật KVPT Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng CTKT KVPT Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và một số kiến nghị với Trung ương và Thành phố Hà Nội: Xác định mục tiêu định hướng công tác kỹ thuật KVPT Thủ đô Hà Nội trong tình hình mới; Nghiên cứu bối cảnh quốc tế, trong nước đề ra yêu cầu nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật KVPT Thủ đô Hà Nội trong tình hình mới; Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật KVPT Thủ đô Hà Nội trong tình hình mới. - Bộ tài liệu tập huấn về nâng cao chất lượng công tác kỹ thuật khu vực phòng thủ Thủ đô Hà Nội trong tình hình mới. - Báo cáo kiến nghị với Trung ương và thành phố Hà Nội.
85	Đổi mới nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền của hệ thống tuyên giáo Đảng bộ thành phố Hà Nội trong tình hình mới. - Mã số: 01X-11/01-2017-2	Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội	8/2017 - 6/2019	- Tổng quan về khung lý luận và kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến công tác tuyên giáo. Khảo lược kinh nghiệm của Trung ương và một số tỉnh, thành ủy về công tác tuyên giáo - kinh nghiệm cho Hà Nội; Kinh nghiệm tuyên truyền của một số nước, một số Thủ đô trên Thế giới - tham chiếu cho Hà Nội. - Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong tình hình mới. - Đánh giá thực trạng chất lượng công tác tuyên truyền của hệ thống tuyên giáo Đảng bộ thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 - 2019. - Phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền của hệ thống tuyên giáo Đảng bộ thành phố trong tình hình mới. - Tài liệu chuyên đề đổi mới nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền của hệ thống tuyên giáo Đảng bộ thành phố Hà Nội. - Cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt của Đảng bộ khối. - Đánh giá thực trạng việc lãnh đạo của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội về công tác cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối (qua chủ trương và các Nghị quyết đã ban hành) về các mặt. Phân tích
86	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng ủy Khối các cơ quan Thành phố Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.	Đảng Ủy khối các cơ quan Thành phố Hà Nội	01/2017 - 12/2018	

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sân phẩm
	- Mã số: 01X-11/06-2017-2			chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong thời gian qua của Đảng bộ Khối các cơ quan Thành phố, những thành tựu, khó khăn trong công tác cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội và nguyên nhân. - Dự báo xu hướng biến động và yếu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan Thành phố Hà Nội. - Đề xuất mục tiêu, quan điểm, phương hướng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội. - Đề xuất một số kiến nghị với Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng; một số kiến nghị với Đảng bộ thành phố Hà Nội về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối. - Xây dựng bộ tài liệu bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Khối các cơ quan đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới (chuyên giao cho các TCCS Đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan thành phố Hà Nội).
87	Đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng các Tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội trong tình hình mới. - Mã số: 01X-11/01-2017-2	Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội	01/2017 - 6/2018	- Căn cứ chính trị - pháp lý và cơ sở khoa học về đổi mới mô hình, nội dung và phương pháp lãnh đạo của tổ chức Đảng các Tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội. - Đánh giá thực trạng mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng các Tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội, chỉ ra những nhân tố tác động đến nhiệm vụ đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các Tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội. - Đề xuất quan điểm và các giải pháp đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các Tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội trong tình hình mới. - Đề xuất đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các tổng công ty thuộc thành ủy Hà Nội trong tình hình mới. - Bộ tài liệu chuyên khảo về đổi mới mô hình, nội dung, phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng trong tổng công ty thuộc Thành ủy Hà Nội trong

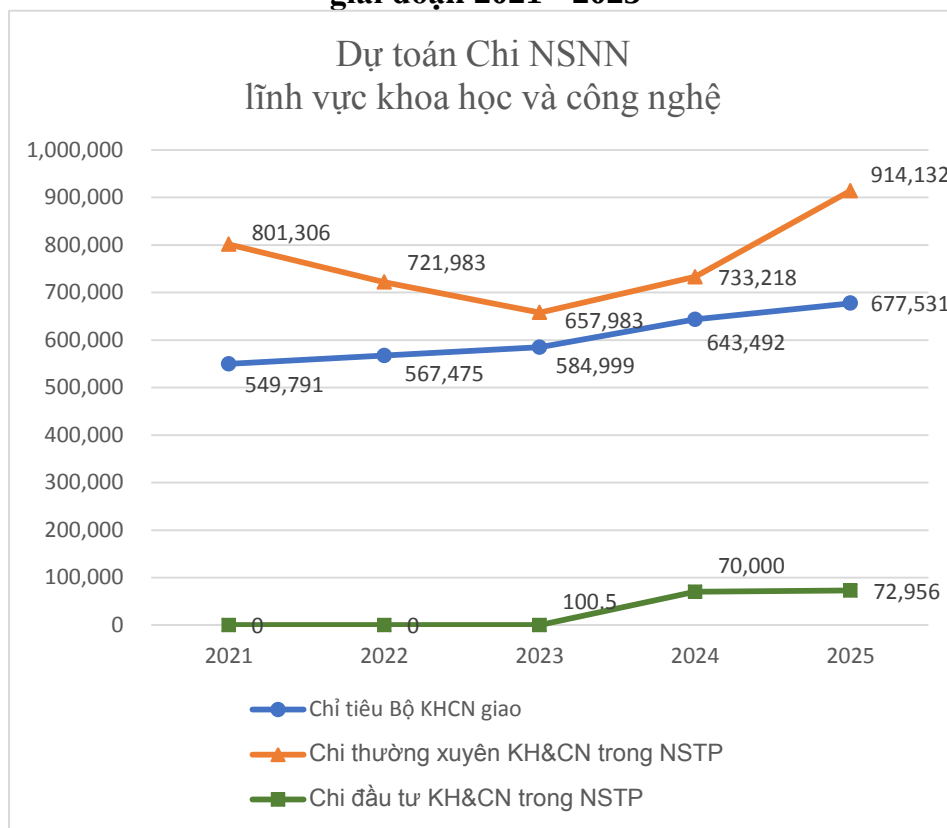
TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
88	Nghiên cứu giải pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. - Mã số: OIX - 11/01-2018-2	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	8/2018 - 12/2019	tình hình mới. - Cơ sở lý luận và thực tiễn về thảm họa và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa. - Đánh giá thực trạng công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2008 - 2018. - Dự báo các nguy cơ và đề xuất các giải pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. - Tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, huấn luyện về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa do sự cố cháy nổ, cháy rừng, cháy nhà; lụt, bão; sự cố hóa chất độc hại; sự cố đổ sập công trình; biểu tình, gây rối, bạo loạn; mất an ninh mạng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Tổ chức thực nghiệm diễn tập về phòng, chống, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả lụt bão cấp huyện tại huyện huyện Quốc Oai. - Đề xuất bản kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố về công tác phòng ngừa phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.
89	Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội trong giai đoạn hiện nay. - Mã số: OIX - 11/03-2018-3	Đảng ủy các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội	8/2018 - 3/2020	- Cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Đánh giá thực trạng lý tưởng cách mạng, giáo dục lý tưởng cách mạng, hiệu quả giáo dục, hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội, gồm: lý tưởng cách mạng, việc tự giác, tích cực, tự rèn luyện phẩm chất, học tập về lý tưởng cách mạng, đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, các thông tin xấu, độc, chống "diễn biến hòa bình", phai nhạt, suy thoái về lý tưởng cách mạng của sinh viên trong Khối; hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong Khối; các chủ thể, nội dung, phương pháp, hình thức, hiệu quả sử dụng các nguồn lực thực hiện giáo dục lý tưởng cách mạng (dạy và học các môn lý luận chính trị, các phong trào thực tiễn, tình nguyện xung kích,...) cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong Khối. - Dự báo những nhân tố tác động đến giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
90	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể “thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” trên địa bàn Hà Nội hiện nay. - Mã số: 01X - 11/04-2018-3	Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội	8/2018 - 9/2020	viên các trường đại học, cao đẳng thuộc Khối trước tình hình mới. - Đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong Khối: các giải pháp về lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, quản lý của nhà trường, công tác tham mưu giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giải pháp nâng cao nhận thức của thầy cô, cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, đổi mới dạy và học, nhất là các môn lý luận chính trị trong các trường; giải pháp về rèn luyện sinh viên gắn với thực tiễn, các phong trào cách mạng, xung kích, tình nguyện; xây dựng môi trường giáo dục, văn hóa trong các trường đại học, cao đẳng; phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong nhà trường; phối hợp các lực lượng, kết hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giải pháp phát huy vai trò sáng tạo, tự học tập rèn luyện trau dồi lý tưởng cách mạng trong sinh viên; đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, sai trái, các thông tin xấu độc; giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên gắn với thực hiện Chỉ thị 05 về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết TW 4 khóa XII của Đảng về nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên. - Đề xuất, kiến nghị với Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy Hà Nội về việc nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, bồi dưỡng giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong Khối. - Làm rõ một số vấn đề lý luận về Tín ngưỡng Thờ Mẫu của người Việt. - Điều tra, thống kê số lượng các đền, phủ, điện thờ Mẫu và các lực lượng tham gia thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Hà Nội hiện nay. - Khảo sát và đánh giá thực trạng về tín ngưỡng thờ Mẫu hiện nay trên địa bàn Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Hà Nội: Quan điểm, phương hướng của công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu; Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước: tuyên truyền, phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
91	Phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình mới. - Mã số: 01X-11/06-2019-3	Học viện Cảnh sát nhân dân	10/2019 - 11/2021	Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Hà Nội, thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh các vi phạm tại các đền, phủ, điện thờ Mẫu; kiện toàn công tác thi đua, khen thưởng, tôn vinh nghệ nhân; bồi dưỡng, nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý di sản văn hóa trong lĩnh vực tín ngưỡng, tâm linh; tăng cường quảng bá, giới thiệu giá trị di sản; tổ chức nghiên cứu khoa học, kiểm kê di sản; Giải pháp tham gia quản lý của cộng đồng xã hội; đề xuất mô hình tự quản, tăng cường xã hội hóa trong công tác tuyên truyền bảo vệ và phát huy giá trị di sản. - Đề xuất dự thảo Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu trên địa bàn Hà Nội và kiến nghị với UBND thành phố Hà Nội. - Kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan Trung ương về công tác quản lý quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu.
92	Xây dựng cơ sở khoa học xác định lại giá trị tài liệu hiện đang bảo quản tại Lưu trữ lịch sử thành phố Hà Nội. - Mã số: 01X-11/08-2019-3	Sở Nội vụ thành phố Hà Nội	10/2019 - 12/2021	- Cơ sở lý luận về phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài trên địa bàn Hà Nội trong tình hình mới. - Đánh giá thực trạng về phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài trên địa bàn Hà Nội hiện nay. - Dự báo tình hình và yêu cầu về phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài trên địa bàn Hà Nội trong tình hình mới. - Đề xuất giải pháp phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài trên địa bàn Hà Nội trong tình hình mới. - Kiến nghị với Trung ương và Thành phố. - Cơ sở pháp lý, lý luận, thực tiễn liên quan đến đề tài. - Đánh giá thực trạng việc xác định giá trị tài liệu các phòng lưu trữ đang được bảo quản tại Lưu trữ lịch sử thành phố Hà Nội. - Đề xuất giải pháp xác định giá trị tài liệu các phòng lưu trữ đang được bảo quản tại Lưu trữ lịch sử thành phố Hà Nội cụ thể và khả thi. - Đề xuất, kiến nghị giải pháp với Thành phố, các cơ quan có liên quan. - Quy trình xác định giá trị tài liệu. - Danh mục tài liệu lưu trữ thay đổi giá trị sau khi đánh giá lại. - Đề xuất, kiến nghị các phương án giải quyết.

TT	Tên đề tài, dự án SXTN	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
XII	Chương trình: Giáo dục đào tạo	Số Du lịch Hà Nội	Thế thao (01X-12)	
93	Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. - Mã số: 01X-12/08-2018-2	Số Du lịch Hà Nội	8/2018 - 6/2020	- Các vấn đề lý luận về phát triển nguồn nhân lực du lịch, nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao, trong bối cảnh hội nhập quốc tế. - Phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế giai đoạn 2012 đến 2020. - Xây dựng Bộ tiêu chí xác định nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao. - Đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao của Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong bối cảnh hội nhập quốc tế để đạt mục tiêu phát triển du lịch bền vững thành ngành kinh tế mũi nhọn. - Đánh giá sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh tại một số trường trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội.
94	Đánh giá sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh trong các trường trung học cơ sở tại thành phố Hà Nội. - Mã số: 01X-12/06-2016-3	Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	7/2016 - 02/2019	- Lý luận về năng lực giáo dục theo khoa học của cha/mẹ học sinh. - Xác định các tiêu chí đánh giá về năng lực giáo dục con theo khoa học của cha/ mẹ các quận nội thành Hà Nội. - Đánh giá năng lực giáo dục con của cha/mẹ theo các tiêu chí được xác định; xác định các nhân tố tác động tới năng lực giáo dục của cha/mẹ học sinh; khảo sát thực trạng các biện pháp phát triển năng lực giáo dục của cha/ mẹ học sinh Trung học cơ sở các quận nội thành Hà Nội hiện đang được sử dụng và hiệu quả của chúng. - Đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm phát triển năng lực giáo dục con của cha/mẹ học sinh Trung học cơ sở một số quận nội thành Hà Nội.
95	Biện pháp phát triển năng lực giáo dục của cha mẹ học sinh trung học cơ sở một số quận nội thành Hà Nội. - Mã số: 01X-12/07-2015-2	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	01/2015 - 12/2016	- Lý luận về năng lực giáo dục theo khoa học của cha/mẹ học sinh. - Xác định các tiêu chí đánh giá về năng lực giáo dục con theo khoa học của cha/ mẹ các quận nội thành Hà Nội. - Đánh giá năng lực giáo dục con của cha/mẹ theo các tiêu chí được xác định; xác định các nhân tố tác động tới năng lực giáo dục của cha/mẹ học sinh; khảo sát thực trạng các biện pháp phát triển năng lực giáo dục của cha/ mẹ học sinh Trung học cơ sở các quận nội thành Hà Nội hiện đang được sử dụng và hiệu quả của chúng. - Đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm phát triển năng lực giáo dục con của cha/mẹ học sinh Trung học cơ sở một số quận nội thành Hà Nội.
96	Giáo dục điều chỉnh hành vi lệch chuẩn cho học sinh các trường THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội - Mã số: 01X-12/05-2019-3	Đại học Văn hóa Hà Nội	10/2019- 12/2021	- Đánh giá thực trạng các mức độ hành vi lệch chuẩn của học sinh các trường THCS và THPT; thực trạng các biện pháp giáo dục điều chỉnh hành vi lệch chuẩn hiện có đối với học sinh các trường THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Đề xuất các biện pháp giáo dục điều chỉnh hành vi lệch chuẩn cho học sinh các trường THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Tài liệu bồi dưỡng giáo viên về giáo dục điều chỉnh hành vi lệch chuẩn cho học sinh các trường THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC 5
Phụ lục 5.1
Dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ
giai đoạn 2021 - 2025



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 5.2
Đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ
(từ nguồn ngân sách nhà nước) giai đoạn 2012-2021

Đơn vị: Triệu đồng

Năm	Nội dung	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN¹⁵
2012	Chi thường xuyên	304.560	204.181
	Chi đầu tư phát triển		19.983
2013	Chi thường xuyên	344.260	244.693
	Chi đầu tư phát triển		277.467
2014	Chi thường xuyên	254.090	173.960
	Chi đầu tư phát triển		265.394
2015	Chi thường xuyên	313.203	261.645
	Chi đầu tư phát triển		296.725
2016	Chi thường xuyên	455.914	180.024
	Chi đầu tư phát triển		191.402
2017	Chi thường xuyên	760.235	223.767
	Chi đầu tư phát triển		141.771
2018	Chi thường xuyên	1.168.932	231.512
	Chi đầu tư phát triển		103.205
2019	Chi thường xuyên	980.905	304.232
	Chi đầu tư phát triển		235.866
2020	Chi thường xuyên	984.965	137.050
	Chi đầu tư phát triển		37.015
2021	Chi thường xuyên	801.306	286.308
	Chi đầu tư phát triển		
2022	Chi thường xuyên	721.983	
	Chi đầu tư phát triển		

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 6

Phụ lục 6.1

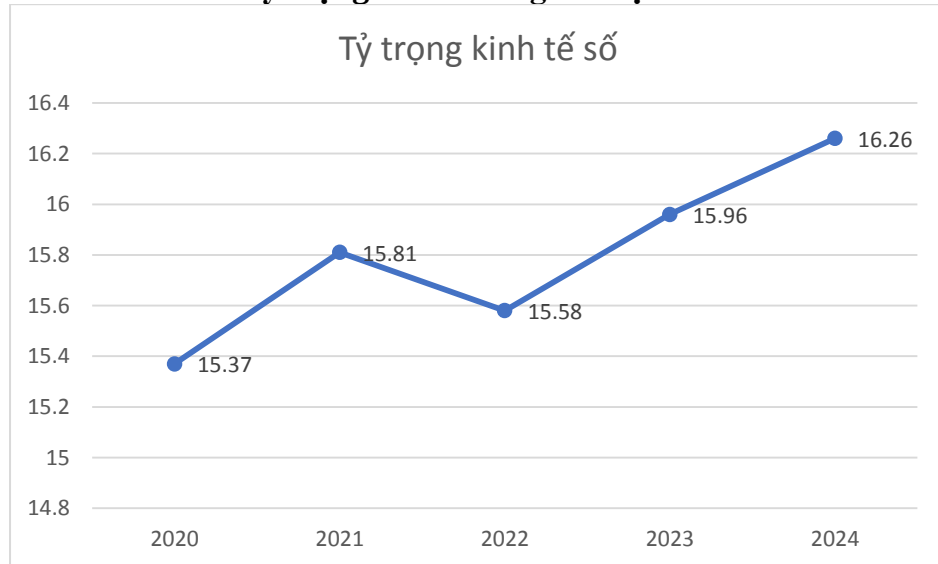
Xếp hạng Bộ chỉ số chuyển đổi số DTI cấp tỉnh

	Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023
	Thành phố Hà Nội				
1	Xếp hạng tổng hợp	43	40	24	6
	Điểm tổng hợp	0,2717	0,3535	0,6098	0,7448
2	Xếp hạng CQS	48	41	40	32
	Điểm CQS	0,3168	0,3685	0,6298	0,6794
3	Xếp hạng KTS	27	38	18	4
	Điểm KTS	0,2619	0,3845	0,681	0,8667
4	Xếp hạng XHS	54	47	30	11
	Điểm XHS	0,2215	0,3261	0,5895	0,5639

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 6.2

Biểu đồ Tỷ trọng kinh tế số giai đoạn 2020 - 2024

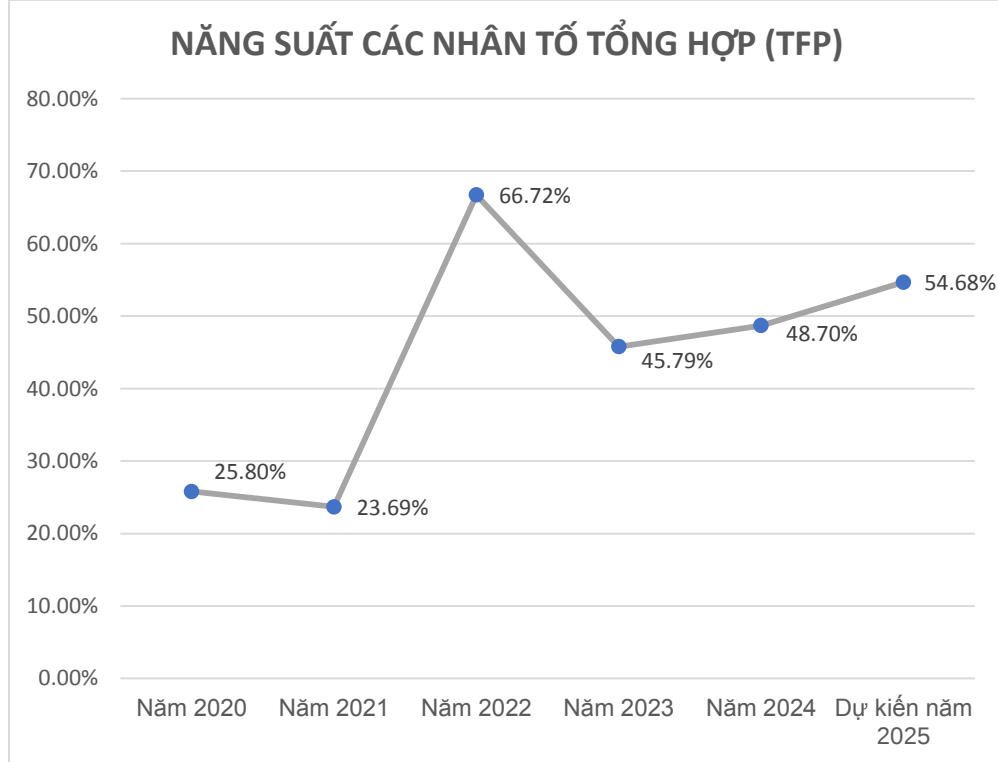


(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 7

Phụ lục 7.1

Biểu đồ Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2020 - 2024

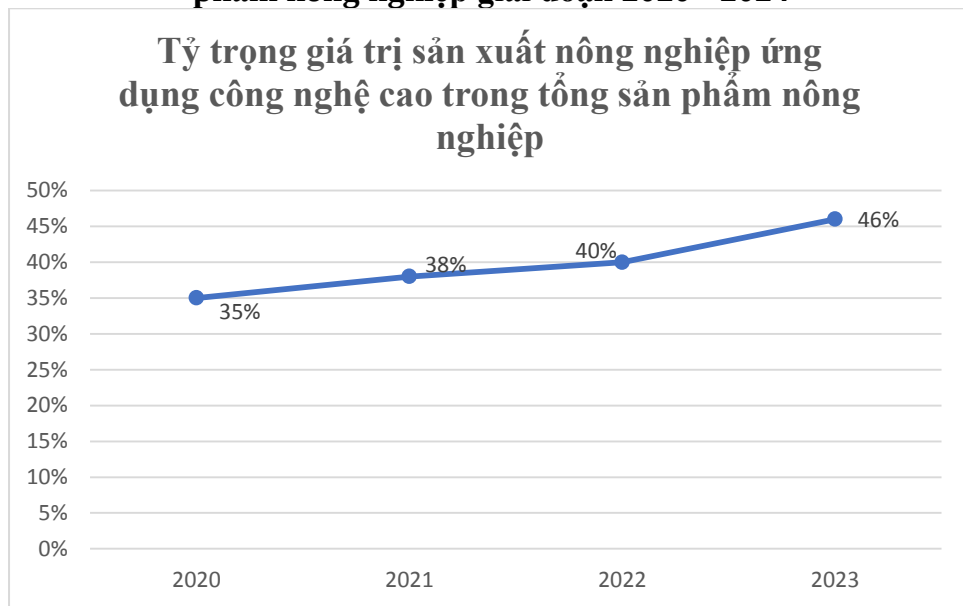


(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 7.2

Biểu đồ

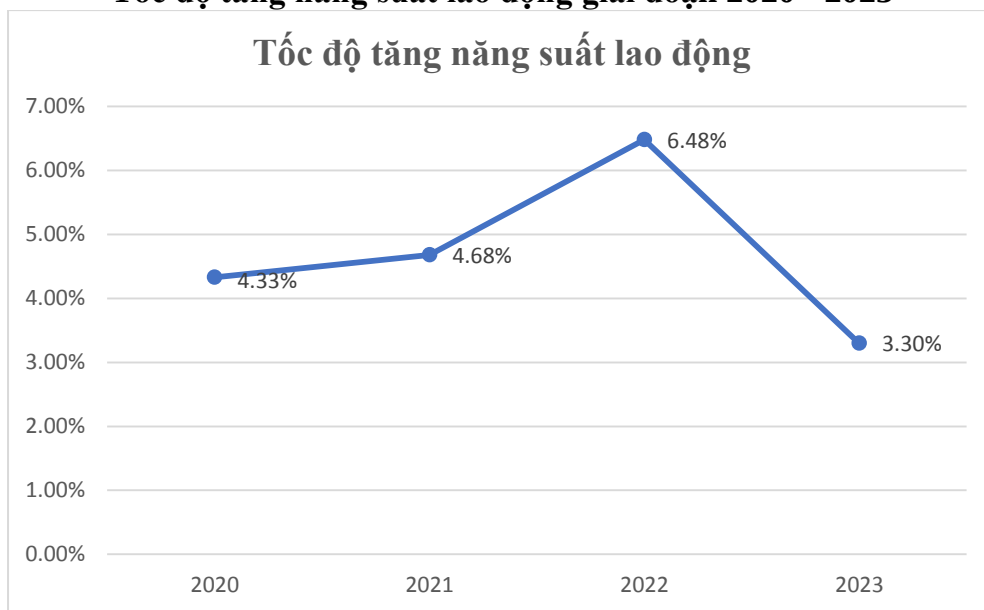
Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tổng sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020 - 2024



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 7.3

Tốc độ tăng năng suất lao động giai đoạn 2020 - 2023



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 8

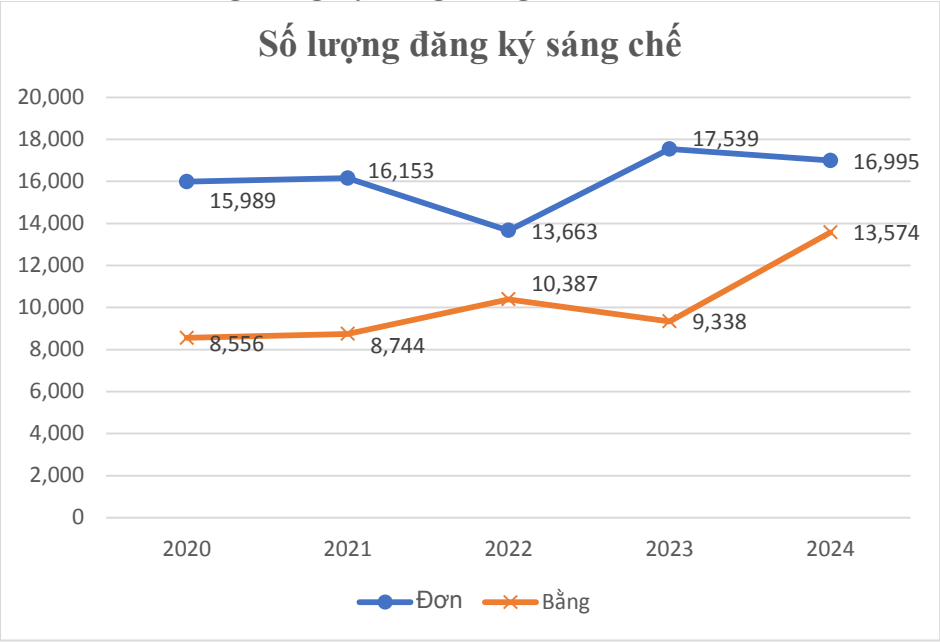
Phụ lục 8.1

Số lượng công bố quốc tế giai đoạn 2021 - 2024



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 8.2
Số lượng đăng ký sáng chế giai đoạn 2020 - 2024



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 9
Thống kê về nhân lực và các tổ chức khoa học và công nghệ
giai đoạn 2012-2021 của Thành phố

Số tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại
 cơ sở Hà Nội (2012-2021)

STT	Số lượng tổ chức	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng (2012- 2021)
1	Công lập	19	8	8	11	8	27	9	5	6	4	95
2	Ngoài công lập	29	28	26	31	28	27	14	23	13	18	237
	<i>Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp</i>	19	14	9	0	1	2	1	1	1	0	48
	<i>Doanh nghiệp, cơ sở GDĐH, bệnh viện ngoài công lập thành lập</i>	4	8	7	23	21	19	7	16	12	11	128
	Cá nhân thành lập	6	6	10	8	6	6	6	6	10	6	70
3	Chi nhánh, VPĐD	2	0	1	1	1	2	6	3	2	1	19
	Tổng (1+2+3)	50	36	35	43	37	46	29	31	31	22	350

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 10
Thống kê các tổ chức, doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm khoa học và công nghệ tại địa phương

**Phụ lục 10.1.Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ do sở khoa học và công nghệ Hà Nội chứng nhận
(2012 - 4/2022)**

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Đến tháng 4/2022	Tổng
Số DN được chứng nhận (lần đầu)	4	3	7	10	5	6	6	14	9	12	3	79
Số lượt DN được chứng nhận thay đổi nội dung (bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ)	0	1	1	1	3	2	4	1	5	10	0	28
Tổng	4	4	8	11	8	8	10	15	14	22	3	107

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

**Phụ lục 10.2. Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ của Hà Nội do Cục phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ chứng nhận
(2019 - 4/2022)**

Năm	2019	2020	2021	Đến 4/2022	Tổng (2019-4/2022)
Cấp chứng nhận lần đầu	9	15	10	0	34
Cấp thay đổi nội dung	2	4	4	0	10
Tổng	11	19	14	0	40

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 11

Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và kinh tế tư nhân

Phụ lục 11.1

Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được đánh giá/ thẩm định, xác nhận (2015-2021)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng (2015-2021)
Số nhiệm vụ đề nghị đánh giá	3	2	2	8	5	0	3	23
Số tổ chức đề nghị đánh giá	3 (DN)	2 (DN)	2 (DN)	7 (6DN +1 Sở)	5 (4DN +1BV)	0	3	21 (18 DN +1 sở +2 BV)
Số nhiệm vụ được cấp Giấy xác nhận	3	1	2	8	5	0	3	21

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 11.2

Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ ươm tạo, hoàn thiện công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (KC), đề tài, dự án độc lập do doanh nghiệp, hợp tác xã của Hà Nội chủ trì (2012-2021)

TT	Tên chương trình	Số lượng	Tổ chức chủ trì
A	Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý)	45	Trên 32 lượt doanh nghiệp và 2 HTX
1	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đến năm 2020 (Chương trình 592)	3 dự án	1. Công ty CP Thực phẩm Minh Dương (2015-2017). 2. Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội (2016-2019). 3. Công ty TNHH HTV Thực phẩm lý tưởng Việt Nam (2019-2020).
2	Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 (Chương trình 2075)	3 dự án	1. Công ty CP công nghệ vi sinh và môi trường (2018-2020). 2. Công ty CP Thiết bị chuyên dụng Việt Nam. 3. Công ty CP Ecorice Việt Nam (2016-2017).
3	Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	1 đề tài	1. Công ty TNHH tư vấn y dược quốc tế IMC (2013-2018).
4	Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020	3 đề tài + 6 dự án	1. Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (2013-2015). 2. Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) (2013-2015). 3. Công ty TNHH MTV vacxin và sinh phẩm số 1. 4. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ công nghiệp Nhật Minh. 5. Công ty CP Cơ nhiệt lạnh Eresson. 6. Công ty CP Sữa Hà Nội (Hanoimilk). 7. Công ty CP Giống gia súc Hà Nội (2017-2019). 8. Công ty CP Dược thảo Thiên Phúc (2017-2019). 9. Công ty CP Tập đoàn CMC (2019-2021).
5	Đề tài, dự án độc lập	1 đề tài + 2 dự án	1. Công ty CP Giống cây trồng Trung ương (NSC) (2012-2017) 2. Công ty CP chế tạo máy điện

			Việt Nam - Hung ga ri (2015-2017). 3. Công ty CP Viện Nghiên cứu Dệt-May (2015-2018)
6	Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước		
	Chương trình KC02/16-20 (Vật liệu)	1 đề tài	Viện Nghiên cứu và phát triển vật liệu mới (thuộc Công ty TNHH công nghệ và dịch vụ thương mại Lạc Trung)
	Chương trình KC04/11-15 (Công nghệ sinh học)	2 dự án	Công ty TNHH Công nghệ Xanh Thành Châu.
	Chương trình KC10/16-20 (Chăm sóc sức khỏe cộng đồng)	1 đề tài	Công ty CP nhà máy thiết bị y học và vật liệu sinh học.
7	Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia	2 dự án	1. Tổng Công ty thiết bị điện Đông Anh - CTCP & Tập đoàn điện lực Việt Nam (2015-2019). 2. Công ty CP CP khoáng sản và luyện kim Việt Nam (MIREX) (từ 2014).
8	Dự án thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia	5 dự án (4 sản xuất vaksin+1 cà phê)	1. Công ty CP thuốc thú y Trung ương (NAVETCO) 2 dự án (2014-2016) và (2016-2018) 2. Công ty CP Thuốc Thú y TW 5 (FIVEVET) (2018-2020) 3. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu cà phê Minh Tiến.
9	Chương trình nông thôn miền núi	7 dự án	1. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu KINOKO Thanh Cao (2012-2014) 2. Hợp tác xã sản xuất kinh doanh hoa, cây cảnh Thụy Hương (2012-2014) 3. Công ty CP Phát triển nông nghiệp công nghệ sao Sông Hồng (2013-2015). 4. Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển kỹ thuật và Chuyển giao công nghệ (2016-2018). 5. Công ty CP phát triển ong Việt Nam (2017-2019). 6. Công ty CP phát triển Xuân Hồng (2018-2020). 7. HTX Sản xuất kinh doanh nông nghiệp Đoàn Kết (2019-2021)
B	Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (giao cho Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ	8 nhiệm vụ	

	<i>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý</i>		
1	Nhiệm vụ Bộ Y tế quản lý	2	1. Công ty CP Dược phẩm Quế Lâm. 2.
2	Nhiệm vụ Bộ Công Thương quản lý	5	1. Công ty TNHH MTV bia rượu Eresson 2. Công ty CP Dược phẩm CPC 1 Hà Nội (2017-2019). 3. Công ty CP phát triển thực phẩm quốc tế. 4. Công ty CP Viện Máy và dụng cụ công nghiệp. 5. Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Thương mại Lạc Trung (2017-2019).
3	Nhiệm vụ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý	1	

(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

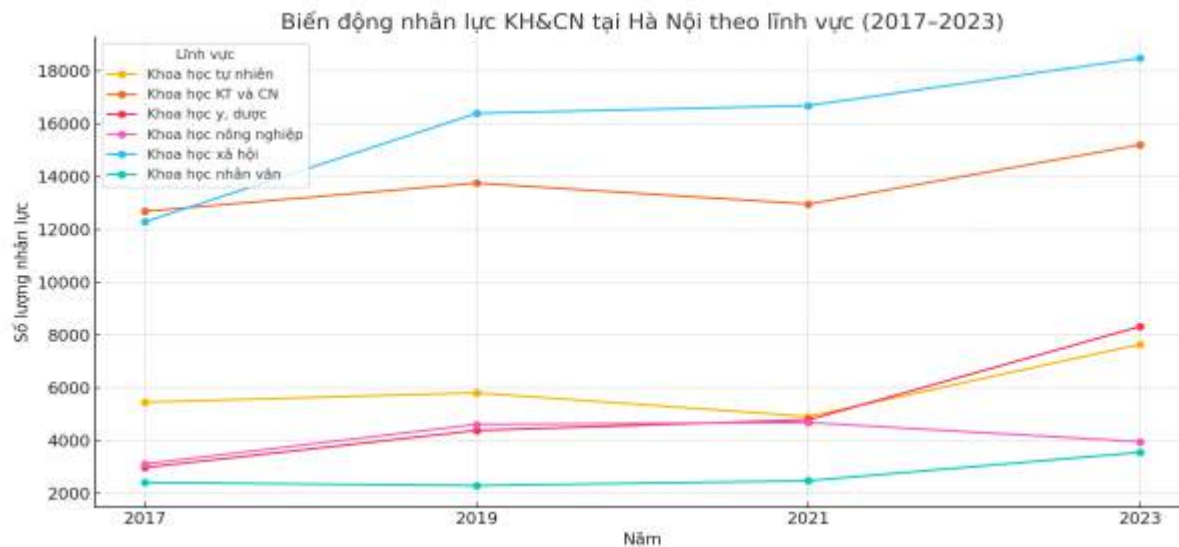
Phục lục 11.3

Hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ thông qua chương trình, dự án có vốn nước ngoài (2016-2020)

C	Chương trình, dự án có vốn nước ngoài	Số lượng	Tổ chức chủ trì
1	Chương trình đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan giai đoạn 2 (IPP2)	1 dự án	Công ty CP Công nghệ plasma Việt Nam
2	Chương trình Việt - Bỉ (BIPP)	1 dự án	
3	Dự án đổi mới sáng tạo thông qua nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (FIRST)	4 dự án	1. Công ty CP Công nghệ plasma Việt Nam. 2. Công ty CP Bóng đèn - Phích nước Rạng Đông (2017-2019). 3. Công ty CP Đầu tư phát triển sản xuất và xuất nhập khẩu An Phước (2017-2019). 4. Công ty CP Hóa sinh Việt Nam.
4	Chương trình hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo Việt Nam - Vương quốc Anh (Chương trình Newton Việt Nam)	1 dự án	Công ty TNHH Techfarm
	Tổng số	7	

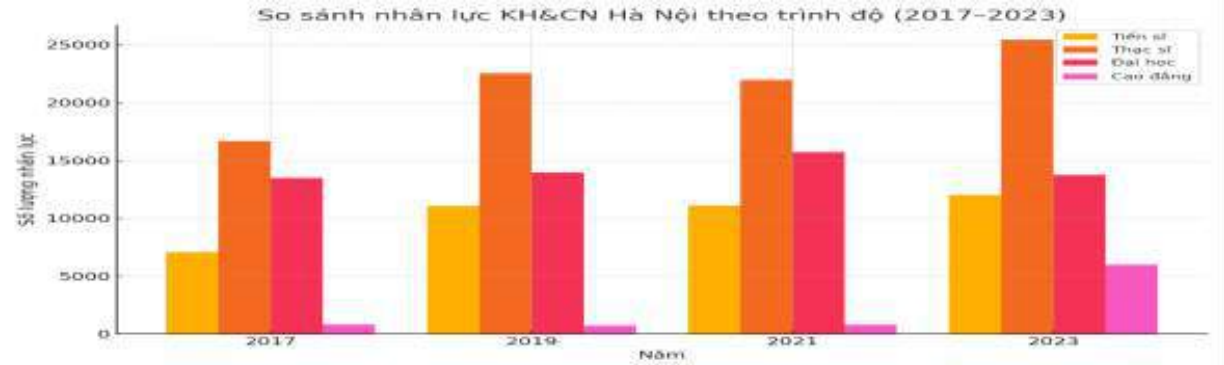
(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 12
Phụ lục 12.1
Biến động nhân lực khoa học và công nghệ của Thành phố Hà Nội theo lĩnh vực
giai đoạn 2017-2023



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 12.2
Biến động nhân lực khoa học và công nghệ Thành phố Hà Nội theo
trình độ giai đoạn 2017-2023



(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ)

PHỤ LỤC 13

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Kính thưa đồng chí!

Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài: “Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ hiện nay.”

Nhằm thu thập ý kiến phục vụ nghiên cứu khoa học, kính mong đồng chí dành thời gian trả lời bảng câu hỏi dưới đây. Những ý kiến của đồng chí có ý nghĩa quan trọng đối với việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ trong thời gian tới.

Mọi thông tin cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, được bảo đảm khuyết danh, đồng chí không cần ghi họ tên.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

2. Năm sinh:

3. Học vấn:

☐ Cử nhân

□ Thac sĩ

□ Tiến sĩ

□ PGS, TS

☐ Mục khác:

4. Trình độ lý luận

☐ Sơ cấp

☐ Trung cấp

☐ Cao cấp

5. Vị trí công tác hiện nay

☐ Cán bộ cơ quan Đảng (Thành ủy; cấp ủy trực thuộc; cơ quan tham mưu, giúp việc)

☐ Cán bộ chính quyền, quản lý nhà nước (Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; sở; ngành; địa phương)

☐ Cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ

☐ Nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên

☐ Lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp khoa học, công nghệ

☐ Cán bộ Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội

☐ Khác (ghi rõ):

6. Chức vụ hiện nay

☐ Cấp trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức

☐ Cấp phó cơ quan, đơn vị, tổ chức

☐ Trưởng phòng, ban, bộ môn, trung tâm hoặc tương đương☐ Phó Trưởng phòng, ban, bộ môn, trung tâm hoặc tương đương☐ Không giữ chức vụ

7. Thâm niên công tác

$\square < 5$ năm

☐ 5-10 năm

☐ 11-20 năm

☐ >20 năm

8. Mức độ liên quan của lĩnh vực/ngành/nghề đang làm đến hoạt động khoa học, công nghệ

☐ Hoàn toàn không liên quan

☐ Liên quan một ít

☐ Liên quan khá nhiều

☐ Liên quan nhiều

II. NỘI DUNG

9. Đồng chí cho biết mức độ đồng tình với các nhận định sau về các đặc điểm khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội?

(1)-Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung nhận định	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Có cơ cấu lĩnh vực đầy đủ, đa dạng về loại hình và trình độ phát triển cao	☐	☐	☐	☐
2	Nguồn lực quy mô lớn, chất lượng cao, là địa bàn tập trung nhiều tổ chức khoa học, công nghệ, viện nghiên cứu khoa học lớn của Trung ương, thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.	☐	☐	☐	☐
3	Gắn nghiên cứu với đào tạo và ứng dụng công nghệ vào quản lý, phát triển đô thị thông minh.	☐	☐	☐	☐
4	Hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương đối hoàn chỉnh, có khả năng lan tỏa mạnh mẽ.	☐	☐	☐	☐

10. Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của các nội dung sau đối với sự phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội?

(1)- Hoàn toàn không cần thiết, (2)- Ít cần thiết, (3)-Cần thiết, (4)- Rất cần thiết

STT	Nội dung	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo định hướng mũi nhọn.	☐	☐	☐	☐
2	Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ đồng bộ, hiện đại.	☐	☐	☐	☐
3	Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	☐	☐	☐	☐
4	Phát triển thị trường khoa học, công nghệ cùng các dịch vụ hỗ trợ.	☐	☐	☐	☐
5	Mở rộng hợp tác, liên kết và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.	☐	☐	☐	☐

6	Phát huy vai trò và thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội trong phát triển khoa học, công nghệ.	☐	☐	☐	☐
---	--	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

11. Đồng chí cho biết mức độ quan trọng của các hình thức, biện pháp phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội hiện nay?

(1)- Không quan trọng, (2)- Ít quan trọng, (3)- Quan trọng, (4)- Rất quan trọng

STT	Yếu tố	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế quản trị khoa học, công nghệ theo hướng hiện đại, hiệu quả	☐	☐	☐	☐
2	Phát triển đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao	☐	☐	☐	☐
3	Bảo đảm và nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất – kỹ thuật cho khoa học, công nghệ	☐	☐	☐	☐
4	Tạo lập và phát triển môi trường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ	☐	☐	☐	☐

12. Mức độ đồng tình của các đồng chí về các vai trò phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội hiện nay?

(1)-Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Vai trò	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát triển khoa học, công nghệ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô.	☐	☐	☐	☐
2	Phát triển khoa học, công nghệ giữ vai trò nền tảng trong hiện đại hóa quản lý đô thị và xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại.	☐	☐	☐	☐
3	Phát triển khoa học, công nghệ là yếu tố cốt lõi nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Hà Nội trong khu vực và quốc tế.	☐	☐	☐	☐
4	Phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội tạo hiệu ứng lan tỏa, giữ vai trò hạt nhân trong nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ quốc gia.	☐	☐	☐	☐

13. Đồng chí đánh giá thế nào về sự quan tâm của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố?

- ☐ Rất quan tâm
☐ Quan tâm
☐ Ít quan tâm
☐ Không quan tâm

14. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện các nội dung lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ?

(1)- Trung bình, (2)- Khá, (3)- Tốt, (4)- Rất tốt

STT	Nội dung lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội.	☐	☐	☐	☐
2	Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.	☐	☐	☐	☐
3	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.	☐	☐	☐	☐
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ của Thành phố.	☐	☐	☐	☐
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố.	☐	☐	☐	☐
6	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội.	☐	☐	☐	☐

15. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện các phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ?

(1)- Trung bình, (2)- Khá, (3)- Tốt, (4)- Rất tốt

STT	Phương thức lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng nghị	☐	☐	☐	☐

	quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ.				
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động	☐	☐	☐	☐
3	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.	☐	☐	☐	☐
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên.	☐	☐	☐	☐
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.	☐	☐	☐	☐

16. Đồng chí đánh giá mức độ hiệu quả thông qua các vai trò lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố?

(1)- Không hiệu quả, (2)- Ít hiệu quả, (3)- Hiệu quả, (4)- Rất hiệu quả

STT	Vai trò	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ của Hà Nội đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.	☐	☐	☐	☐
2	Nhân tố quyết định trong việc bảo đảm thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội.	☐	☐	☐	☐
3	Điều phối, gắn kết và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thủ đô.	☐	☐	☐	☐
4	Huy động sự tham gia của nhân dân và khai thác, phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố.	☐	☐	☐	☐

17. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ưu điểm về nội dung lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

(1)- Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Ưu điểm về nội dung lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố kịp thời, chủ động và cơ bản sát với yêu cầu thực tiễn của Thủ đô và xu thế chung của đất nước	☐	☐	☐	☐
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy,	☐	☐	☐	☐

	tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ đạt kết quả tích cực, tương đối đồng bộ				
3	Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội một cách đồng bộ và đạt hiệu quả thiết thực	☐	☐	☐	☐
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ của Thành phố theo hướng chất lượng cao.	☐	☐	☐	☐
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và tương đối hiệu quả giữa các tổ chức, lực lượng; chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ	☐	☐	☐	☐

6	Thành ủy Hà Nội duy trì thường xuyên việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm một cách bài bản; kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chủ trương, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố	☐	☐	☐	☐
---	--	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

18. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những hạn chế về nội dung lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

(1)- Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Hạn chế về nội dung lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Việc lãnh đạo định hướng phương hướng và nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội có lúc, có nơi còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ	☐	☐	☐	☐
2	Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai của một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ có lúc chưa thật sự sâu sát, quyết liệt	☐	☐	☐	☐
3	Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đôi khi còn chưa sâu sát, nhất là đối với chính quyền cấp xã	☐	☐	☐	☐
4	Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan khoa học, công nghệ còn chưa đồng đều	☐	☐	☐	☐

	về tiến độ; chất lượng nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu; cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài chưa thực sự hiệu quả				
5	Công tác lãnh đạo phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng đôi lúc chưa nhịp nhàng, việc huy động, phân bổ nguồn lực, mở rộng hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ còn chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả liên kết và sử dụng nguồn lực đôi khi chưa tương xứng với yêu cầu phát triển	☐	☐	☐	☐
6	Việc lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ đôi khi còn mang tính hình thức; nội dung rút kinh nghiệm chưa thật sự sâu sắc	☐	☐	☐	☐

19. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ưu điểm về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

(1)- Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Ưu điểm về phương thức lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ được Thành ủy Hà Nội ưu tiên, triển khai bài bản, hệ thống và đạt hiệu quả tương đối rõ nét	☐	☐	☐	☐
2	Lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Thành ủy Hà Nội có nhiều đổi mới, linh hoạt, góp phần tạo đồng thuận và nâng cao nhận thức xã hội về phát triển khoa học, công nghệ.	☐	☐	☐	☐
3	Công tác tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội được thực hiện chủ	☐	☐	☐	☐

	động, từng bước kiện toàn đội ngũ và tạo nền tảng nguồn nhân lực cho phát triển khoa học, công nghệ				
4	Lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tương đối hiệu quả trong phát triển khoa học, công nghệ thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên	☐	☐	☐	☐
5	Lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát của Thành ủy Hà Nội được đẩy mạnh, thực hiện nghiêm túc và có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển khoa học, công nghệ	☐	☐	☐	☐

20. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những hạn chế về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

(1)- Hoàn toàn không đồng ý, (2)- Không đồng ý, (3)- Đồng ý, (4)- Hoàn toàn đồng ý

STT	Hạn chế về phương thức lãnh đạo	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ còn một số bất cập, một số nơi chỉ đạo còn mang tính hình thức, chưa thực sự bám sát văn bản.	☐	☐	☐	☐
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo triển khai tuyên truyền, thuyết phục, vận động về phát triển khoa học, công nghệ có có lúc, có nơi chưa kịp thời; hiệu quả chưa đồng đều; mức độ lan tỏa và chiều sâu nhận thức ở một số nhóm đối tượng còn hạn chế	☐	☐	☐	☐
3	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ của Thành phố còn hạn chế, bất cập	☐	☐	☐	☐
4	Vai trò của một số tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện chủ trương phát triển khoa học, công	☐	☐	☐	☐

	nghệ theo sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội có lúc chưa phát huy đầy đủ; chất lượng triển khai giữa các đơn vị còn khác nhau				
5	Thành ủy lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện, đôi khi chưa thật sự quyết liệt.	☐	☐	☐	☐

21. Đồng chí hãy cho biết đâu là yếu tố thuận lợi tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới? (có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Sự nhất quán trong chủ trương của Đảng, Nhà nước và việc hoàn thiện môi trường chính trị - pháp lý thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ.
- ☐ Vị thế trung tâm và tiềm lực khoa học, công nghệ của Thủ đô Hà Nội.
- ☐ Sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và xã hội đối với phát triển khoa học, công nghệ.
- ☐ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 đã thành công tốt đẹp.
- ☐ Cơ hội mới từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số.
- ☐ Những thành tựu to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới và kết quả phát triển nổi bật của Thủ đô Hà Nội trên các lĩnh vực.
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

22. Đồng chí hãy cho biết đâu là yếu tố khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới? (có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ còn bất cập.
- ☐ Thiếu liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.
- ☐ Nguồn lực tài chính và nhân lực khoa học, công nghệ phân bổ chưa đồng đều.
- ☐ Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.
- ☐ Thách thức trong bảo đảm chủ quyền dữ liệu, tự chủ công nghệ, an ninh mạng và an toàn thông tin.
- ☐ Xung đột, chiến tranh diễn ra phức tạp ở nhiều khu vực và có nguy cơ lan rộng.
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

23. Theo đồng chí, thời gian tới, cần tập trung vào những phương hướng nào để tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ? (có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Tiếp tục khẳng định phát triển khoa học, công nghệ là khâu đột phá chiến lược của Thủ đô.
- ☐ Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng
- ☐ Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho khoa học, công nghệ Thủ đô.

- ☐ Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao
- ☐ Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, quản lý khoa học, công nghệ
- ☐ Khác (ghi rõ):.....

24. Theo đồng chí, để tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới, Thành ủy Hà Nội cần tập trung thực hiện những giải pháp nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đột phá đổi mới tư duy của Thành ủy, người đứng đầu cấp ủy; cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên về tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội.
- ☐ Đổi mới xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.
- ☐ Tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học, công nghệ; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.
- ☐ Tăng cường lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học, công nghệ, nhân dân Thành phố trong phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- ☐ Lãnh đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các lĩnh vực đời sống xã hội và tăng cường nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ.
- ☐ Quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, mở rộng kết nối với các trung tâm khoa học, công nghệ lớn trong nước và thế giới; huy động nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ gắn với bảo vệ môi trường.
- ☐ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về phát triển khoa học, công nghệ.

25. Đồng chí có đề xuất/kiến nghị cụ thể nào khác để nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới?

.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của đồng chí!

PHỤ LỤC 14
KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

TỔNG SỐ PHIẾU

1. Số phiếu phát ra: 1000 (100%)
2. Số phiếu thu về: 869 (86,9%)
3. Số phiếu hợp lệ: 833 (83,3%)
4. Số phiếu không hợp lệ: 36 (3,6%)

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	361	43,3%
	Nữ	472	56,7%
Nhóm tuổi	Dưới 35 tuổi	187	22,4%
	Từ 35 đến dưới 60 tuổi	394	47,3%
	Trên 60 tuổi	252	30,3%
Học vấn	Cử nhân	394	47,3%
	Thạc sĩ	287	34,5%
	Tiến sĩ	38	4,6%
	PGS, TS	17	2,0%
	Trình độ khác	97	11,6%
Trình độ lý luận	Cao cấp	175	21,0%
	Trung cấp	377	45,3%
	Sơ cấp	136	16,3%
	Không có	145	17,4%
Vị trí công tác	Cán bộ cơ quan Đảng (Thành ủy; cấp ủy trực thuộc; cơ quan tham mưu, giúp việc)	136	16,3%
	Cán bộ chính quyền, quản lý nhà nước (Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; sở; ngành; địa phương)	147	17,6%
	Cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ	232	27,9%
	Nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên	144	17,3%
	Lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp khoa học, công nghệ	35	4,2%
	Cán bộ Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội	93	11,2%
	Nghề nghiệp khác	46	5,5%
Chức vụ hiện nay	Cấp trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức	148	17,8%

	Cấp phó cơ quan, đơn vị, tổ chức	126	15,1%
	Trưởng phòng, ban, bộ môn, trung tâm hoặc tương đương	172	20,6
	Phó Trưởng phòng, ban, bộ môn, trung tâm hoặc tương đương	155	18,6%
	Không giữ chức vụ	232	27,9%
Thâm niên công tác	< 5 năm	79	9,5%
	5-10 năm	145	17,4%
	11-20 năm	281	33,7%
	>20 năm	328	39,4%
Mức độ liên quan của lĩnh vực/ngành/nghề đang làm đến hoạt động khoa học, công nghệ	Hoàn toàn không liên quan	52	6,2%
	Liên quan một ít	148	17,8%
	Liên quan khá nhiều	276	33,1%
	Liên quan nhiều	357	42,9%

II. NỘI DUNG

9. Đồng chí cho biết mức độ đồng tình với các nhận định sau về các đặc điểm khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội?

STT	Nội dung nhận định	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Có cơ cấu lĩnh vực đầy đủ, đa dạng về loại hình và trình độ phát triển cao	42 (5.0%)	128 (15.4%)	386 (46.3%)	277 (33.3%)
2	Nguồn lực quy mô lớn, chất lượng cao, là địa bàn tập trung nhiều tổ chức khoa học, công nghệ, viện nghiên cứu khoa học lớn của Trung ương, thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.	37 (4.4%)	116 (13.9%)	401 (48.1%)	279 (33.5%)
3	Gắn nghiên cứu với đào tạo và ứng dụng công nghệ vào quản lý, phát triển đô thị thông minh.	51 (6.1%)	142 (17.0%)	374 (44.9%)	266 (31.9%)
4	Hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương đối hoàn chỉnh, có khả năng lan tỏa mạnh mẽ.	46 (5.5%)	135 (16.2%)	381 (45.7%)	271 (32.5%)

10. Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của các nội dung sau đối với sự phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội?

STT	Nội dung	Hoàn toàn	Ít	Cần thiết	Rất
-----	----------	-----------	----	-----------	-----

		không cần thiết	cần thiết		cần thiết
1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo định hướng mũi nhọn.	19 (2.3%)	67 (8.0%)	332 (39.9%)	415 (49.8%)
2	Phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ đồng bộ, hiện đại.	23 (2.8%)	79 (9.5%)	356 (42.7%)	375 (45.0%)
3	Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.	17 (2.0%)	61 (7.3%)	318 (38.2%)	437 (52.5%)
4	Phát triển thị trường khoa học, công nghệ cùng các dịch vụ hỗ trợ.	31 (3.7%)	108 (13.0%)	372 (44.7%)	322 (38.7%)
5	Mở rộng hợp tác, liên kết và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.	28 (3.4%)	95 (11.4%)	349 (41.9%)	361 (43.3%)
6	Phát huy vai trò và thúc đẩy sự tham gia của toàn xã hội trong phát triển khoa học, công nghệ.	36 (4.3%)	121 (14.5%)	381 (45.7%)	295 (35.4%)

11. Đồng chí cho biết mức độ quan trọng của các hình thức, biện pháp phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội hiện nay?

STT	Yếu tố	Không quan trọng	Ít quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng
1	Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế quản trị khoa học, công nghệ theo hướng hiện đại, hiệu quả	24 (2.9%)	86 (10.3%)	347 (41.7%)	376 (45.1%)
2	Phát triển đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao	19 (2.3%)	72 (8.6%)	334 (40.1%)	408 (49.0%)
3	Bảo đảm và nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất – kỹ thuật cho khoa học, công nghệ	27 (3.2%)	97 (11.6%)	361 (43.3%)	348 (41.8%)
4	Tạo lập và phát triển môi trường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ	34 (4.1%)	118 (14.2%)	389 (46.7%)	292 (35.1%)

12. Mức độ đồng tình của các đồng chí về các vai trò phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội hiện nay?

STT	Vai trò	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Phát triển khoa học, công nghệ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thủ đô.	26 (3.1%)	89 (10.7%)	384 (46.1%)	334 (40.1%)
2	Phát triển khoa học, công nghệ giữ vai trò nền tảng trong hiện đại hóa quản lý đô thị và xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại.	32 (3.8%)	97 (11.6%)	371 (44.5%)	333 (40.0%)
3	Phát triển khoa học, công nghệ là yếu tố cốt lõi nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Hà Nội trong khu vực và quốc tế.	29 (3.5%)	93 (11.2%)	359 (43.1%)	352 (42.3%)
4	Phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội tạo hiệu ứng lan tỏa, giữ vai trò hạt nhân trong nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ quốc gia.	37 (4.4%)	121 (14.5%)	382 (45.9%)	293 (35.2%)

13. Đồng chí đánh giá thế nào về sự quan tâm của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố?

Phương án	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất quan tâm	301	36.1%
Quan tâm	392	47.1%
Ít quan tâm	104	12.5%
Không quan tâm	36	4.3%

14. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện các nội dung lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ?

STT	Nội dung lãnh đạo	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội.	58 (7.0%)	173 (20.8%)	349 (41.9%)	253 (30.4%)
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.	66 (7.9%)	191 (22.9%)	336 (40.3%)	240 (28.8%)
3	Thành ủy lãnh đạo chính	63	184	341	245

	quyền các cấp của thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.	(7.6%)	(22.1%)	(40.9%)	(29.4%)
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của Thành phố.	72 (8.6%)	203 (24.4%)	323 (38.8%)	235 (28.2%)
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố.	69 (8.3%)	197 (23.6%)	329 (39.5%)	238 (28.6%)
6	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội.	76 (9.1%)	211 (25.3%)	309 (37.1%)	237 (28.5%)

15. Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện các phương thức lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ?

STT	Phương thức lãnh đạo	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ.	54 (6.5%)	162 (19.4%)	357 (42.9%)	260 (31.2%)
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động	67 (8.0%)	188 (22.6%)	335 (40.2%)	243 (29.2%)
3	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.	71 (8.5%)	199 (23.9%)	327 (39.3%)	236 (28.3%)
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên.	63 (7.6%)	183 (22.0%)	342 (41.1%)	245 (29.4%)
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát.	78 (9.4%)	214 (25.7%)	306 (36.7%)	235 (28.2%)

16. Đồng chí đánh giá mức độ hiệu quả thông qua các vai trò lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố?

STT	Vai trò	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả
1	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ của Hà Nội đúng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.	44 (5.3%)	133 (16.0%)	379 (45.5%)	277 (33.3%)
2	Nhân tố quyết định trong việc bảo đảm thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội.	51 (6.1%)	146 (17.5%)	368 (44.2%)	268 (32.2%)
3	Điều phối, gắn kết và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng tham gia phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thủ đô.	57 (6.8%)	159 (19.1%)	357 (42.9%)	260 (31.2%)
4	Huy động sự tham gia của nhân dân và khai thác, phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố.	63 (7.6%)	171 (20.5%)	344 (41.3%)	255 (30.6%)

17. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ưu điểm về nội dung lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

STT	Ưu điểm về nội dung lãnh đạo	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố kịp thời, chủ động và cơ bản sát với yêu cầu thực tiễn của Thủ đô và xu thế chung của đất nước	39 (4.7%)	121 (14.5%)	392 (47.1%)	281 (33.7%)
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ đạt kết quả tích cực, tương đối đồng bộ	51 (6.1%)	147 (17.6%)	372 (44.7%)	263 (31.6%)
3	Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội một cách đồng bộ và đạt hiệu quả thiết thực	46 (5.5%)	134 (16.1%)	381 (45.7%)	272 (32.7%)
4	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ của	58 (7.0%)	161 (19.3%)	356 (42.7%)	258 (31.0%)

	Thành phố theo hướng chất lượng cao.				
5	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và tương đối hiệu quả giữa các tổ chức, lực lượng; chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ	61 (7.3%)	172 (20.6%)	347 (41.7%)	253 (30.4%)
6	Thành ủy Hà Nội duy trì thường xuyên việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm một cách bài bản; kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chủ trương, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố	69 (8.3%)	189 (22.7%)	329 (39.5%)	246 (29.5%)

18. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những hạn chế về nội dung lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

STT	Hạn chế về nội dung lãnh đạo	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Việc lãnh đạo định hướng phương hướng và nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội có lúc, có nơi còn chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn và tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ	78 (9.4%)	194 (23.3%)	319 (38.3%)	242 (29.1%)
2	Việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai của một số cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy Hà Nội trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ có	76 (9.1%)	189 (22.7%)	325 (39.0%)	243 (29.2%)

	lúc chưa thật sự sâu sát, quyết liệt				
3	Thành ủy lãnh đạo chính quyền các cấp của Thành phố, đặc biệt là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đôi khi còn chưa sâu sát, nhất là đối với chính quyền cấp xã	82 (9.8%)	201 (24.1%)	311 (37.3%)	239 (28.7%)
4	Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo kiện toàn tổ chức các cơ quan khoa học, công nghệ còn chưa đồng đều về tiến độ; chất lượng nguồn nhân lực chưa tương xứng với yêu cầu; cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài chưa thực sự hiệu quả.	71 (8.5%)	181 (21.7%)	333 (40.0%)	248 (29.8%)
5	Công tác lãnh đạo phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng đôi lúc chưa nhịp nhàng, việc huy động, phân bổ nguồn lực, mở rộng hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ còn chưa thật sự đồng bộ, hiệu quả liên kết và sử dụng nguồn lực đôi khi chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.	74 (8.9%)	186 (22.3%)	329 (39.5%)	244 (29.3%)
6	Việc lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ đôi khi còn	86 (10.3%)	209 (25.1%)	301 (36.1%)	237 (28.5%)

	mang tính hình thức; nội dung rút kinh nghiệm chưa thật sự sâu sắc.				
--	---	--	--	--	--

19. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những ưu điểm về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?

STT	Ưu điểm về phương thức lãnh đạo	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương và định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ được Thành ủy Hà Nội ưu tiên, triển khai bài bản, hệ thống và đạt hiệu quả tương đối rõ nét	42 (5.0%)	129 (15.5%)	388 (46.6%)	274 (32.9%)
2	Lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Thành ủy Hà Nội có nhiều đổi mới, linh hoạt, góp phần tạo đồng thuận và nâng cao nhận thức xã hội về phát triển khoa học, công nghệ.	57 (6.8%)	163 (19.6%)	356 (42.7%)	257 (30.9%)
3	Công tác tổ chức, cán bộ của Thành ủy Hà Nội được thực hiện chủ động, từng bước kiện toàn đội ngũ và tạo nền tảng nguồn nhân lực cho phát triển khoa học, công nghệ	63 (7.6%)	176 (21.1%)	343 (41.2%)	251 (30.1%)
4	Lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai tương đối hiệu quả trong phát triển khoa học, công nghệ thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên	51 (6.1%)	149 (17.9%)	372 (44.7%)	261 (31.3%)
5	Lãnh đạo bằng kiểm tra, giám sát của Thành ủy Hà Nội được đẩy mạnh, thực hiện nghiêm túc và có nhiều chuyển biến tích cực trong phát triển khoa học,	66 (7.9%)	184 (22.1%)	337 (40.5%)	246 (29.5%)

	công nghệ				
20. Đồng chí vui lòng cho biết mức độ đồng tình với những hạn chế về phương thức lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội?					
STT	Hạn chế về phương thức lãnh đạo	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ còn một số bất cập, một số nơi chỉ đạo còn mang tính hình thức, chưa thực sự bám sát văn bản.	81 (9.7%)	198 (23.8%)	314 (37.7%)	240 (28.8%)
2	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo triển khai tuyên truyền, thuyết phục, vận động về phát triển khoa học, công nghệ có lúc, có nơi chưa kịp thời; hiệu quả chưa đồng đều; mức độ lan tỏa và chiều sâu nhận thức ở một số nhóm đối tượng còn hạn chế	76 (9.1%)	186 (22.3%)	327 (39.3%)	244 (29.3%)
3	Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ của Thành phố còn hạn chế, bất cập	72 (8.6%)	179 (21.5%)	335 (40.2%)	247 (29.7%)
4	Vai trò của một số tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện chủ trương phát triển khoa học, công nghệ theo sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội có lúc chưa phát huy đầy đủ; chất lượng triển khai giữa các đơn vị còn khác nhau	78 (9.4%)	191 (22.9%)	322 (38.7%)	242 (29.1%)
5	Thành ủy lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát	74 (8.9%)	183 (22.0%)	331 (39.7%)	245 (29.4%)

	vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện, đôi khi chưa thật sự quyết liệt.				
--	--	--	--	--	--

21. Đồng chí hãy cho biết đâu là yếu tố thuận lợi tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới? (có thể chọn nhiều phương án)

Phương án	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Sự nhất quán trong chủ trương của Đảng, Nhà nước và việc hoàn thiện môi trường chính trị - pháp lý thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ.	672	80.7%
Vị thế trung tâm và tiềm lực khoa học, công nghệ của Thủ đô Hà Nội.	689	82.7%
Sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và xã hội đối với phát triển khoa học, công nghệ.	611	73.3%
Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 đã thành công tốt đẹp.	438	52.6%
Cơ hội mới từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số.	641	77.0%
Những thành tựu to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới và kết quả phát triển nổi bật của Thủ đô Hà Nội trên các lĩnh vực.	522	62.7%
Khác	47	5.6%

22. Đồng chí hãy cho biết đâu là yếu tố khó khăn tác động đến sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới? (có thể chọn nhiều phương án)

Phương án	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ còn bất cập.	647	77.7%
Thiếu liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.	684	82.1%
Nguồn lực tài chính và nhân lực khoa học, công nghệ phân bổ chưa đồng đều.	628	75.4%
Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.	397	47.7%
Thách thức trong bảo đảm chủ quyền dữ liệu, tự chủ công nghệ, an ninh	514	61.7%

mạng và an toàn thông tin.		
Xung đột, chiến tranh diễn ra phức tạp ở nhiều khu vực và có nguy cơ lan rộng.	286	34.3%
Khác	34	4.1%

23. Theo đồng chí, thời gian tới, cần tập trung vào những phương hướng nào để tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội đối với phát triển khoa học, công nghệ? (có thể chọn nhiều phương án)

Phương án	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Tiếp tục khẳng định phát triển khoa học, công nghệ là khâu đột phá chiến lược của Thủ đô.	701	84.2%
Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng.	648	77.8%
Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho khoa học, công nghệ Thủ đô.	712	85.5%
Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.	694	83.3%
Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, quản lý khoa học, công nghệ.	619	74.3%
Khác	26	3,1%

24. Theo đồng chí, để tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới, Thành ủy Hà Nội cần tập trung thực hiện những giải pháp nào sau đây? (có thể chọn nhiều phương án)

Phương án	Lượt chọn	Tỷ lệ (%)
Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đột phá đổi mới tư duy của Thành ủy, người đứng đầu cấp ủy; cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên về tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ ở thành phố Hà Nội.	673	80.8%
Đổi mới xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.	688	82.6%
Tập trung lãnh đạo tháo gỡ điểm nghẽn; đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học, công nghệ; kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.	721	86.6%
Tăng cường lãnh đạo phát huy vai	598	71.8%

trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khoa học, công nghệ, nhân dân Thành phố trong phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
Lãnh đạo đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các lĩnh vực đời sống xã hội và tăng cường nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ.	657	78.9%
Quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế, mở rộng kết nối với các trung tâm khoa học, công nghệ lớn trong nước và thế giới; huy động nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ gắn với bảo vệ môi trường.	583	70.0%
Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về phát triển khoa học, công nghệ.	624	74.9%

25. Đồng chí có đề xuất/kiến nghị cụ thể nào khác để nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội trong phát triển khoa học, công nghệ thời gian tới?

1. Ban hành nghị quyết chuyên đề mới của Thành ủy Hà Nội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh mới.
2. Xác định rõ phát triển khoa học, công nghệ là một trong những đột phá chiến lược trong xây dựng và phát triển Thủ đô.
3. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Thành ủy với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố trong lãnh đạo, thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương về khoa học, công nghệ.
4. Xây dựng chương trình hành động dài hạn của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. Tăng cường công tác dự báo chiến lược về xu hướng phát triển công nghệ mới, công nghệ lõi và các ngành công nghệ mũi nhọn.
6. Đưa các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của cấp ủy các cấp.
7. Gắn kết quả lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.
8. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đối với phát triển khoa học, công nghệ.
9. Tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong đổi mới tư duy về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.
10. Đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo theo hướng lấy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực phát triển chủ yếu.

11. Tổ chức định kỳ các hội nghị chuyên đề của Thành ủy về khoa học, công nghệ đề ra soát, tháo gỡ vướng mắc và điều chỉnh chủ trương kịp thời.

12. Phân công rõ cơ quan đầu mối tham mưu chiến lược cho Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ.

13. Tăng cường năng lực tham mưu của các ban đảng, văn phòng cấp ủy trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

14. Bồi dưỡng kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp.

15. Tổ chức các lớp cập nhật kiến thức mới về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới cho cán bộ chủ chốt.

16. Xây dựng cơ chế lựa chọn, sử dụng chuyên gia khoa học, công nghệ tham gia tư vấn trực tiếp cho Thành ủy.

17. Thành lập hội đồng tư vấn chiến lược về khoa học, công nghệ trực thuộc Thành ủy hoặc Ban Thường vụ Thành ủy.

18. Xây dựng cơ chế đặt hàng nghiên cứu khoa học từ các vấn đề thực tiễn của Thành phố.

19. Ưu tiên đặt hàng các nghiên cứu phục vụ quản trị đô thị, giao thông, môi trường, y tế, giáo dục, an sinh xã hội và cải cách hành chính.

20. Đẩy mạnh cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ để nâng cao hiệu quả đầu tư.

21. Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với cá thể hóa trách nhiệm.

22. Rút ngắn thời gian phê duyệt, tuyển chọn, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

23. Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ theo hướng số hóa toàn bộ quy trình.

24. Xây dựng hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ trực tuyến, công khai và minh bạch.

25. Nâng cao chất lượng công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy.

26. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chương trình, đề án về khoa học, công nghệ ở các sở, ngành, địa phương.

27. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển khoa học, công nghệ.

28. Có chế tài xử lý đối với cơ quan, đơn vị triển khai chậm hoặc hình thức các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ.

29. Tăng tỷ trọng đầu tư ngân sách cho khoa học, công nghệ theo hướng tập trung, trọng điểm, tránh dàn trải.

30. Ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược mà Hà Nội có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh.

31. Đầu tư đồng bộ phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo và hạ tầng dữ liệu số.

32. Xây dựng quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố theo hướng linh hoạt, hiệu quả hơn.

33. Tạo cơ chế huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

34. Khuyến khích doanh nghiệp tăng chi cho nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo.

35. Áp dụng cơ chế ưu đãi thuế, tín dụng, đất đai cho doanh nghiệp đầu tư vào khoa học, công nghệ.

36. Xây dựng chính sách đặc thù thu hút tập đoàn công nghệ lớn, trung tâm nghiên cứu lớn đặt cơ sở tại Hà Nội.

37. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận vốn, mặt bằng, hạ tầng và chuyên gia tư vấn.

38. Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ từ ươm tạo, tăng tốc đến thương mại hóa sản phẩm.

39. Hình thành mạng lưới nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm gắn với các lĩnh vực công nghệ mới.

40. Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ, thúc đẩy mua bán, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

41. Nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch công nghệ Hà Nội.

42. Xây dựng cơ sở dữ liệu mở về công nghệ, chuyên gia, sáng chế, kết quả nghiên cứu và nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp.

43. Thiết lập cơ chế liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp.

44. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

45. Sử dụng công nghệ số để theo dõi tiến độ, đánh giá hiệu quả và cảnh báo sớm các hạn chế trong triển khai nhiệm vụ.

46. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị đô thị, giải quyết thủ tục hành chính và phân tích dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách.

47. Xây dựng chiến lược dữ liệu khoa học, công nghệ của Hà Nội gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

48. Phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng dùng chung phục vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

49. Khuyến khích sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong xây dựng văn kiện, nghị quyết, đề án của Thành ủy và chính quyền Thành phố.

50. Tăng cường liên kết viện – trường – doanh nghiệp – Nhà nước trong phát triển khoa học, công nghệ.

51. Xây dựng các chương trình phối hợp thường xuyên giữa Thành ủy Hà Nội với các trường đại học, viện nghiên cứu lớn trên địa bàn.

52. Hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo theo ngành, lĩnh vực và không gian phát triển của Thành phố.

53. Tạo điều kiện để khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu đại học trở thành hạt nhân đổi mới sáng tạo của Thủ đô.

54. Đẩy mạnh phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu.

55. Hỗ trợ xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo chuyên ngành trong các lĩnh vực Hà Nội có nhu cầu cấp thiết.

56. Tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để hình thành mạng lưới khoa học, công nghệ liên vùng.

57. Mở rộng hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.

58. Tăng cường cử cán bộ, nhà khoa học đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các trung tâm khoa học, công nghệ phát triển trên thế giới.

59. Có chính sách thu hút chuyên gia giỏi, nhà khoa học đầu ngành, trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia các chương trình lớn của Hà Nội.

60. Xây dựng cơ chế đãi ngộ vượt trội để thu hút và giữ chân nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao.

61. Có chính sách đặc thù phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ.

62. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo đại học, sau đại học với nhu cầu phát triển khoa học, công nghệ của Thành phố.

63. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý khoa học, công nghệ có tư duy hiện đại, năng lực quản trị đổi mới sáng tạo.

64. Tăng cường đào tạo kỹ năng quản trị công nghệ, sở hữu trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu cho cán bộ và nhà khoa học.

65. Quan tâm đầu tư cho nghiên cứu cơ bản song song với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

66. Ưu tiên các chương trình nghiên cứu phục vụ giải quyết những vấn đề lớn, cấp bách của Thủ đô.

67. Xây dựng các chương trình khoa học, công nghệ trọng điểm cấp Thành phố có tính liên ngành, liên lĩnh vực cao.

68. Tăng cường lồng ghép mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội.

69. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong nông nghiệp đô thị, môi trường, y tế, giáo dục và bảo tồn di sản.

70. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh.

71. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và xây dựng năng lực hấp thụ công nghệ.

72. Xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ mới trong quản lý đô thị, sau đó tổng kết và nhân rộng.

73. Tăng cường phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ tới cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức linh hoạt.

74. Đưa nội dung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề của tổ chức đảng phù hợp với từng lĩnh vực.

75. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông, nền tảng số trong tuyên truyền chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ.

76. Xây dựng phong trào xã hội rộng khắp về học tập, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

77. Khuyến khích mỗi cơ quan, đơn vị đăng ký ít nhất một sáng kiến, giải pháp đổi mới công nghệ hoặc chuyển đổi số hằng năm.

78. Tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với chính sách khoa học, công nghệ.

79. Tạo điều kiện để nhân dân, doanh nghiệp tham gia góp ý xây dựng chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ.

80. Nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển tài sản trí tuệ của Hà Nội.

81. Hỗ trợ thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học, công nghệ có tiềm năng ứng dụng cao.

82. Quan tâm xây dựng thương hiệu công nghệ của Hà Nội trong một số lĩnh vực trọng điểm.

83. Gắn phát triển khoa học, công nghệ với bảo vệ môi trường, phát triển xanh và bền vững.

84. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong giám sát ô nhiễm, xử lý rác thải, tiết kiệm năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu.

85. Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ, chủ quyền dữ liệu và khả năng tự chủ công nghệ của Thành phố.

86. Hình thành cơ chế thử nghiệm chính sách mới, mô hình mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

87. Chủ động rà soát, sửa đổi những quy định không còn phù hợp, đang cản trở phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội.

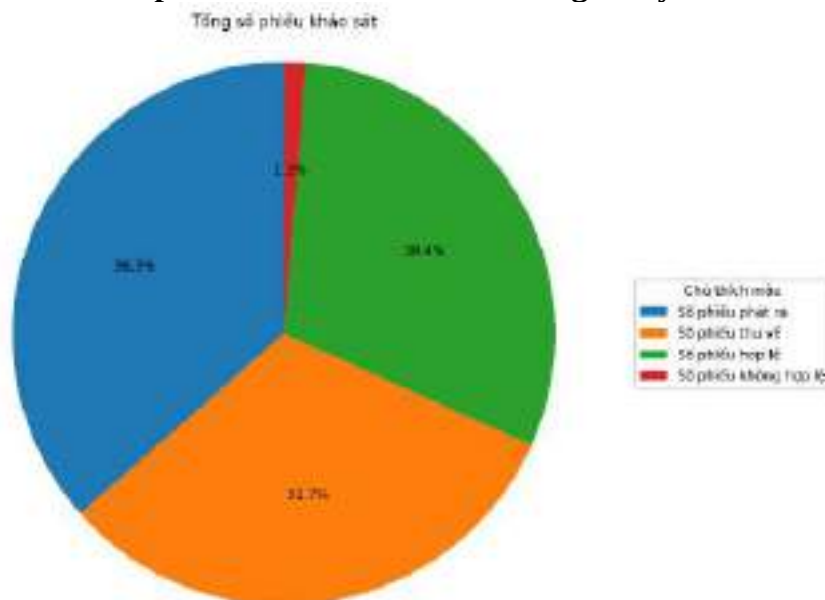
88. Tổ chức đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo Thành ủy với nhà khoa học, doanh nghiệp công nghệ, chuyên gia và lực lượng đổi mới sáng tạo.

89. Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị của Thành phố, coi đó là nền tảng tinh thần để phát triển khoa học, công nghệ lâu dài.

PHỤ LỤC 15
MỘT SỐ BIỂU ĐỒ DỰA TRÊN SỐ LIỆU ĐIỀU TRA PHIẾU TRƯNG
CẦU Ý DÂN VỀ THÀNH ỦY HÀ NỘI LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KHOA
HỌC, CÔNG NGHỆ HIỆN NAY [PHỤ LỤC 12]

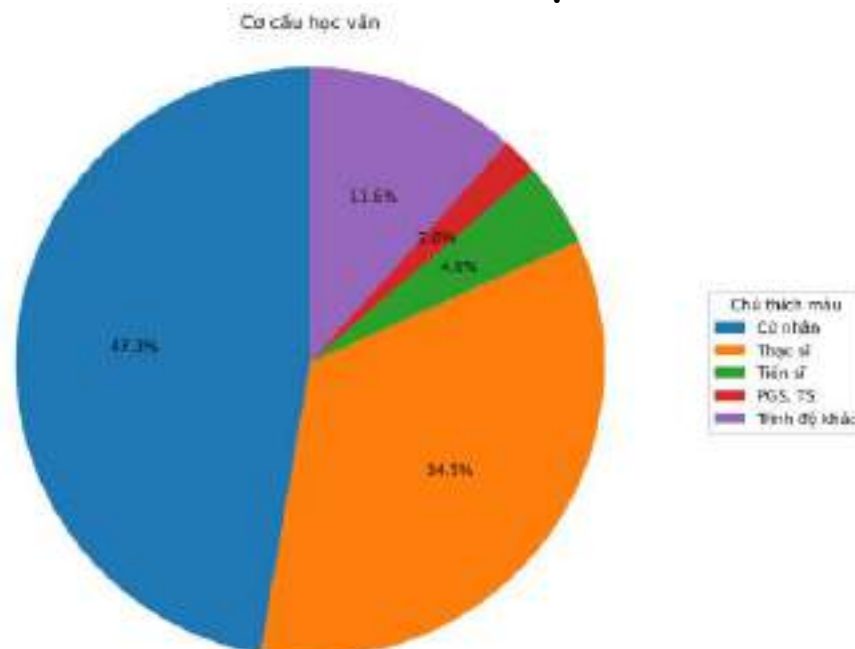
Phụ lục 15.1

Cơ cấu phiếu khảo sát điều tra trưng cầu ý dân

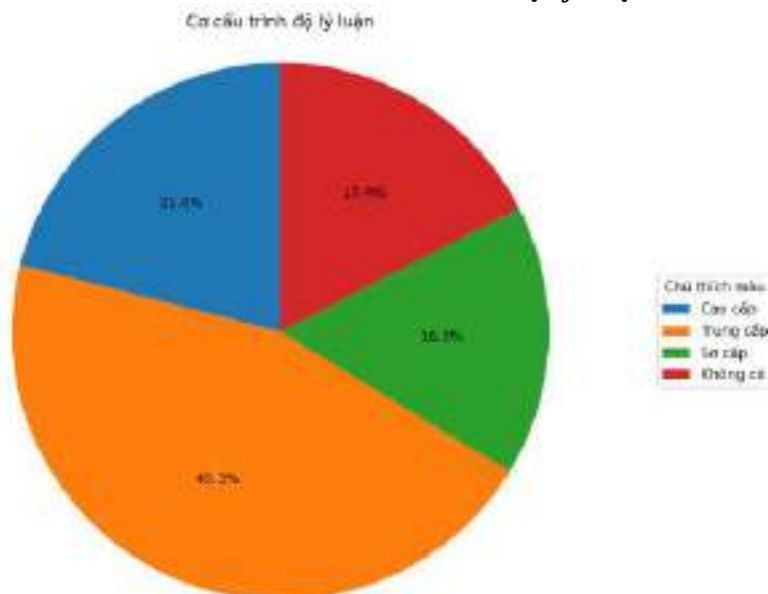


Phụ lục 15.2

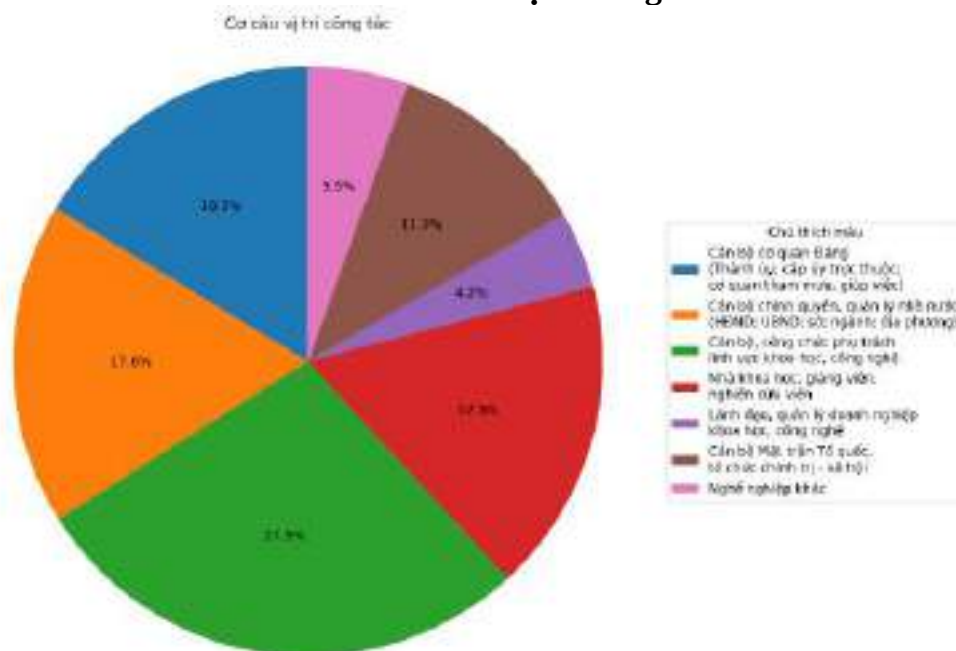
Cơ cấu mẫu khảo sát theo học vấn



Phụ lục 15.3 Cơ cấu mẫu khảo sát theo trình độ lý luận

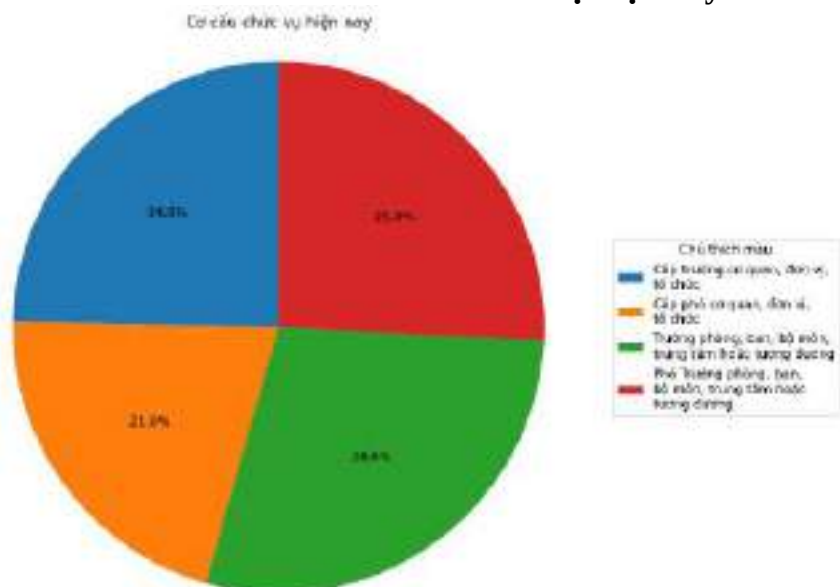


Phụ lục 15.4 Cơ cấu mẫu khảo sát theo vị trí công tác



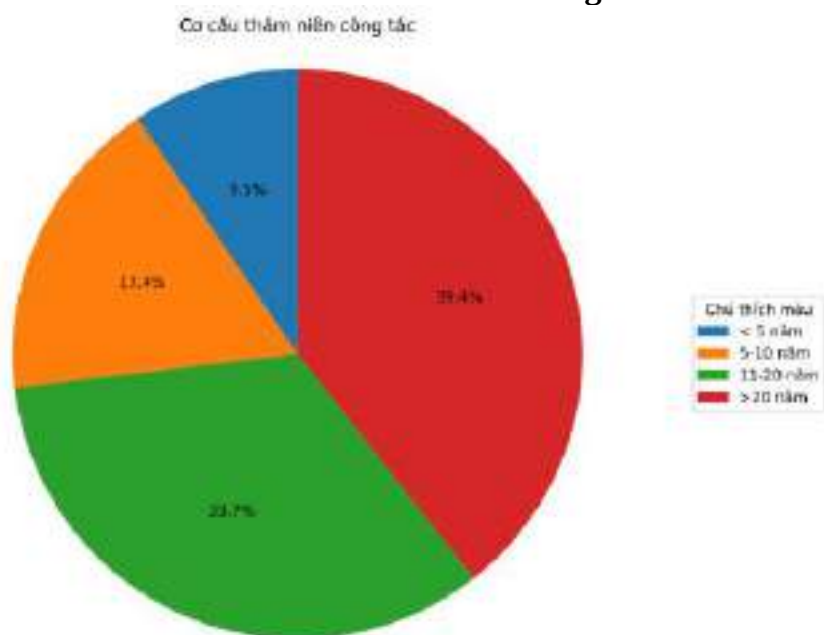
Phụ lục 15.5

Cơ cấu mẫu khảo sát theo chức vụ hiện nay



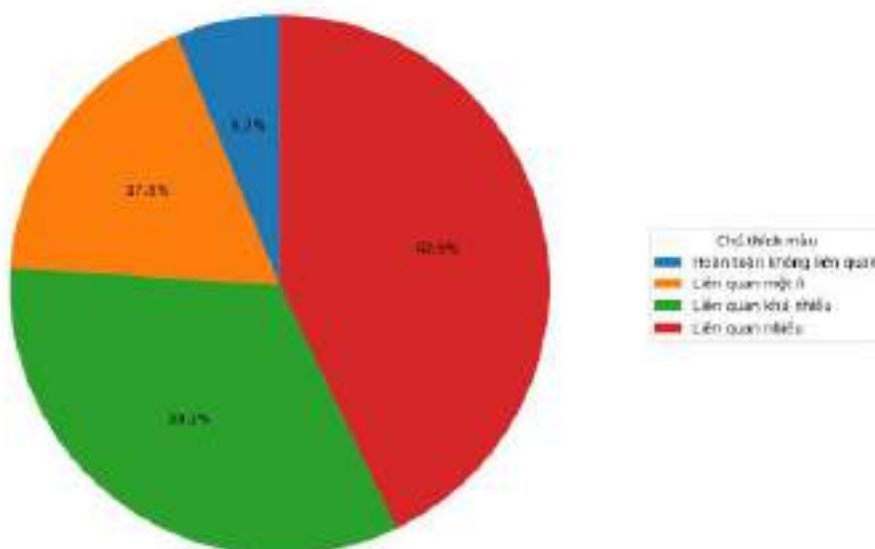
Phụ lục 15.6

Cơ cấu mẫu khảo sát theo thâm niên công tác



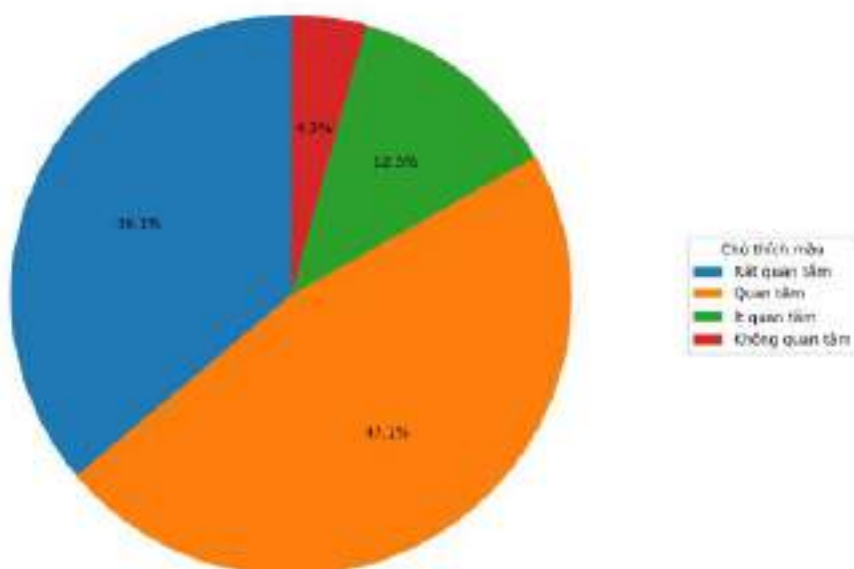
Phụ lục 15.7.
Cơ cấu mẫu khảo sát mức độ liên quan của lĩnh vực/ngành/ngề đang làm đến hoạt động khoa học, công nghệ

Mức độ liên quan của lĩnh vực/ngành/ngề đang làm đến hoạt động khoa học, công nghệ



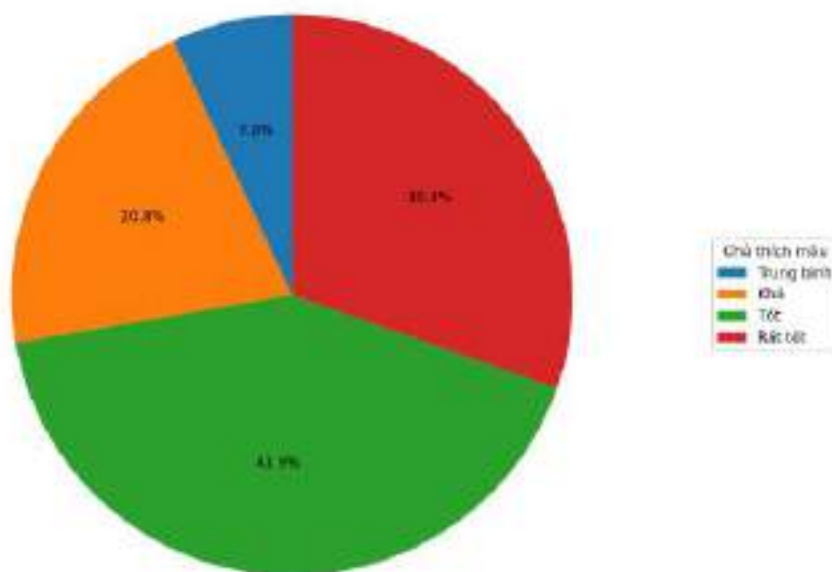
Phụ lục 15.8
Đánh giá về sự quan tâm của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ

Đánh giá về sự quan tâm của Thành ủy Hà Nội đối với sự phát triển của khoa học, công nghệ



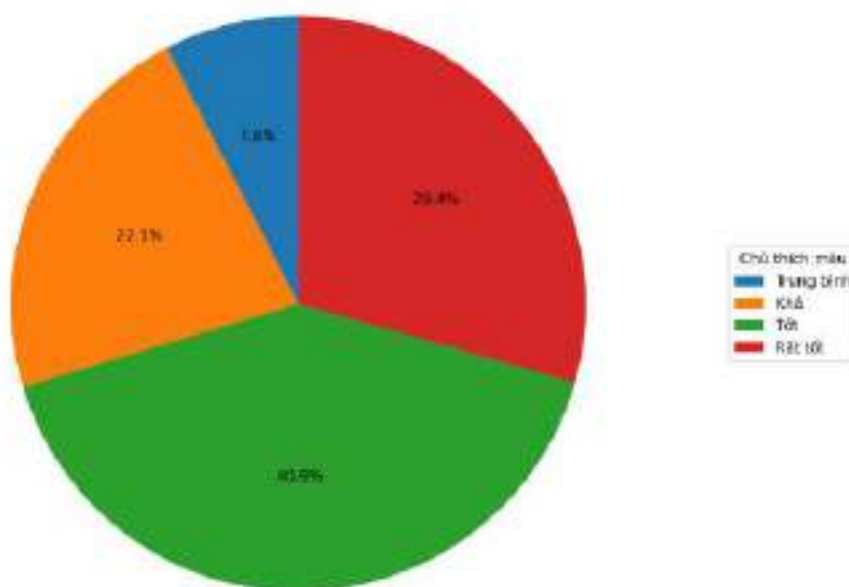
Phụ lục 15.9
Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của thành phố



Phụ lục 15.10
Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo chính quyền Thành phố phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

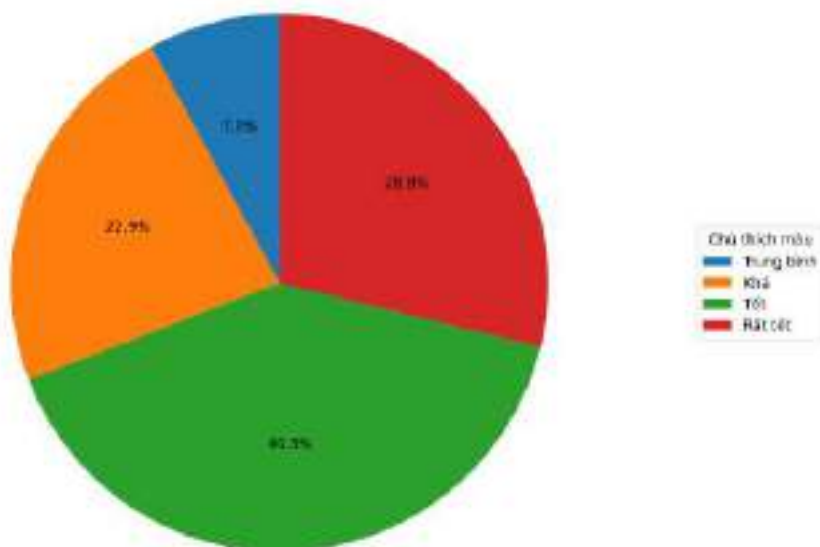
Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo chính quyền Thành phố thể chế hóa các nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ



Phụ lục 15.11

Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

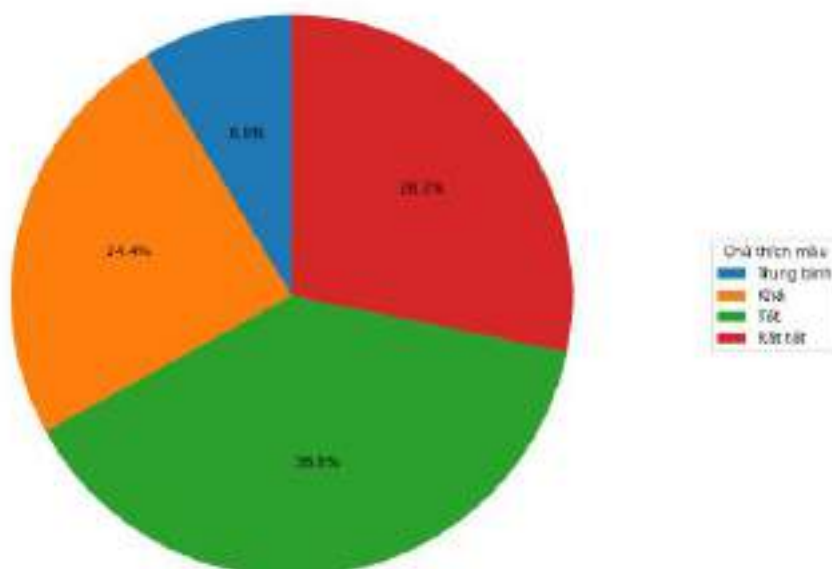
Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ



Phụ lục 15.12

Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo kiện toàn tổ chức khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

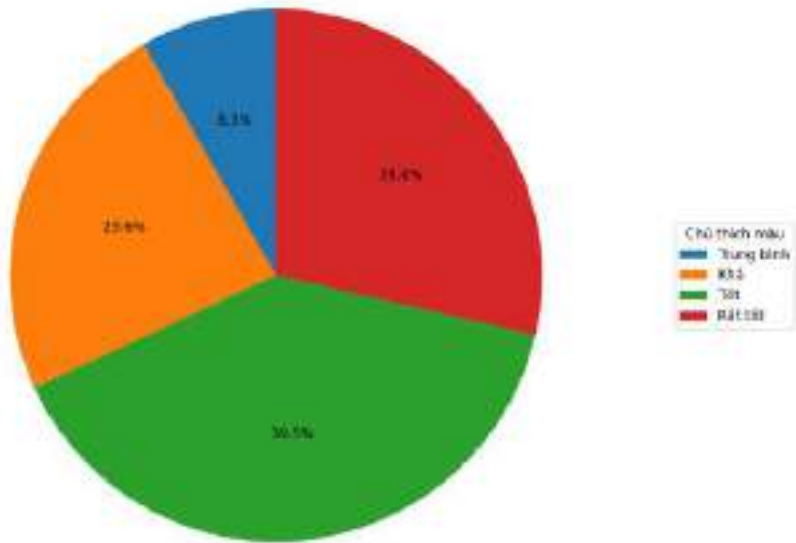
Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo kiện toàn tổ chức khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ của Thành phố



Phụ lục 15.13

Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo phối hợp các tổ chức, lực lượng tham gia phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố của Thành ủy Hà Nội

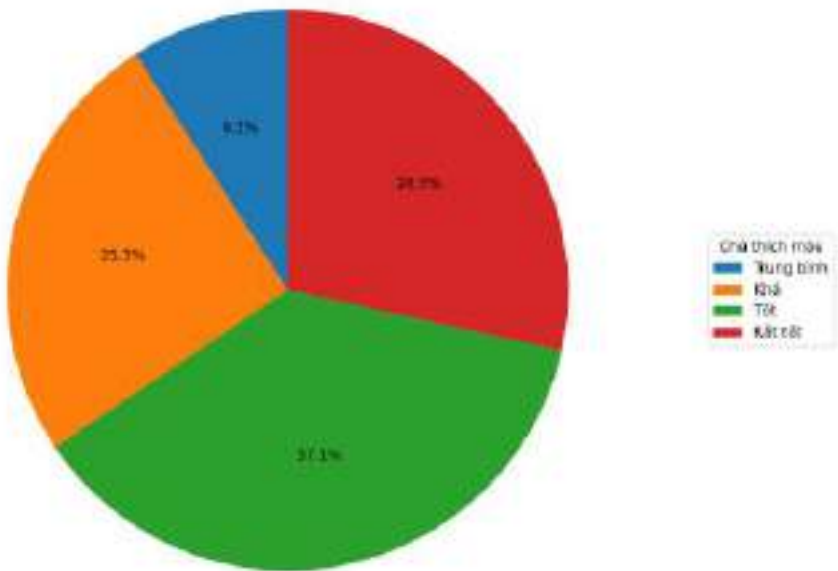
Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo phối hợp các tổ chức, lực lượng tham gia phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn Thành phố



Phụ lục 15.14

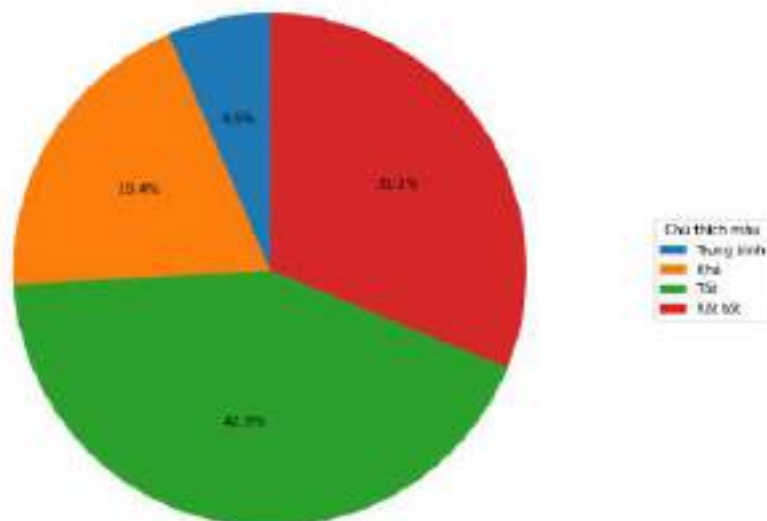
Đánh giá mức độ thực hiện nội dung lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Đánh giá việc Thành ủy Hà Nội lãnh đạo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện nghị quyết, chủ trương về phát triển khoa học, công nghệ ở Hà Nội



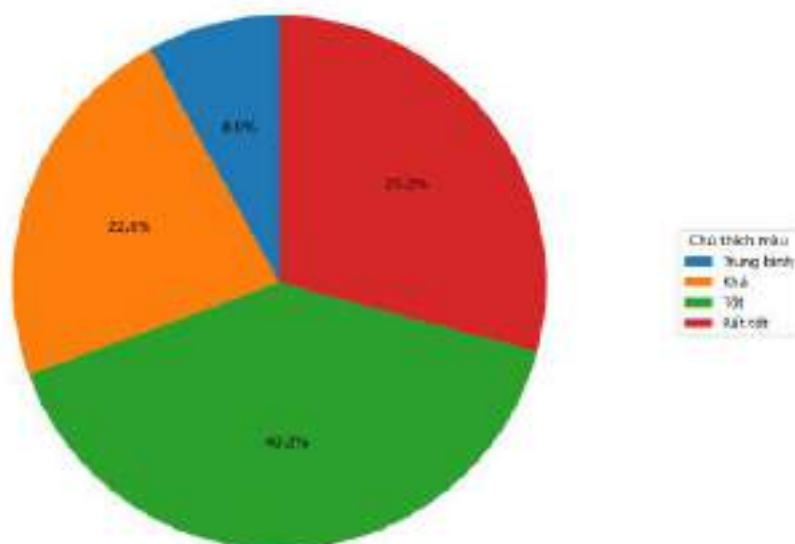
Phụ lục 15.15
Đánh giá mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ của Thành ủy Hà Nội

Đánh giá phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương, định hướng lớn về phát triển khoa học, công nghệ



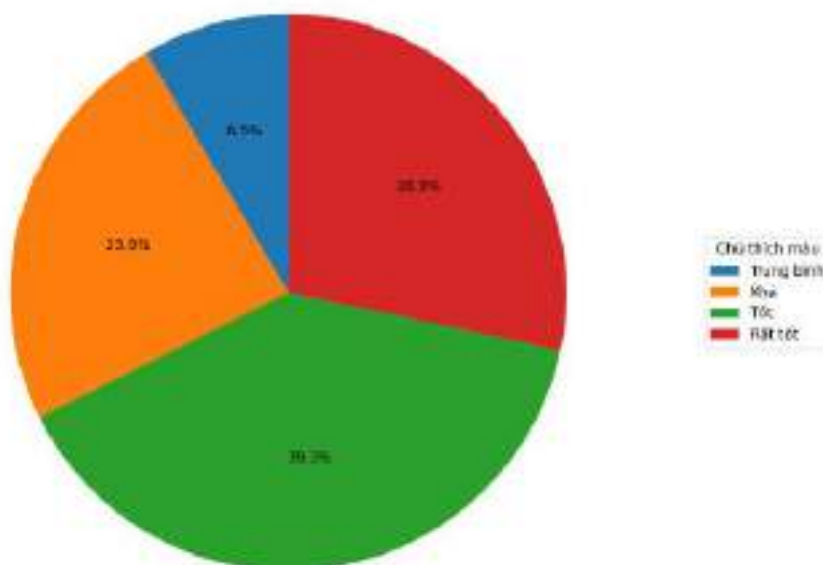
Phụ lục 15.16
Đánh giá mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Đánh giá phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động



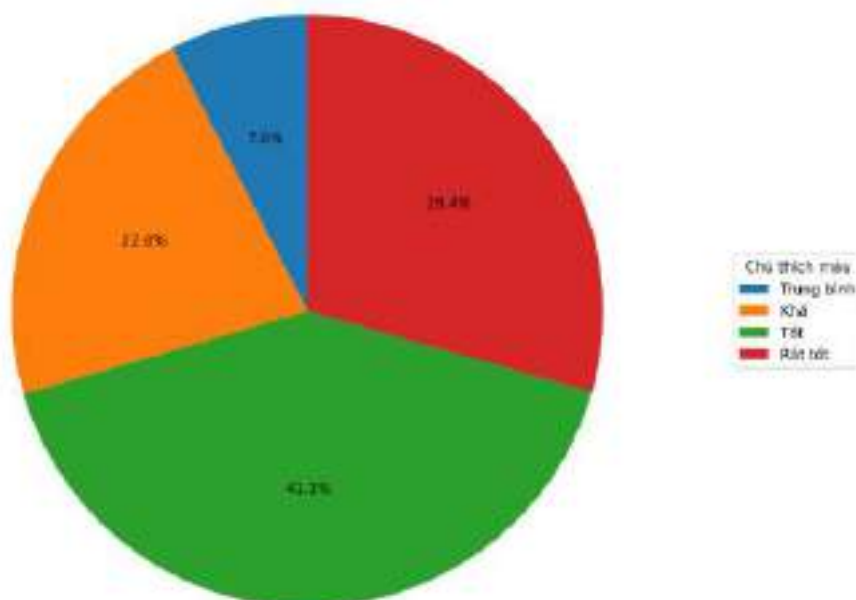
Phụ lục 15.17
Đánh giá mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ
của Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo phát triển
khoa học, công nghệ

Đánh giá phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng
công tác tổ chức, cán bộ



Phụ lục 15.18
Đánh giá mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và
đảng viên của Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo phát triển
khoa học, công nghệ

Đánh giá phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên



Phụ lục 15.19

Đánh giá mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát của Thành ủy Hà Nội trong lãnh đạo phát triển khoa học, công nghệ

Đánh giá phương thức Thành ủy Hà Nội lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát

